MỤC LỤC

PHẦN 2. trong BỘ KINH TĂNG-CHI (AN)..... 227

(I) Quyển "HAI":..... 229

1 229

2 230

3 231

4 232

5 232

6 234

7 236

(II) Quyển "BA":..... 237

8 Như Trời Brahmā 237

9 Với Hattaka 238

10 Núi Non … 240

11 Hai Bà-la-môn (1) 241

12 Hai Bà-la-môn (2) 242

13 Một Bà-La-Môn Nọ 243

14 Niết Bàn 244

15 Dân Số Giảm 246

16 Bà-la-môn Tikaṇṇa 247

17 Bà-la-môn Jāṇussoṇī 252

18 Bà-la-môn Saṅgārava 254

19 Làng Venāgapura 259

20 Những Người Ở Kesaputta (Kesaputtiya) 264

21 Sāḷha 271

22 Bố-Tát 276

23 Ājīvaka 287

24 Người Họ Thích-Ca 289

25 Ni-Kiền-Tử 291

26 Mái Nhà Nóc Nhọn (1) 293

27 Mái Nhà Nóc Nhọn (2) 294

28 Bharaṇḍu 294

29 Hatthaka 296

(III) Quyển "BỐN": 298

30 Bà-la-môn Vassakāra 298

31 Bà-la-môn Doṇa 300

32 Bà-la-môn Ujjaya 302

33 Bà-la-môn Udāyī 303

34 Sống Chung (1) 304

35 Sống Chung (2) 307

36 Sống Giống Nhau (1) 307

37 Sống Giống Nhau (2) 308

38 Suppavāsā 309

39 Sudatta 310

40 Thức-ăn 310

41 Sự Thực Hành Đúng Đắn Của Người Tại Gia 311

42 Những Việc Làm Xứng Đáng.....312
43 Không Bị Nợ Nần.....316
44 Sống Với Vị Trời … 317
45 Kesi.....318
46 Đã Nghe.....321
47 Không Sợ Hãi 323
48 Bà-la-môn Vassakāra 325
49 Ông Upaka 328
50 Ông Bhaddiya 329
51 Thị Trấn Sāpūga 334
52 Ông Vapa 337
53 Ông Sāḷha.....341
54 Hoàng Hậu Mallikā.....344
55 Bà-la-môn Soṇakāyana 347
(IV) Quyển "NĂM":..... 347
56 Công Chúa Sumanā.....347
57 Công Chúa Cundī 350
58 Uggaha 352
59 Tướng Quân Sīha.....355
60 Những Lợi Ích Của Sự Bố Thí.....357
61 Hợp Lúc.....358
62 Thức-Ăn 358
63 Niềm-Tin 359
64 Con Trai 360

65 Những Cây Sa-La 360
66 Sử Dụng 362
67 Người Tốt 364
68 Người Tốt 365
69 Người Bố Thí Những Thứ Đáng Thích 366
70 Sự Giàu Có 369
71 Kosala 370
72 Ngài Nārada 374
73 Những Chủ Đề 376
74 Thanh Niên Licchavi 380
75 Tăng Trưởng **(1)** 382
76 Tăng Trưởng **(2)** 382
77 Sārandada 383
78 Một Người Tốt 384
79 Sự Ngại Ngần 385
80 Sự Tự Tin 386
81 Địa Ngục 387
82 Những Sự Thù Hận 387
83 Caṇḍāla 389
84 Hoan Hỷ 390
85 Buôn Bán 391
86 Người Tại Gia 391
87 Gavesī 395
88 Bà-la-môn Doṇa 400

89 Bà-la-môn Saṅgārava 406

90 Bà-la-môn Kāraṇapālī 410

91 Bà-la-môn Piṅgiyānī 412

92 Những Gia Đình 413

93 Sự Giàu Có 414

94 Một Bữa Ăn 415

(V) Quyển "SÁU": 416

95 Mahānāma 416

96 Nakulapitā 420

97 Sự Cho Đi 423

98 Tự Phát 424

99 Cô Migasālā 426

100 Trực Tiếp Nhìn Thấy Được 430

101 Người Giai Cấp Chiến Sĩ 431

102 Sự Chuyên Chú 433

103 Dārukammika 435

(VI) Quyển "BẢY": 437

104 Tể Tướng Ugga 437

105 Ngôi Đền Mái Nhọn 438

106 Tể Tướng Vassakāra 439

107 Sự Sa Sút 443

108 Sự Thất Bại 445

109 Sự Sụp Đổ 445

110 ***Sự Cúng Tế*** 446

111 ***Sự Dâm Dục*** 450

112 ***Sự Bố Thí*** 452

113 ***Cô Nandamātā*** 456

114 ***Tướng Quân Sīha*** 460

115 ***(Bảy Loại) Vợ*** 463

(VII) Quyển "TÁM": 466

116 ***Verañjā*** 466

117 ***Tướng Quân Siha*** 473

118 ***Ugga (1)*** (*ở Vesali*) 481

119 ***Ugga (2)*** (*ở Làng Hatthi*) 484

120 ***Hattaka (1)*** 487

121 ***Hattaka (2)*** 488

122 ***Mahānāma*** 490

123 ***Jīvaka*** 492

124 ***Visākhā (1)*** 492

125 ***Vāseṭṭha*** 498

126 ***Bojjhā*** 499

127 ***Ngài A-nậu-lâu-đà*** 499

128 ***Cô Visākhā (2)*** 502

129 ***Nakula*** 503

130 ***Trong Đời Này (1)*** 503

131 ***Trong Đời Này (2)*** 506

132 ***Kiều-Đàm-Di*** 507

133 ***Một Cách Tóm Gọn*** 513

134 ***Dīghajāṇu*** (*chân cọp dài*) 514

135 ***Bà-la-môn Ujjaya*** 518

136 ***Thiếu Niềm Tin*** 518

(VIII) Quyển "CHÍN": 519

137 ***Bà-la-môn Velāma*** 519

138 ***Sự Thù Oán*** 522

139 ***Những Bà-la-môn*** 525

140 ***Tapussa*** 528

(IX) Quyển "MƯỜI": 539

141 ***Kāḷī*** 539

142 ***Những Câu Hỏi Lớn*** 540

143 ***Kosala*** 544

144 ***Những Người Dân Thích-Ca*** 547

145 ***Mahāli*** 550

146 ***Cô Migasālā*** 551

147 ***Người Thụ Hưởng Dục Lạc*** 557

148 ***Những Sự Thù Oán*** 562

149 ***Sự Thấy*** (gia chủ Cấp Cô Độc) 566

150 ***Gia Chủ Vajjiyamāhita*** 569

151 ***Bà-la-môn Saṅgārava*** 572

152 ***Lễ Paccorohaṇī*** 573

153 ***Lễ Paccorohaṇī*** 575

154 ***Saṅgārava*** 577

155 ***Cunda*** 578

156 ***Bà-la-môn Jāṇussoṇī*** 585

157 ***Hành Vi Trái Với Giáo Pháp*** 589

(IX) Quyển "MƯỜI MỘT": 594

158 ***Mahānāma (1)*** 594

159 ***Mahānāma (2)*** 599

160 ***Nandiya*** 600

161 ***Dasama*** 603

CHÚ THÍCH 609

PHẦN 2

trong BỘ KINH TĂNG-CHI (AN)

(161 kinh)

(I) Quyển "HAI":

1

Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

(1) "Thưa Thầy Cồ-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục?"

"Này bà-la-môn, đó là do hành vi trái với Giáo Pháp, hành vi không chân chính, nên có những chúng sinh ở đây khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.[1]

(2) "Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời?"

"Này bà-la-môn, đó là do hành vi đúng theo Giáo Pháp, hành vi chân chính, nên có những chúng sinh ở đây khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời."

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như Người đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được hình sắc. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

^ (AN 2:16)

2

Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

(1) "Thưa Thầy Cồ-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục?"

"Này bà-la-môn, do có điều đã làm và có điều đã không làm, nên có những chúng sinh ở đây khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục."

(2) "Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời?"

"Này bà-la-môn, do có điều đã làm và có điều đã không làm, nên có những chúng sinh ở đây khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời"[2]

"Tôi không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của lời mà Thầy Cồ-đàm mới nói ra một cách vắn tắt như vậy nếu thầy không phân tách ý nghĩa đó một cách chi tiết. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp để tôi có thể hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của lời đó."

"Được rồi, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.

"Dạ, thưa thầy", bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

"Ở đây, này bà-la-môn, (i) có người đã làm những hành-động [hành vi thân] sai trái, không làm những hành-động tốt thiện; người đó có những lời-nói [hành vi miệng] sai trái, không có những lời-nói tốt thiện; người đó có những tâm-ý [hành vi tâm] sai trái, không có những tâm-ý tốt thiện.

Chính do điều đã làm và điều đã không làm như vậy nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng, (ii) có người đã làm những hành-động tốt thiện, không làm những hành-động sai trái; người đó có những lời-nói tốt thiện, không có những lời-nói sai trái; người đó có những tâm-ý tốt thiện, không có những tâm-ý sai trái. Chính do điều đã làm và điều đã không làm như vậy nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời."

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! … [*giống đoạn cuối kinh **2:16** kế trên*] … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

^ (AN 2:17)

3

Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm đã tuyên bố gì, Thầy Cồ-đàm đã tuyên thuyết gì?"

"Này bà-la-môn, ta tuyên bố một thuyết không-làm và một thuyết làm."[3]

"Nhưng theo cách nào Thầy Cồ-đàm tuyên bố thuyết không-làm và thuyết làm?"

"Ta tuyên bố sự không-làm đối với những hành-động, lời-nói, và tâm-ý [hành vi thân, miệng, và tâm] xấu sai trái; ta tuyên bố sự không-làm đối với nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Ta tuyên bố sự làm đối với những hành-động, lời-nói, và tâm-ý tốt; ta tuyên bố sự làm đối với nhiều loại phẩm-chất thiện lành. Chính theo cách như vậy, này bà-la-môn, ta đã tuyên bố thuyết không-làm và thuyết làm."

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 2:34)

4

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, trong thế gian ai xứng đáng được cúng dường, và chỗ nào nên cúng dường (cho, tặng, dâng, cúng, bố thí …)?

"Này gia chủ, trong thế gian có hai loại người đáng được cúng dường, đó là: bậc học nhân và bậc vô học nhân.[4] Đây là hai loại người trong thế gian đáng được cúng dường, và họ chính là chỗ nên cúng dường."

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy:

"Trong thế gian này bậc học nhân và vô học nhân
Là chỗ những người thực hành hạnh bố-thí nên cúng dường;
Họ chánh trực trong hành-động, lời-nói và tâm-ý,
Họ là ruộng phước cho những ai thực hành bố-thí;
Những gì cúng dường cho họ sẽ mang lại phước-quả lớn lao."

(AN 2:35)

5

Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống ở Varaṇā, bên bờ Hồ Kaddama. Lúc đó bà-la-môn tên Ārāmadaṇḍa đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

(1) "Thầy Ca-chiên-diên [Kaccāna], tại sao những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) tranh đấu với những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn tranh đấu với những bà-la-môn, và những gia chủ tranh đấu với những gia chủ?"

"Này bà-la-môn, đó là do sự cố chấp theo tham-muốn những khoái-lạc giác quan (tham dục), do sự trói buộc [theo chúng], sự dính chặt [vào chúng], sự ám muội [bởi chúng], sự nắm chặt [theo chúng],[5] cho nên những người giai cấp chiến-sĩ tranh đấu với những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn tranh đấu với những bà-la-môn, và những gia chủ tranh đấu với những gia chủ."

(2) "Thầy Ca-chiên-diên, tại sao những tu sĩ tranh đấu với những tu sĩ?"

"Này bà-la-môn, những tu sĩ (sa-môn) thì do sự cố chấp theo tham-muốn những quan-điểm này nọ (kiến dục), do sự trói buộc [theo chúng], sự dính chặt [vào chúng], sự ám muội [bởi chúng], sự nắm chặt [theo chúng], cho nên những tu sĩ tranh đấu với những tu sĩ."

(3) "Thầy Ca-chiên-diên, vậy có ai trong thế gian đã vượt qua sự cố chấp theo tham-dục khoái-lạc giác quan (dục chấp) … vượt qua sự cố chấp theo tham-dục những quan-điểm này nọ (kiến chấp) … đó hay không?"

"Có."

"Đó là ai?"

"Này bà-la-môn, có một vùng thành thị ở phía đông được gọi là thành Sāvatthī (Xá-vệ). Ở đó có một bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác

đang sống ở đó. Bậc Thế Tôn đó đã vượt qua (1) sự cố chấp theo tham-dục khoái-lạc giác quan (dục chấp), do sự trói buộc [theo chúng], sự dính chặt [vào chúng], sự ám muội [bởi chúng], sự nắm chặt [theo chúng]; và bậc ấy cũng đã vượt qua (2) sự cố chấp theo tham-dục những quan-điểm này nọ (kiến chấp), do sự trói buộc [theo chúng], sự dính chặt [vào chúng], sự ám muội [bởi chúng], sự nắm chặt [theo chúng]."

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại y áo trên một vai, chân phải quỳ gối xuống đất, chấp tay kính lễ về hướng đông nơi có đức Thế Tôn, và tốt ra lời cảm hứng này ba lần: "Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! (*ba lần*). Thực vậy, đức Thế Tôn đã vượt qua (1) sự cố chấp theo tham-dục khoái-lạc giác quan (dục chấp), do sự trói buộc [theo chúng], sự dính chặt [vào chúng], sự ám muội [bởi chúng], sự nắm chặt [theo chúng]; và bậc ấy cũng đã vượt qua (2) sự cố chấp theo tham-dục những quan-điểm này nọ (kiến chấp), do sự trói buộc [theo chúng], sự dính chặt [vào chúng], sự ám muội [bởi chúng], sự nắm chặt [theo chúng]."

"Thật hay khéo, Thầy Ca-chiên-diên! Thật hay khéo, Thầy Ca-chiên-diên! Thầy Ca-chiên-diên đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Thầy Ca-chiên-diên, giờ con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y từ nay cho đến cuối đời."

(AN 2:37)

6

Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đang sống ở Madhurā trong Khu Rừng Gundā. Lúc đó bà-la-môn tên Kaṇḍarāyana đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Đại Ca-chiên-diên. Sau khi họ

xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

"Thầy Đại Ca-chiên-diên, tôi nghe nói: 'Tu sĩ (sa-môn) Ca-chiên-diên không kính lễ những bà-la-môn già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã qua tuổi xế chiều, đang ở giai đoạn cuối đời; cũng không đứng dậy chào họ hay nhường chỗ ngồi cho họ.' Điều này đúng là thật, vì Thầy Đại Ca-chiên-diên không kính lễ những bà-la-môn già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã qua tuổi xế chiều, đang ở giai đoạn cuối đời; cũng không đứng dậy chào họ hay nhường chỗ ngồi cho họ. Thầy Đại Ca-chiên-diên, như vậy là không phải phép."[6]

"Này bà-la-môn, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, sau khi đã biết và thấy, đã tuyên thuyết về tuổi già và tuổi trẻ. Mặc dù một người đã già lão—tám mươi, chín mươi, hay một trăm tuổi—nhưng nếu ông ta vẫn ham hưởng những dục-lạc [khoái-lạc giác quan],[7] vẫn sống trong dục-lạc, vẫn cháy trong cơn sốt tìm dục-lạc, vẫn tiêu lao trong những ý nghĩ dục-lạc, vẫn hăng hái tìm cầu dục-lạc, thì người đó được tính như một bô lão ngu si [như con nít]. Nhưng một người dù còn trẻ măng, một thanh niên tóc đen, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời, nếu (biết) không ham hưởng những dục-lạc, không sống trong dục-lạc, không cháy trong cơn sốt tìm dục-lạc, không tiêu hao trong những ý nghĩ dục-lạc, không hăng hái tìm cầu dục-lạc, thì người đó được tính như một trưởng lão khôn trí."

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Kaṇḍarāyana đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại y áo trên một vai, gập đầu xuống đất trước chân các Tỳ kheo trẻ để xá lạy, [và thưa]: "Các thầy chính là bậc trưởng lão đang trong giai đoạn trưởng lão; còn chúng con chỉ là con nít vẫn đang trong giai đoạn con nít."

"Thật hay khéo, Thầy Ca-chiên-diên! … [*như đoạn cuối kinh* ***2:37*** *ở trên*] … Mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ nay đến cuối đời."

(AN 2:38)

7

Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đang sống ở Madhurā trong Khu Rừng Gundā. Lúc đó bà-la-môn tên Kaṇḍarāyana đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Đại Ca-chiên-diên. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

"Thầy Đại Ca-chiên-diên, tôi nghe nói: 'Tu sĩ (sa-môn) Ca-chiên-diên không kính lễ những bà-la-môn già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã qua tuổi xế chiều, đang ở giai đoạn cuối đời; cũng không đứng dậy chào họ hay nhường chỗ ngồi cho họ.' Điều này đúng là thật, vì Thầy Đại Ca-chiên-diên không kính lễ những bà-la-môn già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã qua tuổi xế chiều, đang ở giai đoạn cuối đời; cũng không đứng dậy chào họ hay nhường chỗ ngồi cho họ. Thầy Đại Ca-chiên-diên, như vậy là không phải phép."[8]

"Này bà-la-môn, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, sau khi đã biết và thấy, đã tuyên thuyết về tuổi già và tuổi trẻ. Mặc dù một người đã già lão—tám mươi, chín mươi, hay một trăm tuổi—nhưng nếu ông ta vẫn ham hưởng những dục-lạc [khoái-lạc giác quan],[9] vẫn sống trong dục-lạc, vẫn cháy trong cơn sốt tìm dục-lạc, vẫn tiêu lao trong những ý nghĩ dục-lạc, vẫn hăng hái tìm cầu dục-lạc, thì người đó được tính như một bô lão ngu si [như con nít]. Nhưng một người dù còn trẻ măng, một thanh niên tóc đen, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời, nếu (biết) không ham hưởng những dục-lạc, không sống trong dục-lạc, không cháy trong cơn sốt tìm dục-lạc, không tiêu hao trong những ý nghĩ dục-lạc, không hăng hái tìm cầu dục-lạc, thì người đó được tính như một trưởng lão khôn trí."

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Kaṇḍarāyana đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại y áo trên một vai, gập đầu xuống đất trước chân các

Tỳ kheo trẻ để xá lạy, [và thưa]: "Các thầy chính là bậc trưởng lão đang trong giai đoạn trưởng lão; còn chúng con chỉ là con nít vẫn đang trong giai đoạn con nít."

"Thật hay khéo, Thầy Ca-chiên-diên! … [*như đoạn cuối kinh **2:37** ở trên*] … Mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ nay đến cuối đời."

 # (AN 2:40)

(II) Quyển "BA":

8 Như Trời Brahmā

"Này các Tỳ kheo, (1) những gia đình sống có vị Trời [Brāhma, Phạm Thiên] khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (2) Những gia đình sống có những vị thầy đầu tiên (bậc tổ sư) khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (3) Những gia đình sống có những bậc đáng cúng dường khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính.

"Này các Tỳ kheo, 'vị Trời' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Các vị tổ sư' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Những bậc đáng cúng dường' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. Vì lý do gì? Bởi cha mẹ là nguồn giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi ăn, và giúp cho con cái nhìn thấy thế gian."

Cha mẹ được gọi là "vị Trời",
Cũng được gọi là "những bậc tổ sư".
Họ đáng được tặng quà bởi con cháu,
Vì họ có lòng bi-mẫn dành cho con cái.
Do vậy người có trí nên biết kính trọng cha mẹ,
Đối xử cha mẹ bằng sự tôn kính.
Một người nên phục vụ cha mẹ thức ăn, thức uống,
Quần áo và giường chiếu,

Xoa bóp và tắm rửa,
Và rửa chân cho cha mẹ.
Nhờ sự phục vụ đó
Cho cha mẹ của mình,
Bậc trí hiền khen ngợi người đó trong thế gian này,
Sau khi chết người đó hưởng phúc trong cõi trời.

 # (AN 3:31)

9 *Với Hattaka*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Āḷavī, trên một đường mòn do bò đi đang phủ đầy thảm lá khô trong rừng cây siṃsapā (cây gỗ hồng, cây hương đàn). Lúc đó có ông Hatthaka ở xứ Āḷavī,[10] đang đi bộ dạo mát, nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở đó. Ông đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, Thế Tôn ngủ có ngon không?"

"Có, này hoàng tử, ta ngủ ngon. Ta là một trong những người ngủ ngon trong thế gian."

"Nhưng, thưa Thế Tôn, những đêm đông như vầy rất lạnh. Một tiết dài tám ngày tuyết rơi.[11] Chỗ này đất bị đạp nát bởi trâu bò qua lại, lớp lá khô không còn dày, lá trên cây thì thưa thớt, mấy áo cà-sa đâu che nổi cơn lạnh, và gió hiu hút thổi lạnh căm. Vậy mà đức Thế Tôn vẫn nói "Có, hoàng tử, ta ngủ ngon. Ta là một trong những người ngủ ngon trong thế gian.'"

"Vậy thì, này hoàng tử, ta sẽ hỏi ngài về vấn đề này. Ngài cứ trả lời nếu thấy được. Này hoàng tử, ngài nghĩ sao? Ví dụ có một người gia chủ [hay con trai ông ta] đang có ngôi nhà mái nhọn, được trát vữa bên trong và bên ngoài, các cửa chốt cài chặt và các cửa sổ đóng chặt. Bên trong nhà có bộ trường kỷ trắng, phủ bằng tấm vải len, phủ bằng tấm vải thêu hoa, phủ bằng tấm da hươu, có mái vòm ở trên đầu, gối đỏ ở hai đầu. Đèn dầu

thắp sáng và có bốn người vợ hầu hạ ông ta một cách vô cùng sung sướng. Ngài nghĩ sao, liệu ông ta có ngủ ngon hay không, ngài nghĩ sao về điều này?"

"Ông ta sẽ ngủ ngon, thưa Thế Tôn. Ông là sẽ là một trong những người ngủ ngon trong thế gian."

(1) "Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ đó có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *tham-dục,* chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon, có phải không?"

"Đúng vậy, thưa Thế Tôn."

"Có thể bên trong ông gia chủ có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ tham-dục, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai thì đã dẹp bỏ tham-dục đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

(2) "Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ đó có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *sân-giận,* chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon, có phải không?"

"Đúng vậy, thưa Thế Tôn."

"Có thể bên trong ông gia chủ có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ sân-giận, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai thì đã dẹp bỏ sự sân-giận đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

(3) "Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ đó có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *si-mê,* chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon, có phải không?"

"Đúng vậy, thưa Thế Tôn."

"Có thể bên trong ông gia chủ có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ si-mê, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không

ngon; nhưng Như Lai thì đã dẹp bỏ sự si-mê đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

Người ngủ ngon,
Là bà-la-môn đã chứng ngộ Niết-bàn; đã nguội tắt,
Không còn chấp thủ, không còn ô nhiễm bởi dục lạc.
Đã cắt bỏ mọi ràng buộc dính chấp,
Sau khi đã loại bỏ sự khổ sở trong tâm,
Người bình an ngủ ngon giấc,
Vì đã đạt tới sự bình an của tâm.[12]

(AN 3:35)

10 Núi Non …

"Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya (Hy mã lạp sơn), vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo ba cách. Ba đó là gì? (1) Chúng lớn lên về cành, lá và tán lá; (2) chúng lớn lên về phần vỏ cây và chồi; và (3) chúng lớn lên về phần gỗ mềm và gỗ lõi. Dựa trên núi Himalaya, vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo ba cách như vậy.

"Cũng giống như vậy, khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành (chín chắn) theo ba cách. Ba đó là gì? (1) Họ trưởng thành về niềm-tin; (2) họ trưởng thành về giới-hạnh; và (3) họ trưởng thành về trí-tuệ. Khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành theo ba cách như vậy."

Giống như khi những cây lớn lên,
Nhờ dựa vào núi đá,
Trong bao la rừng hoang,
Có thể trở thành những đại vương thụ của rừng.
Cũng giống như vậy, khi một người đứng đầu gia đình,

Có được niềm-tin và giới-hạnh,
Thì vợ, con, thân quyến đều nhờ dựa theo ông để trưởng thành;
Rồi bạn bè, họ hàng cũng dựa vào ông như vậy.

Những người nhìn thấy giới-hạnh của ông,
Tâm rộng lòng bố-thí,
Và những việc thiện của ông,
Họ sẽ làm theo gương ông ấy.

Ở đây (đời này) sau khi họ đã sống theo đúng Giáo Pháp,
Theo con-đường (đạo) dẫn tới nơi-đến tốt lành,
Những người thích vui sướng [dục lạc],
Được hưởng lạc trong cõi tiên.

 # (AN 3:48)

11 Hai Bà-la-môn (1)

Lúc đó có hai bà-la-môn đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, ở tuổi xế chiều, đang đến giai đoạn cuối đời, đã 120 tuổi; hai ông đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thưa Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn đã già … đã 120 tuổi. Nhưng chúng tôi chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Mong Thầy Cồ-đàm khởi xướng và chỉ dạy cho chúng tôi theo một cách để nó dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng tôi!"

"Phải rồi, này các bà-la-môn, các bác đã già … đã 120 tuổi, nhưng các bác chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Thực vậy, thế gian này bị dẫn dắt (cuốn đi) bởi sự già, bệnh, chết. Nhưng mặc dù thế gian bị dẫn dắt bởi già, bệnh, chết, khi một người đã ra đi thì sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm (khi còn sống) sẽ

cung cấp một nơi che chở, nơi nương nấu, một hòn đảo, nơi nương tựa, và nơi phù hộ."

Cuộc sống bị cuốn đi,
Cuộc đời là ngắn ngủi,
Không có nơi che chở cho người đã già.
Sau khi nhìn thấy rõ hiểm-họa trong cái chết,
Một người nên biết làm những việc công-đức,
Để mang lại hạnh phúc.[13]

Khi một người từ giã [cuộc đời này],
Sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm
Và những việc làm công-đức khi còn sống,
Mới là thứ dẫn dắt người đó đến an lạc.

(AN 3:51)

12 Hai Bà-la-môn (2)

Lúc đó có hai bà-la-môn đã già … hai ông đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thưa Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn đã già … đã 120 tuổi. Nhưng chúng tôi chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Mong Thầy Cồ-đàm khởi xướng và chỉ dạy cho chúng tôi theo một cách để nó dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng tôi!"

"Phải rồi, này các bà-la-môn, các bác đã già … đã 120 tuổi. Nhưng các bác chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Thực vậy, thế gian này đang bốc cháy bằng sự già, bệnh, chết. Nhưng mặc dù thế gian đang bốc cháy bằng sự già, bệnh, chết, khi một người đã ra đi thì sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm (khi còn sống)

sẽ cung cấp một nơi che chở, nơi nương nấu, một hòn đảo, nơi nương tựa, và nơi phù hộ."

Khi nhà ai bị cháy,
Nếu có thùng nước để thoát ra,
Mới là thứ hữu ích cho người,
Chứ không phải những của cải đang bị cháy ở trong nhà.

Cũng vậy khi thế gian đang bốc cháy,
Bằng sự già-chết.
Nên biết thoát ra bằng sự bố-thí:
Những thứ được cho-đi là sự khéo thoát ra.[14]

Khi một người từ giã [cuộc đời này]
Sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm,
Và những việc làm công-đức khi còn sống,
Mới là thứ dẫn người đó đến niềm an lạc.

(AN 3:52)

13 Một Bà-La-Môn Nợ

Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn … và nói với đức Thế Tôn:

"Thưa Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: 'Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được. Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được.'[15] Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí?"

(1) "Này bà-la-môn, một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi tham được dẹp bỏ, người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Giáo

Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

(2) "Người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân, với cái tâm bị ám muội bởi sân, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi sân được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

(3) "Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi si được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí."

""Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 3:53)

14 Niết Bàn

Lúc đó có một du sĩ bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn … và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: 'Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được. Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được.' Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí?"

(1) "Này bà-la-môn, (i) một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu tham được loại bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. (ii) Người bị kích thích bởi tham, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. Nhưng khi tham được dẹp bỏ, thì người đó không còn dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. (iii) Người bị kích thích bởi tham, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì không hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Nhưng khi tham được dẹp bỏ, thì người đó hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Này bà-la-môn, chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

(2) "(i) Một người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân …

(3) "(i) Một người bị si-mê, bị chinh phục bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu si được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. (ii) Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si mê, thì dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. Nhưng khi si được dẹp bỏ, thì người đó không dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. (iii) Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si mê,

với cái tâm bị ám muội bởi si mê, thì không hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Nhưng khi si được loại bỏ, thì người đó hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Này bà-la-môn, chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí."

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 3:55)

15 Dân Số Giảm

Lúc đó có một bà-la-môn giàu có đến gặp … và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, tôi nghe những bà-la-môn trưởng lão, họ là những người già cả, đã gánh nặng năm tháng, là bậc thầy của những vị thầy, đã nói rằng: 'Trong thời quá khứ thế gian này đông nghẹt dân chúng, gần như không có khoảng trống giữa họ. Những làng mạc, những thành thị, và những kinh thành san sát nhau đến nỗi những con gà có thể bay qua bay lại giữa chúng (các nơi đó).'[16] Thầy Cồ-đàm, tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ,[17] và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất?"[18]

(1) "Này bà-la-môn, thời bây giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc (tà pháp).[19] Hệ quả là, họ cầm vũ khí và chém giết lẫn nhau. Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất.

(2) "Lại nữa, thời bây giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc. Khi điều này xảy ra, trời không mưa đủ. Hệ quả là, nạn đói xảy ra, lúa gạo khan hiếm; mùa màng bị tàn phá (bởi sâu bọ) và biến thành rơm rạ. Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất.

(3) "Lại nữa, thời bây giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc. Khi điều này xảy ra, những quỷ dạ-xoa (yakkha) chúa đã thả những ác quỷ dạ-xoa dã man ra đường.[20] Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất."

"Thật hay, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 3:56)

16 Bà-la-môn Tikaṇṇa

Lúc đó có bà-la-môn tên là Tikaṇṇa đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, bà-la-môn Tikaṇṇa, trước mặt đức Thế Tôn, đã nói lời đề cao những bà-la-môn là những người đã thuần thục ba trí-biết (tam minh) (của Vệ-đà), như vầy: "Những bà-la-môn như vậy là bậc thầy về ba trí-biết; như vậy là những bà-la-môn là những bậc thầy về ba trí-biết."

[Đức Thế Tôn đã nói:] "Nhưng, này bà-la-môn, theo cách nào những bà-la-môn mô tả về một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết?"

"Ở đây, Thầy Cồ-đàm, một bà-la-môn được khéo sinh từ cả bên dòng mẹ và dòng cha, thuộc huyết thống thanh khiết, không thể chê được và

không bị vết nhơ về mặt sự sinh-ra, suốt bảy đời cha ông phụ hệ. Vị đó là một người tụng đọc và lưu truyền những kinh kệ, là bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà [Veda] với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của một bậc đại nhân (vĩ nhân). Chính theo cách như vậy những bà-la-môn mô tả một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết."

"Này bà-la-môn, một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với một bà-la-môn được gọi là bậc thầy về ba trí-biết mà những bà-la-môn đã mô tả như vậy."

"Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để làm rõ cách mà một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật Thánh Nhân đó."

"Được, này bà-la-môn, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Dạ được", bà-la-môn Tikaṇṇa đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

"Ở đây, này bà-la-môn: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'

(ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.'

(iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: 'Người

đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).'

(iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.'

(1) "Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn dính nhơ, không còn ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] nhớ lại những cõi kiếp quá khứ (*túc mạng minh*). Người đó nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh ; nhiều đại kiếp thế giới than-hoại, nhiều đại kiếp thế giới tiến-hóa, nhiều đại kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa; như vầy (trong một kiếp nào đó): ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; sau khi qua đời từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia … rồi ở chỗ kia ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; sau khi qua đời từ chỗ kia, ta đã được tái sinh vào ở đây.' Như vậy đó, người đó đã nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.

"Đây là trí-biết đầu tiên được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập).

(2) "Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn dính nhơ, không còn ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ

dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] về sự chết-đi và tái-sinh của chúng sinh (*thiên nhãn minh*). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá đúng theo nghiệp của mình như vầy: 'Những chúng sinh này dính vào hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm; là người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân người đó tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia có hành-vi đúng đắn bằng thân, lời-nói và tâm; là những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy những chúng sinh chết-đi và tái-sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá đúng theo nghiệp của mình như vậy.

"Đây là trí-biết thứ hai được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập).

(3) "Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn dính nhơ, không còn ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] về sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*). Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là sự khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là con-đường

dẫn đến sự chấm-dứt khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là những ô-nhiễm'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt những ô-nhiễm'.

"Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm của/do nhục-dục (dục lậu), khỏi những ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi những ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát thì có sự-biết: 'Nó được giải-thoát'. Người đó hiểu: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'

"Đây là trí-biết thứ hai được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập).

"Người có giới-hạnh không có sự lung lay,
Là người cảnh giác và thiền định,
Tâm người đó đã được điều phục,
Đạt nhất điểm, đạt chánh định;

"Bậc trí hiền, người xua tan bóng tối,
Người có tam-minh, người chiến thắng thần chết;
Người được gọi là 'người đã dẹp-bỏ tất cả',
Là ân nhân của những thiên thần và loài người;

"Người có được ba trí-biết đó,
Là người sống không còn ngu-mờ;
Họ tôn thờ bậc ấy, chính là Đức Phật Cồ-đàm,
Người đó mang thân này lần cuối.

"Người biết rõ những cõi kiếp quá khứ của mình,
Là người nhìn thấy tiên giới và đọa giới là gì,

Là người đã đạt được sự tiêu diệt tái-sinh,
Bậc thánh hiền đã hoàn thiện về trí-biết trực tiếp.[21]

"Nhờ có ba loại trí-biết này,
Một người là 'một bà-la-môn có tam-minh'.
Ta gọi đó là 'một bậc thầy về tam minh',
Chứ không phải loại (bà-la-môn) chỉ biết đọc những thần chú.

"Này bà-la-môn, chính theo cách này một người là bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân."

"Thầy Cồ-đàm, như vậy một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân đó là hoàn toàn khác với một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn. Và một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn là không đáng bằng 1/16 của một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân.

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 3:58)

17 Bà-la-môn Jāṇussoṇī

Lúc đó có bà-la-môn tên là Jāṇussoṇī đến gặp … và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, ai có đồ cúng tế, đồ cúng giỗ, đồ dâng cúng, hay đồ bố thí thì hãy nên cúng dường cho những bà-la-môn là những bậc thầy về ba trí-biết."[22]

[Đức Thế Tôn đã nói:] "Nhưng, này bà-la-môn, theo cách nào những bà-la-môn mô tả về một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết?"

"Ở đây, Thầy Cồ-đàm, một bà-la-môn được khéo sinh từ cả bên dòng mẹ và dòng cha … [*y hệt đoạn này trong kinh **3:58** kể trên*] … và về

tướng số của một bậc đại nhân (vĩ nhân). Chính theo cách như vậy những bà-la-môn mô tả một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết."

"Này bà-la-môn, một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với một bà-la-môn được gọi là bậc thầy về ba trí-biết mà những bà-la-môn đã mô tả như vậy."

"Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để làm rõ cách mà một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật Thánh Nhân đó."

"Được, này bà-la-môn, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Được", bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

"Ở đây, này bà-la-môn: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) … [*y hệt những đoạn mô tả này trong kinh **3:58** kế trên, gồm cả cho tới chỗ:*]

"Đây là trí-biết thứ hai được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập).

"Người hoàn thiện về đức-hạnh và sự giữ-giới,
Là người kiên định và bình tĩnh,
Người có tâm được điều phục,
Đạt nhất điểm, đạt chánh định;

"Người biết rõ những cõi kiếp quá khứ của mình,
Là người nhìn thấy tiên giới và đọa giới là gì,
Là người đã đạt được sự tiêu diệt tái-sinh,
Bậc thánh hiền đã hoàn thiện về trí-biết trực tiếp.

"Nhờ có ba loại trí-biết này,
Một người là 'một bà-la-môn có tam-minh'.

Ta gọi đó là 'một bậc thầy về tam minh',
Chứ không phải loại (bà-la-môn) chỉ biết đọc những thần chú."

"Này bà-la-môn, chính theo cách này một người là bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân."

"Thầy Cồ-đàm, như vậy một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân đó là hoàn toàn khác với một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn. Và một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn là không đáng bằng 1/16 của một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân.

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 3:59)

18 Bà-la-môn Saṅgārava

Lúc đó có bà-la-môn tên Saṅgārava đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn … Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, bà-la-môn Saṅgārava đã nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn cúng tế và khuyến khích những người khác thực hiện cúng tế. Giờ thì cả hai người, người cúng tế và người khuyến khích người khác thực hiện cúng tế, đều làm việc công đức cho nhiều người, nhờ vào việc cúng tế. Nhưng một người rời bỏ gia đình và xuất gia để thuần phục chỉ bản thân mình, làm bình lặng chỉ bản thân mình, và để dẫn tới Niết-bàn chỉ cho bản thân mình. Trong trường hợp đó, người đó làm việc công đức chỉ cho bản thân mình, nhờ vào việc xuất gia."

"Vậy thì, này bà-la-môn, ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được. Ông nghĩ sao, này bà-la-môn? Ở đây, một Như Lai khởi

sinh trong thế giới, bậc A-la-hán và bậc Toàn Giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Bậc ấy nói như vầy: 'Này, đây là con đường, đây là đường đi. Sau khi đã thực hành đúng theo nó, bằng trí-biết trực tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ tới đỉnh cao tối thượng của đời sống tâm linh[23] và giờ công khai nó cho những người khác biết. Này bà-la-môn, ông cũng nên thực hành như vậy. Sau khi đã thực hành đúng theo nó, bằng trí-biết trực tiếp, ông sẽ tự mình chứng ngộ tới đỉnh cao tối tượng của đời sống tâm linh và an trú trong đó.' Như vậy là vị thầy chỉ dạy Giáo Pháp này và người khác thực hành theo đó. Có nhiều trăm, nhiều ngàn, nhiều trăm ngàn người thực hành như vậy. Ông nghĩ sao? Như trong trường hợp này, cái việc xuất gia là một việc làm công đức cho một người hay cho nhiều người?"

"Thầy Cồ-đàm, như trong trường hợp này, đây là một việc làm công đức cho nhiều người, việc công đức đó dựa vào sự xuất gia."

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda (có mặt ngay đó) đã nói với bà-la-môn Saṅgārava:

"Này bà-la-môn, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn hại hơn (như giết động vật, nghi lễ cúng tế tốn công tốn của) mà lại có nhiều ích lợi và phước quả hơn?"

Lúc đó bà-la-môn Saṅgārava nói với thầy Ānanda: "Tôi coi Thầy Cồ-đàm và Thầy Ānanda là đáng tôn kính và đáng khen ngợi."[24]

Lần thứ hai thầy Ānanda nói với ông bà-la-môn: "Này bà-la-môn, tôi không hỏi ông ai đáng được tôn kính và khen ngợi. Tôi đang hỏi ông, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn hại hơn mà có nhiều ích lợi và phước quả hơn?"

Nhưng lần thứ hai ông bà-la-môn vẫn trả lời: "Tôi coi Thầy Cồ-đàm và Thầy Ānanda là đáng tôn kính và đáng khen ngợi."

Lần thứ ba thầy Ānanda lại hỏi ông bà-la-môn: "Này bà-la-môn, tôi không hỏi ông ai đáng được tôn kính và khen ngợi. Tôi đang hỏi ông, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn hại hơn mà có nhiều ích lợi và phước quả hơn?"

Nhưng lần thứ ba ông bà-la-môn vẫn cứ trả lời bằng câu như vậy. Lúc đó đức Thế Tôn nghĩ trong đầu rằng: "Tới lần thứ ba thầy Ānanda đã hỏi như vậy mà ông bà-la-môn vẫn cứ ngập ngừng và không trả lời. Vậy để ta giải tỏa cho ông ta." Rồi đức Thế Tôn đã nói với bà-la-môn Saṅgārava:

"Này bà-la-môn, trong buổi tọa đàm hôm này, những quan thần của nhà vua đã nói về điều gì khi họ tụ tập và ngồi với nhau trong triều?"

"Thầy Cồ-đàm, buổi tọa đàm hôm này đã nói về chuyện này: 'Trước đây số Tỳ kheo thì ít nhưng có nhiều người biểu diễn những sự kỳ diệu siêu nhân của thần thông. Thời bây giờ số Tỳ kheo thì nhiều nhưng có ít người biểu diễn những sự kỳ diệu siêu nhân của thần thông.' Đây là chuyện đã khởi lên trong buổi tọa đàm của các quan thần trong triều hôm nay."

"Này bà-la-môn, có ba loại sự kỳ diệu. Ba đó là gì? Sự kỳ diệu của thần-thông, sự kỳ diệu của sự đọc-tâm, và sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo.[25]

(1) "Và, này bà-la-môn, cái gì là sự kỳ diệu của thần-thông? Ở đây, một Tỳ kheo vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau (*thần thông biến hóa*) như: 'biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; bậc ấy hiện hình và biến hình; bậc ấy đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền tréo chân; bằng tay mình sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và uy lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā'. Đây được gọi là sự kỳ diệu của thần-thông.

(2) "Và, này bà-la-môn, cái gì là sự kỳ diệu của sự đọc-tâm (người khác)? (i) Có người, dựa vào một số dấu hiệu manh mối,[26] có thể tuyên

bố: 'Ý nghĩ của ông là vầy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vầy, như vậy.' Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng (những ý nghĩ, tâm trạng của người đó) chính là vậy, không khác.

"Lại nữa, (ii) có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu manh mối, mà do người đó nghe được âm thanh của người, của những phi nhân, hay của những thiên thần [đang nói] và tuyên bố: 'Ý nghĩ của ông là vầy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vầy, như vậy.' Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng chính là vậy, không khác.

"Lại nữa, (iii) có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu manh mối, mà do người đó nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ[27] khi một người đang nghĩ (tầm) và soi xét (tứ) [về vấn đề nào đó], và tuyên bố: 'Ý nghĩ của ông là vầy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vầy, như vậy.' Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, chúng chính là vậy, không khác.

"Lại nữa, (iv) có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu manh mối, cũng không phải do nghe được âm thanh của người của những phi nhân hay của những thiên thần [đang nói], cũng không phải do nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ khi một người đang nghĩ (tầm) và soi xét (tứ) [về một vấn đề nào đó], mà bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác đã chứng đắc trạng thái định-tâm không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) (hết tầm hết tứ), và người đó hiểu rằng: 'Những hành-vi của tâm của người này cũng được biểu lộ nên ngay khắc sau người đó sẽ nghĩ ý nghĩ này.'[28] Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng chính là vậy, không khác. Đây được gọi là sự kỳ diệu của sự đọc-tâm.

(3) "Và, này bà-la-môn, cái gì là sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo? Ở đây, có người chỉ dạy [những người khác] như vầy: 'Hãy nghĩ (suy xét, niệm) theo cách này, đừng nghĩ theo cách kia! Chú tâm (tác ý) vào điều này, đừng chú tâm vào điều kia! Dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!' Đây được gọi là sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo.[29]

"Này bà-la-môn, đây là ba loại sự kỳ diệu. Trong ba sự kỳ diệu này, theo ông loại nào là siêu xuất và siêu phàm nhất?"

"Thưa Thầy Cồ-đàm, trong ba loại đó, (1) loại (đầu tiên) mà một người [vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau như: 'biến một thân thành nhiều thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā'], thì chỉ riêng người biểu diễn sự kỳ diệu này trải nghiệm nó và nó xảy ra chỉ đối với người đó. Theo tôi, đây chỉ giống như một màn biểu diễn ảo thuật.

(2) "Lại nữa, thưa Thầy Cồ-đàm, loại (thứ hai) mà một người [đọc ra trạng thái tâm của người khác (i) dựa trên những dấu hiệu manh mối … (ii) do nghe được âm thanh của người … (iii) do nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ khi một người đang nghĩ (tầm) và soi xét (tứ) [một vấn đề nào đó] … (iv) bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác … Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng chính là vậy, không khác], thì chỉ riêng người biểu diễn sự kỳ diệu này trải nghiệm nó và nó xảy ra chỉ đối với người đó. Theo tôi, đây cũng chỉ giống như một màn biểu diễn ảo thuật.

(3) "Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, loại (thứ ba) mà một người [chỉ dạy [những người khác] như vầy: 'Hãy nghĩ (suy xét, niệm) theo cách này, đừng nghĩ theo cách kia! Chú tâm (tác ý) vào điều này, đừng chú tâm vào điều kia! Dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!'], thì theo tôi, đây là loại siêu xuất và siêu phàm nhất trong ba loại sự kỳ diệu, (vì người sự kỳ diệu được trải nghiệm và xảy ra đối với nhiều người).

"Thật kỳ diệu và tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm, là cách lời tuyên thuyết này đã được nói ra một cách hay khéo bởi Thầy Cồ-đàm! Chúng tôi coi Thầy Cồ-đàm là người có thể biểu diễn cả ba loại sự kỳ diệu này. Bởi vì (1) Thầy Cồ-đàm có thể [vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā'], (2) Thầy Cồ-đàm có thể [bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác … rằng chúng chính là vậy, không khác], và (3) Thầy Cồ-đàm có thể [chỉ dạy [những người khác] như

vầy: 'Hãy nghĩ theo cách này … Dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!']."

"Chắc chắn là vậy, này bà-la-môn, lời của ông như đang moi móc và chọc ghẹo.[30] Tuy nhiên, ta sẽ trả lời lại cho ông. (1) Đúng là ta có thể [vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā']. (2) Đúng là ta có thể [bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác … rằng chúng chính là vậy, không khác]. (3) Và đúng là ta có thể [chỉ dạy [những người khác] như vầy: 'Hãy nghĩ theo cách này … Dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!']."

"Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, ngoài Thầy Cồ-đàm có Tỳ kheo nào khác có thể thực hiện ba loại sự kỳ diệu này không?"

"Có, không chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm hay năm trăm Tỳ kheo, thậm chí nhiều Tỳ kheo hơn có thể thực hiện ba sự kỳ diệu này."

"Nhưng những Tỳ kheo đó hiện đang ở đâu?"

"Ở ngay đây, này bà-la-môn, trong Tăng đoàn các Tỳ kheo này."

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 3:60)

19 Làng Venāgapura

Trong một lần đức Thế Tôn đang du hành giữa những người Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó vừa đến khu làng có tên làng Venāgapura của những bà-la-môn người Kosala. Những gia chủ bà-la-môn của làng Venāgapura nghe tin rằng:

"Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con dân tộc Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, mới đến làng Venāgapura. Giờ tin tốt về Thầy Cồ-đàm đã truyền đi như vầy: 'Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán [đã tu-

thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đến gặp những vị A-la-hán đó."

Rồi những gia chủ bà-la-môn của làng Venāgapura đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số họ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số thì chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số giới thiệu tên và họ tộc của mình và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. Rồi bà-la-môn tên Vacchagotta ở làng Venāgapura nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, làm cách nào các căn của Thầy Cồ-đàm tĩnh lặng và màu da sáng trong như vậy. Giống như trái táo tàu màu vàng trong và sáng óng trong mùa thu. Giống như trái cọ dừa vừa được tách khỏi cùi có màu sáng trong, các căn của Thầy Cồ-đàm tĩnh lặng và có màu sáng trong. Giống như một đồ trang sức được làm bằng vàng tinh, được khéo chế tác bởi thợ vàng tài ba và được rèn kỹ trong lò luyện vàng, rồi được đặt trên miếng vải gấm thiêu, nó chiếu sáng, tỏa sáng, và phát sáng, các căn của Thầy Cồ-đàm tĩnh lặng và sáng trong.

"Mọi thứ tiện-nghi xa xỉ và cao cấp—như ghế nệm, trường kỷ, khăn phủ viền long, khăn phủ nhiều màu sắc, khăn phủ màu trắng, khăn phủ bằng len có thêu văn hoa, mền bông, khăn phủ bằng len có thêu hình thú vật, khăn phủ bằng len có viền đôi, khăn phủ bằng len có viền đơn, mền

bằng lụa, mền lụa được đính ngọc, mền có viền tơ lụa và được đính ngọc, tấm thảm sàn của vũ công, tấm thảm voi, tấm thảm ngựa, tấm thảm xe, tấm thảm bằng da sơn dương, tấm phủ bằng da hưu *kadali*, [giường] có lộng che ở trên và có hai gối đỏ ở hai đầu—Thầy Cồ-đàm chắc chắn có được chúng dễ dàng, một cách không khó khăn và rắc rối gì."[31]

"Này bà-la-môn, người xuất gia thì hiếm khi có được những thứ tiện-nghi xa xỉ và cao cấp đó, mà nếu họ có được thì họ cũng không được phép (nhận lấy hay hưởng dụng).

"Nhưng, này bà-la-môn, có ba loại tiện-nghi [xa xỉ và cao cấp] nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. Ba đó là gì? Tiện-nghi thuộc cõi trời (*dibba*, tiên giới), tiện-nghi thuộc phạm thiên (*brahma*, phạm giới), và tiện-nghi thánh thiện (*arya*, thánh giới).[32] Đây là ba loại tiện-nghi nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì."

(1) "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là tiện-nghi của cõi trời mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì?"

"Ở đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khất thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'

(ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên

trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.'

(iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), ta an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), ta trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: 'Vị đó là buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).'

(iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.'

"Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong một trạng thái như vậy, nếu ta đi tới đi lui (kinh hành), thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thuộc cõi trời.[33] Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thuộc cõi trời. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thuộc cõi trời. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thuộc cõi trời. Đây chính là tiện-nghi thuộc cõi trời mà nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. (*các tầng thiền định sắc giới tương ứng với cảnh tiên giới*)

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay tiện-nghi thuộc cõi trời như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

(2) Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là tiện-nghi thuộc phạm thiên mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

"Ở đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khất thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ

ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi, (i) ta an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, ta an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [khuếch đại, phóng đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. (ii) Ta an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … (iii) với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … (iv) với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, ta an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.

"Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong trạng thái đó, nếu ta đi tới đi lui, thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thiên thánh. Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thiên thánh. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thiên thánh. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thiên thánh. Đây chính là tiện-nghi thiên thánh mà nếu ta muốn ta có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. (*bốn tâm vô-lượng tương ứng với cảnh phạm giới*)

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay tiện-nghi thiên thánh như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

(3) Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là tiện-nghi thánh thiện mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

"Ở đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khất thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khất

thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi ta hiểu như vầy: 'Ta đã dẹp bỏ *tham*, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Ta đã dẹp bỏ *sân*, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Ta đã dẹp bỏ *si*, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai.'[34]

"Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong trạng thái đó, nếu ta đi tới đi lui, thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thánh thiện. Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thánh thiện. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thánh thiện. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thánh thiện. Đây chính là tiện-nghi thánh thiện mà nếu ta muốn ta có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. (*Diệt tham, sân, si là tương ứng với thánh giới, trạng thái của bậc thánh giải thoát*)

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay tiện-nghi thánh thiện như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 3:63)

20 Những Người Ở Kesaputta (Kesaputtiya)[35]

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa những người Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó đang đến một quận thị có tên là Kesaputta[36] của những người Kālāma. Những người Kālāma ở Kesaputta nghe tin rằng:

"Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, vừa mới đến Kesaputta. Giờ tin tốt về Thầy Cồ-đàm đã truyền đi như vầy: 'Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đến gặp những vị A-la-hán đó." (*giống lời đoạn hai kinh 3:63 ở trên*)

Rồi những người Kālāma ở Kesaputta đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số họ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số thì chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số giới thiệu tên và họ tộc của mình và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. (*giống lời đoạn ba kinh 3:63 ở trên*). Rồi những người Kālāma nói với đức Thế Tôn:

"Thưa Ngài, có một số tu sĩ và bà-la-môn đến Kesaputta này. Họ giải thích và thuyết minh những giáo thuyết của họ, nhưng phỉ báng, chê bai, bài xích, chế nhạo những giáo thuyết của người khác. Nhưng rồi có những tu sĩ và bà-la-môn khác đến Kesaputta, họ cũng giải thích và thuyết minh những giáo thuyết của họ, nhưng phỉ báng, chê bai, bài xích, chế nhạo

những giáo thuyết của người khác. Thưa ngài, chúng tôi thấy bối rối và hoài nghi không biết ai trong số những vị thiện tu sĩ đó là người nói đúng và ai là người nói sai."

(I) "Này những người Kālāma, các người bị bối rối như vậy cũng phải, các người nghi ngờ như vậy cũng phải. Sự nghi ngờ đã khởi sinh trong các người về một vấn đề còn làm bối rối. Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu (như lời truyền miệng, chuyện kể, lời thuật lại, điều nghe đi nghe lại), (ii) do điều đó đã thành truyền thống (tập tục, tục lệ, truyền thống), (iii) do điều đó được ghi trong kinh sách (trong tập kinh, bộ kinh, sách kinh). (iv) do điều đó là tin đồn (hay thông tin, tin tức), (v) do sự lý giải theo lý lẽ, (vi) do sự suy luận từ sự phỏng đoán, (vii) do tự thấy điều đó là có lý, (viii) do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó; (ix) do bề ngoài tướng mạo của người nói là đáng tin (như diện mạo, tướng tá, uy nghi của người thầy hay người diễn thuyết), (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.][37] Nhưng, này những người Kālāma, khi nào các người tự mình biết được: 'Những điều này là không thiện lành; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau', thì các người nên dẹp bỏ chúng."

(1) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?"[38]

"Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài."

"Này những người Kālāma, một người tham dục, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, nên người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Ngài."

(2) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?"

"Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài."

"Này những người Kālāma, một người sân giận, bị chi phối bởi sân, với một cái tâm bị ám muội bởi sân, nên người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Ngài."

(3) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?"

"Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài."

"Này những người Kālāma, một người si mê, bị chi phối bởi si, với một cái tâm bị ám muội bởi si, nên người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Ngài."

"Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Không thiện lành, thưa Ngài" – "Đáng chê trách hay không đáng chê trách?" – "Đáng chê trách, thưa Ngài" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?" – "Bị quở trách bởi người trí hiền, thưa Ngài" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau hay không; các người thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau; chúng tôi thấy như vậy."

"Như vậy, này những người Kālāma, khi ta nói: 'Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải

đúng'.] Nhưng khi nào các người tự mình biết được: "Những điều này là không thiện lành; những điều này là đáng chê trách; những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau", thì các người nên dẹp bỏ chúng', thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy."

(II) Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng, này những người Kālāma, khi nào các người tự mình biết được: 'Những điều này thiện lành; những điều này là không đáng chê trách; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc', thì các người nên sống theo chúng."

(1) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?"

"Mang lại ích lợi, thưa Ngài."

"Này những người Kālāma, một người không tham-dục, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, thì người đó không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Ngài."

(2) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?"

"Mang lại ích lợi, thưa Ngài."

"Này những người Kālāma, một người không sân-hận, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân, thì người đó không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người

đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Ngài."

(3) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?"

"Mang lại ích lợi, thưa Ngài."

"Này những người Kālāma, một người không si-mê, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si, thì người đó không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Ngài."

"Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Thiện lành, thưa Ngài" – "Đáng chê trách hay không đáng chê trách?" – "Không đáng chê trách, thưa Ngài" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?" – "Được khen ngợi bởi người trí hiền, thưa Ngài" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không; các người thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; chúng tôi thấy như vậy."

"Như vậy, này những người Kālāma, khi ta nói: 'Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng khi nào các người tự mình biết được: "Những điều này thiện lành; những điều này là không đáng chê trách; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc", thì các người nên sống theo chúng', thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy."

"Rồi, này những người Kālāma, người đệ tử thánh thiện đó, là người không còn thèm-muốn (hết tham), không còn ác-ý (hết sân), không còn

ngu-mờ (hết si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ) … với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ … bi … hỷ … xả, rộng lớn, bao la [khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.

(III) "Này những người Kālāma, người đệ tử thánh thiện này, có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch (thanh tịnh) như vậy, đã đạt được những sự bảo-an như vầy ngay trong kiếp này.

(a) "Sự bảo-an đầu tiên mà người đó đạt được là điều này: 'Nếu có thế giới khác, và nếu nghiệp thiện và nghiệp ác có nghiệp quả hay quả báo, thì khả năng là, khi thân tan rã, sau khi chết, ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.'

(b) "Sự bảo-an thứ hai mà người đó đạt được là điều này: 'Giả sử không có thế giới khác, và nghiệp thiện hay nghiệp ác đều không có nghiệp quả hay quả báo gì, thì ngay ở đây, ngay trong kiếp này, ta vẫn giữ (duy trì) mình (sống) trong sự hạnh-phúc, không sự thù-ghét và sự ác-ý, không bị rắc-rối gì.'

(c) "Sự bảo-an thứ ba mà người đó đạt được là điều này: 'Nếu điều xấu dữ xảy đến cho những người làm nghiệp xấu ác. Vậy khi ta không hề có ý định xấu ác nào đối với ai, thì đâu sự khổ đau nào làm khổ ta, vì ta đâu làm nghiệp gì xấu ác?'[39]

(d) "Sự bảo-an thứ tư mà người đó đạt được là điều này: 'Giả sử điều xấu dữ không xảy đến với người làm nghiệp xấu ác. Thì ngay ở đây, ta vẫn nhìn thấy mình được thanh lọc về cả hai phương diện.'[40]

"Này những người Kālāma, những ai có tâm theo cách như vầy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này."[41]

"Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Người đệ tử thánh thiện này, có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này.

"Sự bảo-an thứ nhất … thứ hai … thứ ba … thứ tư tư người đó đạt được là điều này: 'Giả sử điều xấu dữ không xảy đến với người làm nghiệp xấu ác. Thì ngay ở đây, ta vẫn nhìn thấy mình được thanh lọc về cả hai phương diện.'

"Thưa Thế Tôn, người đệ tử thánh thiện này có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này.

"Thật hay khéo, Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn … Chúng con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ Kheo. Mong Thế Tôn ghi nhớ chúng con từ nay đã quy y nương tựa cho đến cuối đời."

(AN 3:65)

21 Sāḷha

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Lâu Đài của mẹ của Migāra (Migāramata), trong Khu Vườn Phía Đông. Lúc đó có Sāḷha, cháu nội của Migāra, và Rohaṇa, cháu nội của Pekhuniya, đến gặp Ngài Nandaka, kính lễ thầy ấy, và ngồi xuống một bên. Thầy Nandaka mới nói với Sāḷha:

(I) "Này, Sāḷha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu (như lời truyền miệng, chuyện kể, lời thuật lại, điều nghe đi nghe lại), (ii) do điều đó đã thành truyền thống (tập tục, tục lệ, truyền

thống), (iii) do điều đó được ghi trong kinh sách (trong tập kinh, bộ kinh, sách kinh). (iv) do điều đó là tin đồn (hay thông tin, tin tức), (v) do sự lý giải theo lý lẽ, (vi) do sự suy luận từ sự phỏng đoán, (vii) do tự thấy điều đó là có lý, (viii) do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó; (ix) do bề ngoài tướng mạo của người nói là đáng tin (như diện mạo, tướng tá, uy nghi của người thầy hay người diễn thuyết), (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng khi nào các con tự mình biết được: 'Những điều này là không thiện lành; những điều này là tội lỗi [đáng chê trách]; những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau', thì các người nên dẹp bỏ chúng."

(1) "Này Sāḷha, con nghĩ sao, có sự tham hay không?"

"Có, thưa thầy."

"Ta nói, đó nghĩa là sự thèm-muốn. Một người tham, đầy thèm-muốn; sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa thầy."

(2) "Này Sāḷha, con nghĩ sao, có sự sân hay không?"

"Có, thưa thầy."

"Ta nói, đó nghĩa là sự ác-ý. Một người đầy thù-ghét, với một cái tâm ác-ý; sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa thầy."

(3) "Này Sāḷha, con nghĩ sao, có sự si hay không?"

"Có, thưa thầy."

"Ta nói, đó nghĩa là sự vô-minh. Một si-mê, chìm đắm trong sự vô-minh; sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người

đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa thầy."

"Này Sāḷha, con nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Không thiện lành, thưa thầy" – "Tội lỗi hay không tội lỗi?" – "Tội lỗi, thưa thầy" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?" – "Bị quở trách bởi người trí hiền, thưa thầy" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau hay không; con thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau; con thấy như vậy."

"Như vậy, này Sāḷha, khi ta nói: 'Này Sāḷha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng khi nào con tự mình biết được: "Những điều này là không thiện lành; những điều này là tội lỗi; những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau", thì con nên dẹp bỏ chúng', thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy."

(II) Này Sāḷha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng, này Sāḷha, khi nào con tự mình biết được: 'Những điều này thiện lành; những điều này là không tội lỗi [không bị chê trách]; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc', thì con nên sống theo chúng."

(1) "Này Sāḷha, con nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?"

"Mang lại ích lợi, thưa thầy."

"Này Sāḷha, một người không tham-dục, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham; không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích

người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa thầy."

(2) "Này Sāḷha, con nghĩ sao? Khi sự vô-sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?"

"Mang lại ích lợi, thưa thầy."

"Này Sāḷha, một người không sân-hận, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân; không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa thầy."

(3) "Này những người Kālāma, con nghĩ sao? Khi sự vô-si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?"

"Mang lại ích lợi, thưa thầy."

"Này Sāḷha, một người không si-mê, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si; không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa thầy."

"Này Sāḷha, con nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Thiện lành, thưa thầy" – "Tội lỗi hay không tội lỗi?" – "Không tội lỗi, thưa thầy" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?" – "Được khen ngợi bởi người trí hiền, thưa thầy" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không; con thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; con thấy như vậy."

"Như vậy, này Sāḷha, khi ta nói: 'Này Sāḷha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng khi nào con tự mình biết được: "Những điều này thiện lành; những điều này là không tội lỗi; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc", thì con nên sống theo chúng', thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy."

"Rồi, này Sāḷha, người đệ tử thánh thiện đó, là người không còn thèm-muốn (hết tham), không còn ác-ý (hết sân), không còn ngu-mờ (hết si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ) … với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ … bi … hỷ … xả, rộng lớn, bao la [khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.

"Rồi người đó hiểu như vầy: 'Có trạng thái này; có trạng thái thấp kém hơn; có trạng thái siêu xuất hơn; còn có một sự giải-thoát nữa vượt khỏi mọi thứ dính líu nhận-thức (tưởng; còn tưởng là chưa giải-thoát).'[42] Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm người đó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm của/do nhục-dục (dục lậu), khỏi những ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi những ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát thì có sự-biết: 'Nó được giải-thoát'. Người đó hiểu: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'

"Người đó hiểu như vầy: 'Trước đây có tham; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành. Trước đây có sân; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành. Trước đây có si; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành.'

"Như vậy đó, ngay trong kiếp này người đó sống không còn thèm khát [đói khát (dục-vọng)], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và đang trải nghiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thiên thánh."[43]

(AN 3:66)

22 *Bố-Tát*

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của mẹ của Migāra (Migāramata). Lúc đó, cô Visākhā Migāramātā [Visākhā là mẹ của Migāra] (tức là nữ đại thí chủ Visākhā), nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với cô:

"Này Visākhā, sao cô đến vào giữa trưa như vầy?"

"Thưa Thế Tôn, bữa nay con đang giữ giới bố-tát."

"Này Visākhā, có ba loại bố-tát [sự trai giới]. Ba đó là gì? Bố-tát của người chăn bò, bố-tát của những người Ni-kiền-tử,[44] và bố-tát của thánh nhân.

(1) "Và, này Visākhā, theo cách nào là bố-tát của người chăn bò được tuân giữ? Này Visākhā, ví dụ như, vào buổi chiều người chăn bò trả đàn bò về cho chủ bò của họ. Người đó suy xét như vầy: 'Bữa này những con bò ăn cỏ ở mấy chỗ như vậy và uống nước ở mấy chỗ như vậy. Ngày mai những con bò sẽ ăn cỏ ở mấy chỗ như kia và uống nước ở mấy chỗ như kia.' Cũng giống như vậy, có người ở đây đang giữ giới bố-tát suy xét như vầy: 'Bữa nay tôi ăn mấy món ăn như vậy; bữa nay tôi đã ăn loại bữa ăn như vậy. Ngày mai tôi sẽ ăn mấy món ăn như kia; ngày mai tôi sẽ ăn loại bữa ăn như kia.' Như vậy người đó trải qua một ngày với sự tham-lam và thèm-muốn trong tâm. Theo cách như vậy là bố-tát của người chăn bò được tuân giữ. Bố-tát của người chăn bò, được tuân giữ theo cách như

vậy, không mang lại kết quả và ích lợi gì, cũng không sáng sủa hay thấm tháp gì cho khác thường.

(2) "Và, này Visākhā, theo cách nào là bố-tát của những Ni-kiền-tử? Này Visākhā, có những tu sĩ được gọi là những Ni-kiền-tử. Họ chỉ dụ đệ tử của họ như vầy: 'Này bạn tốt, hãy đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần [*yojana*] về phía đông.[45] Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía tây. Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía bắc. Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía nam.' Vậy đó, họ chỉ dụ đệ tử của họ hãy có lòng cảm-thông và bi-mẫn đối với những chúng sinh mấy chỗ đó thôi, chứ không đối với những chúng sinh khác. Nhằm ngày bố-tát, họ chỉ dụ đệ tử của họ như vầy: 'Này bạn tốt, sau khi đã cởi bỏ tất cả quần áo qua một bên, hãy tụng rằng: 'Ta không ở bất cứ đâu là của ai, cũng không ở bất cứ đâu có bất cứ gì là của ta.'[46] Tuy nhiên, rõ ràng cha mẹ người đệ tử đó biết: 'Đây là con của chúng tôi.' Và người đó cũng biết: 'Đây là cha mẹ của tôi'. Vợ con người đó biết: 'Ông là người (cha, chồng) nuôi nấng của chúng tôi'. Và người đó cũng biết: 'Đây là vợ và con của tôi'. Những người làm, người hầu, và người giúp việc đều biết: 'Đây là chủ của chúng tôi'. Và người đó cũng biết: 'Đây là người làm, người hầu, và người giúp việc của tôi'. Như vậy đó, vào dịp đó lẽ ra họ nên được chỉ dụ bằng lẽ-thật, nhưng những người Ni-kiền-tử lại bị chỉ dụ bằng những lời-tụng sai trái. Rồi qua hết đêm đó, hôm sau họ lại đi chiếm dụng những thứ không được cho. Ta nói, đây là sự gian-cắp (lấy của không được cho, trộm, gian, lận, ăn chặn, tham nhũng, ăn hối lộ, manh mún …). Theo cách như vậy là bố-tát của những người Ni-kiền-tử được tuân giữ. Sự bố-tát của những người Ni-kiền-tử, được tuân giữ theo cách như vậy, không mang lại kết quả và ích lợi gì, cũng không sáng sủa hay thấm tháp gì cho khác thường.

(3) "Và, này Visākhā, theo cách nào là bố-tát của bậc thánh?

(I) "Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.[47] Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-

gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: '[Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người thuần phục tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.]' Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách khi cái đầu dơ dáy của một người được gội sạch bằng sự cố-gắng.

"Và, này Visākhā, theo cách nào thì cái đầu dơ dáy của một người được gội sạch bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng chất tẩy gội, đất sét, nước, và cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì cái đầu ơ dáy của một người được gội sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: '[Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán … một bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.]' Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người giữ giới bố-tát của trời Brahmā, là người an trú cùng với trời Brahmā, và chính bằng sự suy xét về vị trời Brahmā nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ.[48] Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(II) "Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vầy: '[Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.]' Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, tâm của người đó trở

nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách thân bị dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng sự cố-gắng.

"Và, này Visākhā, theo cách nào cái thân dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng bàn chải tắm, bột vôi, nước, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì cái thân dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vầy: '[Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.]' Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người giữ giới bố-tát của Giáo Pháp, là người an trú cùng với Giáo Pháp, và chính bằng sự suy xét về Giáo Pháp nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(III) "Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vầy: '[Tăng Đoàn của những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức chân thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; đó gồm, bốn cặp hạng người, tám loại người—Tăng Đoàn này của những đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được kính lễ, là ruộng phước vô thượng ở trên đời.]' Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách một tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng sự cố-gắng

"Và, này Visākhā, theo cách nào một tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng sự cố-gắng? Bằng nhiệt (nước) nóng, phân bò, nước, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vầy: '[Tăng Đoàn của những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành … là ruộng phước vô thượng ở trên đời.]' Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người giữ giới bố-tát của Tăng Đoàn, là người an trú cùng với Tăng Đoàn, và chính bằng sự suy xét về Tăng Đoàn nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(IV) "Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình [là không bị sứt mẻ, hoàn thiện, không bị tỳ vết, không bị nhiễm dơ, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi bậc trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.] Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình như vậy, tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách một tấm gương dơ dáy được chùi sạch bằng sự cố-gắng.

"Và, này Visākhā, theo cách nào một tấm gương dơ dáy được chùi sạch bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng dầu, tro, khăn vải, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy tấm gương dơ dáy được chùi sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh

thiện tưởng niệm về giới hạnh của mình [là không bị sứt mẻ, hoàn thiện, không bị tỳ vết, không bị nhiễm dơ, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi bậc trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.] Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người giữ giới bố-tát của giới-hạnh, là người an trú cùng với giới-hạnh, và chính bằng sự suy xét về giới-hạnh nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(V) "Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vầy: '[Có những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33), những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma), những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita), những thiên thần thích sáng tạo (hóa lạc thiên), những thiên thần kiểm soát những sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên), và những thiên thần cao hơn nữa.[49] Mình cũng có *niềm-tin* (tín) như những thiên thần đó đã có mà nhờ đó khi họ qua đời ở thế gian này, họ đã được tái sinh ở trên đó; mình cũng có *giới -hạnh* (giới) … *sự học-hiểu* (học) … *sự bố-thí* (thí) … *trí-tuệ* (tuệ) như những thiên thần đó có mà nhờ đó khi họ qua đời ở thế gian này, họ đã được tái sinh ở trên đó.]' Khi một người đệ tử thánh thiện suy xét tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ có trong mình và có trong những thiên thần, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách vàng dơ tạp được tinh lọc bằng sự cố-gắng.

"Và, này Visākhā, theo cách nào vàng dơ tạp được tinh lọc bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng lò rèn, muối, phấn đỏ, ống thổi, và kiềm để kẹp,

và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy vàng tạp dơ được tinh lọc bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên thần như vầy: '[Có những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương … khi họ qua đời ở thế gian này, họ đã được tái sinh ở trên đó.]' Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ có trong mình và có trong những thiên thần, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người giữ giới bố-tát của những thiên-thần, là người an trú với những thiên-thần, và chính bằng sự suy xét về những thiên-thần nên tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(TÁM GIỚI BỐ-TÁT:)

(I) (1) "Này Visākhā, người đệ tử thánh thiện này biết suy xét (quán chiếu) như vầy:[50] '[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ sự sát-sinh*; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, họ sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, tôi cũng sống bi-mẫn với tất cả mọi chúng sinh. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.]' (*không sát sinh*)

(2) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ sự gian-cắp*, chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cắp. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự gian-cắp; tôi chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cắp (gian lận, lừa gạt, manh mún, nhận hối lộ, nhận tiền mới giúp, tham những

…). Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.'] (*không gian cắp*)

(3) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ hành vi dâm-dục* và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly, kiêng cữ giao hợp, kiêng cữ mọi hành vi tính-dục của người phàm (mọi dạng chánh dâm, tà dâm, hay thủ dâm, thị dâm, ý dâm …). Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ hành vi tính-dục, và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly (ở riêng), kiêng cữ giao hợp, kiêng cữ mọi hành vi tính-dục của người phàm … Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.'] (*không dâm dục*)

(4) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ sự nói-dối, nói sai sự thật*; họ nói sự thật, giữ đúng sự thật; họ là những người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự nói-dối, nói sai sự thật; tôi chỉ nói sự thật, giữ đúng sự thật; tôi làm người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*không nói dối, không nói sai sự thật*)

(5) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại*, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*không rượu bia, thuốc lá, ma túy, chất gây hại gây nghiện …*)

(6) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán chỉ ăn một bữa một ngày,[51] kiêng cữ sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ ăn một bữa một ngày, kiêng cữ sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*chỉ ăn một bữa ăn một ngày, ăn trước giờ ngọ, không ăn phi thời*)

(7) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán *kiêng cữ sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp,* và *kiêng cữ việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp*. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ kiêng cữ sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp, và kiêng cữ việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*không và không coi ca, múa, nhạc, kịch; không trang điểm, hóa trang, ăn diện, làm đẹp*)

(8) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ nằm ngồi trên giường ghế cao và sang*; họ nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ việc nằm trên giường cao và sang; tôi nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*không nằm ngồi trên giường ghế cao sang sung sướng*)

"Này Visākhā, theo cách như vậy là sự giữ giới bố-tát của bậc thánh nhân. Khi một người đã giữ giới bố-tát của bậc thánh theo cách như vậy, thì sẽ mang lại kết quả và ích lợi, xán lạn (sáng sủa, sáng láng) và thấm nhập một cách khác thường (đặc biệt, phi thường).

(II) "Nó (sự giữ giới bố-tát) mang lại kết quả và ích lợi tới mức nào? Nó xán lạn và thấm nhập một cách khác thường đến mức nào? Này Visākhā, ví dụ như có người có được sự thống trị và đế quyền của mình đối với 16 nước lớn có chứa nhiều thứ thuộc hàng bảy-báu,[52] đó là [các nước của dân tộc] Aṅgan, Magadha (Ma-kiệt-đà), Kāsi, Kosala (Kiều-tất-la), Vajji (Bạt-kỳ), Malla, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcāla, Maccha, Sūrasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, và Kamboja:[53] thì điều này cũng không bằng 1/16 sự trai giới bố-tát toàn-bộ trong (bằng, với) tám chi-phần này (*tám phần trai giới từ (1)-(8) nói trên*). Vì lý do gì? Vì vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(i) "Đối với những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương:[54] 01 ngày đêm là tương đương với 50 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy

là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 500 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(ii) "Đối với những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 100 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 1.000 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đao-lợi. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iii) "Đối với những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 200 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 2.000 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Dạ-ma. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iv) "Đối với những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 400 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 4.000 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đâu-suất. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(v) "Đối với những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 800 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 8.000 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần vui thích sáng tạo. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(vi) "Đối với những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 1.600 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 16.000 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời."

Không sát-sinh; không gian-cắp;
Không nói-dối; không rượu, bia, hút, chích;
Kiêng cữ dâm-dục, cả chánh dâm, tà dâm;
Không ăn ban đêm, không ăn phi thời.
Không trang điểm, đeo vòng hoa, sức nước hoa, phấn sáp;
Ngủ trên giường thấp thường hay chiếu trải trên đất;
Đây được người ta gọi là ngày bố-tát tám trai giới
Được tuyên dạy bởi Đức Phật—bậc đã đạt tới sự diệt-khổ.

Khi nào mặt trời và mặt trăng còn quay chuyển,
Là còn chiếu sáng, và đó thật là tuyệt đẹp khi nhìn,
Là những thứ xua tan bóng tối, vẫn tuần hoàn trong vũ trụ,
Chúng chiếu sáng bầu trời,[55] soi sáng khắp mọi phương.

Mọi của cải trong cõi giới này—
Từ trân châu, ngọc quý, và ngọc lưu ly,[56]

Vàng sừng bò hay vàng núi,
Và vàng thiên nhiên được gọi là *haṭaka*—[57]

Tất cả những thứ đó cũng không bằng một phần mười sáu,
So với sự giữ giới bố-tát (bát quan trai giới).
Giống như gom hết ánh sáng những vì sao (đang thấy),
Cũng không bằng sự phát sáng của mặt trăng.[58]

Bởi vậy, những người nam hay nữ có giới-hạnh,
Do đã luôn tuân giữ đầy đủ tám giới của những ngày bố-tát,
Sẽ đi—một cách không còn gì đáng chê,
Và sau khi đã tu tạo những công đức tạo ra hạnh-phúc—
Sẽ đi lên một cõi trời (sau khi chết).

(AN 3:70)

23 *Ājīvaka*

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó có một gia chủ, là một đệ tử theo phái những Ājīvaka,[59] đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, và ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

"Thầy Ānanda, (1) Giáo Pháp của ai được giảng bày một cách hay khéo? (2) Ai trong thế gian đang tu tập phương cách tốt lành? (3) Ai trong thế gian là những bậc phúc-lành?"[60]

"Này gia chủ, vậy tôi sẽ hỏi chú về vấn đề này. Chú cứ trả lời nếu thấy được.

(1) "Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự dẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo? Theo chú thấy sao?"

"Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự dẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo. Theo tôi thì thấy như vậy."

(2) "Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải những ai đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách (đường lối, phương pháp) tốt lành? Theo chú thấy sao?"

"Những ai đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành. Theo tôi thì thấy như vậy."

(3) "Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải những ai đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những bậc phúc-lành (thiện thệ)? Theo chú thấy sao?"

"Những ai đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những bậc phúc-lành. Theo tôi thì thấy như vậy."

"Này gia chủ, như vậy là chú đã tuyên bố: 'Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự dẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo.' Chú đã tuyên bố: 'Những ai đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành trong thế gian.' Và chú đã tuyên bố: 'Những ai đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những bậc phúc-lành trong thế gian.'"

"Thưa thầy, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời; ở đây không có sự ca tụng Giáo Pháp của mình hay sự chê bai Giáo Pháp của người khác, mà chỉ có sự chỉ dạy Giáo Pháp theo đúng ý nghĩa [trong phạm vi (chức năng)] của nó. Chỉ tuyên bố ý nghĩa, chứ không đưa bản ngã (của người giảng dạy) vào trong đó.[61]

"Thưa thầy Ānanda, các thầy đã chỉ dạy Giáo Pháp để dẹp-bỏ tham, sân, si, nên Giáo Pháp của thầy là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo. Các thầy đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành trong thế gian. Các thầy đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ

chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, như vậy các thầy là những bậc phúc-lành trong thế gian.

"Thật hay khéo, thưa thầy! Thật tuyệt vời, thưa thầy! Thánh tăng Ānanda đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau, cứ như thầy ấy đang dựng đứng lại những thứ đã bị lộn chúi đầu, khai mở những điều bị che dấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng những thấy mọi thứ. Thầy Ānanda, giờ con xin quy y nương tựa theo Đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong thánh tăng Ānanda ghi nhận con là một đệ tử tại gia từ hôm nay đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 3:72)

24 *Người Họ Thích-Ca*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn mới vừa khỏi bệnh. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, đã từ lâu, con hiểu Giáo Pháp được đức Thế Tôn chỉ dạy như vầy: 'Sự-biết chỉ xảy đến đối với người đạt-định, không xảy đến đối với người thiếu sự định-tâm.' Thưa Thế Tôn, có phải sự định-tâm có trước sự-biết, hay sự-biết có trước sự định-tâm?"

Rồi ý này xảy đến với Ngài: "Đức Thế Tôn mới vừa khỏi bệnh, nhưng ông Mahānāma họ Thích-ca hỏi một câu hỏi rất sâu xa như vậy. Vậy ta nên dắt ông Mahānāma họ Thích-ca này ra chỗ khác và chỉ dạy Giáo Pháp cho ông ta."

Rồi thầy Ānanda đã nắm tay ông Mahānāma họ Thích-ca ra chỗ khác, và nói với ông ta: "Đức Thế Tôn đã nói về phần giới-hạnh của người học nhân (còn tu) và giới-hạnh của bậc vô học nhân (tu xong), về sự định-tâm

của người học nhân và sự định-tâm của bậc vô học nhân, về trí-tuệ của người học nhân và trí-tuệ của bậc vô học nhân.

(1) "Và, này chú Mahānāma, cái gì là giới-hạnh của người học nhân? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Đây được gọi là giới-hạnh của một người học nhân.

(2) "Và cái gì là sự định-tâm của một người học nhân?[62] Ở đây: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … [*tiếp tục 04 tầng thiền định như kinh **3:58** ở trên*] … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là sự định-tâm của người học nhân.

(3) "Và cái gì là trí-tuệ của người học nhân? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (bốn diệu đế) đúng như nó thực là: 'Đây là sự khổ', và 'Đây là nguồn-gốc khổ', và 'Đây là sự chấm-dứt khổ', và 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Đây được gọi là trí-tuệ của người học nhân.

"Đến khi người đệ tử thánh thiện này đã hoàn thiện như vậy về giới-hạnh, về sự định-tâm, và về trí-tuệ (giới, định, tuệ), với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.[63]

"Này chú Mahānāma, chính theo cách này đức Thế Tôn đã nói về phần giới-hạnh của người học nhân và giới-hạnh của bậc vô học nhân, về sự định-tâm của người học nhân và sự định-tâm của bậc vô học nhân, về trí-tuệ của người học nhân và trí-tuệ của bậc vô học nhân."

(AN 3:73)

25 Ni-Kiền-Tử

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong hội trường có mái nhọn trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm). Lúc đó có ông Abhaya và ông Paṇḍitakumāra người Licchavi đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy và ngồi xuống một bên.[64] Rồi ông Abhaya người Licchavi đã nói với thầy Ānanda:

"Thưa thầy, (giáo chủ) Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố mình biết-hết và thấy-hết và có sự-biết và sự-thấy bao trùm hết (sự toàn tri toàn kiến), [ông ta nói]: 'Khi tôi đang đi, đang đứng, đang ngủ, và đang thức, đối với tôi sự-biết và sự-thấy là thường trực và liên tục có mặt đối với tôi.'[65] Ông ta chủ trương sự chấm dứt nghiệp cũ bằng cách hành xác và sự phá bỏ cây cầu bằng cách không tạo thêm nghiệp mới nào nữa.[66] Như vậy là, nhờ chấm dứt nghiệp, nên khổ chấm dứt. Nhờ chấm dứt khổ, nên cảm-giác chấm dứt. Nhờ chấm dứt cảm-giác nên tất cả mọi sự khổ đau đều được phai-mòn (phai biến). Đây là cách vượt qua sự khổ bằng sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn có thể trực tiếp nhìn thấy được ngay trong kiếp này.[67] Đức Thế Tôn nói sao về điều này?"

"Này Abhaya, ba loại sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn này đã được thuyết giảng một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là người biết và thấy, để (vì sự) thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương-pháp (đạo pháp), để chứng ngộ Niết-bàn. Ba đó là gì?

(1) "Ở đây, này Abhaya, một Tỳ kheo là có giới-hạnh … [*tiếp tục như đoạn (1) trong kinh **3:73** ở trên*] … Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần.[68] Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.

(2) "Này Abhaya, sau khi một Tỳ kheo đã hoàn thiện như vậy *về giới-hạnh*, người đó: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … [*tiếp tục 04 tầng thiền định như kinh **3:58** ở trên*] … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.

(3) "Này Abhaya, sau khi Tỳ kheo đó đã hoàn thiện như vậy *về giới-hạnh và sự định-tâm*, rồi: 'Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.[69]

"Này Abhaya, đây là ba loại sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn đã được thuyết giảng một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là người biết và thấy, để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương-pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn."

Sau khi điều này được nói ra, ông Paṇḍitakumāra người Liccvachi đã nói với ông Abhaya người Liccvachi rằng: "Này ông bạn Abhaya, ông không biết cảm ơn[70] thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo của thầy ấy hay sao?"

"Này ông bạn, làm sao tôi có thể không cảm ơn thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo của thầy ấy? Nếu ai

không biết ơn thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo như vậy của thầy ấy, đầu người ấy chắc sẽ bể ra!"

(AN 3:74)

26 *Mái Nhà Nóc Nhọn (1)*

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông rằng:

(1) "Này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ thì những hành-động của thân, của miệng, và của tâm (thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp) đều không được phòng hộ.

"Với những người có những việc-làm [sự làm, sự hành động] của thân, của miệng, của tâm không được phòng hộ thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm bị ô nhiễm.[71] Với những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm bị ô nhiễm thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm bị lụn bại [thối nát, đổi bại]. Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm bị lụn bại thì sẽ không có cái chết tốt lành.[72]

"Ví dụ một mái nhà có mái nhọn được che lợp một cách tồi tệ: thì đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không được bảo vệ; đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách bị nhiễm dơ (bị dột nước); đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách bị mục nát.

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ thì những hành-động của thân, của miệng, và của tâm đều không được phòng hộ … Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm bị lụn bại thì sẽ không có cái chết tốt lành.

(2) "Này gia chủ, khi tâm được phòng hộ thì những hành-động của thân, của miệng, và của tâm (thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp) đều không được phòng hộ.

"Với những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm được phòng hộ thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm không bị ô nhiễm. Với những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm không bị ô nhiễm thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm không bị lụn bại [không thối nát, không suy đồi]. Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm không bị lụn bại thì sẽ có cái chết tốt lành.

"Ví dụ một mái nhà có mái nhọn được che lợp một cách hay khéo: thì đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách được bảo vệ; đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không bị nhiễm dơ (không bị dột nước); đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không bị mục nát.

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, khi tâm được phòng hộ thì những hành-động của thân, của miệng, và của tâm đều được phòng hộ … Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm không bị lụn bại thì sẽ có cái chết tốt lành."

(AN 3:109)

27 Mái Nhà Nóc Nhọn (2)

[*Giống hệt kinh kế trên, chỉ khác là những tính từ "không được phòng hộ", "bị ô nhiễm", "lụn bại" được thay bởi 01 tính từ là "hư hỏng" [hư bại, thất bại, không được].*]

(AN 3:110)

28 Bharaṇḍu

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa những người Kosala (Kiều-tất-la), lúc đó đang đến Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Ông Mahānāma (Đại Danh) là người họ tộc Thích-ca (Sakya) đã nghe nói: "Đức Thế Tôn mới đến Kapilavatthu." Lúc đó ông Mahānāma họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

"Này Mahānāma, chú hãy đi tìm một chỗ nghỉ thích hợp ở Kapilavatthu để chúng ta có thể ở qua đêm ở đó."

"Dạ, thưa Thế Tôn", ông Mahānāma đáp lại. Rồi ông đi vô thành Kapilavatthu, tìm khắp trong thành nhưng không thấy chỗ nào thích hợp để đức Thế Tôn ở qua đêm. Vì vậy ông quay trở lại và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, khắp trong thành Kapilavatthu không có chỗ nào thích hợp để Thế Tôn nghỉ qua đêm. Nhưng có ông Bharaṇḍu người Kālāma, trước đây từng là người cùng tu [đồng phạm hạnh, cùng là tu sĩ tâm linh][73] với Thế Tôn, [ông ấy đang ở đây]. Thế Tôn có thể nghỉ qua đêm ở nơi ẩn cư của ông ấy."

"Được Mahānāma, hãy đi trải tấm lót cho ta (nằm)."

"Dạ, thưa Thế Tôn", ông Mahānāma đáp lại. Rồi ông đi đến chỗ ẩn cư của Bharaṇḍu, chuẩn bị tấm lót nằm, đặt sẵn nước rửa chân, rồi quay lại chỗ đức Thế Tôn, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, con đã trải bị tấm lót nằm, và chuẩn bị nước rửa chân. Giờ Thế Tôn có thể tùy tiện đến đó."

Rồi đức Thế Tôn đã đi đến chỗ ẩn cư của Bharaṇḍu, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và rửa chân. Rồi ý này đã xảy đến với ông Mahānāma: "Lúc này không thích hợp ở lại đây với đức Thế Tôn, vì Thế Tôn đã mệt. Để ngày mai mình ghé thăm Thế Tôn." Rồi ông kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, và ra về. Rồi, sau khi đêm đã qua, sáng hôm sau ông Mahānāma đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn mới nói với ông:

"Này Mahānāma, có ba loại thầy được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?

(1) "Ở đây, này Mahānāma, có thầy dạy phải hoàn-toàn hiểu về dục-lạc [khoái-lạc giác quan], nhưng không dạy về thân-sắc hay cảm-giác. (2)

Có thầy dạy phải hoàn-toàn hiểu về dục-lạc và thân-sắc, nhưng không dạy về cảm-giác. (3) Có thầy thì dạy phải hoàn-toàn hiểu về dục-lạc, thân-sắc, và cảm-giác. Đây là ba loại thầy được thấy có trong thế gian. Vậy mục tiêu của ba loại thầy này là giống nhau hay khác nhau?"

Khi điều này được nói ra, Bharaṇḍu người Kālāma đã nói với ông Mahānāma: "Hãy nói là giống nhau, này ông Mahānāma." Nhưng đức Thế Tôn nói với ông Mahānāma: "Hãy nói là khác nhau, này Mahānāma".

Lần thứ hai … Lần thứ ba, Bharaṇḍu người Kālāma đã nói với ông Mahānāma: "Hãy nói là giống nhau, này ông Mahānāma.". Nhưng đức Thế Tôn nói với ông Mahānāma: "Hãy nói là khác nhau, này Mahānāma".

Rồi ý này đã xảy đến với Bharaṇḍu: "Sa-môn Cồ-đàm đã nói ngược với ta ba lần như vậy trước mặt người có nhiều ảnh hưởng như ông Mahānāma họ Thích-ca. Vậy tốt hơn ta nên rời khỏi Kapilavatthu".

Sau đó ông Kālāma đã đi khỏi Kapilavatthu. Sau khi đi khỏi Kapilavatthu, ông đã đi luôn và không bao giờ quay lại đó.

(AN 3:126)

29 *Hatthaka*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, khi đêm đã khuya, vị thiên thần trẻ tên Hatthaka,[74] chiếu sáng toàn Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đã gặp, [tâm nghĩ:] "Ta sẽ đứng trước mặt đức Thế Tôn", nhưng vị ấy đã chìm xuống, rã xuống, và không trụ yên một chỗ. Giống như bơ hay dầu, khi đổ ra cát, sẽ chìm xuống, rã xuống, và không trụ yên một chỗ. Cũng giống như vậy, thiên thần trẻ Hatthaka, [tâm thì nghĩ:] "Ta sẽ đứng trước mặt đức Thế Tôn", nhưng vị ấy đã chìm xuống, rã xuống, và không thể trụ yên một chỗ.

Lúc đó đức Thế Tôn nói với Hatthaka: "Này Hatthaka, hãy tạo thân thô tế."

"Dạ, thưa Thế Tôn", Hatthaka đáp lại. Rồi vị ấy tạo một thân thô tế (như người thường), rồi kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với vị ấy:

"Này Hatthaka, những giáo lý tiên có thể nhớ lại trong quá khứ, khi tiên còn là người, bây giờ chúng có quay lại với tiên hay không?"[75]

"Thưa Thế Tôn, những giáo lý con có thể nhớ lại trong quá khứ, khi con còn là người, bây giờ chúng có quay lại với con; và những giáo lý con không thể nhớ lại trong quá khứ, khi con còn là người, bây giờ chúng (cũng) có quay lại với con.[76] Giống như bây giờ đức Thế Tôn được bao quanh bởi các Tỳ kheo, các Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam và nữ, bởi các vua chúa và quan thần, những đạo sư các giáo phái khác và những đệ tử của họ, con giờ cũng được bao vây bởi những thiên thần trẻ khác. Những thiên thần trẻ đến gặp con thậm từ xa, [họ nghĩ rằng]: 'Chúng ta sẽ nghe Giáo Pháp từ thiên thần trẻ Hatthaka.'

"Thưa Thế Tôn, con đã chết khi chưa làm đủ và chưa thỏa lòng về ba điều. Ba đó là gì? (1) Về việc gặp gỡ đức Thế Tôn chưa đủ nhiều; (2) về việc nghe Giáo Pháp tốt lành chưa đủ nhiều; (3) về việc phục vụ Tăng Đoàn chưa đủ nhiều. Con đã chết khi chưa làm đủ và chưa thỏa lòng về ba điều này.

"Con chưa làm đủ về ba điều:
Gặp gỡ đức Thế Tôn,
Nghe Giáo Pháp thiện lành,
Và phục vụ Tăng Đoàn.

"Tu tập phần giới-hạnh bậc cao,
Con hoan hỷ trong việc nghe Giáo Pháp.
Hatthaka đã đi tới [tái sinh trong] cõi trời Aviha,[77]
Sau khi chưa làm đủ ba điều đó."

(AN 3:127)

(III) Quyển "BỐN":

30 Bà-la-môn Vassakāra

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ tìm thức-ăn của bầy sóc. Lúc đó có một bà-la-môn tên Vassakāra, là tể tướng của nước Ma-kiệt-đà (Magadha), đã đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói:

"Thầy Cồ-đàm, chúng tôi mô tả một người có được bốn phẩm chất là một bậc đại nhân với đại trí. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người học cao trong nhiều lĩnh vực học thuật. (2) Người đó hiểu nghĩa của những điều khác nhau, nên người đó có thể nói 'Đây là nghĩa của điều này; đây là nghĩa của điều kia.' (3) Người đó có trí nhớ tốt; người đó nhớ và nhớ lại những gì đã được làm và nói từ lâu. (4) Người đó giỏi khéo và chuyên cần trong sự chú tâm vào những công việc khác nhau của một gia chủ; người đó có sự phán đoán giỏi về chúng để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. Chúng tôi mô tả người có được bốn phẩm chất đó là một bậc đại nhân với đại trí. Nếu Thầy Cồ-đàm nghĩ điều tôi mới nói ra nên được tán đồng, thì thầy tán đồng nó. Nếu thầy nghĩ điều tôi mới nói ra nên được bác bỏ, thì thầy bác bỏ nó."

"Này bà-la-môn, ta không tán đồng hay bác bỏ điều đó. Thay vì vậy, ta mô tả một người có được bốn phẩm chất [khác] là một bậc đại nhân với đại trí. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, người đó thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; người đó là người thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp.[78] (2) Người đó nghĩ điều mình muốn nghĩ và không nghĩ điều mình không muốn nghĩ; người đó ý định những điều mình ý định và không ý định những điều mình không muốn ý định; như vậy người đó đã đạt tới sự làm-chủ về tâm đối với những cách suy nghĩ tư duy. (3) Người đó, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiền định (những tầng thiền định đó) vốn tạo nên (phần,

trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

"Này bà-la-môn, ta không tán đồng hay bác bỏ điều đó. Nhưng ta mô tả một người có được bốn phẩm chất như vậy là một bậc đại nhân với đại trí."

"Thật đáng ngạc nhiên và kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm, cách mà điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cồ-đàm. Và chúng tôi coi Thầy Cồ-đàm là một người có được bốn phẩm chất này. (1) Thầy Cồ-Đàm là người thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; thầy là người thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp. (2) Thầy Cồ-Đàm nghĩ điều mình muốn nghĩ và không nghĩ điều mình không muốn nghĩ; thầy ý định những điều mình ý định và không ý định những điều mình không muốn ý định; như vậy thầy đã đạt tới sự làm-chủ về tâm đối với những cách suy nghĩ tư duy. (3) Thầy Cồ-Đàm, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiền định vốn tạo nên (phần, trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, Thầy Cồ-Đàm đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, Thầy Cồ-Đàm an trú trong đó."

"Chắc chắn là như vậy, này bà-la-môn, lời của ông dù có vẻ như đang mỉa mói và chọc ghẹo.[79] Tuy nhiên, ta sẽ trả lời ông. (1) Đúng vậy, ta đang thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; ta là người đã thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp. (2) Ta nghĩ những điều mình muốn nghĩ và không nghĩ những điều mình không muốn nghĩ; ta ý định những điều mình định và không ý định những điều mình không ý

định; như vậy ta đã đạt tới sự làm-chủ về tâm đối với những cách suy nghĩ tư duy. (3) Ta, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiền định vốn tạo nên (phần, trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, ta an trú trong đó."

Bậc ấy thiết lập để chúng sinh,
Được thoát khỏi lưới bẫy thần chết;
Bậc ấy khai mở Giáo Pháp, phương pháp (tu tập),
Vì ích lợi của những thiên thần và loài người;
Bậc ấy là người mà nhiều người có được niềm-tin
Sau khi họ gặp và lắng nghe bậc ấy;
Bậc ấy thiện thạo về đạo và thứ không phải đạo,
Bậc vô-nhiễm là người đã hoàn thành trách phận;
Bậc Giác Ngộ mang thân cuối cùng này
Thì được gọi là "bậc đại nhân với đại trí".

(AN 4:35)

31 Bà-la-môn Doṇa

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi trên đường lộ từ Ukkaṭṭhā đến Setavya. Có bà-la-môn tên là Doṇa cũng đang đi trên tuyến đường này. Lúc đó bà-la-môn Doṇa nhìn thấy những bánh xe ngàn căm trong dấu chân của đức Thế Tôn, với những vành và trục, đầy đủ mọi chi tiết,[80] và nghĩ rằng: "Thật là đáng ngạc nhiên và kỳ diệu! Đây không phải những dấu chân của người thường!"

Rồi đức Thế Tôn ra khỏi đường lộ và ngồi dưới một gốc cây, ngồi tréo chân, giữ thân thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Lần theo dấu chân của đức Thế Tôn, bà-la-môn đến nơi nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây—đẹp đẽ, đáng tin tưởng, với các căn bình an và

tâm bình an, một người đã chứng đắc sự tu luyện và sự tĩnh mặc cao nhất, giống như một con voi đực đã được thuần chủng và được phòng hộ với các căn được kiểm soát. Rồi ông ta đến gặp đức Thế Tôn và nói:

(1) "Thưa ngài, có phải ngài là thiên thần?"[81]

"Ta sẽ không là thiên thần, này bà-la-môn."

(2) "Có phải ngài là càn-thát-bà [gandhabba]?"

"Ta sẽ không là càn-thát-bà, này bà-la-môn."

(3) "Có phải ngài là dạ-xoa [yakkha]?"[82]

"Ta sẽ không là dạ-xoa, này bà-la-môn."

(4) "Có phải ngài là người?"

"Ta sẽ không là người, này bà-la-môn."

"Này ngài, khi được hỏi: 'Có phải ngài là thiên thần?' … 'Có phải ngài là càn-thát-bà?' … 'Có phải ngài là dạ-xoa?' … 'Có phải ngài là người?', ngài trả lời 'Ta sẽ không là người, này bà-la-môn'. Vậy thì ngài là gì?"

(1) "Này bà-la-môn, ta đã dẹp bỏ những ô-nhiễm mà do chúng ta sẽ (tái sinh) thành thiên thần; ta đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. (2) Ta đã dẹp bỏ những ô-nhiễm mà do chúng ta sẽ thành càn-thát-bà … (3) … do chúng ta sẽ thành dạ-xoa … (4) …do chúng ta sẽ thành người; ta đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai.

"Giống như một bông sen xanh, sen hồng, hay sen trắng, dù được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, (nhưng) nó đã mọc lên khỏi nước và đứng (trên) không còn bị dính dơ bởi nước. Cũng giống như vậy, dù được sinh ra trong thế gian này và lớn lên trong thế gian này, ta đã vượt lên khỏi thế gian và sống không còn bị dính thế gian. Này bà-la-môn, hãy nhớ rằng, ta là một vị Phật.

"Ta đã tiêu diệt những ô-nhiễm,
Mà nếu còn chúng ta sẽ bị tái sinh thành thiên-thần,
Hay thành càn-thát-bà bay qua lại trên trời;
Hay thành quỷ dạ-xoa;
Hay trở lại làm người:[83]
Ta đã xua tan và cắt bỏ những ô-nhiễm đó.

"Đẹp đẽ như một bông sen trắng,
Không còn bị dính bùn dơ bởi nước,
Ta không còn bị dính nhiễm bởi thế gian:
Do vậy, này bà-la-môn, ta là một vị Phật."[84]

(AN 4:36)

32 Bà-la-môn Ujjaya

Lúc đó có bà-la-môn tên Ujjaya đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm có đề cao việc cúng tế?"

"Này bà-la-môn, ta không đề cao tất cả mọi sự cúng tế cũng không thoái thác tất cả mọi sự cúng tế. (1) Ta không đề cao sự cúng tế bạo lực trong đó những trâu, bò, dê, cừu, gà, heo bị sát hại, trong đó những sinh vật khác nhau bị lôi tới lò mổ. (2) Vì lý do gì? Vì những A-la-hán và những người đã bước vào thánh đạo A-la-hán không tham dự sự cúng tế bạo lực.

"(3) Nhưng ta đề cao sự cúng tế phi bạo lực trong đó những trâu, bò, dê, cừu, gà, heo không bị sát hại, trong đó những sinh vật khác nhau không bị tàn sát, đó là, sự thường xuyên bố-thí, đó là sự dâng cúng theo phong tục của gia đình.[85] (4) Vì lý do gì? Vì những A-la-hán và những người đã bước vào thánh đạo A-la-hán sẽ tham dự sự dâng cúng phi bạo lực."[86]

Cúng tế ngựa, cúng tế người,
Sammāpāsa, *vājapeyya*, *niraggaḷa*:[87]
Những đại lễ tế như vậy, chứa đầy bạo lực,[88]
Đâu mang lại phước quả lớn nào.

Bậc nhìn-thấy với chánh-hạnh,
Không tham dự những màn cúng tế đó,
Nơi mà dê, cừu, trâu, bò,
Và những sinh vật bị tàn sát.

Nhưng khi họ thường dâng cúng theo phong tục gia đình,
Là những sự cúng tế không có bạo lực,
Không có dê, cừu, trâu, bò,
Hay những sinh vật bị giết hại.

Đó là sự dâng cúng mà những bậc nhìn-thấy
Với chánh-hạnh có tham dự,
Người có trí biết dâng cúng loại này,
Sự dâng cúng như vậy rất có phước quả.

Với người biết dâng cúng như vậy,
Điều đó thực sự tốt hơn, không bao giờ xấu hơn.
Sự dâng cúng như vậy đích thực là lớn lao,
Và những thiên thần cũng thấy vui lòng.

(AN 4:39)

33 *Bà-la-môn Udāyī*

Lúc đó có bà-la-môn tên là Udāyī đã đến gặp đức Thế Tôn … và nói với đức Thế Tôn: [*Phần lời kinh giống hệt lời kinh kế trên*.]

Khi sự dâng cúng là hợp lúc và phải phép,
Được chuẩn bị kỹ càng và không có bạo lực,
Thì những người được tự-chủ về đời sống tâm linh,
Sẽ tham dự sự dâng cúng nhau vậy.

Những ai trong thế gian đã tháo bỏ những vỏ bọc,[89]
Là người đã vượt khỏi thời gian và số phận,[90]
Đó là những vị Phật biết rành rõ về sự cúng tế,[91]
Sẽ đề cao sự dâng cúng như vậy.

Sau khi đã chuẩn bị món quà thích hợp,
Dù là lễ dâng cúng bình thường, hay tưởng nhớ người đã chết,
Một người thực hiện sự dâng cúng với một cái tâm thành-tín,
Đối với những bậc chân tu,
Đó là ruộng công đức màu mỡ.

Khi những thứ gì có được một cách chân chính
Được cúng dường một cách chân chính,
Được dâng cúng một cách chân chính,
Cho những người xứng đáng được cúng dường,
Thì sự dâng cúng đó là lớn lao,
Và những thiên thần cũng vui lòng.

Người có-trí được phú cho niềm-tin,
Sau khi đã dâng cúng như vậy với cái tâm bố-thí,
Sẽ được tái sinh trong một cõi hạnh phúc,
Trong một nơi [cõi] không có khổ đau.

(AN 4:40)

34 Sống Chung (1)

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đi trên đường lộ từ Madhurā tới Verañjā, và có một số người gồm các gia chủ và các bà vợ cũng đang đi trên tuyến đường đó. Rồi đức Thế Tôn bước ra khỏi đường lộ và đến ngồi dưới một gốc cây. Các gia chủ và các bà vợ của họ nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngồi đó, họ đến gặp, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

"Này các gia chủ, có bốn sự sống chung [04 loại hôn nhân]. Bốn là gì? Một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh; một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh; một thiên thần sống với một nữ thiên thần.

(1) "Và theo cách nào là một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh?[92] Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, nói-dối nói láo, và rượu chè hút chích, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật; người chồng thiếu đạo đức, thuộc tính cách xấu ác; người chồng sống ở nhà với một cái tâm bị dính nhiễm tính keo kiệt; người chồng chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ thì cũng có đầy những tính xấu y như vậy. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một kẻ bất hạnh.

(2) "Và theo cách nào là một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát-sinh … chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sống không sát-sinh … không rượu chè hút chích; người vợ thì đức hạnh, thuộc tính cách thiện; người vợ sống ở nhà với cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt; người vợ không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một nữ thiên thần.

(3) "Và theo cách nào là một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát-sinh … không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sát-sinh … chê bai và chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một kẻ bất hạnh.

(4) "Và theo cách nào là một thiên thần sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát-sinh … không rượu chè, hút chích; người chồng thì đức hạnh, thuộc tính cách thiện; người chồng sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt; người chồng không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ cũng có đầy những tính tốt y như vậy. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một thiên thần.

"Này các gia chủ, đó là bốn sự sống chung."

Khi cả hai đều thất đức,
Ti tiện và chửi bới,
Đó là vợ và chồng,
Sống chung như những kẻ chết rồi.

Khi người chồng là thất đức,
Ti tiện và chửi bới,
Nhưng vợ thì đức hạnh,
Rộng lòng, từ thiện.
Cô ấy là nữ thiên thần,
Sống chung với một kẻ chết rồi.
Khi người chồng là đức hạnh,
Rộng lòng, từ thiện,
Nhưng vợ thì thất đức,
Ti tiện và chửi bới,
Cô ấy là kẻ đã chết rồi,
Sống chung với một thiên thần.

Nếu vợ và chồng được phú cho niềm-tin,
Từ thiện và biết tự chủ,
Sống cuộc đời chân chính,
Nói với nhau bằng những lời dễ chịu.
Thì nhiều ích lợi được tích lũy cho họ
Và họ sống an ổn.
Những kẻ thù ghét họ sẽ buồn rầu,
Khi (thấy) cả hai họ đều giống nhau về giới-hạnh.

Sau khi đã thực hành Giáo Pháp ở đây,
Cùng sống trong giới-hạnh và những sự giữ-giới,
Vui thích một cõi trời [sau khi chết],
Cùng hân hoan, hưởng những dục lạc (cõi tiên).

(AN 4:53)

35 *Sống Chung (2)*

"Này các Tỳ kheo, có bốn sự sống chung [hôn nhân]. Bốn là gì? Một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh; một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh; một thiên thần sống với một nữ thiên thần.

[*Phần tiếp theo, gồm cả phần thi kệ, giống hệt như kinh kế trên.*]

 # (AN 4:54)

36 *Sống Giống Nhau (1)*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Bhagga, gần Suṃsumāragiri, trong khu Vườn Nai ở khu rừng Bhesakalā. Một buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang cà sa và bình bát đi tới nhà của gia chủ tên Nakulapitā. Sau khi đến nơi, đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi gia chủ Nakulapitā và vợ của ông ta là Nakulamātā ra gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên.[93] Sau khi ngồi xuống như vậy, gia chủ Nakulapitā thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, kể từ khi người vợ trẻ Nakulamātā được cưới về nhà cho con từ khi con vẫn còn trẻ, con không nhớ mình đã từng làm gì trái phạm với vợ con dù trong ý-nghĩ, càng không có trong hành-động. Thưa Thế Tôn, chúng con ước chúng con gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau."

Rồi đến lượt người vợ Nakulamātā đã thưa với đức Thế Tôn như vầy: "Thưa Thế Tôn, kể từ khi con được cưới về nhà của người chồng trẻ Nakulapitā từ khi con vẫn còn là cô gái trẻ, con không nhớ mình đã từng làm gì trái phạm với chồng con dù trong ý-nghĩ, càng không có trong hành-động. Thưa Thế Tôn, chúng con ước chúng con gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau."

Rồi đức Thế Tôn đã nói như vầy: "Này gia chủ, nếu cả vợ và chồng cùng mong ước gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau, thì hai người phải có cùng niềm-tin, cùng giới-hạnh, cùng sự rộng lòng bố-thí, cùng trí-tuệ; nếu được vậy thì hai người sẽ được gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau."

Khi cả vợ và chồng được phú cho niềm-tin,
Từ thiện và tự chủ
Cùng sống cuộc đời một cách chân chính,
Nói với nhau bằng những lời dễ chịu.

Thì nhiều ích lợi được tích lũy cho họ
Và họ sống an ổn.
Những kẻ thù ghét họ sẽ buồn rầu,
Khi (thấy) cả hai họ đều giống nhau về giới-hạnh.

Sau khi đã thực hành Giáo Pháp ở đây,
Cùng sống trong giới-hạnh và những sự giữ-giới,
Vui thích một cõi trời [sau khi chết],
Cùng hân hoan, hưởng những dục lạc (cõi tiên).

(AN 4:55)

37 Sống Giống Nhau (2)

"Này các Tỳ kheo, nếu cả vợ và chồng đều mong ước nhìn thấy nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau, thì họ nên có cùng niềm-tin, cùng giới-hạnh, cùng sự rộng lòng bố-thí, cùng trí-tuệ; nếu được vậy thì hai người sẽ nhìn thấy nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau."

[*Phần thi kệ giống hệt của kinh kế trên.*]

 # (AN 4:56)

38 Suppavāsā

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Koliya (Câu-lợi), gần một thị trấn của họ có tên là thị trấn Sajjanela. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của một cô con gái người Kolia tên là Suppavāsā, đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.[94] Cô Suppavāsā người Koliya đã đích thân bằng tay mình phục vụ và làm hài lòng Thế Tôn bằng nhiều thứ món ăn ngon. Sau khi đức Thế Tôn ăn xong bữa và dẹp bình bát qua một bên, cô Suppavāsā ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với cô:

"Này Suppavāsā, một nữ đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là cô cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Cô cho tặng tuổi-thọ, sắc-đẹp, hạnh-phúc, sức-mạnh, và sự sáng-suốt. (1) Bằng sự cho tặng tuổi-thọ, bản thân cô sẽ được phú cho tuổi-thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng sự cho tặng sắc-đẹp, bản thân cô sẽ được phú cho sắc-đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng sự cho tặng hạnh phúc, bản thân cô sẽ được phú cho hạnh phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng cách cho tặng sức-mạnh, bản thân cô sẽ được phú cho sức-mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một nữ đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức-ăn."

Khi một người bố thí thức-ăn được chuẩn bị kỹ càng,
Sạch, ngon, thơm,
Cho những bậc chánh trực là những người
Được tán dương và có đức hạnh xuất sắc,
Thì sự cúng dường đó, vốn nối kết công đức với công đức,
Được khen ngợi kà đày phước quả[95]
Bởi những bậc hiểu-biết thế gian.

Những ai tưởng niệm sự bố-thí như vậy,
Thì họ sống trong thế gian được khích lệ bởi niềm hoan-hỷ.
Sau khi đã loại bỏ ô-nhiễm của tánh keo-kiệt và gốc rễ của nó,
Không bị chê trách (phi tội lỗi), họ đi lên cõi trời.

(AN 4:57)

39 Sudatta

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Sudatta Anāthapiṇḍika] đến gặp đức Thế Tôn. Rồi Đức Thế Tôn đã nói với ông:

"Này gia chủ, một đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là người đó cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Người đó cho tặng tuổi-thọ, sắc-đẹp, hạnh-phúc, sức-mạnh, và sự sáng-suốt. (1) Bằng sự cho tặng tuổi-thọ, người đó sẽ được phú cho tuổi-thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng sự cho tặng sắc-đẹp, người đó sẽ được phú cho sắc-đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng sự cho tặng hạnh phúc, người đó sẽ được phú cho hạnh phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng sự cho tặng sức-mạnh, người đó sẽ được phú cho sức-mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn."

Khi một người cung kính cúng dường thức-ăn đúng thời lúc,
Cho những bậc tự-chủ ăn những thứ người khác bố thí,
Là coi như cung cấp cho họ bốn thứ:
Tuổi thọ, sắc-đẹp, hạnh phúc, và sức mạnh.
Người cho tặng tuổi-thọ và sắc đẹp,
Cho tặng hạnh phúc và sức mạnh,
Thì sau này sẽ có được tuổi thọ và thanh danh,
Cho dù tái sinh ở nơi nào.

(AN 4:58)

40 Thức-ăn

"Này các Tỳ kheo, khi một thí chủ cúng dường thức-ăn là người đó cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức-ăn. Bốn đó là gì? Người đó

cho tặng tuổi-thọ, sắc đẹp, hạnh phúc, và sức-mạnh … [*tiếp tục y hệt kinh kế trên, cho tới:*] … Này các Tỳ kheo, khi một thí chủ cúng dường thức-ăn là người đó cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức-ăn."

[*Phần thi kệ giống hệt kinh kế trên.*]

(AN 4:59)

41 Sự Thực Hành Đúng Đắn Của Người Tại Gia

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

"Này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện có được bốn phẩm chất này là đang thực hành theo cách đúng đắn đối với người tại gia, là một đưa đến sự đạt được thanh danh và dẫn tới cõi trời. Bốn đó là gì?

"Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết phục vụ Tăng Đoàn những Tỳ kheo bằng những y-phục; người đó phục vụ Tăng Đoàn những Tỳ kheo bằng thức-ăn … chỗ-ở … thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh.[96]

"Này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện có được bốn phẩm chất này là đang thực hành theo cách đúng đắn đối với người tại gia, là một cách dẫn tới sự đạt được thanh danh và dẫn tới cõi trời."

Khi người có trí thì thực hành,
Theo cách đúng đắn đối với hàng đệ tử tại gia, họ phục vụ
Những Tỳ kheo có giới-hạnh và có hành vi chánh trực,
Những y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang:

Thì đối với họ cả ngày và đêm,
Công đức luôn gia tăng;
Sau khi đã làm những nghiệp xuất sắc như vậy,
Họ sẽ qua đời lên một cõi trời.

(AN 4:60)

42 *Những Việc Làm Xứng Đáng*

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

(I) "Này gia chủ, có bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) "Người ta nghĩ: 'Cầu cho sự giàu có đến với tôi một cách chân chính!' Đây là điều thứ nhất được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

(2) "Sau khi có được sự giàu có một cách chân chính, người ta lại nghĩ: 'Cầu cho danh tiếng đến với tôi và người thân và những vị thầy thụ giới của tôi!'[97] Đây là điều thứ hai được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

(3) "Sau khi có được sự giàu có một cách chân chính và có được danh tiếng cho mình và cho người thân và những vị thầy thụ giới của mình, người ta lại nghĩ: 'Cầu cho tôi sống lâu và hưởng được tuổi thọ!' Đây là điều thứ ba được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

(4) "Sau khi có được sự giàu có một cách chân chính và có được danh tiếng cho mình và cho người thân và những vị thầy thụ giới của mình, và sống lâu và hưởng được tuổi thọ của mình, người ta lại nghĩ: 'Khi thân tan rã, sau khi chết, cầu cho tôi được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời!' Đây là điều thứ tư được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

"Đây là bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian.

(II) "Này gia chủ, có bốn điều [khác] dẫn tới đạt được bốn điều (mong ước) nói trên. Bốn đó là gì? Sự thành tựu về niềm-tin, sự thành tựu về giới-hạnh, sự thành tựu về sự rộng lòng bố-thí, và sự thành tựu về trí-tuệ.

(1) "Và, này gia chủ, cái gì là sự thành tựu về niềm-tin? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin; người đó đặt niềm-tin vào sự giác ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã thành tựu về trí-biết trực tiếp (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế gian, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Đây được gọi là sự thành tựu về niềm-tin. (tín)

(2) "Và cái gì là sự thành tựu về giới-hạnh? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện kiêng cữ sự sát-sinh … kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ (bia) và dùng các chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây là sự thành tựu về giới-hạnh. (giới).

(3) "Cái gì là thành tựu về sự rộng lòng bố-thí? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện sống tại gia với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, mở rộng bàn tay, vui thích sự từ bỏ, đóng góp từ thiện, thích sự cho đi và chia sẻ.' Đây được gọi là sự thành tựu về sự rộng lòng bố-thí. (thí)

(4) "Và cái gì là sự thành tựu về trí-tuệ? Nếu một người sống với cái tâm (trái tim, lòng dạ) bị chinh phục bởi sự thèm-muốn và sự tham-lam bất chính, thì người đó cứ làm những việc phải nên tránh bỏ và không làm bổn phận nên làm, do vậy danh tiếng và hạnh phúc của người đó sẽ bị hủy hoại. Nếu người đó sống với một cái tâm bị chinh phục bởi sự ác-ý … bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … bởi sự bất-an và hối-tiếc … bởi sự nghi-ngờ, thì người đó cứ làm những việc phải nên tránh bỏ và không làm bổn phận nên làm, do vậy danh tiếng và hạnh phúc của người đó sẽ bị hủy hoại.

"Này gia chủ, khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu được như vầy: 'Sự thèm-muốn và sự tham-lam bất chính là một sự ô-nhiễm của tâm', thì người đó dẹp bỏ nó. Khi người đó hiểu được như vầy: 'Sự ác-ý … 'Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … 'Sự bất-an và hối-tiếc … 'Sự nghi-ngờ là một sự ô-nhiễm của tâm', thì người đó dẹp bỏ nó.

"Này gia chủ, khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu được như vầy: 'Sự thèm-muốn và sự tham-lam bất chính là một sự ô-nhiễm của tâm' và dẹp bỏ nó; khi người đó hiểu được như vầy: 'Sự ác-ý … 'Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … 'Sự bất-an và hối-tiếc … 'Sự nghi-ngờ là một sự ô-nhiễm của tâm' và dẹp bỏ nó, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện có trí-tuệ lớn, có trí-tuệ rộng, là người nhìn thấy tầm-cỡ,[98] người đã thành tựu về trí-tuệ. Đây được gọi là sự thành tựu về trí-tuệ.

"Này gia chủ, đây là bốn điều [khác] dẫn tới đạt được bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó mà đạt được trong thế gian.

(III) "Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm bốn việc xứng đáng. Bốn đó là gì?

(1) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó (***i***) làm cho bản thân mình hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho mình được hạnh phúc như vậy; người đó (***ii***) làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (***iii***) làm cho vợ con mình, người ở, người làm, và người phục vụ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (***iv***) làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là trường hợp thứ nhất tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng.

(2) "Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết chia ra các khoản dự phòng rủi ro bị mất mát do hỏa hoạn và lũ lụt, bị cướp hoặc bị tịch thu bởi các vua chúa, hoặc bị chiếm đoạt bởi những người thừa kế bất nghĩa; người đó làm cho bản thân mình được an toàn khỏi những rủi ro đó. Đây là trường hợp thứ hai tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng.

(3) "Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết thực hiện năm loại cúng lễ: đối với những người thân thuộc, khách khứa, ông bà tổ tiên, nhà vua, và các thiên thần. Đây là trường hợp thứ ba tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng.

(4) "Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện thiết lập một sự cúng dường cao thượng là cúng dường thức ăn—đó là một sự cúng dường thuộc cõi trời (phạm trú thí),[99] dẫn tới an lạc, đưa đến (tái sinh) cõi trời—cho những tu sĩ và những bà-la-môn là những người đã kiềm chế khỏi sự say-sưa (phù hoa) và sự lơ-tâm phóng dật, những người đã sống an-định trong sự nhẫn-nhịn và hiền-từ, là những người thuần-hóa hóa bản thân mình, làm tĩnh-lặng bản thân mình, và tu-tập bản thân để đạt tới Niết-bàn. Đây là trường hợp thứ tư tài sản đã được tiêu dùng tốt, đã được sử dụng một cách đúng đắn, và đã được dùng cho lý do xứng đáng.

"Này gia chủ, đó là bốn việc xứng đáng mà người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính.

"Đối với ai tiêu xài tài sản vào chỗ khác ngoài bốn việc xứng đáng này, thì tài sản đó được cho là đã bị tiêu xài lãng phí, đã bị phung phí, và đã bị sử dụng một cách vô công ích. Nhưng đối với ai biết tiêu dùng tài sản vào bốn việc xứng đáng nói trên, thì tài sản đó cho là đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng."

"Tôi đã hưởng thụ sự tài sản,
Đã nuôi nấng những người thân,
Và đã vượt qua những nghịch cảnh.
Tôi đã làm sự cúng dường cao thượng,
Và đã thực hiện năm sự dâng cúng.
Tôi đã phục vụ những Tỳ kheo đức hạnh,

Là những vị tự chủ sống độc thân.[100]

"Tôi đã thành tựu mọi mục đích,
Mà một người trí, đang sống tại gia
Có thể muốn làm khi mong cầu sự giàu có.
Những việc tôi đã làm tôi không hề hối tiếc."
Tưởng niệm điều này, một người sinh tử
Giữ mình ổn định trong Giáo Pháp thánh thiện.
Người ta khen ngợi người đó ở đây trong kiếp này.
Và sau khi chết người đó hưởng phước trên cõi trời.

(AN 4:61)

43 Không Bị Nợ Nần

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

"Này gia chủ, có bốn loại hạnh-phúc có thể đạt được bởi một người tại gia sống đời thụ hưởng khoái-lạc giác quan (dục lạc) tùy lúc và tùy thời. Bốn đó là gì? Đó là hạnh-phúc khi có tài sản, hạnh-phúc khi hưởng thụ, hạnh-phúc vì không nợ nần, và hạnh-phúc vì không tội-lỗi.[101]

(1) "Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc khi có tài sản? Ở đây một người tại gia sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát … có được một cách chân chính', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đây được gọi là niềm hạnh-phúc khi có tài sản.

(2) "Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc khi hưởng thụ? Ở đây, với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, một người tại gia được thụ hưởng của cải và

làm những việc công đức. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát … có được một cách chân chính, tôi được hưởng thụ của cải của tôi và làm những việc công đức', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc khi thụ hưởng.

(3) "Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc vì không bị nợ nần? Ở đây một người tại gia không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc vì không bị nợ nần.

(4) "Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc vì không tội lỗi? Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện được phú cho hành-động của thân, lời-nói, và tâm không tội lỗi (ba nghiệp phi tội lỗi). Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi được phú cho hành-động của thân, lời-nói, và tâm không tội lỗi', thì người đó trải nghiệm một niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc vì không tội lỗi.

"Này gia chủ, đó là bốn loại hạnh-phúc mà một người tại gia sống đời thụ hưởng khoái-lạc giác quan có thể đạt được, tùy lúc và tùy thời."

Sau khi đã biết sự hạnh phúc vì không bị nợ nần,
Người nên nhớ lại[102] sự hạnh phúc của sự sở-hữu (tài sản).
Thụ hưởng sự hạnh phúc của sự được thụ hưởng,
Một người vốn sinh tử nhìn thấy rõ những sự đó bằng trí-tuệ.

Trong khi nhìn thấy rõ những sự đó, người có trí
Biết được cả hai loại[103] sự hạnh phúc.
Những (3) loại hạnh phúc khác thì không đáng bằng
Một phần mười sáu của loại hạnh phúc vì không tội lỗi.[104]

(AN 4:62)

44 Sống Với Vị Trời … [105]

"Này các Tỳ kheo, (1) những gia đình sống có vị Trời [Brāhma, Phạm Thiên] khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (2) Những gia đình sống có những vị thầy đầu tiên (bậc tổ sư) khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (3) Những gia đình sống có những vị thiên thần đầu tiên (bậc tổ thiên thần) khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (4) Những gia đình sống có những bậc đáng cúng dường khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính.

"Này các Tỳ kheo, 'vị Trời' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Các vị tổ sư' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Những bậc tổ thiên thần' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Những bậc đáng cúng dường' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. Vì lý do gì? Bởi cha mẹ là nguồn giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi ăn, và giúp cho con cái nhìn thấy thế gian."

Cha mẹ được gọi là "vị Trời",
Cũng được gọi là "những bậc tổ sư".
Họ đáng được tặng quà bởi con cháu,
Vì họ có lòng bi-mẫn dành cho con cái.
Do vậy người có trí nên biết kính trọng cha mẹ,
Đối xử cha mẹ bằng sự tôn kính.
Một người nên phục vụ cha mẹ thức-ăn, thức uống,
Quần áo và giường chiếu,
Xoa bóp và tắm rửa,
Và rửa chân cho cha mẹ.
Nhờ sự phục vụ đó
Cho cha mẹ của mình,
Bậc trí hiền khen ngợi người đó trong thế gian này,
Sau khi chết người đó hưởng phúc trong cõi trời.

 # (AN 4:63)

45 Kesi

Lúc đó có người huấn luyện ngựa tên là Kesi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với ông:

"Này Kesi, anh nổi tiếng là một người huấn luyện ngựa (nài ngựa). Vậy theo cách nào anh chăn dắt để huấn luyện một con ngựa?"

"Thưa Thế Tôn, có ngựa con chăn dắt một cách nhẹ nhàng, có ngựa con chăn dắt một cách nghiêm khắc, và có ngựa con chăn dắt một cách vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc."

"Nhưng, này Kesi, nếu có ngựa nào được anh chăn dắt huấn luyện nhưng không phục tùng theo phương pháp nào anh mới nói, thì anh sẽ xử lý nó theo cách nào?"

"Thưa Thế Tôn, nếu có ngựa nào được con chăn dắt nhưng không phục tùng theo phương pháp nào con mới nói, thì con sẽ giết nó luôn. Vì sao? Vì làm vậy sẽ không bị quê nhục đối với phường hội những người dạy ngựa của con. Nhưng, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là người huấn luyện tối thượng của những người cần được thuần phục. Vậy theo cách nào Thế Tôn huấn luyện một người để được thuần phục?"

"Có người ta huấn luyện một cách nhẹ nhàng, có người ta huấn luyện một cách nghiêm khắc, và có người ta huấn luyện một cách vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc.

(1) "Này Kesi, đây là phương pháp nhẹ nhàng: 'Như vậy là hành vi thiện của thân, như vậy là kết quả của hành vi thiện của thân; như vậy là hành vi thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành vi thiện của lời-nói; như vậy là hành vi thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành vi thiện của tâm; như vậy là chúng thiên thần, như vậy là chúng người.'

(2) "Đây là phương pháp nghiêm khắc: 'Như vậy là hành vi bất thiện của thân, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của thân; như vậy hành vi bất thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của lời-nói; như vậy là hành vi bất thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành vi

bất thiện của tâm; như vậy là địa ngục, như vậy là cõi súc sinh, như vậy là cõi ngạ quỷ thống khổ.'

(3) "Đây là phương pháp vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc: (i) 'Như vậy là hành vi thiện của thân, như vậy là kết quả của hành vi thiện của thân; như vậy là hành vi thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành vi thiện của lời-nói; như vậy là hành vi thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành vi thiện của tâm; (ii) Như vậy là hành vi bất thiện của thân, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của thân; như vậy hành vi bất thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của lời-nói; như vậy là hành vi bất thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của tâm; (iii) Như vậy là chúng thiên thần, như vậy là chúng người; (iv) Như vậy là địa ngục, như vậy là cõi súc sinh, như vậy là cõi ngạ quỷ thống khổ.'"

"Nhưng, thưa Thế Tôn, nếu có người nào được Thế Tôn huấn luyện để thuần phục nhưng không phục tùng theo sự huấn luyện của một trong các phương pháp này, thì Thế Tôn sẽ xử lý người đó theo cách nào?"

(4) "Nếu có người nào được ta huấn luyện để được thuần phục mà không phụ tùng theo sự huấn luyện của một trong các phương pháp này, thì ta sẽ giết người đó."

"Nhưng, thưa Thế Tôn, bậc Thế Tôn thì đâu được phép sát-sinh. Nhưng Thế Tôn lại nói: 'Thì ta sẽ giết người đó.'"

"Đúng là vậy, này Kesi, rằng bậc Như Lai thì không thể sát-sinh. Tuy nhiên, khi một người cần được thuần phục không phục tùng theo sự huấn luyện của phương pháp chỉ dạy nhẹ nhàng, hay phương pháp nghiêm khắc, hay phương pháp vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc, thì Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa. Này Kesi, vì lý do này nên chữ "giết" theo giới luật Thánh Nhân ở đây có nghĩa là: Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những Tỳ

kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa."

"Thưa Thế Tôn, quả thực người đó (coi như) đã 'bị giết' rồi, sau khi (đến mức) Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa.

"Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy những hình sắc. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

(AN 4:111)

46 Đã Nghe

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ tìm thức-ăn của bầy sóc. Lúc đó có bà-la-môn tên Vassakāra, là tể tướng của vương quốc Ma-kiệt-đà (Magadha), đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau đó ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, đây là lý luận và quan điểm của tôi: (1) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được nhìn thấy: 'Tôi đã nhìn thấy điều như vậy'; (2) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được nghe thấy: 'Tôi đã nghe thấy điều như vậy'; (3) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được cảm thấy: 'Tôi đã cảm thấy điều như vậy'; (4) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được nhận biết: 'Tôi đã nhận biết điều như vậy.'

(1) "Này bà-la-môn, ta không nói nên nói về mọi thứ được nhìn thấy, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được nhìn thầy. (2) Ta không nói nên nói về mọi thứ được nghe thấy, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được nghe thầy. (3) Ta không nói nên nói về mọi thứ được cảm thấy, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được cảm thầy. (3) Ta không nói nên nói về mọi thứ được nhận biết, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được nhận biết.

(1) Bởi vì, này bà-la-môn, (i) nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nhìn thấy (hình-sắc) mà những phẩm chất bất thiện gia tăng và những phẩm chất thiện gia giảm, thì ta nói rằng người đó không nên nói về thứ mình đã nhìn thấy. (ii) Nhưng, nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nhìn thấy mà những phẩm chất bất thiện gia giảm và những phẩm chất thiện gia tăng, thì ta nói rằng người đó nên nói về thứ mình đã nhìn thấy.[106]

(2) (i) Nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nghe thấy (âm-thanh) …

(3) (i) Nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã cảm thấy (thứ hữu-hình chạm xúc) …

(4) (i) Nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã cảm thấy (hiện-tượng thuộc tâm) mà những phẩm chất bất thiện gia tăng và những phẩm chất thiện gia giảm, thì ta nói rằng người đó không nên nói về thứ mình đã nhận biết. (ii) Nhưng, nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nhận biết mà những phẩm chất bất thiện gia giảm và những phẩm chất thiện gia tăng, thì ta nói rằng người đó nên nói về thứ mình đã nhận biết."

Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

(AN 4:183)

47 Không Sợ Hãi

Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi sau khi ngồi xuống một bên, ông nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, đây là lý luận và quan điểm của tôi: khi biết mình phải bị chết thì không ai mà không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

"Này bà-la-môn, có những người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết, nhưng cũng có những người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(I) "Và, này bà-la-môn, ai là những người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết?

(1) "Ở đây, có người có nhiều tham dục, tham muốn, sự luyến ái (cảm tình), sự thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với *những dục-lạc* [khoái-lạc giác quan]. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ (về cái chết): 'Ôi trời, những dục-lạc yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ những dục-lạc đó.' Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(2) "Lại nữa, có người có nhiều tham dục, tham muốn, sự luyến ái (cảm tình), sự thèm khát, đam mê, và dục vọng đối với *thân-thể*. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ (về cái chết): 'Ôi trời, thân-thể yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ thân-thể này.' Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(3) "Lại nữa, có người đã không làm điều gì tốt và thiện lành, cũng không làm nên chỗ nương-tựa cho bản thân mình, mà người đó chỉ làm những việc xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: 'Ôi trời, tôi đã không làm điều gì tốt và thiện lành, cũng không làm nên chỗ nương-tựa cho chính mình, mà tôi chỉ làm những việc xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm. Khi tôi qua đời, tôi sẽ gặp phải số phận tương xứng. Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán;

người đó khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(4) "Lại nữa, có người ở đây còn bối rối, còn nghi ngờ, và chưa nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: 'Ôi trời, tôi còn bối rối, còn nghi ngờ, và chưa nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành.' Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

"Đây là bốn loại người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(II) "Và, này bà-la-môn, ai là những người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết?

(1) "Ở đây, có người không có tham dục, tham muốn, sự luyến ái cảm tình), sự thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với *những dục-lạc*. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người không đó nghĩ kiểu: 'Ôi trời, những dục-lạc yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ những dục-lạc đó.' Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(2) "Lại nữa, có người không có tham dục, tham muốn, sự luyến ái cảm tình), sự thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với *thân-thể*. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người không đó nghĩ kiểu: 'Ôi trời, thân-thể yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ thân-thể này.' Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết những không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(3) "Lại nữa, có người đã không làm những điều xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm, mà người đó chỉ làm những điều tốt và thiện lành, và cũng làm nên chỗ nương-tựa cho bản thân mình. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: 'Ơn trời, tôi đã không những điều xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm, mà tôi chỉ làm những việc tốt và thiện lành, và

đã làm nên chỗ nương-tựa cho bản thân mình. Khi tôi qua đời, tôi sẽ gặp được số phận tương xứng.' Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(4) "Lại nữa, có người ở đây không còn bối rối, không còn nghi ngờ, và đã nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: 'Ơn trời, tôi không còn bối rối, không còn nghi ngờ, và đã nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành.' Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

"Đây là bốn loại người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết."

"Thật hay khéo, Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như thầy đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy những hình sắc. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến hết đời."

(AN 4:184)

48 Bà-la-môn Vassakāra

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có bà-la-môn tên Vassakāra, là vị tể tướng của vương quốc Ma-kiệt-đà (Magadha), đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, ông đã nói với đức Thế Tôn: (I)

(1) "Thầy Cồ-đàm, một người xấu có thể biết một người xấu [để nói]: 'Kẻ này là người xấu', hay không?"

"Này bà-la-môn, không thể có và không thể hình dung rằng một người xấu có thể biết một người xấu [để nói]: 'Kẻ này là người xấu'."

(2) "Vậy một người xấu có thể biết một người tốt là tốt, hay không?"

"Này bà-la-môn, không thể, và người xấu thì không thể biết một người một người tốt là tốt."

(3) "Một người tốt có thể biết một người tốt [để nói]: 'Người này là người tốt', hay không?"

"Này bà-la-môn, có thể rằng một người tốt có thể biết một người tốt [để nói]: 'Người này là người tốt'."

(4) "Vậy một người tốt có thể biết một người xấu [để nói]: 'Kẻ này là người xấu', hay không?"

"Này bà-la-môn, cũng có thể rằng một người tốt có thể biết một người xấu [để nói]: 'Kẻ này là người xấu'."

"Thật kỳ lạ và kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm, là cách mà những điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cồ-đàm: "Này bà-la-môn, không thể có và không thể hình dung rằng một người xấu có thể biết một người xấu … (*04 câu trả lời trên của Phật*) …"

(II) "Thầy Cồ-đàm, trong một lần những thành viên của hội của bà-la-môn Todeyya đang bài bác những người khác, [họ nói]: 'Vua Eḷeyya là người ngu, bởi ông cả tin vào tu sĩ Rāmaputta, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.[107] Những quan thần của Vua Eḷeyya—gồm Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, và Aggivessa—cũng đều là người ngu, bởi họ cũng cả tin vào tu sĩ Rāmaputta, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.'

Lúc đó, bà-la-môn Todeyya mới lý giải dẫn dắt họ lòng vòng bằng phương pháp này:

(i) "Này quý vị, quý vị nghĩ sao, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, có phải Vua Eḷeyya là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường, phải không?"

"[Họ trả lời:] Đúng vậy, thưa ngài, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, Vua Eḷeyya là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường."

"Nhưng, này quý vị, chính vì tu sĩ Rāmaputta còn khôn khéo và tinh tường hơn cả Vua King Eḷeyya trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, cho nên Vua Eḷeyya mới có lòng-tin hoàn toàn vào ông ấy, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.'

(ii) "Này quý vị, quý vị nghĩ sao, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, có phải những quan thần của Vua Eḷeyya—gồm Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, và Aggivessa—là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường?"

"'Đúng vậy, thưa ngài, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, họ là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường."

"Nhưng, này quý vị, chính vì tu sĩ Rāmaputta còn khôn khéo và tinh tường hơn cả họ trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, cho nên họ mới có lòng-tin hoàn toàn vào ông ấy, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.'[108]

"Thật kỳ lạ và kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm, là cách mà những điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cồ-đàm: "Này bà-la-môn, không thể có và không thể hình dung rằng một người xấu có thể biết một người xấu … (*04 câu trả lời trên của Phật*) …" Và bây giờ, thưa Thầy Cồ-đàm, chúng tôi phải đi đây. Chúng tôi bận và có nhiều việc phải làm."

"Này bà-la-môn, ngài cứ tùy tiện mà đi."

Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, sau khi hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

(AN 4:187)

49 Ông Upaka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó có ông Upaka Maṇḍikāputta đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và nói:

"Thưa Ngài, đây là lý luận và quan điểm của tôi: Nếu ai bài bác người khác nhưng không chứng thực được điều đó, thì người đó là có lỗi và đáng chê trách."

"Này Upaka, nếu ai bài bác người khác nhưng không chứng thực được điều đó, thì người đó là có tội và đáng chê trách. Nhưng ông bài bác người khác và không chứng thực điều đó, vậy ông cũng có lỗi và đáng chê trách."

"Thưa Ngài, giống như một người dùng một bẫy lớn để canh bắt [con cá] đang trồi lên [mặt nước]; cũng giống như vậy, khi tôi mới nổi lên Thế Tôn đã canh bắt tôi bằng một bẫy lớn trong cuộc đàm luận."

(1) "Này Upaka, ta đã tuyên bố: 'Điều này bất thiện'. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: 'Vì những lý do như vầy và như vậy, điều này là bất thiện'.

(2) "Này Upaka, ta đã tuyên bố: 'Rằng những điều bất thiện nên được dẹp bỏ'. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: 'Vì những lý do như vầy và như vậy, rằng những điều bất thiện nên được dẹp bỏ'.

(3) "Này Upaka, ta đã tuyên bố: 'Đây là thiện'. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: 'Vì những lý do như vầy và như vậy, điều này là thiện'.

(4) "Này Upaka, ta đã tuyên bố: 'Rằng những điều thiện nên được tu dưỡng'. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: 'Vì những lý do như vầy và như vậy, rằng những điều thiện nên được tu dưỡng'.

Rồi ông Upaka Maṇḍikāputta, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Sau đó ông đến gặp Vua A-xà-thế (Ajātasattu Vedehiputta) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) và kể lại cho vua nghe toàn bộ cuộc nói chuyện với đức Thế Tôn.

Khi ông kể xong, Vua A-xà-thế liền bực mình và nổi giận, ông nói với Upaka Maṇḍikāputta: "Thật là cả gan, này đứa con của dân làm muối! Thật thô lỗ, thật hỗn xược, ông dám nghĩ có thể công kích đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác như vậy sao. Hãy biến đi, Upaka, biến đi! Biến khỏi mắt ta!"

(AN 4:188)

50 Ông Bhaddiya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī trong hội trường có mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Bhaddiya người Licchavi đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, con nghe (người ta nói) điều này: 'Sa-môn Cồ-đàm là một nhà huyền thuật, là người biết bùa thuật để chuyển đạo nhờ đó ông

ta chuyển đạo (cải đạo) những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.'[109] Có phải những người nói như vậy là nói đúng điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai bằng điều gì trái với điều (mà đức Thế Tôn đã nói) đó? Có phải họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và do vậy họ không tạo cơ sở có lý nào để bị (người khác) phê bình hay bác bỏ? Vì chúng con không muốn diễn dịch sai lời đức Thế Tôn."

(I) "Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng, bởi tông phái truyền thừa, bởi lời đồn đại, bởi kinh sách; bởi sự lý luận theo lý lẽ, bởi lý luận do suy đoán, bởi sự nhận thấy có lý, bởi do chấp nhận một quan điểm sau khi xem xét kỹ nó; bởi bề ngoài (vị đó) có vẻ cao đạo, hay bởi do ý nghĩ 'Vị đó là sư thầy của chúng ta mà'. Nhưng khi nào chú tự mình biết được: 'Những điều này là bất thiện; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau', thì chú nên dẹp bỏ chúng.[110]

(1) "Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?"

"Mang lại nguy hại, thưa Thế Tôn."

"Này Bhaddiya, một người tham lam, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, nên mới sát-sinh, gian-cắp (lấy của không được cho), tà-dâm (gian dâm, ngoại tình), và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Thế Tôn."

(2) "Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi sân … (3) Khi si … (4) Khi sự thái-quá khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?"

"Mang lại nguy hại, thưa Thế Tôn."[111]

"Này Bhaddiya, một người sân hận, bị chi phối bởi sân … bởi si … bởi tính thái-quá, với một cái tâm bị ám muội bởi sân … bởi si … bởi tính thái-quá, nên mới sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm, và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Thế Tôn."

"Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Không thiện lành, thưa Thế Tôn" – "Đáng chê trách hay không đáng chê trách?" – "Đáng chê trách, thưa Thế Tôn" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?" – "Bị quở trách bởi bậc trí hiền, thưa Thế Tôn" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau hay không, chú thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau, con thấy như vậy."

"Như vậy, này Bhaddiya, khi ta nói: 'Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng … Nhưng khi nào chú tự mình biết được: 'Những điều này là không thiện lành … thì chú nên dẹp bỏ chúng" (*như đoạn đầu (I) ở trên*), thì chính vì lý lẽ này nên ta đã nói như vậy."

(II) Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng … Nhưng, này Bhaddiya, khi nào chú tự mình biết được: 'Những điều này là thiện lành; những điều này là không đáng chê trách (không tội lỗi); những điều này là không bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc', thì chú nên sống theo chúng."

(1) "Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?"

"Mang lại ích lợi, thưa Thế Tôn."

"Này Bhaddiya, một người không tham lam, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, thì không sát-sinh, gian-cắp (lấy của không được cho), tà-dâm (gian dâm, ngoại tình), hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm

vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Thế Tôn."

(2) "Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi sự vô-sân … (3) Khi sự vô-si … (4) Khi sự không thái-quá khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?"

"Mang lại ích lợi, thưa Thế Tôn."

"Này Bhaddiya, một người không sân … không si … không thái-quá, không bị chi phối bởi sân … bởi si … bởi tính thái-quá, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân … bởi si … bởi tính thái-quá, thì không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm, hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?"

"Đúng vậy, thưa Thế Tôn."

"Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Thiện lành, thưa Thế Tôn" – "Đáng chê trách hay không đáng chê trách?" – "Không đáng chê trách, thưa Thế Tôn" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?" – "Được khen ngợi bởi bậc trí hiền, thưa Thế Tôn" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không, chú thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; con thấy như vậy."

"Như vậy, này Bhaddiya, khi ta nói: 'Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng … Nhưng khi nào chú tự mình biết được: 'Những điều này là thiện lành … thì chú nên sống theo chúng" (*như đoạn đầu (II) ở trên*), thì chính vì lý lẽ này nên ta đã nói như vậy."

(III) "Này Bhaddiya, những người tốt trong thế gian thì khích lệ đệ tử của mình như vầy: 'Này người tốt, anh nên thường trực trừ bỏ tham.[112] Khi anh thường trực trừ bỏ tham, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ tham, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm. Anh nên thường trực trừ bỏ sân.

Khi anh thường trực trừ bỏ sân, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ sân, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm. Khi anh thường trực trừ bỏ si, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ si, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm. Khi anh thường trực trừ bỏ sự thái-quá, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ tính thái-quá, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm.'"

Sau khi điều này được nói ra, ông Bhaddiya người Licchavi đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! … [*giống đoạn cuối kinh* ***4:111***] … Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

"Giờ, này Bhaddiya, ta có bao giờ nói với chú rằng: 'Này Bhaddiya, hãy đến đây làm môn đồ của ta và ta sẽ làm sư thầy của ông', hay không?"

"Chắc chắn không có vậy, thưa Thế Tôn"

"Nhưng, này Bhaddiya, mặc dù ta nói ra như vậy và tuyên thuyết [giáo lý của ta] theo cách như vậy, vẫn có một số những tu sĩ và bà-la-môn đã diễn dịch lời ta một cách không đúng sự thật, không có căn cứ, sai giả, và sai trái khi họ nói rằng: 'Sa-môn Cồ-đàm là một nhà huyền thuật, là người biết bùa thuật chuyển đạo nhờ đó ông ta chuyển đạo những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.'

"Cái 'bùa chuyển đạo' đó là thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Cái 'thuật chuyển đạo' đó thật là tốt lành, thưa Thế Tôn! Nếu những người họ hàng và những người thân yêu quý trong gia đình của con được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này, chắc điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu tất cả những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu những bà-la-môn … những người giai cấp thương-nông (vessa) … những người giai cấp hạ-tiện (sudda) được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ."[113]

"Đúng là vậy, này Bhaddiya, đúng là vậy! Nếu tất cả những người giai cấp chiến-sĩ mà được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này để hướng tới

sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và sự thu-nạp những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu những bà-la-môn … những người giai cấp thương-nông (vessa) … những người giai cấp hạ-tiện (sudda) được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và sự thu-nạp những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu thế gian này có những thiên-thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và con người mà được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và tích đạt những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho thế gian. Nếu những cây sa-la (long thọ) lớn này mà cũng được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và tích đạt những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó thậm chí cũng dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho chúng, nếu mà chúng có thể chọn.[114] Huống chi một người mà biết chọn thì tốt lành nhiều tới mức nào!"

(AN 4:193)

51 Thị Trấn Sāpūga

Trong một lần đức Ngài Ānanda đang sống giữa xứ người Koliya (Câu-lợi) gần một thị trấn của họ có tên là thị trấn Sāpūga. Lúc đó có một số thanh niên người Koliya từ thị trấn Sāpūga đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, và ngồi xuống một bên. Rồi thầy Ānanda mới nói với họ:

"Này những người (họ tộc) Byagghapajja, có bốn yếu tố của sự chuyên-cần tu (bốn chi tinh cần) để dẫn tới sự thanh-lọc (thanh tịnh, trong sạch)[115] mà đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc biết và thấy, đã thuyết giảng một cách đúng đắn (vì sự) để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Bốn đó là gì? Yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của

giới-hạnh, yếu tố của sự chuyên-cần tu để dẫn tới sự thanh-lọc của tâm, yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của cách-nhìn, và yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của sự giải-thoát.[116]

(1) "Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố của sự chuyên-cần tu (chi tinh cần) để đạt tới sự thanh-lọc của giới-hạnh? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. Đây được gọi là 'sự trong-sạch của giới-hạnh'. Sự mong muốn, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như vầy]: 'Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện 'sự trong-sạch của giới-hạnh' mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho 'sự thanh lọc của giới-hạnh' mà tôi đã tu thành'[117]—đây được gọi là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của giới-hạnh.

(2) "Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của tâm? Ở đây, một Tỳ kheo: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là 'sự trong-sạch của tâm'. Sự mong muốn, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như vầy]: 'Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện 'sự trong-sạch của tâm' mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho 'sự thanh lọc của tâm' mà tôi đã tu thành'—đây được gọi là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của tâm.

(3) "Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của cách-nhìn (kiến)? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ' … 'Đây là nguồn-gốc

khổ' … 'Đây là sự chấm-dứt khổ' … 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Đây được gọi là 'sự thanh lọc cách-nhìn'.[118] Sự mong muốn, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như vầy]: 'Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện 'sự trong-sạch của cách-nhìn' mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho 'sự thanh lọc của cách-nhìn' mà tôi đã tu thành'—đây được gọi là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của cách-nhìn.

(4) "Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của sự giải-thoát? Ở đây, cũng chính vị thánh đệ tử đó, sau khi đã có-được yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của giới-hạnh như vậy, đã có-được yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của tâm như vậy, đã có-được yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của cách-nhìn như vậy, người đó (i) tách ly tâm mình khỏi những thứ gây ra sự ràng-buộc và (ii) giải thoát tâm mình thông qua những thứ đưa đến sự giải-thoát. Nhờ đó người đó đạt tới sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là 'sự thanh lọc sự giải-thoát'.[119] Sự mong muốn, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như vầy]: 'Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện 'sự trong-sạch của sự giải-thoát' mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho 'sự thanh lọc của sự giải-thoát' mà tôi đã tu thành'—đây được gọi là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của sự giải-thoát.

"Này những người (họ tộc) Byagghapajja, đây là bốn yếu tố của sự chuyên-cần tu (bốn chi tinh cần) để đạt tới sự thanh-lọc (sự thanh tịnh) mà đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc biết và thấy, đã thuyết giảng một cách đúng đắn (vì sự) để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn."

(AN 4:194)

52 *Ông Vapa*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người xứ Thích-ca (Sakya) ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Vườn Cây Banyan. Lúc đó có ông Vappa người họ tộc Thích-ca, là một đệ tử của những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha), đã đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên, kính lễ thầy ấy và ngồi xuống một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với ông ấy:

"Ở đây, này chú Vappa, nếu một người được kiềm chế về [bởi] thân, lời-nói và tâm thì, khi vô-minh phai biến và trí-biết đích thực (minh) khởi sinh, ông thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?"

"Tôi thấy có khả năng đó, thưa Ngài. Trong quá khứ một người đã làm việc xấu ác mà quả của nó hiện chưa chín muồi. Vì lý do đó (tức còn nghiệp chưa chín muồi thành quả) mà những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau."[120]

Trong khi cuộc đàm đạo này giữa hai người đang diễn ra, lúc đó vào cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến hội trường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với thầy Mục-kiền-liên:

"Này Mục-kiền-liên, cuộc thảo luận mà thầy đang tham gia là gì? Và cuộc đàm đạo của thầy đang diễn ra là gì?"

[Thầy Mục-kiền-liên kể lại toàn bộ cuộc nói chuyện của mình với ông Vappa người họ Thích-ca, và nói thêm:]

"Thưa Thế Tôn, đây là cuộc thảo luận mà con đang nói với ông Vappa người họ Thích-ca khi đức Thế Tôn đến."

Rồi đức Thế Tôn nói với ông Vappa:

"Này chú Vappa, nếu chú thừa nhận điều nên được thừa nhận, và từ chối điều nên được từ chối; và nếu khi chú không hiểu nghĩa của lời ta nói

chú sẽ hỏi kỹ lại ta: 'Điều này là sao, thưa Ngài? Nghĩa của điều này là gì, thưa Ngài', thì chúng ta có thể thảo luận vấn đề này."

"Thưa Ngài, tôi sẽ làm như Ngài yêu cầu, và nếu khi tôi không hiểu nghĩa của lời Ngài nói, tôi sẽ hỏi kỹ Ngài: 'Điều này là sao, thưa Ngài? Nghĩa của điều này là gì, thưa Ngài'. Vậy chúng ta cùng thảo luận tiếp vấn đề này."

(1) "Này Vappa, chú nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, vốn khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng *thân*; chúng không xảy ra nếu một người (biết) kiềm-chế chúng (những sự chủ-động-làm). Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại.[121] Sự phai-mòn đó (phai đi, phai dần) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Này Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?"

"Không, thưa Ngài"

(2) "Này Vappa, chú nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, vốn khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng *lời-nói*; chúng không xảy ra nếu một người (biết) kiềm-chế chúng (những sự chủ-động-làm). Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Này Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?"

"Không, thưa Ngài"

(3) "Này Vappa, chú nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, vốn khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng *tâm*; chúng không xảy ra nếu một người (biết) kiềm-chế chúng (những sự chủ-động-làm). Người

đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Này Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?"

"Không, thưa Ngài"

(4) "Này Vappa, ông nghĩ sao? Khi vô-minh phai biến và trí-biết trực tiếp (minh) khởi sinh, thì những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, vốn khởi sinh do vô-minh là điều-kiện (duyên), sẽ không còn xảy ra. Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Này Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?"

"Không, thưa Ngài"

"Này Vappa, một Tỳ kheo đã giải thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy là thành tựu sáu sự an-trú thường xuyên. (i) Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết.[122] (ii) Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … (iii) Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … (iv) Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … (v) Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân … (vi) Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết.

"Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này, người đó hiểu: 'Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này.' Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này, người đó hiểu: 'Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này.' Người đó hiểu rằng: 'Khi thân tan rã, theo sau

là sự cạn dứt mạng sống (thân hoại, mạng chung), tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.'[123]

"Này chú Vappa, ví dụ có một cái bóng do còn một gốc cây (bóng của gốc cây đó). Rồi một người đến cầm theo cái xẻng và cái rổ đựng. Người đó đào bứng gốc nó, đào nó lên, bứng hết rễ của nó, ngay cả những cọng rễ nhỏ và rễ tơ cũng không còn. Rồi ông ta chặt nó ra từng miếng, bầm nhỏ chúng, và bầm nát chúng. Rồi người đó đem phơi dưới nắng và gió, rồi đốt chúng trong lửa và đốt thành tro. Sau khi làm xong, người đó đem tro quăng trong gió mạnh hoặc rải chúng xuống dòng sông chảy xiết (để tán mất vĩnh viễn). Như vậy cái bóng, do có gốc cây mà có, giờ đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.[124]

"Cũng giống như vậy, này Vappa, một Tỳ kheo đã giải thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy là thành tựu sáu sự an-trú thường xuyên. (i) Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết. (ii) Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … (iii) Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … (iv) Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … (v) Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân … (vi) Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết.

"Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này, người đó hiểu: 'Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này.' Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này, người đó hiểu: 'Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này.' Người đó hiểu rằng: 'Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng sống (thân hoại, mạng chung), tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.'"

Sau khi điều này được nói ra, ông Vappa người họ tộc Thích-ca, là một đệ tử của những Ni-kiền-tử, đã nói với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, giống như có người muốn thu lợi nên nuôi ngựa để bán, nhưng ông ta chẳng thu được lợi gì mà chỉ thu được sự mệt mỏi và phiền khổ. Giống như vậy, cũng vì mưu cầu lợi lộc con đã tham gia theo những Ni-kiền-tử ngu ngốc, nhưng con chẳng thu được lợi lộc gì mà chỉ thu được sự mệt mỏi và phiền khổ. Kể từ hôm nay, mọi niềm-tin con đã tin vào những Ni-kiền-tử, con sẽ quăng đi trong gió mạnh hay rải xuống dòng sông chảy xiết (để vĩnh viễn không còn).

"Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! … [*giống hệt đoạn cuối kinh* ***4:111***] … Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

(AN 4:194)

53 Ông Sāḷha

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Sāḷha và ông Abhaya đều là người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi ông Sāḷha đã thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, có những tu sĩ và bà-la-môn là người tuyên bố 'sự vượt qua dòng-lũ' thông qua hai sự: (i) bằng phương tiện là 'sự thanh lọc giới-hạnh' và (ii) bằng phương tiện là 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm' (với bản thân).[125] Đức Thế Tôn nói sao về điều này?"

(I) "Này Sāḷha, ta nói 'sự thanh lọc giới-hạnh' là một trong những chi phần của đời sống tu sĩ (đời sống sa-môn, sa-môn hạnh). Nhưng những tu sĩ và bà-la-môn đó nếu chủ trương 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm', là những người coi 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm' là cốt-lõi (của đời tu), và những người tu theo cách tu là 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm' thì không thể nào vượt qua dòng-lũ.[126] Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân,

lời-nói và tâm không trong sạch, và sự mưu-sinh của họ không trong sạch, thì không thể đạt được sự-biết và sự-thấy, không thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

"Này chú Sāḷha, ví dụ một người muốn vượt qua sông, người đó mang rìu bén và đi vô rừng. Ở đó người đó thấy một cây sa-la thân lớn, còn non, thẳng, tươi, chưa có lõi từ nụ quả (giống như lõi cùi chuối sau khi thân chuối ra buồng). Người đó đốn hạ gốc nó, chặt bỏ phần ngọn, róc sạch cành và lá, gọt tỉa bằng rìu lớn, gọt tỉa thêm bằng rìu nhỏ, bào nó bằng cái bào, mài nó bằng đá mài, và đưa nó xuống nước để qua sông. Này Sāḷha, chú nghĩ sao? Liệu người đó có vượt qua sông được không?"

"Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì cho dù thân tươi cây sa-la đã được làm sạch hết phần bên ngoài nhưng nó chưa được làm (đục) sạch hết phần bên trong. Có thể biết trước thân tươi cây sa-la đó sẽ bị chìm, và người đó sẽ gặp phải tai họa và khổ nạn."

"Cũng giống như vậy, này Sāḷha, những tu sĩ và bà-la-môn đó nếu chủ trương 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm', là những người coi 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm' là cốt-lõi (của đời tu), và những người tu theo cách ''sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm'' thì không thể nào vượt qua dòng-lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm không trong sạch, và sự mưu-sinh của họ không trong sạch, thì không thể đạt được sự-biết và sự-thấy, không thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

(II) "Nhưng, này Sāḷha, những tu sĩ và bà-la-môn nào không chủ trương 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm', là những người không coi 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm' là cốt-lõi (của đời tu), và những người không tu theo cách tu là 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm' thì có thể vượt qua dòng-lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm là trong sạch, và sự mưu-sinh của họ là trong sạch, thì có thể đạt được sự-biết và sự-thấy, có thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

"Này Sāḷha, ví dụ một người muốn vượt qua sông, người đó mang rìu bén và đi vô rừng. Ở đó người đó thấy một cây sa-la thân lớn, còn non,

thẳng, tươi, chưa có lõi từ nụ quả. Người đó đốn hạ gốc nó, chặt bỏ phần ngọn, róc sạch cành và lá, gọt tỉa bằng rìu lớn, gọt tỉa thêm bằng rìu nhỏ, bào nó bằng cái bào, dùng cái đục đục sạch hết phần ruột cây bên trong, mài nó bằng đá mài, và làm nó thành một chiếc xuồng. Rồi gắn thêm mấy mái chèo và bánh lái để vượt qua sông. Này Sāḷha, chú nghĩ sao? Liệu người đó có vượt qua sông được không?"

"Được, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì thân tươi cây sa-la đã được làm sạch hết phần bên ngoài và cũng được làm (đục) sạch hết phần bên trong, được làm thành một cái xuồng, được gắn thêm mấy mái chèo và và bánh lái. Có thể biết trước thân tươi cây sa-la đó sẽ không bị chìm, và người đó sẽ an toàn qua tới bờ bên kia (đáo bỉ ngạn)."

(1) "Cũng giống như vậy, những tu sĩ và bà-la-môn nào không chủ trương 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm', là những người không coi 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm' là cốt-lõi (của đời tu), và những người không tu theo cách tu 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm' thì có thể vượt qua dòng-lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm là trong sạch, và sự mưu-sinh của họ là trong sạch, thì có thể đạt được sự-biết và sự-thấy, có thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

"Ngay cả một chiến binh có biết nhiều thành tích khác nhau thực hiện được bằng những mũi tên, nhưng chỉ khi nào người đó có được ba phẩm-chất thì người đó xứng đáng là của nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Ba đó là gì? Người đó là một người bắn tầm xa, người bắn chính xác, và người phá vỡ vật thể lớn.

(2) "Giống như một chiến binh là người bắn tầm xa, một thánh đệ tử thì có sự chánh-định (sự định-tâm đúng đắn). Mọi sắc-thân dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần—một thánh đệ tử có sự chánh-định nhìn thấy tất cả sắc đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta'.'

"Mọi cảm-giác dù là loại gì … Mọi nhận-thức dù là loại gì … Những sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … Mọi thức dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần—một thánh đệ tử có chánh-định nhìn thấy tất cả cảm-giác … nhận-thức … sự tạo-tác cố ý … thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta'.'

(3) "Giống như một chiến binh là người bắn chính xác (bắn tỉa), một thánh đệ tử thì có sự chánh-kiến (cách-nhìn đúng đắn). Một thánh đệ tử có sự chánh-kiến hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'.

(4) "Giống như một chiến binh phá vỡ vật thể lớn (công phá), một thánh đệ tử thì có sự chánh giải-thoát (sự giải-thoát đúng đắn). Một thánh đệ tử có sự chánh giải-thoát là đã phá vỡ khối 'vô-minh' lớn."[127]

(AN 4:196)

54 *Hoàng Hậu Mallikā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có Hoàng hậu Mallikā đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:[128]

(1) "Thưa Thế Tôn, tại sao ở đây có những phụ nữ là (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn [không uy được với ai, nói hỏng ai nghe]?

(2) "Lại có những phụ nữ là (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; nhưng (ii) giàu, giàu có, và (iii) phận lớn uy [có ảnh hưởng, nói nhiều người nghe]?

(3) "Lại có những phụ nữ là (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; nhưng lại (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn?

(4) Và lại có những phụ nữ là (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; (ii) giàu, giàu có; và (iii) có phận lớn uy?"

(1) "Này Hoàng hậu Mallikā, ở đây có phụ nữ (i) dễ nổi giận và dễ bị bực tức. Ngay cả khi bị phê bình chút xíu cô ta cũng mất bình tĩnh và trở nên tức giận, hung dữ, và ngang ngạnh; cô ta thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự đắng cay. (ii) Cô ta không bố thí thứ cho những những tu sĩ hay bà-la-môn những thứ như: thức ăn, thức uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm và phấn sáp; chỗ nằm, chỗ ở, và đèn sáng. (iii) Và cô ta ghen tỵ, là người ganh tỵ, bực tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (1): (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn.

(2) "Lại có phụ nữ (i) dễ nổi giận và dễ bị bực tức … (*như trên*) … (ii) Nhưng cô ta bố thí nhiều thứ cho những những tu sĩ hay bà-la-môn. (iii) Và cô ta không ghen tỵ, không phải là người ganh tỵ, không bực tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (2): (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; nhưng (ii) giàu, giàu có, và (iii) phận lớn uy.

(3) "Lại có phụ nữ (i) không dễ nổi giận hay dễ bị bực tức. Ngay cả khi bị phê bình đủ thứ cô ta cũng không mất bình tĩnh và không trở nên tức giận, hung dữ, hay ngang ngạnh; cô ta không thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự đắng cay. (ii) Nhưng cô ta không bố thí thứ gì cho những tu sĩ hay bà-la-môn. (iii) Và cô ta ghen tỵ, là người ganh tỵ, bực tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (3): (i) đẹp, hấp dẫn,

và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; nhưng lại (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn.

(4) "Và lại có phụ nữ (i) không dễ nổi giận và dễ bị bực tức … (ii) Và cô ta bố thí nhiều thứ cho những những tu sĩ và bà-la-môn. (iii) Và cô ta là không ghen tỵ, không phải là người ganh tỵ … Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (4): (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; và (ii) giàu, giàu có; và (iii) có phận lớn uy.

"Này Hoàng hậu Mallikā, đây là những lý do tại sao ở đây có những phụ nữ [như loại (1), (2), (3) và (4)] như vậy."

Sau khi điều này được nói ra, Hoàng hậu Mallikā đã thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, con giả sử rằng: (i) trong kiếp trước nào đó con dễ nổi giận và dễ bị bực tức … Do vậy giờ con là xấu, xấu xí, và khó nhìn. (ii) Nhưng giả sử trong kiếp trước nào đó con bố thí nhiều thứ cho những những tu sĩ và bà-la-môn … Do vậy giờ con là giàu, giàu có. (iii) Và giả sử trong kiếp trước nào đó con không ghen tỵ, không phải là người ganh tỵ … Do vậy giờ con là phận lớn uy. Trong cung đình này có những cô gái từ những gia đình thuộc giai cấp chiến-sĩ (khattiya), bà-la-môn, và gia chủ, con đều sai khiến được.

"Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay, con sẽ (i) không dễ nóng giận hay dễ bị bực tức. Dù con có bị phê bình đủ thứ con sẽ không mất sự bình tĩnh và không trở nên tức giận, hung dữ, hay ngang ngạnh; con sẽ không thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự cay đắng. (ii) Và con sẽ biết bố thí nhiều thứ cần thiết cho những tu sĩ và bà-la-môn … (iii) Và con sẽ không ghen tỵ, không là người ganh tỵ …

"Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! … [*giống hệt đoạn cuối kinh* ***4:111***] … Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

(AN 4:197)

55 Bà-la-môn Soṇakāyana

Lúc đó có bà-la-môn tên Sikhāmoggallāna đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, ông ta nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, trong những ngày trước, đã lâu, có môn sinh bà-la-môn tên là Soṇakāyana đã đến gặp tôi và thưa rằng: 'Sa-môn Cồ-đàm chỉ định sự dứt bỏ khỏi mọi nghiệp. Nhưng nếu chỉ định sự dứt bỏ nghiệp là sa-môn Cồ-đàm chủ trương sự hủy diệt của thế giới. Thưa ngài, thế giới này có nghiệp là chất liệu của nó, nó liên tục nhờ nhận lãnh nghiệp cơ mà.'"

[Đức Thế Tôn nói:] "Này bà-la-môn, ta thậm chí không nhớ có gặp môn sinh bà-la-môn nào tên Soṇakāyana. Vậy làm gì có cuộc thảo luận nào như vậy với anh ta? Này bà-la-môn, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? … "

[*Phần còn lại y hệt nội dung kinh* ***4:233*** *kế trên.*]

(AN 4:234)

(IV) Quyển "NĂM":

56 Công Chúa Sumanā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có công chúa Sumanā,[129] được hộ tống bởi năm trăm xe ngựa và năm trăm người nữ hầu, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Công chúa Sumanā thưa với đức Thế Tôn:

"Ở đây, thưa Thế Tôn, có thể nào có hai đệ tử của đức Thế Tôn ngang bằng nhau về niềm-tin, giới-hạnh, và trí-tuệ, nhưng một người thì rộng lòng bố-thí, người kia thì không. Khi thân tan rã, sau khi chết, họ đều được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Sau khi họ thành những thiên thần ở đó, đâu là sự phân biệt hay khác biệt giữa hai vị đó?"

"Có thể có vậy, này Sumanā", đức Thế Tôn nói. "Người rộng lòng bố-thí, sau khi trở thành thiên thần, sẽ hơn hẳn người kia về năm sự: (i) về tuổi thọ cõi trời, (ii) về sắc đẹp cõi trời, (iii) về hạnh phúc cõi trời, (iv) về vinh quang cõi trời, và (v) về uy quyền cõi trời. Người rộng lòng bố-thí, sau khi trở thành thiên thần, sẽ siêu xuất hơn người kia về năm điều đó."

"Nhưng, thưa Thế Tôn, có thể nào nếu hai vị đó qua đời ở cõi trời đó và trở lại làm người, đâu là sự phân biệt và sự khác biệt giữa hai vị đó?"

"Có thể có vậy, này Sumanā", đức Thế Tôn nói. "Khi họ cùng trở thành người trở lại, người rộng lòng bố-thí sẽ hơn hẳn người kia về năm sự: (i) về tuổi thọ cõi người, (ii) về sắc đẹp cõi người, (iii) về hạnh phúc cõi người, (iv) về vinh quang cõi người, và (v) về uy quyền cõi người. Khi họ cùng trở thành người trở lại, người rộng lòng bố-thí sẽ hơn hẳn người kia về năm điều như vậy."

"Nhưng, thưa Thế Tôn, nếu rồi cả hai cũng xuất gia đi tu thì vẫn có sự phân biệt và khác biệt giữa hai vị đó hay không?"

"Có thể có vậy, này Sumanā", đức Thế Tôn nói. "Người rộng lòng bố-thí, sau khi xuất gia, sẽ hơn người kia về năm sự.[130] (1) Người đó thường dùng y-phục được cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng loại không được cúng dường riêng cho mình. (2) Người đó thường ăn thức-ăn được cúng dường cho chính mình, hiếm khi ăn loại thức-ăn không được cúng dường riêng cho mình. (3) Người đó thường dùng chỗ-ở được cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng chỗ ở không được cúng dường riêng cho mình. (4) Người đó thường dùng thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh được cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng loại không

được cúng dường riêng cho mình. (5) Những người đồng tu của người đó, là những người sống tu chung với người đó, thường đối xử với người đó theo những cách dễ-chịu trong hành-động, lời-nói, và tâm-ý, hiếm khi theo những cách khó-chịu. Họ thường tặng người đó những thứ nào đáng-thích, hiếm khi có thứ khó-thích. Người rộng lòng bố-thí, sau khi xuất gia, sẽ hơn hẳn người kia về năm điều như vậy."

"Nhưng, thưa Thế Tôn, có thể nào nếu cả hai đều chứng đắc A-la-hán thì vẫn có sự phân biệt và khác biệt giữa hai vị đó hay không?"

"Trong trường hợp này, này Sumanā, ta tuyên bố là không có gì phân biệt hay khác biệt giữa sự giải-thoát [của người này] và sự giải-thoát [của người kia]."

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Đúng thật, người ta có lý do tốt để cúng dường thức-ăn và làm những việc công-đức, vì những việc đó sẽ hữu-ích cho mình khi mình trở thành thiên thần, thành người, hay khi xuất gia tu hành."

"Đúng vậy, này Sumanā! Đúng vậy, này Sumanā! Đúng thật, người ta có lý do tốt để cúng dường thức-ăn và làm những việc công-đức, vì những việc đó sẽ hữu-ích cho mình khi mình trở thành thiên thần, thành người, hay khi xuất gia tu hành."

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy:

"Giống như mặt trăng không ô uế,
Đi qua bầu trời không,
Với ánh sáng chiếu sáng khắp nơi
(Sáng) hơn cả tất cả những vì sao trong thế gian.
Người thành tựu về giới-hạnh cũng giống vậy,
Người được phú cho niềm-tin cũng vậy,
Chiếu sáng khắp nơi bằng sự bố-thí,
Cho tất cả người cùng khổ.

"Giống như bầu mây mưa trăm đỉnh,

Làm sấm sét, bao vòng bằng những tia chớp,
Trút xuống trái đất,
Làm ngập đồng bằng và vùng trũng.
Vị đệ tử của đức Thế Tôn cũng giống như vậy,
Là người trí hiền thành tựu về tầm-nhìn,
Hơn hẳn người keo kiệt về năm sự:
Tuổi thọ và sự vinh quang,
Sắc đẹp và sự hạnh phúc,[131]
Có được sự giàu có.
Sau khi chết được hưởng phước trên cõi trời."

(AN 5:31)

57 Công Chúa Cundī [132]

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) chỗ tìm thức-ăn của bầy sóc. Lúc đó có công chúa Cundī,[133] được hộ tống bởi năm trăm xe ngựa và năm trăm người nữ hầu, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Công chúa Cundī thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa đức Thế Tôn, anh trai của con là hoàng tử Cunda. Anh ấy nói như vầy: 'Khi nào một người nam hay nữ đã quy y nương tựa theo Phật, Pháp, Tăng, và kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, không phải một nơi-đến xấu dữ.' Con muốn hỏi đức Thế Tôn: 'Thưa Thế Tôn, loại sư thầy nào người ta nên có niềm-tin vào đó, để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, không phải một nơi-đến xấu dữ? Loại Giáo Pháp nào người ta nên có niềm-tin vào đó, để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, không phải một nơi-đến xấu dữ? Loại Tăng Đoàn nào người ta nên có niềm-tin vào

đó, để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, không phải một nơi-đến xấu dữ?"

(1) "Này Cundī, dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn nhân, hoặc nhiều chân, có sắc-thân hoặc không có sắc-thân, có nhận-thức hoặc không có nhận-thức, cho tới loại vừa không có nhận-thức vừa có nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài. Những ai có niềm-tin vào Phật là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm-tin vào chỗ bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.

(2) "Này Cundī, dù những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) có cao siêu tới mức nào, thì Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi thứ. Những ai có niềm-tin vào Bát Thánh Đạo là có niềm-tin vào đạo bậc nhất, và đối với ai có niềm-tin vào đạo bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.[134]

(3) "Này Cundī, dù những hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi) hay không còn điều-kiện (vô vi) có cao siêu tới mức nào, sự chán-bỏ được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả sự đó, đó là, sự nghiền nát sự tự-cao, sự loại bỏ sự thèm-khát, sự bứng gốc sự ràng-buộc, sự kết-thúc vòng luân-hồi, sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Những ai có niềm-tin vào Giáo Pháp, trong sự chán-bỏ,[135] là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm-tin vào chỗ bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.

(4) "Này Cundī, dù các cộng đồng hay đoàn thể (tôn giáo) có cao siêu tới mức nào, thì Tăng Đoàn các đệ tử của Như Lai được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người—Tăng Đoàn của Như Lai là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Những ai có niềm-tin vào Tăng Đoàn là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, thì đạo quả sẽ là bậc nhất."

(5) "Này Cundī, dù có giới-hạnh nào có cao siêu tới mức nào, giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả, đó là khi nó không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị vết ố, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính-chấp, dẫn tới đạt-định. Những ai hoàn thiện giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh là hoàn thiện thứ bậc nhất, và đối với ai hoàn thiện thứ bậc nhất, thì đạo quả sẽ là bậc nhất."

Đối với những ai có niềm-tin đối với chỗ bậc nhất,[136]
Biết Giáo Pháp bậc nhất,
Tin tưởng vào Đức Phật—bậc bậc nhất—
Là bậc vô-thượng, bậc đáng cúng-dường;

Đối với những ai có niềm-tin vào Giáo Pháp,
Ở trong sự bình-an của sự chán-bỏ,
Đối với ai có niềm-tin vào Tăng đoàn bậc nhất
Là phước-điền tốt nhất ở trên đời;

Đối với ai tặng quà cho chỗ bậc nhất,
Thì loại bậc nhất của phước-đức sẽ gia tăng:
Loại bậc nhất của tuổi thọ, sắc đẹp và huy hoàng,
Danh tiếng, hạnh phúc và sức mạnh.

Người có trí cúng dường cho chỗ bậc nhất,
Đạt định dựa trên Giáo Pháp bậc nhất,
Sau khi này tái sinh thành tiên hay thành người,
Sẽ vui-mừng, sau khi đã đạt được sự (phước quả) bậc nhất.

(AN 5:32)

58 Uggaha

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bhaddiya trong Rừng Jātiyā. Lúc đó có Uggaha, là con trai của Meṇḍaka, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn cùng với ba vị Tỳ kheo khác[137] đồng ý nhận bữa cơm ngày mai của con (cúng dường)."

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, ông Uggaha, sau khi hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải, và đi về.

Rồi, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến nơi ở của ông Uggaha, tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị. Rồi, ông Uggaha, con trai của Meṇḍaka, đã tự tay mình phục vụ đức Thế Tôn với những món ngon khác nhau.

Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và đã dẹp bình bát của mình, ông Uggaha mới ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, những cô con gái của con sẽ đi đến ở bên các gia đình phía chồng. Mong đức Thế Tôn khởi xướng và chỉ dạy chúng theo cách để dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng."

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các cô gái:

(1) "Vậy thì, này các cô gái, các con nên tu tập bản thân như vầy: 'Đối với người chồng nào mà cha mẹ chúng ta đã gả cho chúng ta——họ làm vậy vì mong muốn điều tốt đẹp cho cô ta, để tìm kiếm phúc lợi cho cô ta, đặt sự bi mẫn lên cô ấy, làm vì sự bi mẫn dành cho cô ấy—thì chúng ta sẽ thức dậy trước chồng và đi nghỉ sau chồng, đảm đương những việc cần được làm, hòa nhã trong hành-vi và khả ái trong lời-nói của chúng ta.' Các con nên tu tập bản thân như vậy.

(2) "Và các con nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người mà chồng chúng ta kính trọng—như cha mẹ chồng, các tu sĩ và bà-la-môn—và khi họ đến nhà chúng ta sẽ mời chỗ ngồi và nước uống.' Các con nên tu tập bản thân như vậy.

(3) "Và các con nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ khéo léo và chú ý đến những công việc trong nhà của chồng, dù đó là việc đan thêu hay may vá; chúng ta sẽ có nhận định đúng đắn về những công việc để chúng ta làm và thu xếp một cách phù hợp.' Các con nên tu tập bản thân như vậy.

(4) "Và các con nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ để ý đến những người giúp việc của nhà chồng—từ người hầu, người đưa tin, hay người làm công—để coi việc nào họ đã làm xong hay chưa làm; chúng ta sẽ tìm hiểu tình trạng sức khỏe của họ khi họ bị bệnh; và sẽ phân phát những phần thức-ăn đúng mức cho họ.' Các con nên tu tập bản thân như vậy.

(5) "Và các con nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ phòng hộ và bảo vệ những thu nhập mà chồng mang về—dù đó là tiền, hay lúa gạo, bạc hay vàng—và chúng ta sẽ không tiêu phá, gian cắp, phá hoại, hay tiêu xài lãng phí những thu nhập đó của chồng.' Các con nên tu tập bản thân như vậy.

"Này các cô gái, khi một người phụ nữ có được năm phẩm chất này, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái (đẹp, đáng thích)."[138]

Vợ thì không coi thường chồng,
Là người đã liên tục nuôi nấng mình,
Là người luôn nhiệt tình và hăng hái
Mang về cho vợ mọi thứ cô cần có.

Một người vợ tốt cũng không mắng chửi chồng,
Bằng những lời lẽ do sự ghen tỵ mà ra;[139]
Người vợ khôn ngoan thì thể hiện sự kính trọng
Đối với những người mà chồng mình kính trọng.

Vợ thức dậy sớm, làm việc siêng năng,
Quản lý việc nội trợ trong nhà;
Vợ đối xử với chồng bằng những cách khả ái,

Và bảo vệ của cải chồng làm ra.

Người phụ nữ hoàn thành những bổn phận như vậy,
Theo ý chí và ước muốn của chồng,
Thì sẽ được tái sinh trong số những thiên thần
Được gọi là "những vị tiên khả ái".

(AN 5:33)

59 *Tướng Quân Sīha*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có tướng quân Sīha đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:[140]

"Thưa Thế Tôn, có thể nào chỉ ra một kết-quả có thể trực tiếp nhìn thấy được (nhãn tiền)[141] của việc bố-thí?"

"Được, này ông Sīha", đức Thế Tôn nói.

(1) "Này ông Sīha, một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, là dễ thương và dễ mến đối với nhiều người. Đây là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố-thí.

(2) "Lại nữa, những người tốt được nhờ vào người bố-thí, người rộng lòng bố-thí. Đây cũng là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố-thí.

(3) "Lại nữa, một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, tạo được danh tiếng tốt. Đây cũng là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố-thí.

(4) "Lại nữa, ở hội chúng đoàn thể nào mà một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi đến gặp—dù đó là những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ (sa-môn)—thì người đó sẽ đến gặp một cách tự-tin và bình-tĩnh.[142] Đây cũng là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố-thí.

(5) "Lại nữa, khi thân tan rã, sau khi chết, một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là một kết-quả thuộc kiếp sau của sự bố-thí."[143]

Sau khi điều này được nói ra, tướng Sīha đã nói với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về bốn kết-quả được nhìn thấy trực tiếp này của sự bố-thí mà đức Thế Tôn đã mới nói ra. Con cũng biết về bốn điều đó. Vì con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và con là dễ thương và dễ mến đối với nhiều người. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và nhiều người tốt nhờ vào con. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và con đã tạo được danh tiếng tốt là một người thí chủ, người tài trợ, và người ủng hộ Tăng Đoàn. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và dù là hội chúng nào mà con đến gặp—dù đó là những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ—con đều đến gặp một cách tự-tin và bình-tĩnh. Con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về bốn kết-quả được nhìn thấy trực tiếp này của sự bố-thí mà đức Thế Tôn đã mới nói ra. Vì con cũng biết về bốn điều đó. Nhưng (điều thứ năm) về kết-quả kiếp sau của sự bố-thí, con chưa biết về điều này, cho nên điều này con đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn."

"Đúng là vậy, này ông Sīha, đúng là vậy! Khi thân tan rã, sau khi chết, một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời."

Do bố-thí, người đó đáng mến, và nhiều người tốt được nhờ,
Người đó đạt được tiếng tốt và danh tiếng gia tăng.
Người rộng lòng thì bình-tĩnh và tự-tin
Khi bước vào mấy chỗ hội chúng.

Vậy đó, muốn tìm hạnh phúc người trí cho-đi.
Và sau khi tẩy sạch ô-nhiễm của tính keo-kiệt.
Họ được an trú trong ba cõi trời,
Họ vui sướng sống đại thọ ở đó,

Cùng với những thiên thần.

Sau khi tận dụng cơ hội làm những việc thiện,
Sau khi chết từ đây,
Họ tự sáng tỏ,
Và dạo chơi trong vườn lạc viên Nandana,[144]

Ở đó họ vui chơi, hưởng lạc
Được chu cấp với năm thứ dục-lạc cõi trời.
Sau khi thực hiện lời dạy của bậc Ổn Định đã hết ràng buộc,
Vị đệ tử của bậc Phúc Lành được hưởng phúc trên cõi trời.

(AN 5:34)

60 *Những Lợi Ích Của Sự Bố Thí*

"Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi của việc bố-thí. Năm đó là gì? (1) Người bố-thí là dễ thương và dễ mến đối với nhiều người. (2) Những người tốt nhờ được người đó. (3) Người đó tạo được danh tiếng tốt. (4) Người đó không thất thiếu về bổn phận của người tại gia. (5) Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là năm ích lợi của việc bố-thí."

Do bố-thí, một người là đáng mến,
Là người làm theo nghĩa vụ của điều thiện;
Những Tỳ kheo thiện tâm tự chủ,
Luôn nhờ được vào người bố-thí.

Và họ chỉ dạy lại Giáo Pháp,
Để xua tan tất cả sự khổ,
Sau khi ngộ được trạng thái vô-nhiễm,
Người đó kiếp này chứng luôn Niết-bàn.

(AN 5:35)

61 *Hợp Lúc*

"Này các Tỳ kheo, có năm món quà hợp lúc. Năm đó là gì? (1) Tặng quà cho khách đến thăm. (2) Tặng quà cho người chuẩn bị lên đường đi xa. (3) Tặng quà cho người bệnh. (4) Tặng quà trong thời gian nạn đói. (5) Tặng những trái quả và nông sản lúc mới thu hoạch cho những người đức-hạnh. Đây là năm món quà hợp lúc."

Vào lúc thích hợp, những người có trí,
Người từ thiện, và người rộng lòng,
Cúng tặng món quà hợp lúc cho những bậc thánh,
Những bậc ổn định và chánh trực;
Cúng dường với cái tâm trong sáng,
Thì sự cúng dường đó là lớn lao.

(AN 5:36)

62 *Thức-Ăn*

"Này các Tỳ kheo, Một thí chủ cho tặng thức-ăn là cho tặng người nhận năm thứ. Năm đó là gì? Người đó cho tặng tuổi-thọ, sắc-đẹp, hạnh-phúc, sức-mạnh, và sự sáng-suốt.[145] (1) Bằng sự cho tặng tuổi-thọ, người đó sẽ được phú cho tuổi-thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng sự cho tặng sắc-đẹp, người đó sẽ được phú cho sắc-đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng sự cho tặng hạnh-phúc, người đó sẽ được phú cho hạnh-phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng sự cho tặng sức-mạnh, người đó sẽ được phú cho sức-mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (5) Bằng cách cho tặng sự sáng-suốt, người đó sẽ được phú cho sự sáng-suốt, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một thí chủ cho tặng thức-ăn là cho tặng năm thứ như vậy."

Người có trí là người biết cho tặng:
Tuổi thọ, sức mạnh, sắc đẹp, và sự sáng suốt.
Người thông minh là người cho tặng sự hạnh phúc,

Và sẽ nhận lại sự hạnh phúc.

Sau khi đã cho tặng tuổi thọ,
Sức mạnh, sắc đẹp, sự hạnh phúc, và sự sáng suốt,
Người đó sống thọ và uy tín,
Ở nơi người đó sẽ tái sinh trong đó.

(AN 5:37)

63 *Niềm-Tin*

"Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi đưa đến cho người học tộc có niềm-tin. Năm đó là gì? (1) Khi những người tốt trong thế gian thể hiện lòng bi-mẫn, trước tiên họ thể hiện lòng bi-mẫn tới người có niềm-tin,[146] sau đó mới tới những người không có niềm-tin. (2) Khi họ gặp gỡ ai, trước tiên họ gặp gỡ những người có niềm-tin, sau đó mới tới những người không có niềm-tin. (3) Khi họ nhận đồ cúng dường, trước tiên họ nhận từ những người có niềm-tin, sau đó mới từ người không có niềm-tin. (4) Khi họ chỉ dạy Giáo Pháp, trước tiên họ chỉ dạy Giáo Pháp cho những người có niềm-tin, sau đó mới tới những người không có niềm-tin. (5) Khi thân tan rã, sau khi chết, người có niềm-tin được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là năm ích lợi đưa đến cho một người hộ tộc có được niềm-tin.

"Giống trên chỗ đất bằng ở ngã tư đường, có một cây đa đề [banyan] lớn là nơi trú nhờ của chim chóc xung quanh. Cũng giống như vậy, người họ tộc được phú cho niềm-tin trở thành chỗ nương nhờ của nhiều người như: các Tỳ kheo, các Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, và nữ."

Một cây lớn với thân to lớn,
Đầy đủ cành, lá, quả,
Rễ vững chắc, trái quả đang xum xuê,
Là chỗ nương dựa của nhiều chim chóc.
Sau khi bay qua bầu trời,
Chim ghé nhờ cơ sở thích thú này:

Những con cần bóng mát thì hưởng thụ bóng mát;
Những con cần trái quả thì hưởng thụ trái quả.

Cũng giống vậy, khi một người có giới-hạnh,
Được phú cho niềm-tin,
Có tư cách khiêm tốn, nhún nhường,
Hiền từ, mở lòng, mềm mại,
Thì những người là ruộng phước trong thế gian—
Đã hết tham và sân,
Đã hết si, không còn ô-nhiễm—
Sẽ nương nhờ vào người đó.
Và họ chỉ dạy lại Giáo Pháp,
Để xua tan tất cả sự khổ,
Sau khi ngộ được trạng thái vô-nhiễm,
Người đó kiếp này chứng luôn Niết-bàn.

(AN 5:38)

64 Con Trai

"Này các Tỳ kheo, sau khi xem xét về năm triển vọng, cha mẹ mong muốn một con trai được sinh ra trong gia đình. Năm đó là gì? (1) 'Sau khi được chúng ta nuôi dưỡng, con trai sẽ nuôi dưỡng chúng ta. (2) Hoặc nó sẽ làm công việc cho chúng ta. (3) Dòng dõi gia đình sẽ được mở rộng. (4) Nó sẽ coi quản của thừa kế. (5) Hoặc chuyện khác, khi chúng ta qua đời, nó sẽ thay mặt chúng ta thực hiện việc bố thí cúng dường.' Sau khi xem xét về năm triển vọng này, cha mẹ mong muốn con trai được sinh ra trong gia đình."

(AN 5:39)

65 Những Cây Sa-La [147]

"Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya (Hy mã lạp sơn), vua của những ngọn núi, những cây sa-la to lớn lớn lên theo năm cách. Năm đó là gì? (1) Chúng lớn lên về cành, lá và tán lá; (2) chúng lớn lên về vỏ cây; (3) chúng lớn lên về chồi; (4) chúng lớn lên về gỗ mềm; (5) chúng lớn lên về gỗ lõi. Dựa trên núi Himalaya, vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo năm cách như vậy.

"Cũng giống như vậy, khi người đứng đầu một gia đình[148] được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành (chín chắn) theo năm cách. Năm đó là gì? (1) Họ trưởng thành về niềm-tin; (2) họ trưởng thành về giới-hạnh; (3) họ trưởng thành về sự học-hiểu; (4) họ trưởng thành về sự (tâm) bố-thí; và (5) họ trưởng thành về trí-tuệ. Khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành theo năm cách như vậy."

Giống như khi những cây lớn lên,
Nhờ dựa vào núi đá,
Trong bao la rừng hoang,
Có thể trở thành những đại vương thụ của rừng.
Cũng giống như vậy, khi một người đứng đầu gia đình,
Có được niềm-tin và giới-hạnh,
Thì vợ, con, thân quyến đều nhờ dựa theo ông để trưởng thành;
Rồi bạn bè, họ hàng cũng dựa vào ông như vậy.

Những người nhìn thấy giới-hạnh của ông,
Tâm rộng lòng bố-thí,
Và những việc thiện của ông,
Họ sẽ làm theo gương ông ấy.
Ở đây (đời này) sau khi họ đã sống theo đúng Giáo Pháp,
Theo con-đường (đạo) dẫn tới nơi-đến tốt lành,
Những người thích vui sướng [dục lạc],
Được hưởng lạc trong cõi tiên.

(AN 5:40)

66 *Sử Dụng*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với ông:

"Này gia chủ, có năm sự sử dụng tài sản như vầy. Năm đó là gì?[149]

"Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm năm việc xứng đáng. Năm đó là gì?

(1) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó (***i***) làm cho bản thân mình hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho mình được hạnh phúc như vậy; người đó (***ii***) làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (***iii***) làm cho vợ con mình, người ở, người làm, và người phục vụ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là sự sử dụng thứ nhất đối với tài sản.

(2) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là sự sử dụng thứ hai đối với tài sản.

(3) "Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết chia ra các khoản dự phòng rủi ro bị mất mát do hỏa hoạn và lũ lụt, bị cướp hoặc bị tịch thu bởi các vua chúa, hoặc bị chiếm đoạt bởi những người thừa kế bất nghĩa; người đó làm cho bản thân mình được an toàn khỏi những rủi ro đó. Đây là sự sử dụng thứ ba đối với tài sản.

(4) "Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết thực hiện năm loại cúng lễ: đối với những người

thân thuộc, khách khứa, ông bà tổ tiên, nhà vua, và các thiên thần. Đây là sự sử dụng thứ tư đối với tài sản

(5) "Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện thiết lập một sự cúng dường cao thượng là cúng dường thức ăn—đó là một sự cúng dường thuộc cõi trời (phạm trú thí), dẫn tới an lạc, đưa đến (tái sinh) cõi trời—cho những tu sĩ và những bà-la-môn là những người đã kiềm chế khỏi sự say-sưa (phù hoa) và sự lơ-tâm phóng dật, những người đã sống an-định trong sự nhẫn-nhịn và hiền-từ, là những người thuần-hóa hóa bản thân mình, làm tĩnh-lặng bản thân mình, và tu-tập bản thân để đạt tới Niết-bàn. Đây là sự sử dụng thứ năm đối với tài sản

"Này gia chủ, đây là năm sự sử dụng tài sản. Này gia chủ, nếu tài sản của một đệ tử (tại gia) thánh thiện được dùng hết sau khi người đó đã sử dụng nó theo năm cách này, người đó nghĩ: 'Tôi đã sử dụng tài sản theo năm cách này và tài sản của tôi đã dùng hết.' Như vậy người đó không có sự tiếc-nuối. Nhưng nếu tài sản của một đệ tử (tại gia) thánh thiện gia tăng sau khi người đó đã sử dụng nó theo năm cách này, người đó nghĩ: 'Tôi đã sử dụng tài sản theo năm cách này và tài sản của tôi đã gia tăng.' Như vậy theo cách nào người đó cũng không có sự hối-tiếc."

"Tôi đã hưởng thụ sự tài sản,
Đã nuôi nấng những người thân,
Và đã vượt qua những nghịch cảnh.
Tôi đã làm sự cúng dường cao thượng,
Và đã thực hiện năm sự dâng cúng.
Tôi đã phục vụ những Tỳ kheo đức hạnh,
Là những vị tự chủ sống độc thân.

"Tôi đã thành tựu mọi mục đích,
Mà một người trí, đang sống tại gia
Có thể muốn làm khi mong cầu sự giàu có.
Những việc tôi đã làm tôi không hề hối tiếc."
Tưởng niệm điều này, một người sinh tử
Giữ mình ổn định trong Giáo Pháp thánh thiện.

Người ta khen ngợi người đó ở đây trong kiếp này.
Và sau khi chết người đó hưởng phước trên cõi trời.

(AN 5:41)

67 Người Tốt

"Này các Tỳ kheo, khi một người tốt được sinh ra trong một gia đình, điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc (1) của cha mẹ người đó, (2) của vợ và con cái của người đó, (3) của những nô bộc, người làm, và người hầu cận của người đó, (4) của bạn bè và đồng nghiệp của người đó, và (5) của những tu sĩ và bà-la-môn.

"Giống như đám mây (làm) mưa lớn sẽ tưới tốt những mùa màng, nó xuất hiện vì sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Cũng giống như vậy, khi một người tốt được sinh ra trong một gia đình, điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc (1) của cha mẹ người đó … (5) của những tu sĩ và bà-la-môn."

Những thiên thần phò hộ người được phòng hộ bởi Giáo Pháp,[150]
Người đã biết quản lý tài sản vì phúc lợi của nhiều người.
Tiếng tốt không bỏ người kiên định trong Giáo Pháp,
Người có học-hiểu và có giới-hạnh và có sự giữ-giới.
Ai mà xứng đáng để chê trách người đó
Là bậc đứng vững trong Giáo Pháp
Đã thành tựu về giới-hạnh
Là một bậc thuyết giảng về sự-thật
Có được 'cảm nhận biết xấu-hổ'
[tinh khiết] như đồng tiền làm từ vàng tinh?
Những thiên thần còn khen ngợi bậc ấy;
Trời Brahmā cũng ngợi khen bậc ấy.

(AN 5:42)

68 Người Tốt

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với ông:

"Này gia chủ, có năm điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian. Năm đó là gì? (1) Tuổi-thọ là điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian. (2) Sắc-đẹp … (3) Hạnh-phúc … (4) Danh-tiếng … (5) (Sự tái sinh trong) những cõi-trời là điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian.[151]

"Này gia chủ, đây là năm điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian, ta nói vậy, không đạt được bằng những sự cầu nguyện hay ước nguyện. Nếu năm điều này thường được ước, được mong, và được muốn có thể đạt được bằng sự cầu nguyện hay ước nguyện, vậy thì ở đây có ai thiếu (khả năng đó) đâu? (ai cũng cầu được ước có, thì đâu cần phải nỗ lực tu hành chuyển nghiệp để làm gì)

(1) "Này gia chủ, người đệ tử thánh mong muốn tuổi-thọ thì không phải cầu nguyện, hay chỉ thích thú nó, hay [chỉ ngồi đó] khao khát nó là có được nó.[152] Một đệ tử thánh thiện mong muốn tuổi-thọ thì nên tu tập theo con-đường đưa dẫn đến tuổi-thọ.[153] Vì khi người đó tu tập con-đường đưa dẫn tới tuổi-thọ, nó sẽ dẫn tới đạt được tuổi-thọ, và người đó sẽ đạt được tuổi-thọ dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời.

(2) "Này gia chủ, người đệ tử thánh thiện mong muốn sắc-đẹp … (3) … mong muốn hạnh-phúc … (4) … mong muốn danh-tiếng thì không phải cầu nguyện, hay chỉ thích thú nó, hay [chỉ ngồi đó] khao khát nó là có được nó. Một đệ tử thánh thiện mong muốn sắc-đẹp … danh-tiếng thì nên tu tập theo con-đường đưa dẫn đến sắc-đẹp … danh-tiếng. Vì khi người đó tu tập con-đường đưa dẫn tới sắc-đẹp … danh-tiếng, nó sẽ dẫn

tới đạt được sắc-đẹp … danh-tiếng, và người đó sẽ đạt được sắc-đẹp … danh-tiếng (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời.

(5) "Này gia chủ, người đệ tử thánh thiện mong muốn (tái sinh trong) những cõi-trời thì không phải cầu nguyện, hay chỉ thích thú nó, hay [chỉ ngồi đó] khao khát nó là có được chúng. Một đệ tử thánh thiện mong muốn những cõi-trời thì nên tu tập theo con-đường đưa dẫn đến cõi-trời. Vì khi người đó tu tập con-đường đưa dẫn tới cõi-trời, nó sẽ dẫn tới đạt được những cõi-trời, và người đó sẽ đạt được những cõi-trời."[154]

> Đối với người ước được tuổi thọ, sắc đẹp, danh tiếng,[155]
> Sự khen ngợi, sự (tái sinh trong) cõi trời, những gia đình cao quý,
> Và những khoái lạc cao sang
> Lần lượt tiếp nối nhau,
> Thì bậc trí hiền đề cao sự chuyên-chú,
> Trong sự làm những việc công-đức.
> Nhờ sự chuyên-chú, người trí bảo đảm được
> Cả hai sự tốt lành:
> Sự tốt lành trong kiếp này,
> Và sự tốt lành trong kiếp sau.
> Bằng cách đạt được sự tốt lành,[156] bậc ổn-định
> Được gọi là một bậc của trí-tuệ.
>
> **(AN 5:43)**

69 *Người Bố Thí Những Thứ Đáng Thích*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới tư gia của gia chủ Ugga ở thành Vesālī, tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ Ugga ở Vesālī đã ra gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: 'Người bố thí thứ đáng thích [thứ tốt, ngon, có giá trị] sẽ đạt được thứ đáng thích.' Thưa Thế Tôn, cháo con nấu từ hoa sa-la là đáng thích.[157] Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi-mẫn." Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi-mẫn.

"Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: 'Người bố thí thứ đáng thích sẽ đạt được thứ đáng thích.' Thưa Thế Tôn, phần 'món ăn' nấu với táo tàu[158] … phần rau cọng xào[159] … phần cơm nấu từ gạo nương không có những hạt đen, ăn kèm mấy loại nước sốt và gia vị là ngon. Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi-mẫn." Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi-mẫn.

"Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: 'Người bố thí thứ đáng thích sẽ đạt được thứ đáng thích.' Thưa Thế Tôn, vải làm từ lụa Kāsi là êm ái. Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi mẫn." Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi mẫn.

"Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: 'Người bố thí thứ đáng thích sẽ đạt được thứ đáng thích.' Thưa Thế Tôn, trường kỷ của con được trải bằng thảm, có chăn mền, và tấm phủ, có tấm phủ làm từ da linh dương, có mái che ở trên và có hai gối đỏ đặt ở hai đầu, là êm ái. Mặc dù con biết những thứ (cao sang) này không được dùng bởi đức Thế Tôn, tấm ván gỗ đàn hương này của con trị giá bạc ngàn.[160] Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi mẫn." Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi mẫn.

Rồi đức Thế Tôn nói lời cảm ơn với gia chủ Ugga ở Vesālī như vầy:

"Người bố thí thứ tốt thì sẽ nhận được thứ tốt,
Khi người đó hết lòng cúng dường cho những bậc chánh trực,
Vải vóc, chỗ nằm, thức ăn, thức uống,
Và những thứ nhu yếu khác.

"Sau khi đã biết những A-la-hán như ruộng phước,
Là chỗ cho-đi và cúng-dường, chứ không giữ lại,[161]

Người thiện cho đi thứ khó cho đi:
Người bố thí thứ đáng thích thì sẽ nhận được thứ đáng thích."

Rồi, sau khi đã nói lời cảm ơn với gia chủ Ugga ở Vesālī, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Rồi, vào một thời sau đó, gia chủ Ugga ở Vesālī đã qua đời. Sau khi chết, gia chủ Ugga ở Vesālī đã tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm.[162]

Rồi, trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Lúc đó, khi đêm đã khuya, thiên thần trẻ Ugga, với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đứng qua một bên. Đức Thế Tôn mới nói với vị thiên thần:

"Này tiên Ugga, ta hy vọng điều đó đúng như tiên đã mong ước."

"Dạ đúng vậy, thưa Thế Tôn, đúng như con đã mong ước."

Rồi đức Thế Tôn đã đọc cho vi tiên trẻ Ugga những dòng kệ sau đây:

"Người cho tặng những thứ đáng thích
Thì đạt được những thứ đáng thích;
Người cho những quý nhất
Thì đạt được những thứ quý nhất;
Người cho những thứ hay nhất
Thì đạt được những thứ hay nhất;
Người cho những thứ tốt nhất
Thì đạt được trạng thái tốt nhất.

"Người cho thứ tốt nhất
Người cho thứ quý nhất
Người cho thứ hay nhất,
Thì sống trường thọ và danh tiếng,
Cho dù tái sinh ở cõi nào."[163]

(AN 5:44)

70 Sự Giàu Có

"Này các Tỳ kheo, có năm sự giàu có này. Năm đó là gì? Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, sự giàu có về sự học-hiểu, sự giàu có về sự bố-thí, và sự giàu có về trí-tuệ. Đây là năm sự giàu có.

(1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giàu có về niềm-tin? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Đây được gọi là sự giàu có về niềm-tin.

(2) "Và cái gì là sự giàu có về giới-hạnh? Ở đây, một đệ tử thánh thiện kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là sự giàu có về giới-hạnh.

(3) "Và cái gì là sự giàu có về sự học-hiểu? Ở đây, một đệ tử thánh thiện đã học hiểu nhiều, ghi nhớ những điều đã học, và tích lũy những điều đã học. Những giáo lý đó là tốt lành từ ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý như vậy người đó đã học hiểu nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã bằng tâm điều tra tìm hiểu, và đã thâm nhập một cách khéo léo bằng (chánh)-kiến.[164] Đây được gọi là sự giàu có về sự học-hiểu.

(4) "Và cái gì là sự giàu có về sự bố-thí? Ở đây, một đệ tử thánh thiện sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-

thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. Đây được gọi là sự giàu có về sự bố-thí.

(5) "Và cái gì là sự giàu có về trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là khôn trí; người đó có được (loại) trí-tuệ để nhận thấy sự sinh và sự diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới hoàn toàn chấm-dứt khổ. Đây được gọi là sự giàu có về trí-tuệ.

"Này các Tỳ kheo, đây là năm loại sự giàu có."

Khi người có niềm-tin vào Như Lai,[165]
(Niềm-tin) bất lay chuyển và được thiết lập thiện khéo,
Và những giới-hạnh là tốt thiện
Được những bậc thánh nhân yêu quý và khen ngợi;

Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn
Và cách-nhìn của người đó đã được chánh trực,
Thì người ta nói rằng người đó là không nghèo nàn,
Rằng đời sống của người đó là không vô ích.

Bởi vậy một người thông minh,
Ghi nhớ lời dạy của Đức Phật,
Nên chú ý đến niềm-tin và giới-hạnh,
Đến sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.

(AN 5:47)

71 Kosala

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. [Bấy giờ, ngay lúc đó hoàng hậu Mallikā vừa mới chết.][166] Có người đến gặp nhà vua và tâu nhỏ vào tai nhà vua rằng: "Thưa đại vương, hoàng hậu Mallikā mới chết rồi." Khi điều này

được nói ra, nhà vua vô cùng đau đớn và buồn bã, và vua ngồi đó với hai vai chùn xuống, mặt úp xuống, nhăn nhúm đau khổ, và không nói nên lời.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi biết được tình cảnh của nhà vua, mới nói với nhà vua:

"Này đại vương, có năm tình huống không thể có được (đạt được) bởi một tu sĩ hay bà-la-môn, bởi một thiên thần, hay Ma Vương, hay trời Brahmā, hay bất kỳ ai trong thế gian. Năm đó là gì? (1) 'Cầu mong thứ phải già mà không bị già!': đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn … hay bất kỳ ai trong thế gian. (2) 'Cầu mong thứ phải bệnh mà không bị bệnh!': đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn … hay bất kỳ ai trong thế gian. (3) 'Cầu mong thứ phải chết mà không bị chết!': đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn … hay bất kỳ ai trong thế gian. (4) 'Cầu mong thứ phải tàn hoại mà không tàn hoại!': đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn … hay bất kỳ ai trong thế gian. (5) 'Cầu mong thứ phải mất mà không bị mất!': đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn … hay bất kỳ ai trong thế gian.

(I) (1) "Này các Tỳ kheo, đối với người phàm phu không được chỉ dạy, thứ gì phải bị già thì sẽ già. Khi hiện thực này xảy ra, người đó *không* biết suy xét như vầy: 'Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải bị già thì sẽ già. Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải bị già cũng sẽ già. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẫn trí mỗi khi có thứ phải già mà già đi, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta càng thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn lòng.' Do không biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải già mà già đi, người đó cứ buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẫn trí. Đây được gọi là một người phàm phu không được chỉ dạy bị trúng mũi tên độc ưu-sầu, nó cứ làm đau đớn người đó.

(2) "Lại nữa, đối với người phàm phu không được chỉ dạy, thứ gì phải bệnh thì sẽ bệnh … (3) thứ phải chết thì sẽ chết … (4) thứ phải tàn hoại thì sẽ tàn hoại … (5) thứ phải mất thì sẽ mất. Khi hiện thực này xảy ra, người đó *không* biết suy xét như vầy: 'Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải mất thì sẽ mất … Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải mất cũng sẽ mất. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẩn trí mỗi khi có thứ phải bị mất mà mất đi, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta càng thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn lòng.' Do không biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải già mà già đi, người đó cứ buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẩn trí. Đây được gọi là một người phàm phu không được chỉ dạy bị trúng mũi tên độc ưu-sầu, nó cứ làm đau đớn người đó.

(II) (1) "Này các Tỳ kheo, đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, thứ gì phải già thì sẽ già. Khi hiện thực này xảy ra, người đó biết suy xét như vầy: 'Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải mất thì sẽ mất … Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải mất cũng sẽ mất. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẩn trí mỗi khi có thứ phải bị mất mà mất đi, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta càng thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn lòng.' Do biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải già mà già đi, người đó *không* buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, hay bị quẩn trí. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy đã nhổ mũi tên độc ưu-sầu, mũi tên độc chỉ làm đau đớn người phàm phu không được chỉ dạy. Hết ưu-sầu, hết mũi tên độc, vị đệ tử thánh thiện chứng ngộ Niết-bàn.[167]

(2) "Lại nữa, đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, thứ gì phải bệnh thì sẽ bệnh … (3) thứ phải chết thì sẽ chết … (4) thứ phải tàn hoại thì sẽ tàn hoại … (5) thứ phải mất thì sẽ mất. Khi hiện thực này xảy

ra, người đó biết suy xét như vầy: 'Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải mất thì sẽ mất … Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải mất cũng sẽ mất. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẩn trí mỗi khi có thứ phải bị mất mà mất đi, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta càng thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn lòng.' Do biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải già mà già đi, người đó *không* buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, hay bị quẩn trí. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy đã nhổ mũi tên độc ưu-sầu, mũi tên độc chỉ làm đau đớn người phàm phu không được chỉ dạy. Hết ưu-sầu, hết mũi tên độc, vị đệ tử thánh thiện chứng ngộ Niết-bàn.

"Này các Tỳ kheo, đây là năm tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn, bởi một thiên thần, hay Ma Vương, hay trời Brahmā, hay bất kỳ ai trong thế gian."

"Không phải bằng sự buồn sầu và than khóc,
Làm vậy chỉ có được sự tốt tối thiểu mà thôi.[168]
Khi biết một người ưu-sầu và buồn bã như vậy
Những kẻ thù của người đó càng vui mừng.

"Khi một người có trí không rung rẩy trước những nghịch cảnh,
Biết cách quyết định điều gì là tốt,
Thì kẻ thù của người đó càng buồn rầu
Sau khi nhìn thấy sắc mặt người đó trước sau không đổi.

"Hễ khi nào một người có thể đạt được sự tốt cho mình,
Dù bằng cách nào—bằng sự tán tụng, thần chú, châm ngôn,
Đồ cúng, hay truyền thống—[169] thì người đó
Cứ cố gắng làm theo cách như vậy.

"Nhưng nếu một người hiểu:
'Sự tốt này không thể đạt được bởi ta hay bất cứ ai',
Thì người đó nên chấp nhận tình cảnh mà không ưu-sầu,
Chỉ cần nghĩ rằng: 'Nghiệp này mạnh; giờ tôi biết làm gì?'"

(AN 5:49)

72 *Ngài Nārada*

Trong một lần có Ngài Nārada đang sống ở Pāṭaliputta (Hoa Thị Thành) trong khu Vườn Gà. Bấy giờ, ngay lúc đó, có hoàng hậu Bhaddā của Vua Muṇḍa, rất được ông yêu quý, vừa mới chết. Vì cái chết của hoàng hậu, nhà vua không buồn tắm rửa, không xức dầu, không ăn uống hay làm việc gì nữa. Suốt ngày và đêm, nhà vua chỉ lo nghĩ sầu nghĩ quẩn bên xác của hoàng hậu Bhaddā. Rồi nhà vua đã ra lệnh cho quan ngân khố là Piyaka:

"Này thiện thần Piyaka, hãy đặt xác của hoàng hậu trong một thùng sắt chứa đầy dầu và đóng kín nó trong một thùng sắt khác để chúng ta có thể nhìn thấy xác hoàng hậu được lâu hơn."

"Dạ, thưa đại vương", quan ngân khố Piyaka đáp lại. [Rồi ông làm theo yêu cầu của nhà vua …]

Rồi ý nghĩ này xảy đến với vị quan ngân khố Piyaka: "Hoàng hậu Bhaddā của Vua Muṇḍa, rất được ông yêu quý, đã chết. Vì cái chết của hoàng hậu, nhà vua không buồn tắm rửa, không xức dầu, không ăn uống hay làm việc gì nữa. Suốt ngày và đêm, nhà vua chỉ lo nghĩ sầu nghĩ quẩn bên xác của hoàng hậu. Liệu có sa-môn hay bà-la-môn nào để Vua Muṇḍa có thể đến thăm, để mà, sau khi nghe Giáo Pháp của vị ấy, nhà vua mới dẹp bỏ được mũi tên ưu-sầu này?"

Rồi ý nghĩ này xảy đến với Piyaka: "Ngài Nārada hiện đang sống ở Pāṭaliputta, trong khu Vườn Gà. Hiện tin đồn tốt lành về Ngài Nārada đã được lan truyền như vầy: 'Vị ấy là có trí, giỏi giang, thông minh, học hiểu nhiều, là người thuyết giảng hay khéo, có tài hùng biện, chín chắn, và là một A-la-hán.' Giả sử Vua Muṇḍa đến thăm Ngài Nārada: có lẽ nếu nghe Giáo Pháp của Ngài Nārada, nhà vua có thể dẹp bỏ được mũi tên ưu-sầu này." [Rồi vị quan đã trình bày lại ý nghĩ đó cho nhà vua …] … [Nhà vua nói:]

"Được, này thiện thần Piyaka, hãy thông báo cho Ngài Nārada. Và làm sao một người như ta nghĩ đến chuyện cứ đường đột đến gặp một sa-môn hay bà-la-môn đang sống trong địa phận của vị ấy mà không thông báo trước cho vị ấy?"

"Dạ, thưa đại vương", Piyaka đáp lại. [Rồi vị quan đã đến gặp thầy Nārada và báo lại toàn bộ tình huống cho thầy ấy biết … và thầy Nārada nói:]

"Vậy mời Vua Muṇḍa cứ tùy tiện mà đến."

[Rồi Piyaka kính lễ chào thầy Nārada, và về bẩm báo lại cho nhà vua như vậy … Và nhà vua nói:]

"Vậy thì, thiện thần Piyaka, hãy cho chuẩn bị những cỗ xe ngựa tốt nhất!"

"Dạ, thưa đại vương", Piyaka đáp lại. [Rồi ông làm theo yêu cầu của nhà vua … và quay lại báo cho nhà vua đã chuẩn bị xong …]

Rồi Vua Muṇḍa đã lên một cỗ xe đẹp, cùng với những xe khác, với toàn bộ uy nghi vương triều, lên đường tiến đến khu Vườn Gà để gặp thầy Nārada … Nhà vua đến gặp và kính lễ thầy Nārada, và ngồi xuống một bên. Thầy Nārada mới nói với nhà vua:

[*Toàn bộ phần nội dung của kinh* ***5:49*** *ở trên, gồm cả phần thi kệ.*]

Sau khi những lời này được nói ra, Vua Muṇḍa đã hỏi thầy Nārada:

"Thưa Thầy, tên của bài thuyết giảng Giáo Pháp này là gì?"

"Này đại vương, bài thuyết giảng Giáo Pháp này được đặt tên là 'sự nhổ bỏ mũi tên ưu-sầu'."[170]

"Chắc vậy rồi, thưa Thầy, đó chính là sự nhổ bỏ mũi tên ưu-sầu! Chắc vậy rồi, thưa Thầy, đó chính là sự nhổ bỏ mũi tên ưu-sầu! Sau khi nghe bài thuyết giảng Giáo Pháp này, tôi đã dẹp bỏ mũi tên ưu-sầu."

Rồi Vua Muṇḍa mới nói với quan ngân khố Piyaka: "Vậy là, này thiện thần Piyaka, hãy cho thiêu xác của hoàng hậu Bhaddā đi, và xây một

đồi đất (lăng mộ, như bảo tháp) để tưởng niệm về hoàng hậu. Từ bữa nay ta sẽ tắm rửa lại, và xức dầu, và ăn uống đầy đủ các bữa, và làm những công việc của ta."

(AN 5:50)

73 Những Chủ Đề

"Này các Tỳ kheo, có năm chủ đề nên được thường xuyên quán chiếu (suy xét, quán niệm) bởi một người nữ hay người nam, bởi một người tại gia hay người xuất gia.[171] Năm đó là gì? (1) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vầy: 'Ta phải bị già; ta không tránh khỏi già.' (2) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vầy: 'Ta phải bị bệnh; ta không tránh khỏi bệnh đau.' (3) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vầy: 'Ta phải bị chết; ta không tránh khỏi chết.' (4) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vầy: 'Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý.'[172] (5) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vầy: 'Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.'

(I) (1) "Vì lợi ích gì một người [nữ hay người nam, người tại gia hay người xuất gia] nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): 'Ta phải bị già; ta không tránh khỏi già'? Thời còn trẻ chúng sinh bị say sưa (ỷ lại) với tuổi trẻ, và khi đang say sưa với tuổi trẻ của họ, họ dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự say sưa với tuổi trẻ sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: 'Ta phải bị già; ta không tránh khỏi già'

(2) "Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): 'Ta phải bị bệnh; ta không tránh khỏi bệnh đau'? Thời còn sức khỏe chúng sinh bị say sưa với sự khỏe mạnh, và khi đang say sưa với sự khỏe

mạnh của họ, họ dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự say sưa với sự khỏe mạnh sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: 'Ta phải bị bệnh; ta không tránh khỏi bệnh đau'.

(3) "Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): 'Ta phải bị chết; ta không tránh khỏi chết'? Thời đang còn sống chúng sinh bị say sưa với cuộc sống, và khi đang say sưa với cuộc sống, họ dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự say sưa với cuộc sống sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: 'Ta phải bị chết; ta không tránh khỏi chết'.

(4) "Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): 'Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý'? Chúng sinh có mong-muốn và tham-dục đối với những người và những thứ họ thương họ quý, và do bị kích thích bởi sự tham-dục đó, họ dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự mong-muốn và tham-dục đó sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: 'Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý'.

(5) "Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): 'Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.'? Người ta dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái (ba dạng tà nghiệp). Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì những hành-vi (nghiệp) sai trái đó sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: 'Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; ta có nghiệp là

nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.'

(II) (1) "Người đệ tử thánh thiện biết quán chiếu như vầy: 'Đâu chỉ mình ta phải bị già, không tránh được già. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị già; không ai thoát được già.' Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, thì đạo [con đường] được khởi tạo. Người đó đi theo đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ bị phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) sẽ bị bứng bỏ.[173]

(2) "Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vầy: 'Đâu chỉ mình ta phải bị bệnh, không tránh được bệnh đau. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị bệnh; không ai thoát được bệnh đau.' Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, thì đạo [con đường] được khởi tạo. Người đó đi theo đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ bị phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) sẽ bị bứng bỏ.

(3) "Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vầy: 'Đâu chỉ mình ta phải bị chết, không tránh được chết. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị chết; không ai thoát được chết.' Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, thì đạo [con đường] được khởi tạo. Người đó đi theo đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ bị phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) sẽ bị bứng bỏ.

(4) "Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vầy: 'Đâu chỉ mình ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ họ thương họ quý.' Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, thì đạo [con đường] được khởi tạo. Người đó đi theo đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ bị phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) sẽ bị bứng bỏ.

(5) "Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vầy: 'Đâu chỉ mình ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; đâu chỉ mình ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; đâu chỉ mình ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.' Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, thì đạo [con đường] được khởi tạo. Người đó đi theo đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ bị phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) sẽ bị bứng bỏ.

"Những người phàm đều phải bị bệnh,[174]
Bị già, bị chết, mà họ lại thấy ghê tởm
[Với những người khác] khi họ hiện hữu
Đúng theo bản chất tự nhiên của họ.

"Nếu ta cảm thấy ghê tởm
Với những chúng sinh có cùng bản chất như vậy,
Thì điều đó đâu đúng đắn đối với ta,
Bởi vì ta cũng có cùng bản chất như vậy.

"Trong khi ta đang an trú như vầy,
Sau khi đã biết được trạng thái không còn sự thu-nạp (sanh y),
Ta đã vượt qua tất cả mọi sự say sưa—
Sự say sưa với tuổi-trẻ, với sức-khỏe, và với cuộc-sống—
Sau khi ta đã nhìn thấy sự an-toàn trong sự từ-bỏ.[175]

"Sự nhiệt thành đã khởi sinh trong ta,
Khi ta đã rõ ràng nhìn thấy Niết-bàn.
Giờ thì ta không còn có thể
Say sưa thỏa thích trong những dục-lạc.
Nhờ vào đời sống tâm linh này,
Ta chẳng bao giờ quay lại (tái sinh)."

 # (AN 5:57)

74 Thanh Niên Licchavi

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô thành để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Vesālī và trở về sau một vòng đi khất thực, đức Thế Tôn đi vô khu Rừng Lớn và ngồi xuống một gốc cây để an trú qua ngày. Bấy giờ, vào lúc đó có một số thanh niên người Licchavi cầm cung tên đang đi quanh trong khu Rừng Lớn, có dẫn theo một bầy chó, lúc đó họ nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây để an trú qua ngày. Khi họ nhìn thấy đức Thế Tôn, họ bỏ cung tên xuống, đuổi bầy chó đi qua một bên, và đến gặp đức Thế Tôn. Họ kính lễ đức Thế Tôn và đứng im lặng chấp hai tay để kính lễ.

Lúc đó có một thanh niên người Licchavi tên là Mahānāma (Đại Danh) cũng đang đi dạo bộ quanh trong khu Rừng Lớn, lúc đó anh ta nhìn thấy nhóm thanh niên Licchavi đang đứng im lặng chấp hai tay để kính lễ. Rồi anh ta cũng đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và tự cảm hứng thốt ra như vầy: "Họ sẽ là người Vajji! Họ sẽ là người Vajji!"

[Đức Thế Tôn nói:] "Nhưng này Mahānāma, tại sao anh nói: 'Họ sẽ là người Vajji! Họ sẽ là người Vajji (Bạt-kỳ)!'?"

"Thưa Thế Tôn, những thanh niên Licchavi này là bạo lực, côn đồ, thô bạo. Khi các gia đình đang tặng quà bánh kẹo trái cây … họ đến cướp giựt và ngốn ăn hết. Chúng còn đạp vào lưng các phụ nữ và con gái.[176] Mà giờ chúng đứng im lặng chấp hai tay để kính lễ đức Thế Tôn."

"Này Mahānāma, anh có thể trông đợi sự tăng trưởng, không phải sự sa sút, khi anh tìm thấy năm phẩm chất trong bất kỳ người nào—cho dù người đó có là một vị vua giai cấp chiến-sĩ được phong vương, một người quyền thế của xứ sở, một tướng lĩnh quân đội, một người trưởng làng, một chủ bang hội, hay một lãnh chúa của nhiều họ tộc. Năm đó là gì?

(1) "Ở đây, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự phấn đấu nỗ lực, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước

mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính cha mẹ của mình. Cha mẹ người đó, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, họ nghĩ rằng: 'Cầu mong con được sống lâu và sống thọ.' Khi cha mẹ của một người họ tộc hết lòng bi-mẫn đối với người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút.

(2) "Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự phần đấu nỗ lực, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính vợ, con, nô bộc, người làm, người hầu của mình. Họ, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, họ nghĩ rằng: 'Cầu mong ông ấy được sống lâu và sống thọ.' Khi vợ, con, nô bộc, người làm, người hầu của một người họ tộc hết lòng bi-mẫn đối với người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút.

(3) "Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự phần đấu nỗ lực, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người chủ của ruộng đất láng giềng và những người có làm ăn với mình.[177] Họ, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, họ nghĩ rằng: 'Cầu mong ông ấy được sống lâu và sống thọ.' Khi những người chủ của ruộng đất láng giềng và những người có làm ăn của một người họ tộc hết lòng bi-mẫn đối với người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút.

(4) "Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự phần đấu nỗ lực, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những thiên thần phù hộ.[178] Những thiên thần, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, họ nghĩ rằng: 'Cầu mong ông ta được

sống lâu và sống thọ.' Khi những thiên thần phù hộ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút.

(5) "Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự phần đấu nỗ lực, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những tu sĩ và bà-la-môn. Những tu sĩ và bà-la-môn, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, họ nghĩ rằng: 'Cầu mong ông ta được sống lâu và sống thọ.' Khi những tu sĩ và bà-la-môn hết lòng bi-mẫn đối với người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút."

(AN 5:58)

75 Tăng Trưởng (1)

"Này các Tỳ kheo, tăng trưởng theo năm cách là một nam đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này. Năm đó là gì? Người đó tăng trưởng về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, bố-thí, và trí-tuệ. Tăng trưởng theo năm cách này là một nam đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này."

Người tăng trưởng về niềm-tin,
Và giới-hạnh, về trí-tuệ, về bố-thí và về sự học-hiểu—
Một người nam cao siêu thấy biết như vậy,
Hấp thu cho mình tinh túy của kiếp này.

 # (AN 5:63)

76 Tăng Trưởng (2)

"Này các Tỳ kheo, tăng trưởng theo năm cách là một nữ đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này. Năm đó là gì? Người đó tăng trưởng về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ. Tăng trưởng theo năm cách này là một nữ đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này."

Người tăng trưởng về niềm-tin,
Và giới-hạnh, về trí-tuệ, về bố-thí và về sự học-hiểu—
Một nữ đệ tử tại gia đức hạnh như vậy,
Hấp thu cho mình tinh túy của kiếp này.

 # (AN 5:64)

77 Sārandada

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô thành Vesālī để khất thực. Bấy giờ, vào lúc đó có năm trăm người Licchavi đang tập họp ở Đền Sārandada, và khi họ đang ngồi với nhau, chuyện đàm luận này đã phát sinh: "Sự hiện thị (có mặt) của năm báu là hiếm thay trong thế gian. Năm đó là gì? Voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, và quản gia báu. Sự hiện thị của năm báu này là hiếm thay trong thế gian."

Rồi những người Licchavi cử một người đứng ngoài đường, họ nói với anh ta: "Này thiện hữu, khi nào anh nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đến, anh báo cho chúng tôi biết nghen." Rồi người đó nhìn thấy đức Thế Tôn đi đến từ xa, liền đến chỗ những người Licchavi và nói với họ: "Thưa các ông, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang đến. Giờ các ông tùy ý ra gặp."

Rồi những người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đứng sang một bên. Khi đang đứng đó, họ thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, kính mời đức Thế Tôn ghé đến Đền Sārandada, vì lòng bi mẫn." Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi đức Thế Tôn đến chỗ Đền Sārandada, ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với những người Licchavi:

"Chuyện gì các chú vừa rồi đang đàm luận khi đang ngồi với nhau ở đây? Chuyện đang nói dở dang là gì?"

"Thưa Thế Tôn, ở đây, sau khi chúng con đã tập họp và ngồi chung với nhau, chuyện đàm luận này đã phát sinh: … [*Họ lặp lại chuyện như trên*] …

"Chủ ý về những dục-lạc, những người Licchavi các chú đang đàm luận về những dục-lạc! Này những người Licchavi, sự xuất hiện (hiện thị) của năm báu là hiếm thay trong thế gian. Năm đó là gì? (1) Sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là hiếm thay trong thế gian. (2) Người chỉ dạy Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai là hiếm thay trong thế gian. (3) Khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy, một người hiểu được là hiếm thay trong thế gian. (4) Khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy và được hiểu, một người thực hành đúng theo Giáo Pháp là hiếm thay trong thế gian. (5) Một người biết ơn và nhớ ơn là hiếm thay trong thế gian. Này những người Licchavi, sự xuất hiện của năm báu này là hiếm thay trong thế gian."

(AN 5:143)

78 Một Người Tốt

"Này các Tỳ kheo, đây là năm thứ quà tặng bởi một người tốt. Năm đó là gì? Người đó cho tặng một món quà vì có niềm-tin; người đó cho tặng một món quà một cách kính trọng; người đó cho tặng một món quà đúng thời đúng lúc; người đó cho tặng một món quà một cách rộng lòng cho đi [không giữ lại]; người đó cho tặng một món quà mà (trong tâm) không có sự làm tổn thương mình hay người khác.

(1) "Vì người đó *cho tặng vì có niềm-tin*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó đẹp đẽ, lịch lãm, duyên dáng, được phú cho làn da tuyệt đẹp.

(2) "Vì người đó *cho tặng một cách kính trọng*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và vợ, con, những người ở, người làm, những người đưa tin của người đó đều biết kính trọng vâng lời, biết lắng nghe người đó, và họ vận dụng tâm trí để hiểu (người đó).

(3) "Vì người đó *cho tặng đúng thời đúng lúc*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và những lợi ích sẽ đến với người đó đúng thời đúng lúc, một cách dồi dào.

(4) "Vì người đó *cho tặng một món quà một cách rộng lòng cho đi [không giữ lại]*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và tâm của người đó hướng tới hưởng được những thứ tốt nhất trong năm loại [dây] dục-lạc.

(5) "Vì người đó *cho tặng mà không làm tổn thương mình hay người khác*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó không mất mát tài sản ở bất cứ nơi nào, không bị mất bởi hỏa hoạn, lũ lụt, vua chúa, trộm cướp, hay bởi những người thừa kế bất nghĩa.

"Này các Tỳ kheo, đây là năm loại quà cho tặng của một người tốt."

 # (AN 5:148)

79 Sự Ngại Ngần

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!"

"Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

"Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia bị hạn chế bởi sự ngại-ngần. Năm đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu nặng rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia bị hạn chế bởi sự ngại-ngần (thiếu tự tin khi gặp gỡ, đứng hay phát biểu trước những người khác; mặc cảm tội lỗi).

"Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một đệ tử tại gia được tự-tin. Năm đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia được tự tin."

 # (AN 5:171)

80 Sự Tự Tin

"Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia sống ở nhà không có sự tự-tin. Năm đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia sống ở nhà không có sự tự-tin.

"Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một đệ tử tại gia sống ở nhà với sự tự-tin. Năm đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia sống ở nhà có sự tự-tin."

 # (AN 5:172)

81 Địa Ngục

"Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

"Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó."

 # (AN 5:173)

82 Những Sự Thù Hận

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

"Này gia chủ, nếu không dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận, thì một người được gọi là thất đức và sẽ bị tái sinh trong địa ngục. Năm đó là gì? Sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Nếu không dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận này, thì một người được coi là thất-đức và bị tái sinh trong địa ngục.

"Này gia chủ, sau khi đã dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận, thì một người được gọi là đức hạnh và sẽ được tái sinh trong một cõi trời. Năm đó là gì? Sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Sau khi đã dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận này, thì một người được gọi là đức-hạnh và sẽ được bị tái sinh trong một cõi trời.

(1) "Này gia chủ, ai sát-sinh là gây ra mối hiểm họa và sự thù hận thuộc (cho) kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Người kiêng cữ sát-sinh là không gây ra mối hiểm họa và thù hận thuộc kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Đối với người kiêng cữ sát-sinh, mối hiểm họa và thù hận đó đã lặn mất.

(2) "Ai gian-cắp …

(3) "Ai tà-dâm tà dục …

(4) "Ai nói-dối nói láo …

(5) "Ai uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật uống là gây ra mối hiểm họa và sự thù hận thuộc (cho) kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Người kiêng cữ gian-cắp … uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật là không gây ra mối hiểm họa và thù hận thuộc kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Đối với người kiêng cữ gian-cắp … uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, mối hiểm họa và thù hận đó đã lặn mất."

Có người trong thế gian:
Sát-sinh, gian-cắp, nói-dối,
Tà-dâm với vợ người khác,
Và uống rượu nặng rượu nhẹ.

Sống trong năm mối gây thù hận,
Người đó được gọi là thất-đức.
Khi thân tan rã,
Kẻ vô trí đó bị tái sinh trong địa ngục.

Nhưng có người trong thế gian:
Không sát-sinh, không gian-cắp, không nói-dối,
Không tà-dâm với vợ người khác,
Không uống rượu nặng hay rượu nhẹ.
Sau khi đã dẹp bỏ năm mối thù hận,
Người đó được gọi là đức-hạnh.
Khi thân tan rã,
Người có trí đó được sinh trong một cõi trời.

(AN 5:174)

83 *Caṇḍāla*

"Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia là loại người bị vứt bỏ [caṇḍāla, chiên-đà-la, hạ tiện], là sự ô uế của một đệ tử tại gia, là hạng mạt thấp trong số những đệ tử tại gia.[179] Năm đó là gì? (1) Người đó không có niềm-tin; (2) người đó là thất đức; (3) người đó mê tín và tin vào những điềm lành hay vận may này nọ, chứ không tin vào nghiệp; (4) người đó cứ tìm kiếm người xứng đáng cúng dường ở bên ngoài chỗ này;[180] và (5) người đó (ưu tiên) làm những việc [công đức] ở đó trước. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia là loại người bị vứt bỏ, là sự ô uế của một đệ tử tại gia, là hạng mạt thấp trong số những đệ tử tại gia người.

"Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia là loại quý báu của một đệ tử tại gia, là một bông sen hồng của một đệ tử tại gia, là một bông sen trắng của một đệ tử tại gia.[181] Năm đó là gì? (1) Người đó được phú cho niềm-tin; (2) người đó là đức hạnh; (3) người đó không mê tín; tin vào nghiệp chứ không tin những điềm lành hay vận may này nọ; (4) người đó không tìm kiếm người xứng đáng cúng dường ở bên ngoài

chỗ này; và (5) người đó làm những việc [công đức] ở đây trước. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia là loại quý báu của một đệ tử tại gia, là một bông sen hồng của một đệ tử tại gia, là một bông sen trắng của một đệ tử tại gia."

 # (AN 5:175)

84 Hoan Hỷ

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc, cùng với năm trăm đệ tử tại gia, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với gia chủ Cấp Cô Độc [và đoàn người đi cùng]:

"Này các gia chủ, các vị đã tặng y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Các vị không nên chỉ biết hài-lòng với bấy nhiêu đó, [đừng cứ nghĩ]: 'Chúng ta đã tặng y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh cho Tăng Đoàn các Tỳ Kheo.' Do vậy, này các gia chủ, các vị nên tu tập bản thân như vầy: 'Làm cách nào chúng ta có thể chứng nhập và an trú trong niềm hoan-hỷ của sự tách-ly (ẩn dật, độc trú)?'[182] Chính theo cách như vậy các vị nên tu tập bản thân."

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn:

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thế Tôn, về cách điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách hay khéo. Thưa Thế Tôn, mỗi khi một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong trong sự tách-ly, thì trong thời đó năm điều không xảy ra bên trong người đó. (1) Đau khổ và ưu phiền liên quan với nhục-dục không xảy ra bên trong người đó. (2) Sự sướng và sự vui liên quan với nhục-dục không xảy ra bên trong người đó. (3) Đau khổ và ưu phiền liên quan với điều bất thiện không xảy ra bên trong người đó. (4) Sự sướng và sự vui liên quan với điều bất thiện không xảy ra bên trong người đó. (5) Đau khổ và ưu phiền liên quan với điều thiện lành không xảy ra bên trong người đó. Thưa Thế Tôn, mỗi khi một

đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong trong sự tách-ly, thì trong thời đó năm điều này không xảy ra bên trong người đó."

"Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, mỗi khi một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong trong sự tách-ly … [*Phật lặp lại lời trên của thầy Xá-lợi-phất ở trên*] … thì trong thời đó năm điều này không xảy ra bên trong người đó."

(AN 5:178)

85 Buôn Bán

"Này các Tỳ kheo, một đệ tử tại gia không nên dính vào năm việc này. Năm đó là gì? Buôn bán vũ khí, buôn bán chúng sinh (người và động vật), buôn bán thịt, buôn bán những chất gây hại (như rượu, bia, thuốc lá, ma túy …), và buôn bán chất độc (thuốc độc, thuốc hủy diệt (sự sống, côn trùng, vật sống …). Một đệ tử thánh thiện không nên dính vào năm việc này."

#(AN 5:177)

86 Người Tại Gia

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc, cùng với năm trăm đệ tử tại gia, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất:

"Này Xá-lợi-phất, thầy nên biết rằng, bất cứ người tại gia áo trắng nào mà (i) những hành-động của người đó được kiềm chế trong năm giới-luật tu hành, và (ii) nếu người đó muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn sự an trú hạnh phúc (lạc trú) thuộc phần tâm bậc cao (tăng thượng tâm) có thể thấy được (trong kiếp này), thì: nếu người đó muốn, người đó có thể tuyên bố về mình như vầy: 'Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ thống khổ; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau,

nơi-đến xấu dữ, cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.'

(1) (i) "Cái gì là năm giới-luật tu hành mà những hành-động của người đó được kiềm chế trong đó? Ở đây, này Xá-lợi-phất, một đệ tử thánh thiện kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ và những chất độc hại là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Những hành-động của người đó được kiềm chế trong năm giới-luật tu hành đó.

(ii) "Cái gì là bốn sự an trú hạnh phúc (lạc trú) thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được mà nếu người đó muốn người đó có thể chứng đắc chúng, không khó khăn hay rắc rối gì? (*Câu hỏi* (*ii*) *này được trả lời bằng bốn đoạn* (*2*)-(*5*) *tiếp theo*)

(2) "Ở đây, người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Đây là sự an trú hạnh phúc thứ nhất thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được (trong kiếp này) mà người đó đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch.

(3) "Thêm nữa, người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin bất thối chuyển vào Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.' Đây là sự an trú hạnh phúc thứ hai thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được mà người đó đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch.

(4) "Thêm nữa, người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin bất thối chuyển vào Tăng Đoàn như vầy: 'Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn

đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức chân thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Đây là sự an trú hạnh phúc thứ ba thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được mà người đó đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch.

(5) "Thêm nữa, người đệ tử thánh thiện có được giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh, không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính-chấp, dẫn tới đạt-định. Đây là sự an trú hạnh phúc thứ tư thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được mà người đó đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch.

"Đây là bốn sự an trú hạnh phúc thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được mà nếu muốn người đó có thể chứng đắc chúng, không khó khăn hay rắc rối gì.

"Này Xá-lợi-phất, thầy nên biết rằng, bất cứ người tại gia áo trắng nào mà (i) những hành-động của người đó được kiềm chế trong năm giới-luật tu hành, và (ii) nếu người đó muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn sự an trú hạnh phúc (lạc trú) thuộc phần tâm bậc cao (tăng thượng tâm) có thể thấy được (trong kiếp này), thì: nếu người đó muốn, người đó có thể tuyên bố về mình như vầy: 'Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ thống khổ; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, nơi-đến xấu dữ, cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.'"

Sau khi nhìn thấy hiểm họa trong địa ngục,
Người nên tránh bỏ những nghiệp xấu ác;
Sau khi đã nhận lấy Giáo Pháp thánh thiện,

Người có trí nên tránh bỏ chúng.

Bằng mọi khả năng của mình:
Người không nên giết-hại chúng sinh;
Người không nên nói-dối nói láo một cách ý thức;
Người không gian-cắp thứ không được cho.

Người nên biết hài-lòng với (những) vợ của mình,[183]
Và nên tránh xa những vợ của người khác.[184]
Một người không nên uống rượu nặng, rượu nhẹ,
Làm tâm trí ngu mờ.

Người nên tưởng niệm Đức Phật,
Và suy niệm về Giáo Pháp.
Người nên tu tập một cái tâm hiền từ,
Vốn dẫn tới cõi những thiên thần.

Khi có được những thứ để bố thí cúng dường,
Với ai cần có, và mình muốn được công-đức,[185]
Nếu cúng dường cho những bậc thánh tu,
Thì công-đức càng trở nên lớn lao.

Ta sẽ mô tả những bậc thánh tu
Này Xá-lợi-phất, hãy lắng nghe ta.
Trong một đàn bò,[186]
Dù con đen, con trắng, con đỏ, hay con vàng hung,
Màu đồng nhất hay có đốm, hay màu bồ câu—
Có con bò đực được thuần hóa được sinh ra:
Thì nó có thể chịu tảo nặng,
Có sức mạnh, sức nhanh.
Họ gông gánh nặng lên cổ nó;
Họ không quan tâm nó màu gì.

Trong nhân loại cũng vậy,
Dù là sinh cảnh là gì:
Trong số những người giai cấp chiến-sĩ,

Bà-la-môn, nông-thương,
Người cấp hạ-tiện, bần-lao, hay bần-cùng đổ phân—
Có người được thuần hóa được sinh ra:
Người vững chắc về Giáo Pháp, giới-hạnh về hành-vi,
Chân thật trong lời nói, biết xấu-hổ về mặt đạo đức;
Người đó đã loại bỏ được sự sinh-già,
Đã đạt đỉnh cao trong đời sống tâm linh,
Đã quăng bỏ gánh nặng, đã hết bị trói buộc,
Đã làm xong những gì cần phải làm,
Đã không còn ô-nhiễm;
Là người đã vượt trên mọi thứ [của thế gian],
Và đã chứng ngộ Niết-bàn, nhờ sự không còn dính-chấp:
Sự cúng dường thực sự là lớn lao,
Nếu được gieo trồng trong ruộng phước không tỳ vết đó.

Những người ngu không hiểu,
Ngu ngốc, thiểu học,
Không để tâm kính lễ tới những bậc thánh,
Mà chỉ lo cúng dường những người ngoài đạo.
Nhưng những ai để tâm kính lễ những bậc thánh,
Và những người trí được tôn trọng là thánh hiền,
Và những người có niềm-tin vào bậc Phúc Lành (Phật),
Thì được cắm rễ và được thiết lập hay khéo,
Sẽ đi lên cõi những thiên thần,
Hoặc được sinh ra ở đây trong những gia đình tốt.
Còn những bậc trí tu tiến những bước thành đạt,
Và chứng ngộ Niết-bàn.

(AN 5:179)

87 *Gavesī*

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn. Lúc đó, trong lúc đang đi dọc đường lộ cái, đức Thế Tôn nhìn thấy một khóm rừng lớn những cây sa-la. Đức Thế Tôn đã ra khỏi đường lộ, đi vô rừng cây sa-la, và mỉm cười sau khi đến được một nơi như vậy.

Rồi ý nghĩ này xảy đến với Ngài Ānanda: "Tại sao đức Thế Tôn mỉm cười? Những bậc Như Lai không cười khi không có lý do." Rồi thầy Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, vì sao Thế Tôn mỉm cười như vậy? Những Như Lai không cười khi không có lý do."

"Này Ānanda, trong quá khứ nơi này là một thành phố giàu có, thịnh vượng, dân cư đông đúc, là nơi nhiều người đổ về. Lúc bấy giờ có bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là (Phật) Ca-Diếp [Kassapa] sống nương nhờ ở thành phố này. Đức Thế Tôn Ca-Diếp có một đệ tử tại gia tên là Gavesī, người chưa hoàn thiện về giới-hạnh. Và Gavesī chỉ dạy và hướng dẫn cho năm trăm đệ tử tại gia khác là những người cũng chưa hoàn thiện về giới-hạnh.

(1) "Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với Gavesī: 'Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này, nhưng cả ta và họ đều chưa hoàn thiện về giới-hạnh. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.'

"Rồi Gavesī đã đến gặp năm trăm đệ tử tại gia đó và nói với họ: 'Từ hôm nay trở đi, các vị nên coi tôi là người đang hoàn thiện giới-hạnh.' Rồi ý nghĩ này xảy đến với năm trăm người đó: 'Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī sẽ hoàn thiện giới-hạnh. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?'

"Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp Gavesī và nói với ông ấy: 'Từ hôm nay trở đi, mong Thầy Gavesī coi chúng tôi là những người đang hoàn thiện giới-hạnh.'

(2) "Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với đệ tử tại gia Gavesī: 'Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này. Giờ ta là người đang hoàn thiện giới-hạnh, và họ cũng đang làm như vậy. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.'

"Rồi Gavesī đã đến gặp năm trăm đệ tử tại gia đó và nói với họ: 'Từ hôm nay trở đi, các vị hãy coi tôi là người sống độc-thân, sống tách-ly (lánh trần, ẩn dật), kiêng cữ quan hệ tính-dục, kiêng cữ những thói-tục của cá nhân.' Rồi ý nghĩ này xảy đến với năm trăm người đó: 'Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī sẽ sống độc-thân, sống tách-ly, kiêng cữ quan hệ tính-dục, kiêng cữ những thói-tục của các nhân. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?'

"Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp Gavesī và nói với ông ấy: 'Từ hôm nay trở đi, mong Thầy Gavesī coi chúng tôi là những người sống độc-thân, sống tách-ly, kiêng cữ quan hệ tính-dục, kiêng cữ những thói-tục của cá nhân.'

(3) "Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với đệ tử tại gia Gavesī: 'Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này. Giờ ta là người đang hoàn thiện giới-hạnh, và họ cũng đang làm như vậy. Ta đang sống độc-thân, sống tách-ly, kiêng cữ quan hệ tính-dục, kiêng cữ những thói-tục của cá nhân, và họ cũng làm như vậy. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.'

"Rồi Gavesī đã đến gặp năm trăm đệ tử tại gia đó và nói với họ: 'Từ hôm nay trở đi, các vị hãy coi tôi là người ăn một bữa một ngày, kiêng cữ ăn đêm, kiêng cữ ăn ngoài thời gian thích hợp (phi thời)'. Rồi ý nghĩ này xảy đến với năm trăm người đó: 'Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī là người ăn một bữa một ngày, kiêng cữ ăn đêm, kiêng xcữ ăn ngoài thời gian thích hợp. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?'

"Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp Gavesī và nói với ông ấy: 'Từ hôm nay trở đi, mong Thầy Gavesî coi chúng tôi là những người ăn một bữa một ngày, kiêng cữ ăn đêm, kiêng cữ ăn ngoài thời gian thích hợp.'

(4) "Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với đệ tử tại gia Gavesī: 'Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này. Giờ ta là người đang hoàn thiện giới-hạnh, và họ cũng đang làm như vậy. Ta đang sống độc-thân, sống tách-ly, kiêng cữ quan hệ tính-dục, kiêng cữ những thói-tục của cá nhân, và họ cũng đang làm như vậy. Giờ ta là người ăn một bữa một ngày, kiêng cữ ăn đêm, kiêng cữ ăn ngoài thời gian thích hợp, và họ cũng đang làm như vậy. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.'

(5) "Rồi Gavesī đã đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, và thưa với Thế Tôn: 'Thưa Thế Tôn, con xin được xuất gia và thụ toàn bộ giới (đại thọ giới; thành Tỳ kheo) dưới đức Thế Tôn, có được không?'. Rồi đệ tử tại gia Gavesī đã được xuất gia và thụ toàn bộ giới dưới đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Không lâu sau khi đã thụ toàn bộ giới, sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, Tỳ kheo Gavesī, với trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp đó đã chứng ngộ kết-cuộc vô thượng của đời sống tâm linh mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó. Vị đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Và Tỳ kheo Gavesī đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

"Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với năm trăm đệ tử tại gia đó: 'Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī đã cạo bỏ râu tóc và khoát y cà-sa màu vàng úa, đã từ

bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?'

"Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác và thưa với đức Thế Tôn: 'Thưa Thế Tôn, chúng con xin được xuất gia và thụ toàn bộ giới dưới đức Thế Tôn có được không?' Rồi năm trăm vị đệ tử tại gia đó đã được xuất gia và thụ toàn bộ giới dưới đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(6) "Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với Tỳ kheo Gavesī: 'Ta, nếu muốn không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát. Ôi, cầu mong cho năm trăm vị Tỳ kheo đó cũng vậy, nếu muốn không khó khăn hay rắc rối gì, họ cũng có thể chứng đắc niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát!' Rồi, này Ānanda, không bao lâu sau khi thụ toàn bộ giới, mỗi người sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, không lâu sau khi đã thụ toàn bộ giới, sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, năm trăm vị Tỳ kheo đó, với trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp đó đã chứng ngộ kết-cuộc vô thượng của đời sống tâm linh mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, những vị ấy an trú trong đó. Những vị đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Và năm trăm vị Tỳ kheo đó đã trở thành những A-la-hán.

"Như vậy, này Ānanda, năm trăm vị Tỳ kheo đó được dẫn đầu bởi Gavesī, nhờ sự chuyên-cần tu (tinh cần) lần lượt theo những cách thức cao hơn và siêu phàm hơn, họ đã chứng ngộ niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát.[187] Bởi vậy, này Ānanda, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Bằng sự chuyên-cần tu lần lượt theo những cách thức cao hơn và siêu phàm hơn, chúng ta sẽ chứng ngộ niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát.' Này Ānanda, các thầy nên tu tập bản thân như vậy."

 # (AN 5:180)

88 Bà-la-môn Doṇa

Lúc đó có bà-la-môn tên Doṇa đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, tôi nghe nói: 'Sa-môn Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; ông ta cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ.' Đây đúng là sự thật, bởi vì Thầy Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; thầy cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ. Thầy Cồ-đàm, điều này là không phù hợp (không phải phép)."[188]

"Này ông Doṇa, ông có tuyên bố là một bà-la-môn không?"

"Thầy Cồ-đàm, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói: 'Người đó là một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ; người đó là người truyền tụng và bảo tồn những bài tụng chú, là một bậc thầy về ba kinh Vệ-đà (Veda) thông thuộc cả những từ vựng, nghi thức, âm vị học, từ nguyên học, và lịch sử là thứ năm; giỏi về ngôn ngữ học và ngữ pháp, người đó thông hoàn toàn thông thuộc về triết lý tự nhiên và về những tướng số của bậc vĩ nhân'—thì chính xác là tôi người đó đang nói tới. Bởi vì, Thầy Cồ-đàm, tôi là một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ; người đó là người truyền tụng và bảo tồn những bài tụng chú, là một bậc thầy về ba kinh Vệ-đà (Veda) thông thuộc cả những từ vựng, nghi thức, âm vị học, từ nguyên học, và lịch sử là thứ năm; giỏi về ngôn ngữ học và ngữ pháp, người đó thông hoàn toàn thông thuộc về triết lý tự nhiên và về những tướng số của bậc vĩ nhân."

"Này ông Doṇa, những bậc nhìn-thấy trong số những bà-la-môn—như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, và Bhagu—là những người tạo ra những bài chú tụng, và đó là những bài chú của họ, đã từng được tụng đọc, được công bố, và được kết tập mà những bà-la-môn thời này vẫn tụng đọc và lặp lại, lặp lại những lời đã được nói, tụng lại những lời đã được tụng, và dạy lại những lời đã được dạy. Những bậc nhìn thấy thời xưa đã mô tả năm loại bà-la-môn này: loại giống trời Brahmā, loại giống thiên thần, loại vẫn còn trong giới-hạn, loại đã vượt qua giới-hạn, và loại bà-la-môn mạt thấp [caṇḍāḷa] là thứ năm. Này ông Doṇa, trong đó ông thuộc loại nào?"

"Thầy Cồ-đàm, tôi không biết năm loại bà-la-môn đó. Tất cả những gì chúng tôi biết là [chữ] 'bà-la-môn' mà thôi. Vậy Thầy Cồ-đàm hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo cách để tôi biết năm loại bà-la-môn đó."

"Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói."

"Được, thưa thầy", ông bà-la-môn Doṇa đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) "Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là giống trời Brahmā? Ở đây, một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ. Người đó sống đời sống tâm linh độc thân từ đầu (phạm hạnh đồng trinh)[189] suốt 48 năm, học hiểu những bài chú thuật. Sau đó người đó tìm kiếm tiền học phí để trả cho người thầy nhờ một cách duy nhất đúng theo Giáo Pháp, không theo cách trái với Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là Giáo Pháp trong trường hợp này? Không bằng cách trồng trọt, buôn bán, săn bắn, chăn nuôi gia súc, phục vụ vua chúa, nghề đặc thù, chỉ duy nhất bằng cách đi khất thực mà không khinh thường bình bát khất thực. — Sau khi đã trả học phí cho người thầy của mình, người đó cạo râu tóc, khoát y màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.[190] Sau khi đã xuất gia, người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *từ-ái*; cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như

vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và mọi nơi chốn, người đó sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vời], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *bi-mẫn* … với một cái tâm thấm đẫm sự *tùy-hỷ* … với một cái tâm thấm đẫm sự *buông-xả*; cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và mọi nơi chốn, người đó sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Sau khi đã tu tập bốn sự an trú thuộc cõi trời (bốn phạm trú, bốn tâm vô lượng),[191] khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời brahmā. Theo cách này một bà-la-môn là giống với vị trời Brahmā.

(2) "Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là giống một thiên thần? Ở đây, một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ … [*giống đoạn (1) kế trên cho tới:*] … chỉ duy nhất bằng cách đi khất thực mà không khinh thường bình bát khất thực. — Sau khi đã trả xong học phí cho người thầy của mình, người đó tìm cưới vợ chỉ theo cách đúng theo Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là Giáo Pháp trong trường hợp này? Không bằng cách mua bán [người đó chỉ lấy] một phụ nữ bà-la-môn được trao cho người đó bằng cách rót nước. Người đó chỉ giao phối với một phụ nữ bà-la-môn, không giao phối với phụ nữ giai cấp chiến-sĩ (khattiya), giai cấp nông thương (vessa), giai cấp hạ tiện (sudda) hay phụ nữ thuộc hạng mạt thấp (caṇḍāla, chiên-đà-la), cũng không giao phối với phụ nữ từ gia đình hạng thợ săn, thợ đan mây tre, thợ làm xe ngựa, hay những người hốt rác. Người đó không giao phối với phụ nữ có thai, hay phụ nữ đang cho con bú, hay phụ nữ ngoài thời gian có thể thụ thai.

"Và, này ông Doṇa, tại sao người đó không giao phối với phụ nữ có thai? Bởi vì, nếu làm như vậy, đứa bé được sinh ra trong sự dơ bẩn quá mức; do vậy người đó không làm vậy. Tại sao người đó không giao phối với phụ nữ đang cho con bú? Bởi vì, nếu làm vậy, đưa bé được sinh ra sẽ

như uống lại chất ô uế;[192] do vậy người đó không làm vậy. Tại sao người đó không giao phối với phụ nữ ngoài thời gian có thể thụ thai? Bởi vì, người vợ bà-la-môn của người đó không phải để phục vụ cho dục-lạc, sự vui thú, và dâm lạc, mà chỉ vì để sinh sản (để liên tục dòng tộc).[193] — Sau khi người đó đã giao hợp tính-dục như vậy, người đó đó cạo râu tóc, khoát y màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã xuất gia, người đó (thiền định): 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … [*y hệt nguyên văn đoạn nói về bốn tầng thiền định ở kinh* ***5:14***] … Sau khi đã tu tập bốn tầng thiền định (sắc giới) này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời. Theo cách này một bà-la-môn là giống một thiên thần.

(3) "Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là vẫn còn trong giới-hạn? Ở đây một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ … [*tiếp tục y hệt như đoạn kế trên cho tới*:] … Bởi vì, người vợ bà-la-môn của người đó không phải để phục vụ cho dục-lạc, sự vui thú, và dâm lạc, mà chỉ vì để sinh sản (để liên tục dòng tộc). — Sau khi người đó đã giao hợp tính-dục như vậy, vì sự dính buộc với con cái nên người đó vẫn ở lại với nhà cửa gia sản và không xuất gia tu hành. Người đó dừng lại ở giới-hạn đó của những bà-la-môn cổ xưa, nhưng không vi phạm giới đó (tức không vi phạm bà-la-môn giới về việc lấy vợ cùng giai cấp, về sự giao phối tính dục). Do người đó dừng lại ở giới-hạn của những bà-la-môn cổ xưa nhưng không vi phạm giới đó, nên người đó được gọi là một bà-la-môn vẫn còn trong giới-hạn. Theo cách này là một bà-la-môn vẫn còn trong giới-hạn.

(4) "Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là đã vượt qua giới-hạn? Ở đây một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và

mẹ … [*tiếp tục y hệt như đoạn trên cho tới*:] … — Sau khi đã trả xong học phí cho người thầy của mình, người đó tìm cưới vợ một cách trái với Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là trái Giáo Pháp trong trường hợp này? Người đó vừa lấy phụ nữ bà-la-môn được trao cho người đó bằng cách rót nước, vừa lấy vợ cả thông qua mua bán. Người đó không chỉ giao phối với một phụ nữ bà-la-môn, mà cũng giao phối với phụ nữ giai cấp chiến-sĩ (khattiya), giai cấp nông thương (vessa), giai cấp hạ tiện (sudda), phụ nữ thuộc hạng mạt thấp (caṇḍāla, chiên-đà-la), phụ nữ từ gia đình hạng thợ săn, thợ đan mây tre, thợ làm xe ngựa và những người hốt rác. Người đó giao phối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang cho con bú, phụ nữ trong và ngoài thời gian có thể thụ thai. Người vợ bà-la-môn của người đó vừa là người cho mục đích dục-lạc, vui thú, và dâm lạc, cũng vừa cho mục đích sinh đẻ.[194] Người đó không dừng lại ở giới-hạn đó của những bà-la-môn cổ xưa, mà vi phạm luôn giới đó (tức đã vi phạm bà-la-môn giới về việc lấy vợ và giao phối). Do người đó không dừng lại ở giới-hạn của những bà-la-môn cổ xưa mà vi phạm luôn giới đó, nên người đó được gọi là một bà-la-môn đã vượt qua giới-hạn. Theo cách này một bà-la-môn là đã vượt qua giới-hạn.

(5) "Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là hạng mạt-thấp của một bà-la-môn? Ở đây một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ … [*tiếp tục y hệt như đoạn trên cho tới*:] … — Sau đó người đó tìm kiếm tiền học phí để trả cho người thầy bằng những cách đúng theo Giáo Pháp và cả trái với Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là đúng theo Giáo Pháp và trái với Giáo Pháp trong trường hợp này? Tức là bằng những cách trồng trọt, buôn bán, săn bắn, chăn nuôi gia súc, phục vụ vua chúa, nghề đặc thù, chứ không phải chỉ[195] bằng cách đi khất thực mà không khinh thường bình bát khất thực. — Sau khi trả xong học phí cho người thầy của mình, người đó tìm lấy vợ một cách vừa đúng theo Giáo Pháp, vừa trái với Giáo Pháp. Người đó vừa lấy phụ nữ bà-la-môn được trao cho người đó bằng cách rót nước, vừa lấy vợ cả thông qua mua bán. Người đó không chỉ giao phối với một phụ nữ bà-la-môn, mà cũng giao phối với phụ nữ giai cấp chiến-sĩ (khattiya), giai cấp nông thương (vessa),

giai cấp hạ tiện (sudda), phụ nữ thuộc hạng mạt thấp (caṇḍāla, chiên-đà-la), phụ nữ từ gia đình hạng thợ săn, thợ đan mây tre, thợ làm xe ngựa và những người hốt rác. Người đó giao phối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang cho con bú, phụ nữ trong và ngoài thời gian có thể thụ thai. Người vợ bà-la-môn của người đó vừa là người cho mục đích dục lạc, vui thú, và dâm lạc, vừa cho mục đích sinh đẻ. Người đó kiếm sống bằng đủ loại công việc. Những bà-la-môn khác nói với người đó: 'Này ông, tại sao trong khi tuyên bố mình là một bà-la-môn mà ông lại kiếm sống bằng đủ loại công việc như vậy?' Người đó trả lời họ: 'Giống như lửa đốt cháy những thứ sạch và dơ nhưng lửa đâu bị ô nhiễm do (tiếp xúc) những thứ đó. Cũng giống như vậy, nếu một bà-la-môn kiếm sống bằng đủ loại công việc, người đó đâu bị ô nhiễm do (làm, tiếp xúc) những công việc đó.' Vì người đó kiếm sống bằng đủ loại công việc, nên bà-la-môn đó được gọi là hạng mạt thấp của một bà-la-môn. Theo cách này một bà-la-môn là hạng mạt thấp của bà-la-môn.

"Này ông Doṇa, những bậc nhìn-thấy trong số những bà-la-môn—như … [*như đoạn này ở đầu kinh*] … đã mô tả năm loại bà-la-môn này: loại giống trời Brahmā, loại giống thiên thần, loại vẫn còn trong giới-hạn, loại đã vượt qua giới-hạn, và loại bà-la-môn mạt thấp [caṇḍāḷa] là thứ năm. Này ông Doṇa, trong đó ông thuộc loại nào?"

"Thưa Thầy Cồ-đàm, trong trường hợp như vậy, chúng tôi còn chưa bằng loại bà-la-môn mạt thấp. Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 5:192)

89 Bà-la-môn Saṅgārava [196]

Lúc đó có bà-la-môn tên là Saṅgārava đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, (I) cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có nhiều lúc các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày lại không nhớ được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng? (II) Và tại sao nhiều lúc các kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn nhớ được lâu trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày?"

(I) [Tại sao một người không nhớ được những kinh kệ?]

(1) "Này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm ***bị*** ám muội bởi (chướng-ngại) *tham-dục* (tham), bị chiếm ngự bởi tham-dục, và người đó không hiểu '*sự thoát-khỏi tham-dục*' đúng như nó thực là,[197] thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là.[198] Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu đựng nước có pha thuốc nhuộm màu đỏ, vàng, xanh, hay màu gấc (*hàm chỉ đủ loại tham-dục*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó (khuôn mặt) đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *tham-dục* … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(2) "Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý* (sân), bị chiếm ngự bởi sự ác-ý, và người đó không hiểu '*sự thoát-khỏi sự ác-ý*' đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-

lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước được nấu bằng lửa, đang nổi bọt và sôi sục (*hàm chỉ sự ác-ý, sự sân hận*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý* … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(3) "Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* (hôn trầm thụy miên), bị chiếm ngự bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, và người đó không hiểu '*sự thoát-khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*' đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, ví dụ có chậu nước bị che phủ bởi rong rêu và tảo (*hàm chỉ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(4) "Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự bất-an và hối-tiếc* (trạo cử hối quá), bị chiếm ngự bởi sự

bất-an và hối-tiếc, và người đó không hiểu '*sự thoát-khỏi sự bất-an và hối-tiếc*' đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, ví dụ có một cái chậu nước bị thổi bởi gió, chao động, xoáy động, khuấy động thành sóng nhỏ (*hàm chỉ sự bất-an và hối-tiếc*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự bất-an và hối-tiếc* … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

(5) "Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi-ngờ* (nghi), bị chiếm ngự bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu '*sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ*' đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước đục ngầu, không lắng trong, đầy bùn đất, được đặt trong chỗ tối (*hàm chỉ sự nghi-ngờ, sự chưa thấy rõ*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi-ngờ* … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

(II) [Tại sao một người nhớ được những kinh kệ?]

(1)-(5) "Này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm ***không bị*** ám muội bởi (chướng-ngại) *tham-dục*, *sự ác-ý*, *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*, *sự bất-an và hối-tiếc*, và *sự nghi-ngờ*, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

"Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước *không bị* pha tạp bởi thuốc nhuộm; không nổi bọt và sôi sục; không bị che phủ bởi rong rêu và tảo; không bị khuấy động bởi gió và chao động thành sóng; được trong sạch, lắng trong, trong suốt, được đặt ở chỗ sáng. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ biết và thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một sống với một cái tâm *không bị* ám muội bởi *tham-dục*, *sự ác-ý*, *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*, *sự bất-an và hối-tiếc*, và *sự nghi-ngờ*, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

"Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày."

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

(AN 5:193)

90 Bà-la-môn Kāraṇapālī

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn tên Kāraṇapālī đang làm cho xong mấy công việc cho những người Licchavi.[199] Bà-la-môn Kāraṇapālī nhìn thấy bà-la-môn Piṅgiyānī đang từ xa đi đến, và nói với ông ta:

"Thầy Piṅgiyānī từ đâu mà đến đây vào giữa trưa như vậy?"

"Thưa ông, tôi đến đây từ chỗ có mặt sa-môn Cồ-đàm."[200]

"Thầy Piṅgiyānī nghĩ sao về tầm lực trí-tuệ của sa-môn Cồ-đàm? Thầy có coi vị ấy là thông thái hay không?"

"Này thưa ông, tôi là ai mà có thể biết được tầm lực về trí-tuệ của sa-môn Cồ-đàm? Chắc chắn rằng chỉ có ai giống bậc ấy mới có thể biết được tầm lực về trí-tuệ của bậc ấy!"

"Thầy khen ngợi sa-môn Cồ-đàm bằng lời khen cao ngất, thật vậy."

"Này thưa ông, tôi là ai mà có thể khen ngợi sa-môn Cồ-đàm? Thầy Cồ-đàm nên được khen ngợi bởi những người được khen ngợi; (vì) bậc ấy là bậc nhất trong những thiên thần và loài người!"

"Thầy Piṅgiyānī, những cơ-sở nào thầy đã nhìn thấy để thầy đặt niềm-tin như vậy vào sa-môn Cồ-đàm?"

(1) "Giống như một người đã tìm thấy sự thỏa mãn trong những mùi-vị ngon bậc nhất sẽ không còn mong muốn nếm những loại thấp hơn. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất cứ (dạng, thể loại) nào một người nghe được về Giáo Pháp của Thầy Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì người đó không còn mong muốn tìm kiếm những học thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn bình thường khác nữa.[201]

(2) "Giống như một người bị kiệt sức vì đói và yếu đuối mà nhận được một cái bánh mật ong thì người đó sẽ thưởng thức mùi-vị ngọt ngon trong từng miếng khi ăn bánh đó. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất cứ (dạng, thể loại) nào một người nghe được về Giáo Pháp của Thầy Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì người đó sẽ đạt tới sự mãn nguyện và sự nhẹ nhàng (ôn hòa, bình lặng) của tâm.

(3) "Giống như một người bắt gặp một mảnh gỗ đàn hương, dù là dàn hương vàng hay đàn hương đỏ, thì người đó sẽ thưởng thức một mùi-hương thơm thanh trong từng sự ngửi nó, dù là ở dưới, giữa, hay trên đầu mảnh gỗ. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất kỳ (dạng, thể loại) nào một người nghe được về Giáo Pháp của Thầy Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì người đó sẽ phát sinh niềm phấn khởi và hoan hỷ.

(4) "Giống như một người bác sĩ tài giỏi có thể trị hết ngay một người bệnh, bị đau đớn, và bệnh yếu gần chết. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất cứ (dạng, thể loại) nào một người nghe được về Giáo Pháp của Thầy Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng của người đó sẽ biến mất.

(5) "Giống như có một hồ nước đáng thích với bờ hồ phẳng phiu, nước nó trong, dễ chịu, mát lạnh, trong lành, và một người đang bị áp bức và kiệt sức bởi trời nóng bức, bị kiệt sức, khô quéo, và khát cháy nhảy xuống hồ để tắm và uống nước; nhờ vậy sự đau khổ, sự mệt mỏi, và sự sốt cháy của người đó sẽ lắng dịu. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất kỳ (dạng, thể loại) nào một người nghe được về Giáo Pháp của Thầy Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì mọi sự đau khổ, sự mệt mỏi, và sự sốt cháy của người đó sẽ lắng dịu."

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Kāraṇapālī đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y áo trên một vai, và chân phải quỳ xuống đất, ông ta tôn kính lễ chào đức Thế Tôn và cảm hứng nói ra ba lần những lời này:

"Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

"Thật hay khéo, Thầy Piṅgiyānī! Thật hay khéo, Thầy Piṅgiyānī! Thầy Piṅgiyānī đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như người đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được hình sắc. Thầy Piṅgiyānī, nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong thầy Piṅgiyānī ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

(AN 5:194)

91 Bà-la-môn Piṅgiyānī

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Bấy giờ, vào lúc đó có năm trăm người Licchavi đang đến thăm đức Thế Tôn. Một số người Licchavi là xanh (dương), da màu xanh, ăn mặc màu xanh, đeo trang sức màu xanh. Một số người Licchavi là vàng, da màu vàng, ăn mặc màu vàng, đeo trang sức màu vàng. Một số người Licchavi là đỏ, da màu đỏ, ăn mặc màu đỏ, đeo trang sức màu đỏ. Một số người Licchavi là trắng, da màu trắng, ăn mặc màu trắng, đeo trang sức màu trắng. Nhưng đức Thế Tôn vẫn tỏa sáng hơn tất cả họ về vẻ đẹp và sự huy hoàng.

Rồi bà-la-môn tên Piṅgiyānī đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh lại y áo trên một vai, và sau khi kính lễ kính lễ đức Thế Tôn, ông ta thưa:

"Thưa bậc Thế Tôn, một sự cảm hứng đã xảy đến với con! Thưa bậc Phúc Lành, một sự cảm hứng đã xảy đến với con!"

"Này Piṅgiyānī, vậy hãy diễn đạt sự cảm hứng của mình",[202] đức Thế Tôn nói. Rồi, trước mặt đức Thế Tôn, bà-la-môn Piṅgiyānī đã ngợi ca đức Thế Tôn bằng một bài thi kệ đúng đắn như vầy:[203]

"Như hoa sen hồng *kokanada* thơm ngát,
Nở vào buổi sáng,
Mùi hương tinh nguyên chưa từng thấy của nó,
Hãy nhìn Aṅgīrasa sáng rỡ,
Như mặt trời chiếu sáng trong không trung."

Rồi những người Licchavi đó đã dâng lên bà-la-môn Piṅgiyānī năm trăm cà sa. Rồi bà-la-môn Piṅgiyānī dâng cúng năm trăm cà sa đó cho đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn mới nói với những người Licchavi đó:

"Này những người Licchavi, sự xuất hiện (hiện thị) của năm báu là hiếm thay trong thế gian.[204] Năm đó là gì? (1) Sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là hiếm thay trong thế gian. (2) Người chỉ dạy Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai là hiếm thay trong thế gian. (3) Khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy, một người hiểu được là hiếm thay trong thế gian. (4) Khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy và được hiểu, một người thực hành đúng theo Giáo Pháp là hiếm thay trong thế gian. (5) Một người biết ơn và nhớ ơn là hiếm thay trong thế gian. Này những người Licchavi, sự xuất hiện của năm báu này là hiếm thay trong thế gian."

(AN 5:195)

"Này các Tỳ kheo, mỗi khi những tu sĩ đức hạnh[205] đến nhà nào, những người ở đó sẽ tạo được nhiều công-đức dựa trên năm cơ-sở. Năm đó là gì?

(1) Khi người ta thấy những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ và họ phát khởi lòng-tin [đối với các thầy], thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến (thiện dẫn tới) cõi-trời. (2) Khi người ta đứng dậy, kính lễ, và mời chỗ ngồi cho những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến sự được (tái) sinh ra trong một gia-đình cao quý. (3) Khi người ta loại bỏ ô-nhiễm là tính keo-kiệt đối với những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách đưa đến sự uy-thế lớn lao. (4) Khi người ta, tùy theo những phương tiện mình có, chia sẻ thứ mình có cho những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến sự giàu-có lớn lao. (5) Khi người ta vấn hỏi những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, tìm hiểu về những giáo lý, và lắng nghe Giáo Pháp, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến trí-tuệ lớn lao. Này các Tỳ kheo, mỗi khi những tu sĩ đức hạnh đến nhà nào, những người ở đó sẽ tạo được nhiều công đức dựa trên năm cơ sở này."

 # (AN 5:199)

93 Sự Giàu Có

"Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong sự giàu có. Năm đó là gì? Bị hỏa hoạn, bị lũ lụt, bị vua chúa (tịch thu), bị trộm cướp, và bị những kẻ thừa kế bất nghĩa. Đây là năm sự nguy-hại trong sự giàu có.

"Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi này của sự giàu có. Năm đó là gì? Một người nhờ sự giàu có, (1) làm cho mình hạnh phúc và vui lòng, và duy trì bản thân trong sự hạnh phúc; (2) làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng, và duy trì họ trong sự hạnh phúc; (3) làm cho vợ con, nô bộc, người làm, và người ở hạnh phúc và vui lòng, và duy trì họ trong sự hạnh phúc;

(4) làm cho bạn bè và đồng nghiệp hạnh phúc và vui lòng, và duy trì họ trong sự hạnh phúc; (5) thiết lập sự cúng dường hướng thượng cho những tu sĩ và bà-la-môn (đích thực), đó là sự cúng dường thuộc cõi trời, kết thành quả hạnh phúc, và đưa đến (tái sinh) cõi trời. Đây là năm ích-lợi của sự giàu có."

 # (AN 5:227)

94 Một Bữa Ăn

"Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại đối với một gia đình chuẩn bị bữa cơm bị trễ trong ngày.[206] Năm đó là gì? (1) Khách đến thăm không được phục vụ đúng giờ. (2) Những thiên thần (phù hộ) nhận đồ cúng không đúng giờ. (3) Những tu sĩ và bà-la-môn, chỉ ăn một lần trong ngày và kiêng cữ ăn ban đêm, kiêng cữ ăn phi thời (ngoài giờ quy định: sau giờ ngọ), thì sẽ không được phục vụ đúng giờ. (4) Những nô bộc, người làm, người ở sẽ nhăn nhó khi làm những việc của mình (vì bị đói, mệt …). (5) Ăn bữa ăn không đúng giờ giấc thì không (hấp thu) nhiều dinh dưỡng. Đây là năm sự nguy-hại đối với một gia đình chuẩn bị bữa ăn trễ trong ngày.

"Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi đối với một gia đình chuẩn bị bữa cơm đúng giờ trong ngày.[207] Năm đó là gì? (1) Khách đến thăm được phục vụ đúng giờ. (2) Những thiên thần (phù hộ) nhận được đồ cúng đúng giờ. (3) Những tu sĩ và bà-la-môn, chỉ ăn một lần trong ngày và kiêng cữ ăn ban đêm, kiêng cữ ăn phi thời (ngoài giờ quy định: sau giờ ngọ), sẽ được phục vụ đúng giờ. (4) Những nô bộc, người làm, người ở sẽ không nhăn nhó khi làm những việc của mình. (5) Ăn bữa ăn đúng giờ đúng giấc thì (hấp thu) nhiều dinh dưỡng. Đây là năm ích-lợi đối với một gia đình chuẩn bị bữa ăn đúng giờ trong ngày."

 # (AN 5:228)

(V) Quyển "SÁU":

95 Mahānāma

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, một đệ tử thánh thiện đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo pháp thì thường an trú theo cách nào?"[208]

"Này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo pháp thường an trú theo cách này:[209]

(1) "Ở đây, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Như Lai*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng,[210] là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp,[211] người đó tu tập sự tưởng niệm về Đức Phật.

(2) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Giáo Pháp*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Giáo Pháp.

(3) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vầy: 'Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Tăng Đoàn*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống

trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Tăng Đoàn.

(4) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình là không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào giới-hạnh*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về giới-hạnh.

(5) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về sự bố-thí của mình như vầy: 'Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, rộng lòng hào hiệp, dang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về sự rộng lòng bố-thí của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào sự bố-thí*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm

sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về sự bố-thí.

(6) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vầy: 'Có những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương (bốn vị vua trời lớn), những thiên thần ở cõi trời Đạo-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33), những thiên thần ở cõi trời Dạ-ma (Yāma), những thiên thần ở cõi trời Đâu-suất (Tusita), những thiên thần vui thích sáng tạo (hóa lạc thiên), những thiên thần kiểm soát những thứ được sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên), và những thiên thần cao hơn những thiên thần đó.[212] Trong tôi cũng có loại *niềm-tin* mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó; trong tôi cũng có loại *giới-hạnh* … *sự học-hiểu* … *sự bố-thí* … *trí-tuệ* mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào những thiên-thần*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi

người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về những thiên-thần.

"Này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện là người đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo lý thì thường an trú đơn thuần theo cách này."

(AN 6:10)

96 Nakulapitā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Bấy giờ, vào lúc đó có gia chủ tên Nakulapitā [cha của Nakula] bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Rồi vợ của gia chủ là bà Nakulamātā [mẹ của Nakula] đã nói với ông ta điều này:

"Này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng.[213] Chết mà mang đầy lo lắng sẽ đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.[214]

(1) "Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: 'Sau khi tôi mất, [Nakulamātā] mẹ của Nakula sẽ không thể nuôi nấng con cái và giữ gìn nhà cửa.' Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi giỏi nghề se bông và dệt len. Sau khi ông mất, tôi sẽ có thể nuôi nấng con cái và giữ gìn nhà cửa. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

(2) "Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: 'Sau khi tôi mất, mẹ của Nakula sẽ lấy chồng khác.'[215] Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Này chủ gia, ông và tôi đều biết rõ, suốt mười sáu năm qua chúng ta đã sống đời sống độc-thân của người tại gia.[216] Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

(3) "Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: 'Sau khi tôi mất, mẹ của Nakula sẽ không còn muốn đến thăm đức Thế Tôn và Tăng Đoàn các Tỳ kheo.' Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Sau khi ông mất, tôi thậm chí còn thêm nhiệt thành (hăng hái, siêng hơn) đến gặp đức Thế Tôn và Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

(4) "Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: 'Mẹ của Nakula không hoàn thiện giới-hạnh.'[217] Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của đức Thế Tôn đã hoàn thiện về giới-hạnh. Nếu có ai còn nghi ngờ hay không chắc về điều này, thì đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang trú ở giữa xứ người Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Họ có thể đến hỏi đức Thế Tôn. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

(5) "Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: 'Mẹ của Nakula chưa đạt tới sự vắng-lặng bên trong của tâm [sự định-tâm].' Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của đức Thế Tôn đã đạt được sự vắng-lặng bên trong của tâm. Nếu có ai còn nghi ngờ hay không chắc về điều này, thì đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang trú ở giữa xứ người Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Họ có thể đến hỏi đức Thế Tôn. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

(6) "Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: 'Mẹ của Nakula chưa đạt được chân đứng, chỗ đứng vững chắc, sự bảo đảm trong Giáo Pháp và giới luật này;[218] cô ta chưa vượt qua sự nghi-ngờ, chưa loại bỏ hết sự hoang-mang, chưa đạt được sự tự-tin, và chưa hết phụ thuộc vào người khác về giáo lý của Vị Thầy (Phật).' Nhưng ông không nên nhìn vấn đề

theo cách như vậy. Tôi là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của đức Thế Tôn đã đạt được chân đứng, chỗ đứng vững chắc, sự bảo đảm trong Giáo Pháp và giới luật này; tôi là một trong số họ đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã loại bỏ hết sự hoang-mang, đã đạt được sự tự-tin, và đã độc lập không cần nhờ người khác về giáo lý của Vị Thầy. Nếu có ai còn nghi ngờ hay không chắc về điều này, thì đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang trú ở giữa xứ người Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Họ có thể đến hỏi đức Thế Tôn. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

Rồi, trong khi gia chủ Nakulapitā [cha của Nakula] đang được khởi xướng theo cách như vậy bởi người vợ Nakulamātā [mẹ của Nakula], bệnh tình của ông ta lắng lặn ngay tại chỗ. Ông Nakulapitā đã khỏi bệnh, và đó là cách bệnh tình của ông ta được loại bỏ.

Rồi, không lâu sau khi ông đã phục hồi khỏi bệnh, gia chủ Nakulapitā, chống gậy bước đi, đến gặp đức Thế Tôn. Ông kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông:

"Này gia chủ, đó quả thực là phúc lành và lợi lạc cho chú, rằng người vợ Nakulamātā có lòng bi-mẫn đối với chú, mong muốn điều tốt lành cho chú, và đã khởi xướng và hướng dẫn cho chú. Thím Nakulamātā là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của ta đã hoàn thiện về giới-hạnh. Thím ấy là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của ta đã đạt được sự vắng-lặng bên trong của tâm. Thím ấy là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của ta đã đạt được chân đứng, chỗ đứng vững chắc, sự bảo đảm trong Giáo Pháp và giới luật này, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã loại bỏ hết sự hoang-mang, đã đạt được sự tự-tin, và đã độc lập không cần nhờ người khác về giáo lý của Vị Thầy. Này gia chủ, điều đó quả thực là phúc lành và lợi lạc cho chú, rằng người vợ Nakulamātā có lòng bi-mẫn đối với chú, mong muốn điều tốt lành cho chú, và đã khởi xướng và hướng dẫn cho chú."

(AN 6:16)

97 Sự Cho Đi

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có vị nữ đệ tử tại gia tên là Veḷukaṇṭakī Nandamātā [mẹ của (Tỳ kheo) Nanda] đã chuẩn bị 'bữa cúng-dường có được sáu yếu-tố' cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Mục-kiền-liên. Với mắt thiên thánh (thiên nhãn), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, đức Thế Tôn nhìn thấy vị nữ đệ tử tại gia Veḷukaṇṭakī Nandamātā đang chuẩn bị bữa cúng dường, Đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

"Này các Tỳ kheo, nữ đệ tử tại gia Veḷukaṇṭakī Nandamātā đang chuẩn bị 'bữa cúng-dường có được có sáu yếu-tố' cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Và theo cách nào là một 'sự cúng-dường gồm có sáu yếu-tố'? Ở đây, người cúng dường (thí chủ) có ba yếu-tố và những người nhận có ba yếu tố.

"Cái gì là ba yếu-tố của người cúng dường? (1) Người cúng dường là hoan-hỷ trước khi bố-thí; (2) cô ấy có tâm bình-lặng và tự-tin trong hành động bố-thí; và (3) cô ấy là phấn-khởi sau khi bố-thí. Đây là ba yếu-tố của người cúng dường.

"Và cái gì là ba yếu-tố của những người nhận? Ở đây, (4) những người nhận là không có tham, hoặc đang tu tập để loại bỏ tham; (5) họ không có sân, hoặc đang tu tập để loại bỏ sân; (6) họ không có si, hoặc đang tu tập để loại bỏ si. Đây là ba yếu-tố của những người nhận.

"Như vậy người cúng dường có ba yếu-tố và những người nhận có ba yếu-tố. Theo cách như vậy là sự cúng-dường có được sáu yếu-tố. Không dễ gì đo được công-đức của một sự cúng-dường như vậy để nói như kiểu: 'Dòng chảy công-đức là rất nhiều như vầy, dòng chảy thiện-lành là rất nhiều như vậy, đó là dưỡng-chất của hạnh phúc—là thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa dẫn tới cõi trời—sẽ dẫn tới điều được ước, được mong và đáng thích, đưa đến ích lợi và hạnh phúc của một người

(người cúng dường)'; mà phải nói đó là vô-lường [không thể đếm được], vô-lượng [không thể đo được], là một khối công-đức khổng lồ.

"Này các Tỳ kheo, giống như không dễ gì đo được lượng nước trong đại dương mà nói như kiểu: 'Có rất nhiều thùng nước', hay 'nhiều trăm thùng nước', hay 'nhiều ngàn thùng nước', hay 'nhiều trăm ngàn thùng nước' như vầy hay như vậy; mà phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô-lường, vô-lượng. Cũng giống như vậy, không dễ gì đo được công-đức của một sự cúng-dường như vậy để nói như kiểu: 'Dòng chảy công-đức là rất nhiều như vầy, dòng chảy thiện-lành là rất nhiều như vậy …' … mà phải nói đó là vô-lường, vô-lượng, là một khối công-đức khổng lồ."

Trước khi bố-thí một người hoan-hỷ;
Trong khi đang bố-thí người đó ổn định tâm trong sự thành-tín;
Sau khi bố-thí người đó phấn khởi:
Đây là sự thành công trong hành động cúng-dường.

Khi họ (những người nhận) không có tham và sân,
Không có si và những ô-nhiễm,
Tự-chủ, sống đời sống tâm linh,
Thì đó là ruộng phước cho sự cúng-dường được tròn vẹn.

Sau khi đã làm sạch bản thân,[219]
Và bố-thí bằng chính tay mình,
Hành động từ-thiện đó là rất nhiều phước quả,
Cho bản thân mình và trong liên quan những người khác.

Sau khi làm một việc từ-thiện như vậy,
Với một cái tâm không dính tính keo-kiệt,
Người có trí, giàu có niềm-tin,
Sẽ được tái sinh trong một cõi hạnh phúc, không khổ đau.

 # (AN 6:37)

Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, tôi nắm giữ một luận thuyết và quan điểm như vầy: 'Không có sự tự mình chủ-động, không có sự chủ-động bởi người khác.'"[220]

"Này bà-la-môn, ta chưa bao giờ thấy hay nghe ai nắm giữ một luận thuyết và quan điểm như vậy. Bởi vì, làm sao một người có thể tự mình đi tới và tự mình đi lui theo ý mình mà có thể nói: 'Không có sự tự mình chủ-động, không có sự chủ-động bởi người khác.'?

(1) "Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? Có yếu tố (thành tố là sự) chủ-động [tự-phát, khởi-sự], hay không?"[221]

"Có, thưa thầy."

"Khi có yếu tố chủ-động, những chúng sinh được thấy có chủ-động hoạt động, đúng không?

"Đúng, thưa thầy."

"Khi những chúng sinh được thấy chủ-động hoạt động bởi vì có yếu tố chủ-động, thì đây là sự tự mình chủ-động, đây là sự chủ-động bởi người khác, đúng không?"

"Đúng vậy, thưa thầy."

(2) "Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? Có yếu tố (thành tố là sự) kiên-trì … (3) … có yếu tố cố-gắng … (4) … có yếu tố sức-mạnh[222]… (5) có yếu tố liên-tục … (6) … có yếu tố ép-buộc, hay không?"

"Có, thưa thầy."

"Có, thưa thầy."

"Khi có yếu tố ép-buộc, những chúng sinh được thấy có chủ-động hoạt động, đúng không?

"Đúng, thưa thầy."

"Khi những chúng sinh được thấy chủ-động hoạt động bởi vì có yếu tố ép-buộc, thì đây là sự tự mình chủ-động, đây là sự chủ-động bởi người khác, đúng không?"

"Đúng vậy, thưa thầy."

"Này bà-la-môn, ta chưa bao giờ thấy hay nghe ai nắm giữ một luận thuyết và quan điểm [như của ông]. Bởi vì, làm sao một người có thể tự đi tới và tự đi lui theo ý mình mà có thể nói: 'Không có sự tự mình chủ-động, không có sự chủ-động bởi phần người khác.'?

"Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

(AN 6:38)

99 Cô Migasālā

Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, tới đó thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn cho mình. Rồi nữ đệ tử tại gia Migasālā đã ra gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa thầy Ānanda, lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc-thân và người không sống độc-thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau? Cha của con là Purāṇa sống độc-thân, sống tách-ly (ẩn dật), kiêng cữ tính dục, kiêng cữ những thói tật cá nhân phàm tục. Khi cha chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: 'Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai[223] và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita).' Chú của con[224] là Isidatta không sống độc-thân mà

sống một đời sống hôn nhân mãn nguyện. Khi chú chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: 'Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita).' Thưa thầy Ānanda, vậy lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc-thân và người không sống độc-thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau?"

"Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy."[225]

Rồi, sau khi thầy Ānanda đã nhận thức-ăn cúng dường từ nhà Migasālā, thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Sau khi trở về sau một vòng đi khất thực đó, sau khi ăn trưa, thầy Ānanda đã đến gặp Đức Thế Tôn, thầy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng, con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà của nữ đệ tử tại gia Migasālā … [*thầy ấy kể lại toàn bộ chuyện như trên, cho tới*:] … Khi cô ấy hỏi con điều này, con đã trả lời: 'Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.'"

[Đức Thế Tôn nói:] "Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ dốt, không giỏi, với trí hiểu biết của một phụ nữ, như vậy?[226] Và ai là những người có sự-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn?[227]

"Này Ānanda, có sáu loại người được thấy có trong thế gian. Sáu đó là gì?

(1) "Ở đây, này Ānanda, có một người là hiền từ, là một người đồng hành dễ mến, những Tỳ kheo đồng đạo đều vui vẻ sống với người đó. Nhưng người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [về chúng], và không thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó không đạt tới sự giải-thoát tạm thời nào.[228] Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt cao hơn nào; người đó là người đi tới chỗ suy-đồi, không đi tới chỗ khác-biệt cao hơn nào.

(2) "Rồi nữa, này Ānanda, có một người là hiền từ, là một người đồng hành dễ mến, những Tỳ kheo đồng đạo đều vui vẻ sống với người đó. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [về chúng], và thâm nhập

[chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới khác-biệt cao hơn, không hướng tới sự suy-đồi; người đó là người đi tới chỗ khác-biệt cao hơn, không đi tới chỗ suy-đồi.

+ "Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ: 'Người này có cùng phẩm chất như người kia. Tại sao người này là kém hơn và người kia là ưu hơn?' Sự phán xét đó của họ[229] sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

"Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người (2) [là hiền từ … và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời'] là vượt trên và siêu xuất hơn người (1) kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi.[230] Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

"Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta. Đừng phán xét này nọ về người ta. Những ai phán xét về người ta là tự làm hại chính mình. Chỉ ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta.-

(3) "Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và nhiều lúc có những trạng thái tham[231] khởi sinh trong người đó. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [về chúng], và không thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó không đạt tới sự giải-thoát tạm thời nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt cao hơn nào; người đó là người đi tới chỗ suy-đồi, không đi tới chỗ khác-biệt cao hơn nào.

(4) "Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và nhiều lúc có những trạng thái tham khởi sinh trong người đó. Nhưng người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [về chúng], và thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới khác-

biệt cao hơn, không hướng tới sự suy-đồi; người đó là người đi tới chỗ khác-biệt cao hơn, không đi tới chỗ suy-đồi.

+ "Này Ānanda, những ai hay phán xét người ta sẽ phán xét về họ … Chỉ ta, hay bậc giống ta, có thể phán xét về người ta.-[232]

(5) "Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và có nhiều lúc người đó tham gia vào những cuộc lời qua tiếng lại.[233] Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [về chúng], và không thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó không đạt tới sự giải-thoát tạm thời nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt cao hơn nào; người đó là người đi tới chỗ suy-đồi, không đi tới chỗ khác-biệt cao hơn nào.

(6) "Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và có nhiều lúc người đó tham gia vào những cuộc lời qua tiếng lại. Nhưng người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [về chúng], và thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới khác-biệt cao hơn, không hướng tới sự suy-đồi; người đó là người đi tới chỗ khác-biệt cao hơn, không đi tới chỗ suy-đồi.

+ "Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ: 'Người này có cùng phẩm chất như người kia. Tại sao người này là kém hơn và người kia là ưu hơn?' Sự phán xét đó của họ sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

"Này Ānanda, giữa hai người đó thì người (6) [trong người đó thấy có tính tức-giận (sân) … và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời] thì vượt trên và siêu xuất hơn người (5) kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

"Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta. Đừng phán xét này nọ về người ta. Những ai phán xét về người ta là tự làm hại chính mình. Chỉ ta, hay bậc giống ta, có thể phán xét về người ta.-

"Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ dốt, không giỏi, với sự hiểu biết của một phụ nữ, như vậy? Và ai là những người có sự-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn?

"Đây là sáu loại người được thấy có trong thế gian.

"Này Ānanda, cho dù Isidatta có được cùng loại giới-hạnh mà Purāṇa đã có, thì ngay cả Purāṇa lúc đó còn không thể biết về nơi-đến (tái sinh) của mình. Và cho dù Purāṇa có được cùng loại trí-tuệ mà Isidatta đã có, thì ngay cả Isidatta lúc đó còn không thể biết về nơi-đến của mình. Này Ānanda, theo cách này thì hai người này mỗi người đều kém hơn (người kia) một phương diện."[234] (*tức Purāṇa kém hơn Isidatta về trí-tuệ, Isidatta kém hơn Purāṇa về giới-hạnh*)

[a] **(AN 6:44)**

100 Trực Tiếp Nhìn Thấy Được

Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: 'Có thể trực tiếp nhìn thấy được, có thể trực tiếp nhìn thấy được.' Thầy Cồ-đàm, theo cách nào Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí'?"

"Vậy thì, này bà-la-môn, giờ đến lượt ta hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được. Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? (1) Khi có tham bên trong mình ông có biết: 'Có tham bên trong mình' và khi không có tham bên trong mình ông có biết: 'Không có tham bên trong mình', hay không?"

"Có biết, thưa Ngài."

"Như vậy đó, này bà-la-môn, khi có tham trong mình, ông biết 'Có tham bên trong mình', và khi không có tham trong mình, ông biết 'Không có tham bên trong mình': theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

"Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? (2) Khi có sân bên trong mình … (3) … Khi có si bên trong mình … (4) … Khi có tội lỗi thuộc thân bên trong mình[235] … (5) … Khi có tội lỗi thuộc lời-nói bên trong mình … (6) … Khi có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình ông có biết: 'Có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình', và khi không có tội lỗi về tâm bên trong mình ông có biết: 'Không có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình', hay không?"

"Có biết, thưa thầy."

"Như vậy đó, này bà-la-môn, khi có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình, ông có biết 'Có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình', và khi không có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình, ông có biết 'Không có lỗi thuộc tâm bên trong mình': theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí."

"Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! … [*tiếp tục như đoạn cuối kinh* ***6:38*** *ở trên*] … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

(AN 6:48)

101 Người Giai Cấp Chiến Sĩ

Lúc đó bà-la-môn Jāṇussoṇī đã đến gặp và và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

(1) "Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya)? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự (hỗ trợ, bận tâm) cái gì? Họ chủ định về (nhắm tới) cái gì? Mục tiêu rốt ráo (tột bực) của họ là cái gì?"[236]

"Này bà-la-môn, những người giai cấp chiến-sĩ có mục tiêu là sự giàu-có; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng sự quyền-lực; họ chủ định về lãnh-thổ; và mục tiêu rốt ráo của họ là sự thống-trị."

(2) "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những bà-la-môn? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?"

"Này bà-la-môn, những bà-la-môn có mục tiêu sự giàu-có; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng sự những chú thuật Vệ-đà; họ chủ định về sự cúng-tế; và mục tiêu rốt ráo của họ là (được tái sinh lên) cõi trời brahmā (phạm thiên giới)."

(3) "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những gia-chủ? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?"

"Này bà-la-môn, những gia-chủ có mục tiêu là sự giàu-có; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng sự nghề-nghiệp của mình; họ chủ định về công-việc làm ăn; và mục tiêu rốt ráo của họ là hoàn thành công-việc làm ăn."

(4) "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những phụ-nữ? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?"

"Này bà-la-môn, những phụ-nữ có mục tiêu là sự giàu-có; họ tìm kiếm sự làm-đẹp (trang điểm); họ phụng sự (hỗ trợ) những con trai của họ; họ chủ định về sự không có đối-thủ (như thê thiếp của chồng …); và mục tiêu rốt ráo của họ là quyền-uy (như trong cung, trong nhà …)."

(5) "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những kẻ-trộm? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?"

"Này bà-la-môn, những kẻ-trộm có mục tiêu là sự trộm-cướp; họ tìm kiếm những chỗ rậm rạp che núp; họ phụng sự nghề-nghiệp của họ;[237] họ chủ định những nơi tối tăm; và mục tiêu rốt ráo của họ là sự không bị nhìn thấy."

(6) "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những sa-môn (tu sĩ)? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?"

"Này bà-la-môn, những sa-môn có mục tiêu là sự kiên-nhẫn và hiền-từ; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng giới-hạnh; họ chủ định về 'sự không-có-gì';[238] và mục tiêu rốt ráo của họ là Niết-bàn."

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm biết rõ mục-tiêu, sự tìm-kiếm, sự phụng-sự, sự chủ-định, và mục-tiêu rốt ráo của những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, những phụ-nữ, những kẻ-trộm, và những sa-môn.

"Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! … [*tiếp tục như đoạn cuối kinh* ***6:38*** *ở trên*] … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

(AN 6:52)

102 Sự Chuyên Chú

Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, có thứ (pháp) gì, nếu được tu tập và tu dưỡng, thì có thể thành tựu cả hai sự tốt lành, sự tốt lành thuộc kiếp này và sự tốt lành thuộc kiếp sau?"

"Có một thứ như vậy, này bà-la-môn."

"Và đó là gì?"

"Đó là sự chuyên-chú (không phóng dật, không lơ tâm, không lơ tu).

(1) "Này bà-la-môn, giống như (như một nguyên lý rằng) mọi dấu chân của muôn thú đều nằm lọt trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là bậc nhất về kích cỡ trong số đó. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, thì có thể thành tựu cả hai sự tốt lành, sự tốt lành thuộc kiếp này và sự tốt lành thuộc kiếp sau.

(2) "Giống như mọi thanh kèo của một ngôi nhà mái nhọn đều dựa vào đỉnh mái, ngã vào đỉnh mái, hội tụ về đỉnh mái, và đỉnh mái được tuyên bố là bậc nhất trong số đó. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ … có thể thành tựu cả hai sự tốt lành …

(3) "Giống như một người cắt lau sậy, sau khi cắt một bó cây sậy, túm lấy đầu của chúng, giũ được phần gốc, giũ được hai bên, và đập được chúng. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ … có thể thành tựu cả hai sự tốt lành …

(4) "Giống như khi cắt lấy cuống một chùm xoài, thì tất cả những trái xoài trong chùm đều dính theo cuống đó. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ … có thể thành tựu cả hai sự tốt lành …

(5) "Giống như mọi hoàng tử đều là những hạ thần của một vị vua quay chuyển bánh xe, và vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương) đó là bậc nhất trong số họ. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ … có thể thành tựu cả hai sự tốt lành …

(6) "Giống như sự chiếu sáng của tất cả những sao trên trời không bằng 1/16 sự chiếu sáng của mặt trăng, và sự chiếu sáng của mặt trăng được tuyên bố là bậc nhất trong số những tinh tú đó. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ … có thể thành tựu cả hai sự tốt lành …

"Này bà-la-môn, đây là một thứ (pháp), nếu được tu tập và tu dưỡng, thì có thể thành tựu cả hai sự tốt lành, sự tốt lành thuộc kiếp này và sự tốt lành thuộc kiếp sau."

"Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! … [*tiếp tục như đoạn cuối kinh* ***6:38*** *ở trên*] … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

(AN 6:53)

103 Dārukammika

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Nādika, trong hội trường gạch. Lúc đó có gia chủ tên là Dārukammika (người buôn củi)[239] đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với ông:

"Gia đình chú có cho tặng quà cáp hay không, này gia chủ?"

"Thưa Thế Tôn, gia đình con có cho tặng quà cáp. Và những món quà được cúng tặng cho những Tỳ kheo là những A-la-hán hoặc đang trên con-đường (thánh đạo) dẫn tới quả A-la-hán, đó là những người sống tu trong rừng, những người đi khất thực thức ăn, và những người mặc y-phục (cà sa) được may từ giẻ rách."[240]

"Này gia chủ, vì chú là một người tại gia đang thụ hưởng những dục-lạc (khoái-lạc giác quan), đang sống ở nhà với đầy đủ con cháu, dùng gỗ đàn hương từ Kāsi, mang vòng hoa, dùng dầu thơm, và phấn sáp, và nhận vàng bạc, thật khó cho chú để biết được 'ai là những A-la-hán hay ai laf đang trên con-đường dẫn tới quả A-la-hán.'

(1) "Này gia chủ, nếu một Tỳ kheo là người sống tu trong rừng là bất an, kiêu căng, vô tích sự, nói nhiều, nói dong dài, có tâm rối-mờ (thất niệm), thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh-giác), không đạt-định, với một cái tâm lan man trôi giạt, với các căn cảm-nhận (giác quan) lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng nếu một Tỳ kheo

là người sống tu trong rừng là không bất an, kiêu căng, hay vô tích sự, không nói nhiều, nói dong dài, mà tâm được thiết lập trong sự chánh-niệm, thường rõ-biết (tỉnh-giác), đạt-định, với một cái tâm nhất-điểm, với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

(2) "Nếu một Tỳ kheo là người sống gần rìa một khu làng là bất an, kiêu căng … với các căn cảm-nhận lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng một Tỳ kheo là người sống gần rìa một khu làng và không bất an, kiêu căng … với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

(3) "Nếu một Tỳ kheo là người đi khất thực thức-ăn là bất an, kiêu căng … với các căn cảm-nhận lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng một Tỳ kheo là người đi khất thực thức-ăn là không bất an, kiêu căng … với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

(4) "Nếu một Tỳ kheo là người nhận lời mời đến dùng bữa ở nhà những người tại gia là bất an, kiêu căng … với các căn cảm-nhận lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng một Tỳ kheo là người nhận lời mời đến dùng bữa ở nhà những người tại gia là không bất an, kiêu căng … với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

(5) "Nếu một Tỳ kheo là người mặc y-phục (cà sa) được làm từ giẻ rách là bất an, kiêu căng … với các căn cảm-nhận lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng nếu một Tỳ kheo là người mặc y-phục được làm từ giẻ rách là bất an, kiêu căng … với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

(6) "Nếu một Tỳ kheo là người mặc y-phục được may tặng bởi những người tại gia là bất an, kiêu căng … với các căn cảm-nhận lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng nếu một Tỳ kheo

là người mặc y-phục được may tặng bởi những người tại gia là bất an, kiêu căng … với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

"Này gia chủ, giờ chú cúng tặng quà cho Tăng Đoàn. Khi chú cúng tặng quà cho Tăng Đoàn, tâm của chú sẽ được tự-tin. Khi tâm được tự tin, thì khi thân tan rã, sau khi chết, chú được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời."

"Thưa Thế Tôn, từ hôm nay trở đi con sẽ cúng dường tặng quà cho Tăng Đoàn."[241]

(AN 6:59)

(VI) Quyển "BẢY":

104 Tể Tướng Ugga

Lúc đó có ông Ugga là tể tướng của nhà vua đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Ngài, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, là cách ông Migāra ở xứ Rohaṇa thật là giàu có, với nhiều tài sản và của cải nhiều như vậy."

"Nhưng ông Migāra của xứ Rohaṇa giàu theo cách nào? Theo cách nào là ông ấy có nhiều tài sản và của cải?"

"Ông ấy có cả trăm khối vàng đúc,[242] chưa kể số lượng bạc."

"Này Ugga, đó là một loại sự giàu có, ta không chối cãi. Nhưng loại sự giàu có đó có thể bị mất đi do hỏa hoạn, do lũ lụt, bởi vua chúa (tịch thu), bởi trộm cướp, và bởi những người thừa kế bất nghĩa. Tuy nhiên, này Ugga, có bảy loại sự giàu có không thể bị mất đi do hỏa hoạn, do lũ lụt, bởi vua chúa, bởi trộm cướp, và bởi những người thừa kế bất nghĩa. Bảy đó là gì? Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, sự giàu có về cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự giàu có về cảm-nhận biết sợ-hãi

về mặt đạo đức, sự giàu có về học-hiểu, sự giàu có về sự rộng-lòng bố thí, và sự giàu có về trí-tuệ. Đây là bảy sự giàu có không thể bị mất đi do hỏa hoạn, do lũ lụt, bởi vua chúa, bởi trộm cướp, và bởi những người thừa kế bất nghĩa."

(AN 7:07)

105 Ngôi Đền Mái Nhọn

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong Ngôi Đền Mái Nhọn (*Sārandada*). Rồi một số người Licchavi đã đến gặp, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với họ:

"Này những người Licchavi, ta sẽ dạy cho các người 'bảy nguyên-tắc để không bị suy-yếu'. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."[243]

"Dạ, thưa Thế Tôn", những người Licchavi đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: "Và này những người Licchavi, cái gì là 'bảy nguyên-tắc để không bị suy-yếu'?

(1) "Này những người Licchavi, chừng nào những người Vajji còn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(2) "Chừng nào người Vajji còn gặp nhau hội họp trong sự hòa-hợp, chia tay nhau trong sự hòa-hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa-hợp, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(3) "Chừng nào người Vajji không ban hành những điều không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những điều đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành theo truyền thống Vajji cổ kính của họ, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(4) "Chừng nào người dân Vajji tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và nghĩ những vị bô lão đó nên được chú trọng, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(5) "Chừng nào người dân Vajji không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(6) "Chừng nào người dân Vajji còn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành][244] hay ở bên ngoài, họ không lơ là những việc chăm sóc và lễ cúng đã có từ trước,[245] thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(7) "Chừng nào người dân Vajji còn còn chu cấp sự bảo-hộ đúng đắn, chỗ-ở, và sự bảo-vệ cho những vị A-la-hán để những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán khác có thể đến sống ở đó, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

"Này những người Licchavi, chừng nào 'bảy nguyên-tắc để không bị suy-yếu' này còn tiếp nối trong những người Vajji, và còn thấy những người Vajji [được thiết lập] trong những nguyên-tắc đó, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy-yếu."

(AN 7:21)

106 Tể Tướng Vassakāra

Tôi nghe như vầy.[246] Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Bấy giờ, vào lúc đó có Vua Ajātasattu (A-xà-thế) Vedehiputta của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) muốn tiến đánh những người Vajji (Bạt-kỳ). Nhà vua nói: "Dù những người Vajji hùng mạnh và lớn mạnh cỡ nào, ta cũng sẽ hủy diệt họ, tiêu diệt họ, mang tai họa và thảm nạn đến cho họ."

Rồi Vua Ajātasattu A-xà-thế nói với quan tể tướng của nước Ma-kiệt-đà là bà-la-môn Vassakāra: "Này bà-la-môn, hãy đến gặp đức Thế Tôn và nhân danh ta xin cuối đầu xuống chân đức Thế Tôn để kính lễ. Hãy hỏi thăm đức Thế Tôn có thích nghi và khỏe mạnh, đi lại dễ dàng và mạnh giỏi, và cảm thấy an nhiên hay không. Rồi hãy thưa như vầy: 'Thưa Thế Tôn, Vua A-xà-thế muốn tiến đánh những người Vajji. Nhà vua nói như vầy: "Dù những người Vajji hùng mạnh và lớn mạnh cỡ nào, ta cũng sẽ hủy diệt họ, tiêu diệt họ, mang tai họa và thảm nạn đến cho họ."' Rồi hãy nghe rõ đức Thế Tôn trả lời ông ra sao rồi về báo lại với ta, bởi vì những Như Lai thì không nói sai."

"Dạ, thưa đức vua", bà-la-môn Vassakāra đáp lại. Rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đến chỗ đức Thế Tôn. Ông ta chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và thưa:

"Thưa Thầy Cồ-đàm, Vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà xin cuối đầu xuống hai chân đức Thế Tôn để kính lễ. Nhà vua có lời hỏi thăm Thầy Cồ-đàm có thích nghi và khỏe mạnh, đi lại dễ dàng và mạnh giỏi, và cảm thấy an nhiên hay không. Thưa Thầy Cồ-đàm, Vua A-xà-thế muốn tiến đánh những người Vajji. Nhà vua nói như vầy: 'Dù những người Vajji hùng mạnh và lớn mạnh cỡ nào, ta cũng sẽ hủy diệt họ, tiêu diệt họ, mang tai họa và thảm nạn đến cho họ.'"

Lúc đó có Ngài Ānanda đang đứng bên cạnh hầu quạt đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Ānanda:

(1) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji vẫn đang tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, hay không?

"Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn đang như vậy."

"Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn còn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(2) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji vẫn đang họp mặt với nhau trong sự hòa-hợp, chia tay nhau trong sự hòa-hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa-hợp, hay không?

"Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn đang như vậy."

"Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn còn họp mặt với nhau trong sự hòa-hợp, chia tay nhau trong sự hòa-hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa-hợp, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu."

(3) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji không ban hành những điều không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những điều đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành theo truyền thống Vajji cổ kính của họ, hay không?

"Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn như vậy."

"Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn không ban hành những điều không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những điều đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành theo truyền thống Vajji cổ kính của họ, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu."

(4) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji vẫn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và nghĩ những vị bô lão đó nên được chú trọng, hay không?

"Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn đang như vậy."

"Này Ānanda, chừng nào những người Vajji còn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và nghĩ những vị bô lão đó nên được chú trọng, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu."

(5) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, thì họ chỉ đang cường thịnh, hay không?

"Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ không làm vậy."

"Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh chứ không suy yếu."

(6) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji vẫn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành] hay ở bên ngoài, họ không lơ-là những việc chăm sóc và lễ cúng đã có từ trước, hay không?

"Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn đang như vậy."

"Này Ānanda, chừng nào những người Vajji còn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành] hay ở bên ngoài, họ không lơ là những việc chăm sóc và lễ cúng đã có từ trước, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu."

(7) "Này Ānanda, thầy có nghe những người Vajji vẫn đang chu cấp sự bảo-hộ đúng đắn, chỗ-ở, và sự bảo-vệ cho những vị A-la-hán để những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán khác có thể đến sống ở đó, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, hay không?

"Dạ, thưa Thế Tôn, con có nghe họ vẫn đang làm vậy."

"Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn chu cấp sự bảo hộ đúng đắn, chỗ ở, và sự bảo vệ những vị A-la-hán để những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán khác có thể đến sống ở đó, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu."

Rồi đức Thế Tôn mới nói với bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của nước Ma-kiệt-đà:

"Này bà-la-môn, trước kia trong một lần khi ta đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) chỗ Ngôi Đền Mái Nhọn (Sārandada). Ở đó ta đã dạy cho những người Vajji 'bảy nguyên-tắc để không bị suy-yếu'. Chừng nào 'bảy

nguyên-tắc để không bị suy-yếu' này còn tiếp nối trong những người Vajji, và còn thấy những người Vajji [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh chứ không suy yếu."

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Vassakāra mới nói với đức Thế Tôn:

"Thưa Thầy Cồ-đàm, nếu những người Vajji chỉ tuân thủ thậm chí một trong 'bảy nguyên-tắc để không bị suy-yếu' này thì cũng có thể coi họ chỉ đang cường thịnh chứ không suy yếu. Vậy còn nói chi nếu họ tuân thủ hết cả bảy nguyên-tắc đó? Vậy là, thưa Thầy Cồ-đàm, Vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà không thể tiến đánh những người Vajji, ngoại trừ cách gài người tạo phản hoặc gây chia rẽ họ mà thôi. Và bây giờ, thưa Thầy Cồ-đàm, tôi phải đi đây. Chúng tôi bận bịu và có nhiều việc phải làm."

"Này bà-la-môn, ông cứ tùy tiện mà đi."

Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của nước Ma-kiệt-đà, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về.

(AN 7:22)

107 Sự Sa Sút

(I) "Này các Tỳ kheo, bảy điều này dẫn tới sự sa-sút của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? (1) Người đó ngừng việc gặp gỡ các Tỳ kheo; (2) người đó lơ là việc lắng nghe Giáo Pháp tốt lành; (3) người đó không tu tập phần giới-hạnh bậc cao (nhiều hơn năm giới); (4) người đó có đầy nghi ngờ đối với những Tỳ kheo, dù đó là Tỳ kheo trưởng lão, Tỳ kheo tân niên, hay Tỳ kheo trung niên (tuổi hạ); (5) người đó lắng nghe Giáo Pháp với một cái tâm canh me phê phán, tìm lỗi bắt lý này nọ; (6) người đó tìm kiếm người đáng được cúng dường ở bên ngoài (ngoài Tăng đoàn); (7) người đó làm những việc [công đức] ở ngoài đó (ngoài Tăng đoàn).[247] Đây là bảy điều dẫn tới sự sa sút của một đệ tử tại gia.

(II) "Này các Tỳ kheo, bảy điều này dẫn tới không sự sa-sút của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? (1) Người đó không ngừng việc gặp các Tỳ kheo; (2) người đó không lơ là việc lắng nghe Giáo Pháp tốt lành; (3) người đó tu tập phần giới-hạnh bậc cao; (4) người đó có đầy niềm-tin đối với những Tỳ kheo, dù đó là Tỳ kheo trưởng lão, Tỳ kheo tân niên, hay Tỳ kheo trung niên (tuổi hạ); (5) người đó lắng nghe Giáo Pháp với một cái tâm không canh me phê phán hay tìm lỗi bắt lý này nọ; (6) người đó không tìm kiếm người đáng được cúng dường ở bên ngoài (ngoài Tăng đoàn); (7) người đó làm những việc [công đức] ngay tại đây (tức trong Tăng đoàn). Đây là bảy điều dẫn tới sự không sa sút của một đệ tử tại gia.[248]

Người đệ tử tại gia ngưng gặp gỡ [các Tỳ kheo]:
[Các Tỳ kheo] là những người đã tu tập bản thân;
[Người ngưng] nghe những giáo lý của bậc thánh hiền,
Và không tu tập phần giới-hạnh bậc cao;
Và sự nghi ngờ đối với những Tỳ kheo
Cứ không ngừng gia tăng;
Người muốn nghe Giáo Pháp tốt lành
Với một cái tâm bị bẻ theo hướng bắt bẻ phê phán;
Người đệ tử tại gia nào tìm kiếm người đáng cúng dường
Là những người ngoài đạo,
Và chỉ ưu tiên làm những việc công-đức đối với họ:
Đây là bảy nguyên-tắc đã được khéo dạy
Mô tả những điều dẫn tới sự sa sút.
Một đệ tử tại gia cứ nương dựa theo những điều này,
Là bị rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành.

Người đệ tử tại gia không ngừng việc gặp gỡ [các Tỳ kheo]
Là những người đã tu tập bản thân;
Là người lắng nghe những giáo lý của bậc thánh hiền,
Và tu tập phần giới-hạnh bậc cao;
Và niềm-tin đối với những Tỳ kheo

Càng không ngừng gia tăng;
Lắng nghe Giáo Pháp tốt lành
Với một cái tâm không bị bẻ theo hướng bắt bẻ phê phán;
Người đệ tử tại gia không tìm kiếm người đáng cúng dường
Là những người ngoài đạo;
Và chỉ ưu tiên làm những việc công-đức ở đây:
Đây là bảy nguyên-tắc đã được khéo dạy
Mô tả những điều dẫn tới sự không sa sút.
Một đệ tử tại gia nương dựa theo những điều này,
Là không bị rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành.

 # (AN 7:29)

108 Sự Thất Bại [249]

(I) "Này các Tỳ kheo, có bảy sự thất-bại này của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? … [*giống phần đầu kinh **7:29** kế trên*] … Đây là bảy sự thất-bại của một đệ tử tại gia.

(II) "Này các Tỳ kheo, có bảy sự thành-công này của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? … [*giống phần sau kinh **7:29** kế trên*] … Đây là bảy sự thành-công của một đệ tử tại gia."

 # (AN 7:30)

109 Sự Sụp Đổ

(I) "Này các Tỳ kheo, có bảy sự tàn-lụi này đối với một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? … [*giống phần đầu kinh **7:29** kế trên*] … Đây là bảy sự tàn-lụi đối với một đệ tử tại gia.

(II) "Này các Tỳ kheo, có bảy sự thắng-lợi này đối với một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? … [*giống phần sau kinh **7:29** kế trên*] … Đây là bảy sự thắng-lợi đối với một đệ tử tại gia."

[*Phần thi kệ giống hệt như kinh* ***7:29***.]

 # (AN 7:31)

110 Sự Cúng Tế

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn tên Uggatasarīra đã thu xếp mọi thứ cho một lễ cúng tế lớn (đại tế dàn). Năm trăm con bò đực đã được dắt tới cây cột[250] để cúng tế (cột tế đàn). Năm trăm con bò thiến … Năm trăm con bò cái … Năm trăm con dê … Năm trăm con cừu đực chưa thiến đã được dẫn tới cây cột để cúng tế. Rồi bà-la-môn Uggatasarīra đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, tôi đã nghe rằng, sự mồi lửa cúng tế và sự dựng cột cúng tế sẽ mang lại nhiều phước quả và ích lợi lớn lao."

"Này bà-la-môn, ta cũng nghe điều này."

Lần thứ hai … Lần thứ ba bà-la-môn Uggatasarīra nói lại với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, tôi đã nghe rằng, sự mồi lửa cúng tế và sự dựng cột cúng tế sẽ mang lại nhiều phước quả và ích lợi lớn lao."

"Này bà-la-môn, ta cũng nghe điều này."

"Vậy Thầy Cồ-đàm và ta hoàn toàn và tất thảy đồng ý với nhau."

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda mới nói với bà-la-môn Uggatasarīra:

"Này Brahmin, không nên hỏi những Như Lai như vầy: 'Thầy Cồ-đàm, tôi đã nghe rằng, sự mồi lửa cúng tế và sự dựng cột cúng tế sẽ mang lại nhiều phước quả và ích lợi lớn lao.' Nên hỏi những Như Lai như vầy: 'Thưa Thế Tôn, tôi muốn mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế. Mong đức

Thế Tôn khởi xướng và chỉ giáo cho tôi cách để dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho tôi.'"

Rồi bà-la-môn Uggatasarīra đã nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, tôi muốn mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế. Mong Thầy Cồ-đàm khởi xướng và chỉ giáo cho tôi cách để dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho tôi.'"

"Này bà-la-môn, người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao ba con dao, chúng là bất thiện và đưa đến sự khổ đau là kết quả và hậu quả của chúng. Ba đó là gì? Đó là con dao hành-động (thân), con dao lời-nói (miệng), và dao tâm-ý (tâm).

(i) "Này bà-la-môn, người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã phát khởi một ý-nghĩ như vầy: 'Hãy có nhiều con bò đực bị giết cho lễ cúng tế! Hãy có nhiều con bò thiến … nhiều con bò cái … nhiều con dê … nhiều con cừu đực bị giết cho lễ cúng tế!' Mặc dù người đó [nghĩ] 'Ta làm công-đức', [thực ra] người đó đang làm sự thất-đức. Mặc dù người đó [nghĩ] 'Ta tìm con đường tới nơi-đến tốt lành', [thực ra] người đó tìm con đường tới nơi-đến xấu dữ. Một người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao con dao thứ nhất—con dao tâm-ý, nó là bất thiện và đưa đến sự khổ đau là kết quả và hậu quả của nó.

(ii) "Lại nữa, này bà-la-môn, một người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã nói ra lời-nói như vầy: 'Hãy có nhiều con bò đực bị giết cho lễ cúng tế! Hãy có nhiều con bò thiến … nhiều con bò cái … nhiều con dê … nhiều con cừu đực bị giết cho lễ cúng tế!' Mặc dù người đó [nghĩ] 'Ta làm công-đức', [thực ra] người đó đang làm sự thất-đức. Mặc dù người đó [nghĩ] 'Ta tìm con đường tới nơi-đến tốt lành', [thực ra] người đó tìm con đường tới nơi-đến xấu dữ. Một người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao con dao thứ hai—con dao lời-nói, nó là bất thiện và đưa đến sự khổ đau là kết quả và hậu quả của nó.

(iii) "Lại nữa, này bà-la-môn, một người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, trước tiên đảm trách các khâu chuẩn bị để giết những con bò đực để cúng tế. Người đó trước tiên đảm trách các khâu chuẩn bị để giết bò thiến … nhiều con bò cái … nhiều con dê … nhiều con cừu đực để cúng tế. Mặc dù người đó [nghĩ] 'Ta làm công đức', [thực ra] người đó đang làm sự thất-đức. Mặc dù người đó [nghĩ] 'Ta tìm con đường tới nơi-đến tốt lành', [thực ra] người đó tìm con đường tới nơi-đến xấu dữ. Một người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao con dao thứ ba—con dao hành-động, nó là bất thiện và đưa đến sự khổ đau là kết quả và hậu quả của nó.

"Này bà-la-môn, người mồi lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao ba con dao này, chúng là bất thiện và đưa đến khổ đau là hậu quả và kết quả của chúng.

(1)–(3) "Này bà-la-môn, có ba lửa này nên (được) dẹp bỏ và tránh bỏ, và không nên dung dưỡng. Ba đó là gì? Lửa tham, lửa sân, lửa si.

(1) "Và tại sao lửa tham nên dẹp bỏ và tránh bỏ, và không nên dung dưỡng? Người bị kích thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham-dục, với cái tâm bị ám muội bởi nó, thì dính vào những hành vi sai trái (ác hành) bởi hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Bởi vậy lửa tham này nên dẹp bỏ và tránh bỏ và không nên dung dưỡng.

(2)–(3) "Và tại sao lửa sân … lửa si nên dẹp bỏ và tránh bỏ, và không nên dung dưỡng? Người bị kích thích bởi sân-hận … si-mê, bị chi phối bởi sân-hận … si-mê, với cái tâm bị ám muội bởi nó, thì dính vào những hành vi sai trái (ác hành) bởi hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Bởi vậy lửa sân … lửa si nên dẹp bỏ và tránh bỏ, và không nên dung dưỡng.

"Đây là ba lửa nên dẹp bỏ và tránh bỏ, và không nên dung dưỡng.

(4)–(6) "Này bà-la-môn, có ba lửa này nên (được) duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ba lửa này. Ba đó là gì? Lửa của những người đáng được tặng quà, lửa của gia chủ, và lửa của những người đáng được cúng dường.

(4) "Và cái gì là lửa của những người đáng được tặng quà? Cha mẹ của một người được gọi là lửa của những người đáng được tặng quà. Vì lý do gì? Bởi vì con người bắt nguồn từ cha mẹ sinh thành.[251] Bởi vậy, lửa này của những người đáng được tặng quà nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này.

(5) "Và cái gì là lửa của gia chủ? Vợ con, người ở, người hầu, và người làm ở trong nhà được gọi là lửa của gia chủ. Bởi vậy, lửa này của gia chủ nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này.

(6) "Và cái gì là lửa của những người đáng được cúng dường? Những tu sĩ và bà-la-môn là những người kiêng cữ sự say-sưa và sự lơ-tâm phóng dật, là những người đã ổn định trong hạnh nhẫn-nhịn và hiền-từ, những người thuần-hóa bản thân, làm tĩnh-lặng bản thân, và tu-tập bản thân hướng tới Niết-bàn thì được gọi là lửa của những người đáng được cúng dường. Bởi vậy, lửa này của những người đáng được cúng dường nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này.

"Này bà-la-môn, đây là ba lửa nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này.

(7) "Nhưng, này bà-la-môn, còn lửa củi này thì có lúc nên thổi nó cháy lên, có lúc nên canh chừng nó với một sự buông-xả, có lúc nên dập tắt nó, có lúc nên dọn dẹp nó đi."

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Uggatasarīra đã thưa với đức Thế Tôn:

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! … [*tiếp tục câu xin quy y như đoạn cuối kinh* ***6:38***] … Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ nay đến cuối đời. Thưa Thầy Cồ-đàm, con đã thả tự do cho năm trăm con bò đực để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con bò thiến để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con bò cái để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con dê để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con cừu thiến để chúng được sống. Để chúng ăn cỏ xanh, uống nước mát, và thụ hưởng gió mát lành."

(AN 7:47)

111 Sự Dâm Dục

Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn … và nói với đức Thế Tôn:

"Có phải Thầy Cồ-đàm cũng tuyên bố mình là người sống đời sống độc thân?"[252]

"Này bà-la-môn, nếu ai nói đúng đắn mà nói về người nào như vầy: 'Người đó sống một đời sống độc-thân toàn thiện và tinh khiết—không bị sứt mẻ, không bị khuyết lỗi, không bị ố nhiễm, không bị tì vết'—thì rõ ràng người đó đã nói về ta. Bởi ta sống một đời sống độc-thân toàn thiện và tinh khiết—không bị sứt mẻ, không bị khuyết lỗi, không bị ố nhiễm, không bị tì vết."

"Nhưng Thầy Cồ-đàm, cái gì là sự sai phạm, sự khuyết lỗi, sự ố nhiễm, và tì vết của đời sống độc-thân?"

(1) "Ở đây, này bà-la-môn, có tu sĩ hay bà-la-môn, tuyên bố độc-thân hoàn hảo, không dính chuyện dâm dục với phụ nữ. Nhưng người đó lại đồng ý để họ kỳ cọ, xoa bóp, tắm táp, và nhào nặn (thân mình). Người đó mê thích điều đó, ham thích điều đó, và thấy thỏa mãn với điều đó. Đây là sự sai phạm, sự khuyết lỗi, sự ố nhiễm, và tì vết của đời sống độc-thân.

Người đó được gọi là người sống đời sống độc-thân không trong sạch, là người bị gông-cùm bởi sự trói-buộc của tính dục. Người đó không thoát khỏi sự sinh, không thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau thương, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não); người đó không thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.

(2) "Lại nữa, có tu sĩ hay bà-la-môn, tuyên bố độc-thân hoàn hảo, không dính chuyện dâm dục với phụ nữ; cũng không đồng ý để họ kỳ cọ, xoa bóp, tắm táp, và nhào nặn (thân mình). Nhưng người đó đùa cợt với những phụ nữ, chơi đùa với họ, và vui vẻ cùng với họ …

(3) "Lại nữa … người đó không đùa cợt với những phụ nữ, không chơi đùa với họ, không vui vẻ cùng với họ, nhưng người đó nhìn chằm chằm và nhìn vào trong mắt họ …

(4) "Lại nữa … người đó không nhìn chằm chằm hay nhìn vào mắt những phụ nữ, nhưng người đó lắng nghe giọng nói của họ sau tường rào hay vách ngăn khi họ cười, nói, hát, hay khóc …

(5) "Lại nữa … người đó không lắng nghe giọng nói của phụ nữ sau tường rào hay vách ngăn khi họ cười, nói, hát, hay khóc, nhưng người đó cứ tưởng nhớ tới sự cười, sự nói, và sự chơi đùa với họ trước đó …

(6) "Lại nữa … người đó không tưởng nhớ tới sự cười, sự nói, và sự chơi đùa với phụ nữ trước đó, nhưng người đó cứ nhìn ngó một gia chủ [hay con cái ông ta] đang có và thụ hưởng năm đối-tượng những khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc) …

(7) "Lại nữa … người đó không nhìn ngó một gia chủ [hay con cái ông ta] đang có và thụ hưởng năm đối-tượng những khoái-lạc giác quan, nhưng người đó sống đời sống tâm linh với hạnh nguyện [được tái sinh] trong một hạng thiên thần nào đó (tu tiên), [nghĩ rằng]: 'Bằng giới-hạnh này, sự trì-giới, sự khổ-hạnh, hay đời sống tâm linh này, tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong đoàn] của những thiên thần. Đây là sự sai phạm, sự khuyết lỗi, sự ố nhiễm, và tì vết của đời sống độc-thân. Người đó được gọi là người sống đời sống độc-thân không trong sạch, là người

bị gông-cùm bởi sự trói-buộc của tính dục. Người đó không thoát khỏi sự sinh, không thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau thương, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó không thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.

"Này bà-la-môn, chừng nào ta còn thấy mình chưa trừ bỏ được một điều nào trong bảy sự trói-buộc của tính dục, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ vô thượng toàn thiện trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā; trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta không còn thấy thậm chí một trong bảy sự trói-buộc của tính dục mà ta chưa trừ bỏ, thì ta mới tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ vô thượng toàn thiện trong thế giới này có những thiên thần … và loài người.

"Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu nữa.'"

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇī đã thưa với đức Thế Tôn:

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! … [*Tiếp tục lời xin quy y như đoạn cuối kinh* ***6:38***] … Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ nay đến cuối đời."

(AN 7:50)

112 Sự Bố Thí

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā bên bờ Hồ Sen Gaggārā. Bấy giờ có một số đệ tử tại gia từ Campā đã đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

"Thưa Thầy Xá-lợi-phất, đã lâu rồi kể từ lúc chúng tôi được nghe một cuộc nói chuyện Giáo Pháp từ đức Thế Tôn. Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu chúng tôi lại được nghe một cuộc nói chuyện Giáo Pháp từ đức Thế Tôn."

"Này các đạo hữu, trong trường hợp này, các đạo hữu nên đến vào ngày bố-tát (uposatha). Có lẽ lúc đó các đạo hữu sẽ được nghe một cuộc nói chuyện Giáo Pháp từ đức Thế Tôn."

"Dạ, thưa thầy", những đệ tử tại gia đáp lại. Rồi, sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, họ kính lễ thầy Xá-lợi-phất, đi vòng ra giữ thầy ấy ở hướng bên phải họ, và ra về.

Rồi, vào ngày lễ bố-tát, những đệ tử tại gia đó từ Campā đã đến gặp thầy Xá-lợi-phất, kính lễ thầy, và ngồi xuống một bên. Rồi thầy Xá-lợi-phất cùng với những đệ tử tại gia đó đã đến chỗ đức Thế Tôn. Họ kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, có thể có trường hợp một món quà được cúng tặng bởi người nào ở đây là không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì? Và có thể có trường hợp một món quà được cúng tặng bởi người nào khác ở đây là mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?"

"Này Xá-lợi-phất, có trường hợp như vậy, rằng một món quà được cúng tặng bởi một người ở đây là không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì. Và cũng có trường hợp một món quà được cúng tặng bởi một người khác ở đây là mang lại kết quả và ích lợi lớn lao."

"Thưa Thế Tôn, tại sao có món quà không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì, còn món quà khác thì có?"

(1) "Ở đây, này Xá-lợi-phất, có người cúng tặng một món quà với những mong cầu này nọ, với cái tâm bị trói buộc (dính danh), trông đợi được tưởng thưởng (lại quả); người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này.' Người đó cúng dường món quà đó cho một tu sĩ hay một bà-la-môn như: thức ăn và thức uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường

chiếu, chỗ ở, và đèn sáng. Thầy nghĩ sao, này Xá-lợi-phất? Có người ở đây cúng tặng một món quà như vậy phải không?"

"Dạ có, thưa Thế Tôn."

"Trong trường hợp đó, này Xá-lợi-phất, người đó cúng tặng một món quà với những mong cầu này nọ, với cái tâm bị trói buộc, trông đợi được tưởng thưởng; người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này'. Sau khi đã cúng tặng một món quà như vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần trong cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương. Sau khi hết nghiệp, hết thần thông, vinh quang và đặc quyền ở đó, người đó sẽ quay lại trạng thái hiện hữu này.

(2) "Nhưng, này Xá-lợi-phất, có người không cúng tặng một món quà với những mong cầu này nọ, với cái tâm bị trói buộc, trông đợi được tưởng thưởng; người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này'. Thay vì vậy, người đó cũng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sự bố-thí là tốt' …

(3) "Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sự bố-thí là tốt', thay vì vậy người đó cũng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sự bố-thí đã được cha ông mình làm trước đây; nên giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ gia tục cổ truyền'…

(4) "Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sự bố-thí đã được cha ông mình làm trước đây; nên giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ gia tục cổ truyền', thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ] 'Tôi nấu; những người này không nấu (chỉ khất thực và tu hành). Sẽ không đúng đắn nếu tôi nấu mà không cúng tặng cho những người không nấu' …

(5) "Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Tôi nấu … cho những người không nấu', thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Giống như những bậc nhìn-thấy của thời trước—như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa,

Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, và Bhagu—luôn tổ chức những buổi cúng tế lớn, do vậy tôi cũng muốn chia sẻ một món quà' …[253]

(6) "Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Giống như những bậc nhìn-thấy của thời trước … do vậy tôi cũng muốn chia sẻ một món quà', thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm hoan hỷ khởi sinh'…

(7) "Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm vui khởi sinh', thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: 'Sự bố-thí cho đi là một trang sức của cái tâm, một phụ liệu của cái tâm'.[254] Người đó cúng dường món quà đó cho một tu sĩ hay một bà-la-môn như: thức ăn và thức uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ ở, và đèn sáng. Thầy nghĩ sao, này Xá-lợi-phất? Có người ở đây cúng tặng một món quà như vậy phải không?"

"Dạ có, thưa Thế Tôn."

"Trong trường hợp đó, này Xá-lợi-phất, (1) người đó không cúng tặng một món quà với những mong cầu này nọ, với cái tâm bị trói buộc, trông đợi được tưởng thưởng; người đó cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này'. (2) Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sự bố-thí là tốt' … (3) [chỉ vì nghĩ]: 'Sự bố-thí đã được cha ông mình làm trước đây; giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ gia tục cổ truyền này' … (4) [chỉ vì nghĩ]: 'Tôi nấu; những người đó không nấu. Sẽ không đúng đắn nếu tôi nấu mà không cho tặng những người không nấu' … (5) [chỉ vì nghĩ]: 'Giống như những bậc nhìn-thấy của thời trước … do vậy tôi cũng chia sẻ một món quà' … (6) [chỉ vì nghĩ]: 'Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm vui khởi sinh', thay vì vậy (7) người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: 'Sự bố-thí cho đi là một trang sức của cái tâm, một phụ liệu của cái tâm'. Sau khi cúng tặng một món quà như vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh

trong số những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên). Sau khi hết nghiệp, hết thần thông, vinh quang và đặc quyền ở đó, người đó không quay lại hay trở lại trạng thái hiện hữu này nữa.

"Này Xá-lợi-phất, đây là lý do tại sao có món quà được cúng tặng bởi người này ở đây không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì. Và đây là lý do có món quà được cúng tặng bởi người kia ở đây thì mang lại kết quả và ích lợi lớn lao."

(AN 7:52)

113 Cô Nandamātā

Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang đi du hành ở Dakkhiṇāgiri cùng với một đoàn tăng lớn các Tỳ kheo. Bấy giờ, vào lúc đó có nữ đệ tử tại gia Veḷukaṇṭakī Nandamātā [Nandamātā nghĩa là: mẹ của Nanda],[255] sau khi thức dậy vào lúc đêm đang tàn (rạng sáng), đã tụng đọc chương "*Pārāyana*" (Qua bờ bên kia; đáo bỉ ngạn).

Bấy giờ, lúc đó có đại vương [là thiên thần] Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) đang du hành từ bắc xuống nam vì một số công việc. Vị tiên này nghe nữ cư sĩ Nandamātā đọc tụng chương "*Pārāyana*" và đã đứng lại chờ đến khi cô ấy đọc xong. Khi nữ cư sĩ Nandamātā đã đọc xong, cô ấy im lặng. Sau khi hiểu được nữ cư sĩ Nandamātā đã đọc xong bài tụng, đại vương Vessavaṇa mới khen ngợi: "Lành thay, này cô em! Lành thay, này cô em!"

"Này quý vị, quý vị là ai?"

"Ta là anh trai của em đây, là đại vương Vessavaṇa đây, em ạ."

"Lành thay, này anh thân mến! Vậy hãy coi như bài giảng Giáo Pháp em mới vừa tán tụng là món quà biếu khách dành cho anh."[256]

"Lành thay, này em gái! Vậy em cũng hãy tặng thêm cho anh một món quà biếu khách khác: Ngày mai, có Tăng đoàn các Tỳ kheo được dẫn

đầu bởi Ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên sẽ đến Veḷukaṇṭaka, trước khi họ đã ăn bữa sáng. Em hãy phục vụ họ và chuyển lời là anh cúng dường cho họ. Đây sẽ là một món quà biếu khách của em dành cho anh."

Rồi khi đêm đã qua, nữ cư sĩ Nandamātā đã chuẩn bị xong nhiều món ăn ngon ở tư gia của mình. Rồi, Tăng đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi Ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã đến Veḷukaṇṭaka, trước khi họ đã ăn bữa sáng.

Rồi nữ cư sĩ Nandamātā đã nhờ một người: "Này thiện hữu. Hãy đến chỗ tu viện và báo giờ cho Tăng đoàn các Tỳ kheo, thưa rằng: 'Thưa quý thầy, giờ ăn trưa đã sẵn sàng ở tư gia của Phu nhân Nandamātā.'" Người đó đáp lại: "Dạ, thưa phu nhân", và ông ta đi đến chỗ tu viện và chuyển tin cho quý thầy. Rồi Tăng đoàn các Tỳ kheo dẫn đầu bởi thầy Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến tư gia của nữ cư sĩ Nandamātā, tới nơi họ ngồi xuống những chỗ ngồi đã được dọn sẵn.

Rồi nữ cư sĩ Nandamātā tự tay mình phục vụ và làm vui lòng bằng nhiều loại thức ăn ngon cho Tăng đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi thầy Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất. Khi thầy Xá-lợi-phất đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, phu nhân ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất mới hỏi phu nhân:

"Nhưng này, cô Nandamātā, ai đã nói cho cô rằng Tăng đoàn các Tỳ kheo sắp đến đây?"

(1) "Ở đây, thưa thầy, lúc đó sau khi thức dậy khi đêm đang tàn (rạng sáng), con đã tụng đọc chương "*Pārāyana*" … [*Và kể lại toàn bộ câu chuyện đã xảy ra ở đầu kinh, cho đến câu cuối* (vị tiên) *đại vương Vessavaṇa đã nói*:] Đây sẽ là một món quà biếu khách của em dành cho anh." Thưa thầy, cầu mong cho công-đức nào có được từ việc bố-thí này sẽ hồi hướng cho sự an lạc cho đại vương [thiên thần] Vessavaṇa."

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời,[257] này Nandamātā, rằng cô có thể đối thoại[258] trực tiếp với một thiên thần trẻ đầy uy và lực như đại vương [thiên thần] Vessavaṇa."

(2) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Con có một đứa con trai duy nhất, một đứa con yêu quý và yêu dấu tên là Nanda. Những người cầm quyền đã bắt nó vì lý do gì đó và xử tử nó. Thưa thầy, khi đứa con trai đang bị bắt giam hay đang bị bắt, khi nó đang ở trong tù hay khi đang bị xử tù,[259] khi nó chết hay khi đang bị giết, con nhớ lại không có bất kỳ sự biến đổi nào của tâm con lúc đó."[260]

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā, rằng cô có thể thanh lọc ngay cả sự khởi-sinh của một ý-nghĩ."[261]

(3) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Khi chồng con chết, ông ấy đã tái sinh trong cảnh quỷ dạ-xoa (yakkha).[262] Ông ấy hiện ra trong sắc-thân trước đó của mình, nhưng con nhớ lại không có sự biến đổi nào của tâm con lúc đó."

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā, rằng cô có thể thanh lọc ngay cả sự khởi-sinh của một ý-nghĩ."

(4) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Khi con được gả cho chồng của con lúc con còn là một cô gái trẻ, con nhớ lại không có một ý-nghĩ vi phạm nào đối với ông ấy, huống chi có hành-động vi phạm."

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā, rằng cô có thể thanh lọc ngay cả sự khởi-sinh của một ý-nghĩ."

(5) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Từ khi con tuyên bố mình là một đệ tử tại gia, con nhớ lại con không có một sự vi phạm cố ý nào đối với các giới tu nào."

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā!"

(6) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Tùy theo con muốn, con có thể: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'

(ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.'

(iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), con an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), con trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: 'Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).'

(iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.'"

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā!"

(7) "Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Đối với năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con thấy không còn cái nào mà con chưa phá bỏ."[263]

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā!"

Rồi thầy Xá-lợi-phất đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ cô Nandamātā bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

(AN 7:53)

114 Tướng Quân Sīha [264]

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có vị tướng quân tên là Sīha đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, có thể nào chỉ ra kết quả có thể trực tiếp nhìn thấy được (nhãn tiền) của việc bố thí?"

"Được, này ông Sīha, vậy ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy phù hợp."

(1) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Như có hai người: (i) một người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới, và (ii) một người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện. Này Sīha, ông nghĩ sao? Đối với loại người nào những A-la-hán sẽ ưu tiên thể hiện lòng bi-mẫn: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?" [265]

"Thưa Thế Tôn, làm sao những A-la-hán lại ưu tiên thể hiện lòng bi-mẫn đối với (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên thể hiện lòng bi-mẫn đối với (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện."

(2) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Đối với loại người nào những A-la-hán sẽ ưu tiên đến gặp: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và (ii) chửi bới hay loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?"

"Thưa Thế Tôn, làm sao những A-la-hán lại ưu tiên đến gặp (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên đến gặp (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện."

(3) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Từ loại người nào những A-la-hán sẽ ưu tiên nhận thức ăn cúng dường: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?"

"Thưa Thế Tôn, làm sao những A-la-hán lại ưu tiên nhận thức ăn cúng dường từ (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên nhận thức ăn cúng dường từ (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện."

(4) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Đối với loại người nào những A-la-hán sẽ ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?"

"Thưa Thế Tôn, làm sao những A-la-hán lại ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp cho (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp cho (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện."

(5) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Loại người nào có thể tích tạo danh tiếng tốt: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?"

"Thưa Thế Tôn, làm cách nào (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới có thể tích tạo danh tiếng tốt? Chính (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện mới có thể tích tạo danh tiếng tốt."

(6) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Loại người nào có thể đến gặp bất kỳ hội chúng nào—dù đó là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ,

những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ (sa-môn)—một cách tự-tin và bình-tĩnh: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?"

"Thưa Thế Tôn, làm cách nào (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới có thể đến gặp bất kỳ hội chúng nào—dù đó là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ (sa-môn)—một cách tự-tin và bình-tĩnh cho được? Chính (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện mới có thể đến gặp bất kỳ hội chúng nào … một cách tự-tin và bình-tĩnh."

(7) "Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Khi thân tan rã, sau khi chết, loại người nào sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời: (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?"

"Thưa Thế Tôn, làm cách nào (i) loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới có thể được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, hay trong một cõi trời, khi thân tan rã, sau khi chết? Chính (ii) loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện mới có thể được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, khi thân tan rã, sau khi chết."

Thưa Thế Tôn, con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về sáu kết-quả được nhìn thấy trực tiếp này của sự bố-thí mà đức Thế Tôn đã mới nói ra. Vì con cũng biết về sáu điều đó. Vì con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (i) những A-la-hán sẽ ưu tiên đến gặp con. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (ii) những A-la-hán sẽ ưu tiên thể hiện lòng-bi mẫn đối với con. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (iii) những A-la-hán sẽ ưu tiên nhận thức ăn cúng dường từ con. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (iv) những A-la-hán sẽ ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp cho con. Con là một người

bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (v) con sẽ tích tạo được danh tiếng tốt. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và (vi) hội chúng nào con đến gặp—dù đó là những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ—con đến gặp một cách tự-tin và bình-tĩnh. Con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về sáu kết-quả được nhìn thấy trực tiếp này của sự bố-thí mà đức Thế Tôn đã mới nói ra. Vì con cũng biết về sáu điều đó. (vii) Nhưng điều thứ bảy (về kết-quả thuộc kiếp sau của sự bố thí) thì con chưa biết về điều này, cho nên điều này con đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn."

"Đúng là vậy, này ông Sīha, đúng là vậy! Khi thân tan rã, sau khi chết, một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời."

(AN 7:57)

115 (Bảy Loại) Vợ

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới tư gia của gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika), tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình.

Ngay lúc đó, có người trong tư gia của gia chủ Cấp Cô Độc đang la lối và ồn ào. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã ra gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông:

"Này gia chủ, tại sao những người trong nhà đang la lối và ồn ào như vậy? Người ta nghe tưởng như những ngư dân đang la hét kéo lưới."

"Thưa Thế Tôn, đó là con dâu Sujātā của con, là người giàu sang và được cưới đến đây từ một gia đình giàu có. Cô ấy không vâng lời của cha chồng, mẹ chồng, hay của chồng. Cô ấy không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, hay và tôn kính đức Thế Tôn."

Rồi đức Thế Tôn đã nói với Sujātā: "Này Sujātā, hãy đến đây."

"Dạ, thưa Thế Tôn", cô đáp lại. Cô ta đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với cô ấy:

"Này Sujātā, một người đàn ông có thể có bảy loại vợ. Bảy đó là gì? Vợ như sát nhân, vợ như kẻ trộm, vợ như bạo chúa, vợ như mẹ, vợ như em gái, vợ như người bạn, và vợ như nô lệ. Một người có thể có bảy loại vợ như vầy. Con thuộc loại nào?"

"Thưa Thế Tôn, con không hiểu được chi tiết ý nghĩa của lời Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt. Vậy đức Thế Tôn hãy chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo cách để con có thể hiểu chi tiết ý nghĩa của lời mới được nói ra một cách vắn tắt như vậy."

"Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn", cô ấy đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

"Với cái tâm thù ghét,
Không có sự cảm thương;
Ham muốn người khác,
Khinh khi chồng mình,
Tìm cách giết chồng mình,
Là người đã bỏ của cải để cưới mình:
Vợ như vầy được gọi là vợ như sát nhân.

"Khi chồng tích tạo của cải bằng công sức cực nhọc,
Bằng nghề thủ công, nghề buôn bán, hay nghề nông,
Vợ cứ cố lấy cắp,
Ngay cả khi chồng [kiếm được] ít ỏi:
Vợ như vậy được gọi là vợ như kẻ cắp.

"Vợ tham ăn lười biếng,
Không chịu làm việc gì,
Nói lời gắt gỏng, mắng nhiếc, hỗn láo,
Người thống trị người chồng nuôi nấng mình:

Vợ như vậy được gọi là vợ như bạo chúa.

"Vợ luôn luôn nhân từ và cảm thương,
Là người bảo vệ chồng như người mẹ bảo vệ con,
Bảo vệ của cải chồng làm có được:
Vợ như vậy được gọi là vợ như mẹ.

"Vợ luôn coi trọng chồng mình,
Như người em gái đối với anh mình,
Tận tình, làm theo ý của chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như em gái.

"Vợ vui mừng mỗi khi nhìn thấy chồng,
Như một người bạn lâu năm mới gặp lại;
Được khéo nuôi dạy, tận tụy hết mình vì chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như người bạn (tri kỷ).

"Vợ luôn nhẫn nhịn và dịu hiền,
Ngay cả khi có bị bạo lực đòn roi,[266]
Vợ chịu nhịn chồng mình với một cái tâm không thù ghét,
Nhẫn nhịn, phục tùng theo ý chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như nô lệ.

"Những loại vợ được gọi là:
Sát nhân, kẻ cắp, và bạo chúa,
Là thất đức, gắt gỏng, bất kính trọng,
Khi thân tan rã (sau khi chết) sẽ đi xuống địa ngục.

"Nhưng những loại vợ được gọi là:
Mẹ, em gái, người bạn, và nô lệ,
Ổn định về đức-hạnh, giữ giới-hạnh lâu dài,
Khi thân tan rã sẽ đi lên cõi trời."

"Này Sujātā, một người có thể có bảy loại vợ như vậy. Giờ con muốn là vợ loại nào?"

"Thưa Thế Tôn, bắt đầu từ hôm nay, Thế Tôn hãy coi con là một người vợ như nô lệ."

(AN 7:63)

(VII) Quyển "TÁM":

116 Verañjā

Trong một lần đức Thế Tôn sống ở Verañjā đang ở dưới gốc cây sầu đâu (cây nim [neem] Ấn Độ) của (quỷ dạ-xoa) Naḷeru.[267] Lúc đó có một bà-la-môn ở Verañjā đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, tôi nghe nói: 'Sa-môn Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã qua tuổi xế chiều, đang ở giai đoạn cuối đời; cũng không đứng dậy chào họ hay nhường chỗ ngồi cho họ.' Điều này đúng là thật, vì Thầy Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã qua tuổi xế chiều, đang ở giai đoạn cuối đời; cũng không đứng dậy chào họ hay nhường chỗ ngồi cho họ. Thầy Cồ-đàm, như vậy là không phải phép."[268]

"Này bà-la-môn, trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương (Māra), và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh có những những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta không thấy có ai mà ta phải nên kính lễ, hay nên đứng dậy chào, hay nên nhường chỗ ngồi. Bởi vì nếu Như Lai còn phải kính lễ ai, hay đứng dậy chào, hay nhường chỗ ngồi, thì đầu của người đó sẽ bị bể ra."

(1) "Thầy Cồ-đàm thiếu vị-giác."[269]

"Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể dùng để nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm thiếu vị-giác'. Như Lai đã dẹp bỏ vị-

giác đối với những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, và những đối-tượng chạm xúc; bậc ấy đã đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm thiếu vị-giác'. Nhưng ông đã không nói (về vị-giác) theo nghĩa như vầy."

(2) "Thầy Cồ-đàm là không thân-thiện."[270]

"Này bà-la-môn, có một cách người ta dùng để nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là không thân-thiện'. Như lai đã dẹp bỏ sự thân-thiện đối với những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, và những đối-tượng chạm xúc; bậc ấy đã đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là không thân-thiện'. Nhưng ông đã không nói (về sự không thân-thiện) theo nghĩa như vầy."

(3) "Thầy Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì."[271]

"Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương không-làm-gì'. Vì ta khẳng định sự không-làm những hành-vi xấu ác của thân, miệng, và tâm; ta khẳng định sự không-làm nhiều loại hành-vi xấu ác bất thiện. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương không hành-động'. Nhưng ông đã không nói (về sự không-làm-gì) theo nghĩa như vầy."

(4) "Thầy Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt."[272]

"Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt'. Vì ta khẳng định sự hủy diệt tham, sân, si; ta khẳng định sự hủy diệt nhiều loại phẩm chất bất thiện. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt.' Nhưng ông đã không nói (về sự hủy-diệt) theo nghĩa như vầy."

(5) "Thầy Cồ-đàm là một người chê-chán."[273]

"Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chê-chán'. Vì ta thấy chê-chán với những hành-vi xấu ác của thân, miệng, tâm; ta thấy chán-chê với sự tích-tạo nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chê-chán'. Nhưng ông đã không nói (về sự chê-chán) theo nghĩa như vầy."

(6) "Thầy Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ."[274]

"Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ'. Vì ta chỉ dạy Giáo Pháp để dẫn tới sự bãi-bỏ tham, sân, si; ta chỉ dạy Giáo Pháp để bãi-bỏ nhiều loại phẩm chất bất thiện xấu ác. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ'. Nhưng ông đã không nói (về sự bãi-bỏ) theo nghĩa như vầy."

(7) "Thầy Cồ-đàm là một người hành-hạ (hành xác, thiêu đốt)."[275]

"Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người hành-hạ'. Vì ta khẳng định những phẩm-chất bất thiện xấu ác như—những hành-vi xấu ác của thân, miệng, và tâm—là cần phải bị thiêu-đốt. Ta nói một người là người thiêu-đốt là sau khi người đó đã trừ-bỏ những phẩm-chất bất thiện xấu ác vốn cần phải bị thiêu-đốt; sau khi người đó đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Như Lai đã trừ-bỏ những phẩm-chất bất thiện xấu ác vốn cần phải bị thiêu-đốt; bậc ấy đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người hành-hạ'. Nhưng ông đã không nói (về sự hành-hạ) theo nghĩa như vầy."

(8) "Thầy Cồ-đàm là một người đã rút-khỏi."[276]

"Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người rút-khỏi'. Vì ta gọi một người là người đang rút-khỏi là sau khi người đó đã trừ-bỏ 'sự tạo-ra sự tái hiện-hữu', đã dẹp-bỏ 'sự chui-vào bào thai trong tương lai'; sau khi người đó đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Như Lai đã trừ-bỏ 'sự tạo-ra sự tái hiện-hữu', đã dẹp-bỏ 'sự chui-vào bào thai trong tương lai'; bậc ấy đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người rút-lui'. Nhưng ông đã không nói (về sự rút-lui) theo nghĩa (khỏi vòng luân hồi tái-sinh) như vầy."

"Này bà-la-môn, ví dụ có một con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng nó đã ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng đúng cách. Con gà đầu tiên biết dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng và nở ra an toàn thì được gọi là con già nhất hay trẻ nhất?"

"Nó sẽ được gọi là con già nhất, Thầy Cồ-đàm. Do vậy nó là con già nhất trong chúng."

"Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, trong một quần thể (chúng sinh) chìm nghỉm trong sự vô-minh, điều đó [trở nên] như trong một cái trứng, bị (lớp vỏ) bao bọc che tối hoàn toàn,[277] ta đã phá thủng cái vỏ trứng vô-minh đó. Ta là người duy nhất trong thế gian đã tỉnh-thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng. Vì vậy ta là người già nhất, là bậc nhất trong thế gian này rồi còn gì.

"Này bà-la-môn, sự nỗ-lực (tinh tấn) của ta đã được phát khởi một cách không hề chùn-giảm; sự chánh-niệm của ta đã được thiết lập một cách không hề mờ-rối (thất niệm); thân ta đã được tĩnh-lặng (khinh an) một cách không hề có sự quấy-động; tâm của ta đã đạt-định và nhất-điểm.

1- "Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền

định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.

2- "Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.

3- "Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), ta đã trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: 'Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).

4- "Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.

5- "Sau khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, đã được thanh-lọc, được thanh-tẩy, không còn ố-nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm (vô lậu), dễ uốn nắn, dễ sử dụng, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, ta hướng nó tới trí-biết *nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ* (túc mạng minh).[278] Ta đã nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (Ta nhớ rõ) 'Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục (kiếp khác) … ta được đặt tên như kia, thuộc họ

tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ … và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.' Ta nhớ lại nhiều kiếp trước với những tổng quan và chi tiết như vậy.

"Này bà-la-môn, đây là trí-biết *thứ nhất* ta chứng ngộ được vào canh đầu của đêm đó (đêm giác-ngộ). Vô-minh đã bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, như sẽ xảy ra đối với một người sống chuyên-chú, nhiệt-thành, và kiên-định. Này bà-la-môn, đây là lần đột-phá đầu tiên của ta, giống như con gà con đã phá thủng thoát ra khỏi vỏ trứng.

6- "Sau khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, đã được thanh-lọc, được thanh-tẩy, không còn ô-nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm (vô lậu), dễ uốn nắn, dễ sử dụng, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, ta hướng nó tới trí-biết (minh) về *sự chết-đi và tái-sinh của chúng sinh*. Với mắt thiên thánh, được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), ta nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta hiểu được cách những chúng sinh trả giá tùy theo những nghiệp của mình như vầy: 'Những chúng sinh này dính vào những hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói và tâm (03 ác hành); người chửi mắng những bậc thánh nhân; những người chửi mắng những thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và làm những nghiệp dựa trên cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh khác làm những hành-vi tốt thiện bằng thân, lời-nói, và tâm (03 thiện hành); là những người không mắng chửi những thánh nhân, nứm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và làm những nghiệp dựa trên cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước

có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.

"Này bà-la-môn, đây là trí-biết *thứ hai* ta chứng ngộ được vào canh đầu của đêm đó (đêm giác-ngộ). Vô-minh đã bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, như sẽ xảy ra đối với một người sống chuyên-chú, nhiệt-thành, và kiên-định. Này bà-la-môn, đây là lần đột-phá đầu tiên của ta, giống như con gà con đã phá thủng thoát ra khỏi vỏ trứng.

7- "Sau khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, đã được thanh-lọc, được thanh-tẩy, không còn ô-nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm (vô lậu), dễ uốn nắn, dễ sử dụng, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, ta hướng nó tới trí-biết (minh) về *sự tiêu-diệt những ô-nhiễm* (lậu tận minh). Ta hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ'; ta hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc khổ'; ta hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'; ta hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Ta hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là những ô-nhiễm'; ta hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm'; ta hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm'; ta hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những ô-nhiễm'.

"Khi ta đã biết và thấy như vậy, tâm của ta đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm do/của tham-dục (dục lậu), khỏi những ô-nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi những ô-nhiễm do/của vô-minh (vô minh lậu).[279] Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: '[Nó] được giải-thoát.' Ta đã trực tiếp biết: 'Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'

"Này bà-la-môn, đây là trí-biết *thứ ba* ta chứng ngộ được vào canh đầu của đêm đó (đêm giác-ngộ). Vô-minh đã bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, như sẽ xảy ra đối với một người sống chuyên-chú, nhiệt-thành, và kiên-định. Này

bà-la-môn, đây là lần đột-phá đầu tiên của ta, giống như con gà con đã phá thủng thoát ra khỏi vỏ trứng."

Sau khi lời này được nói ra, bà-la-môn Verañjā đã thưa với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm là già lão nhất! Thầy Cồ-đàm là bậc nhất! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như thầy đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến cuối đời."

(AN 8:11)

117 Tướng Quân Siha

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong ngôi đền mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Bấy giờ, lúc đó có một số người Licchavi nổi tiếng đã tề tựu trong hội trường và đang ngồi cùng nhau nói về nhiều cách đề cao Phật, Pháp, Tăng. Vào lúc đó có tướng quân Sīha, vốn là một đệ tử của những người Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha, theo đạo Jain), cũng đang ngồi trong hội trường đó. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với ông: "Không nghi ngờ gì nữa, bậc ấy đúng là một đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Bởi vì một số người Licchavi nổi tiếng này đã tề tựu trong hội trường và đang ngồi cùng nhau nói về nhiều cách đề đề cao Phật, Pháp, Tăng. Vậy ta hãy nên đến gặp bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đó."

Rồi tướng quân Sīha đến chỗ Ni-kiền-tử Nātaputta và nói với ông ta: "Thưa ngài, tôi muốn đến gặp mặt sa-môn Cồ-đàm."

"Này Sīha, ông là người theo sự hành-động, vậy tại sao đi gặp sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì? Bởi vì sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì, ông ta chỉ dạy Giáo Pháp của mình vì sự không-làm-gì và hướng dẫn những đệ tử của ông như vậy."[280] Vậy là ý định đi đến gặp đức Thế Tôn của tướng quân Sīha đã chùn xuống.

Lần thứ hai, một số người Licchavi nổi tiếng lại tề tựu trong hội trường và đang ngồi cùng nhau nói về nhiều cách đề đề cao Phật, Pháp, Tăng … [*tiếp tục tình huống y hệt lần thứ nhất ở trên*] … Vậy là lần thứ hai, ý định đi đến gặp đức Thế Tôn của tướng quân Sīha lại chùn xuống.

Lần thứ ba, một số người Licchavi nổi tiếng lại tề tựu trong hội trường và đang ngồi cùng nhau nói về nhiều cách đề cao Phật, Pháp, Tăng. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với ông: "Không nghi ngờ gì nữa, bậc ấy đúng là một đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Bởi vì một số người Licchavi nổi tiếng này đã tề tựu trong hội trường và đang ngồi cùng nhau nói về nhiều cách đề đề cao Phật, Pháp, Tăng. Vậy ta hãy nên đến gặp bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đó. Những người Ni-kiền-tử có thể làm gì ta nếu ta xin phép hay không xin phép họ? Không cần phải được phép của những người Ni-kiền-tử, ta cứ đến gặp bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đó."[281]

Rồi, với năm trăm xe ngựa, tướng quân Sīha đã lên đường từ Vesālī vào lúc giữa trưa để đến gặp đức Thế Tôn. Ông ta đi bằng xe hết phần đường xe có thể đi được, sau đó xuống xe và đi bộ vào khu vực tịnh xá. Ông đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa ngài, tôi nghe được điều này: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì, là người chỉ dạy Giáo Pháp của mình vì sự khong-làm-gì và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.' Có phải những người nói như vậy là nói đúng lời bậc Thế Tôn đã nói và họ không diễn dịch sai bằng những điều trái với sự thật (mà bậc ấy đã nói)? Có phải như vậy là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và không tạo ra cơ sở có lý

nào để bị người ta phê bình?[282] Vì chúng tôi không muốn diễn dịch sai lời bậc Thế Tôn."

(1) "Này Sīha, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì, là người chỉ dạy Giáo Pháp vì sự không-làm-gì và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'[283]

(2) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự (những) hành-động … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(3) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(4) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chê-chán … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(5) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(6) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người hành-hạ (hành xác, thiêu đốt) … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(7) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người rút-khỏi … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(8) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người an-ủi[284] … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(1) "Và, này Sīha, theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì

… và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy'? Vì ta khẳng định sự không-làm những hành-vi xấu ác của thân, lời-nói, và tâm (03 ác hành); ta khẳng định sự không-làm nhiều loại hành-động xấu ác bất thiện (nghiệp xấu ác, nghiệp bất thiện). Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương không-làm-gì … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(2) "Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự (những) hành-động … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy'? Vì ta khẳng định sự nên-làm những hành-vi thiện lành của thân, lời-nói, và tâm (03 thiện hành); ta khẳng định sự nên-làm nhiều loại hành-vi thiện lành (nghiệp tốt, nghiệp thiện). Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự (những) hành-động … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(3) "Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy'? Vì ta khẳng định sự hủy-diệt tham, sân, si; ta khẳng định sự hủy-diệt nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(4) "Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chê-chán … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy'? Vì ta thấy chê-chán đối với những hành-vi xấu ác của thân, lời-nói, tâm; ta thấy chê-chán với sự tích-tạo nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chê-chán … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(5) "Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy'? Vì ta chỉ dạy Giáo Pháp để dẫn tới sự

bãi-bỏ tham, sân, si; ta chỉ dạy Giáo Pháp để bãi-bỏ nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(6) "Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người hành-hạ (thiêu đốt) … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy'? Vì ta khẳng định những phẩm-chất bất thiện xấu ác như—những hành-vi xấu ác của thân, lời-nói, và tâm—là cần phải bị thiêu đốt. Ta gọi một người là người thiêu đốt là sau khi người đó đã trừ bỏ những phẩm-chất bất thiện xấu ác vốn cần phải bị thiêu đốt; sau khi người đó đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Như Lai đã trừ bỏ những phẩm-chất bất thiện xấu ác vốn cần phải bị thiêu đốt; bậc ấy đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người hành-hạ … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(7) "Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người rút-khỏi … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy'? Vì ta gọi một người là người đang rút-khỏi là sau khi người đó đã trừ-bỏ 'sự tạo-ra sự tái hiện-hữu', đã dẹp-bỏ 'sự chui-vào bào thai trong tương lai'; sau khi người đó đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Như Lai đã trừ-bỏ 'sự tạo-ra sự tái hiện-hữu', đã dẹp-bỏ 'sự chui-vào bào thai trong tương lai'; bậc ấy đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người rút-khỏi … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'

(8) "Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người an-ủi … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy'? Vì ta là một người an ủi bằng sự an-ủi tối thượng; ta chỉ dạy Giáo Pháp vì (để đạt tới) có sự an-ủi (tối thượng đó) và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người an-ủi … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'"[285]

Sau khi lời này được nói ra, tướng quân Sīha đã thưa với đức Thế Tôn: Thật xuất sắc, thưa Thế Tôn! Thật xuất sắc, thưa Thế Tôn! … Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến cuối đời."

(i) "Này Sīha, trước tiên hãy điều tra tìm hiểu! Sẽ tốt cho một người nổi tiếng như ông nên có sự điều tra tìm hiểu."[286]

"Thưa Thế Tôn, con thậm chí còn thỏa mãn và hài lòng hơn khi Thế Tôn nói với con: 'Này Sīha, trước tiên hãy điều tra tìm hiểu! Sẽ tốt cho một người nổi tiếng như ông nên có sự điều tra tìm hiểu.' Bởi vì những người giáo phái khác, khi có được con là một đệ tử của họ, họ sẽ mang cờ xí đi khắp thành Vesālī để công bố rằng: 'Tướng quân Sīha đã trở thành một môn đồ của chúng tôi.' Nhưng Thế Tôn thì lại nói với con: 'Này Sīha, trước tiên hãy điều tra tìm hiểu! Sẽ tốt cho một người nổi tiếng như ông nên có sự điều tra tìm hiểu.' Vì vậy, thưa Thế Tôn, lần thứ hai con xin quy y theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thế Tôn hãy chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

(ii) "Này Sīha, gia đình của ông từ lâu đã là nguồn trợ giúp cho những người Ni-kiền-tử; vì vậy ông nên xem xét tiếp tục cúng dường thức ăn cho họ mỗi khi họ đến chỗ ông."

"Thưa Thế Tôn, con thậm chí còn thỏa mãn và hài lòng hơn khi Thế Tôn nói với con: 'Này Sīha, gia đình của ông từ lâu đã là nguồn trợ giúp

cho những người Ni-kiền-tử; vì vậy ông nên xem xét tiếp tục cúng dường thức ăn cho họ mỗi khi họ đến chỗ ông.' Thưa Thế Tôn, con từng nghe họ đồn rằng sa-môn Cồ-đàm đã nói như vầy: 'Quà cúng chỉ nên được cúng cho ta; quà cúng không nên được cúng cho những người khác. Quà cúng chỉ nên được cúng cho đệ tử của ta; quà cúng không nên được cúng cho đệ tử của những người khác.'[287] Nhưng ở đây Thế Tôn cũng lại khuyến khích con hãy (tiếp tục) cúng dường cho những Ni-kiền-tử. Chúng con sẽ biết lúc đúng đắn để làm việc đó. Vì vậy, thưa Thế Tôn, lần thứ ba con xin quy y theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thế Tôn hãy chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

(iii) /Rồi sau đó đức Thế Tôn đã ban cho tướng quân Sīha một bài giảng pháp để tu tiến, đó là bài nói chuyện về sự bố-thí, giới-hạnh, và cõi-trời; đức Thế Tôn đã chỉ ra sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm của những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và ích-lợi của sự từ-bỏ. Sau khi đức Thế Tôn đã biết rằng tâm của gia chủ Upāli đã sẵn sàng, dễ tiếp thu (dễ uốn nắn, nhu nhuyến), không còn những chướng-ngại, phấn chấn, và tự tin, đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho ông về giáo pháp đặc trưng riêng những vị Phật, đó là: "sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường (dẫn tới sự chấm-dứt khổ; tức bốn diệu đế)".

"Giống như một tấm vải sạch đã được tẩy sạch mọi vết bẩn thì sẽ tiếp nhận thuốc nhuộm đẹp đều; cũng giống như vậy, khi tướng quân Sīha ngồi đó, con mắt Giáo Pháp (pháp nhãn) không ố nhiễm không dính bụi đã khởi sinh trong ông ấy như vầy: "Mọi thứ khởi-sinh đều chấm-dứt (có sinh thì có diệt)."

"Tướng quân Sīha đã trở thành một người đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã chứng ngộ Giáo Pháp, đã hiểu được Giáo Pháp, đã thấu đạt Giáo Pháp, đã vượt qua nghi-ngờ, đã loại bỏ hoang-mang, đã đạt tới sự tự-tin, và đã trở thành không còn phụ thuộc vào những người khác về giáo lý của Vị Thầy./ Rồi vị tướng đã thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn cùng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo chấp nhận bữa cơm trưa ngày mai do con cúng dường."

Đức Thế Tôn đã đồng ý trong im lặng. Sau khi hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, tướng quân Sīha đứng đậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và ra về. Sau đó tướng quân Sīha đã nói với người của ông: "Này thiện hữu, hãy tìm mua thịt tươi được bày bán."

Rồi, khi đêm đã qua, tướng quân Sīha đã có đủ nhiều loại thức ăn ngon dọn sẵn ở tư gia của ông ta, sau đó gần đến giờ ông đến báo với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, đến giờ ăn, thức ăn đã sẵn sàng."

Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nơi ở của tướng quân Sīha cùng với Tăng đoàn các Tỳ kheo, và đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị cho mình. Bấy giờ, vào lúc đó có một số người Ni-kiền-tử [đã đi] khắp các đường phố, từ khu này tới khu nọ trong thành Vesālī, họ vỗ tay và tung hô: "Bữa này tướng quân Sīha đã giết một con thú béo mập để làm bữa cơm cho sa-môn Cồ-đàm! Sa-môn Cồ-đàm biết rõ thịt đó là [từ con thú bị giết] để biệt đãi cho ông ta, hành-động [sát-sinh] đó đã được làm vì ông ta."

Rồi một người đã đến gặp tướng quân Sīha và mách nhỏ vào tai ông ta (về sự việc những Ni-kiền-tử đã đi khắp phố phường tung hô những lời như trên).

"Đủ rồi, này thiện hữu. Đã từ lâu những vị đó cứ muốn làm mất uy tín Đức Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Họ chẳng bao giờ chịu ngừng[288] xuyên tạc đức Thế Tôn bằng những điều không thật, vô căn cứ, sai giả, và trái với sự thật, và chúng tôi chẳng bao giờ cố ý lấy mạng một chúng sinh nào cả, ngay cả để cứu sống mạng của chúng tôi."[289]

Rồi, tướng quân Sīha đã tự tay mình phục vụ và làm vui lòng bằng nhiều món ăn rất ngon cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo dẫn đầu bởi Đức Phật. Rồi, sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, tướng quân Sīha ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khích lệ, tạo

cảm hứng, và làm hoan hỷ tướng quân Sīha bằng một bài Giáo Pháp. Sau đó đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.

(AN 8:12)

118 ***Ugga (1)*** (*ở Vesali*)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong ngôi đền mái nhọn trong khu Rừng Lớn. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!"

"Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

"Này các Tỳ kheo, các thầy nên ghi nhớ gia chủ Ugga ở thành Vesālī là một người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời."[290] Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình.

Rồi, vào buổi sáng, có một Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới tư gia của gia chủ Ugga ở thành Vesālī. Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn cho mình. Rồi gia chủ Ugga ở thành Vesālī đã ra gặp Tỳ kheo đó, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Tỳ kheo đó mới nói với ông:

"Này gia chủ, đức Thế Tôn đã tuyên bố chú có tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Tám đó là gì?"

"Thưa thầy, con không biết về tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đức Thế Tôn đã tuyên bố con có được. Tuy nhiên, trong con thấy có tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Xin thầy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Con sẽ nói."

"Được, này gia chủ", Tỳ kheo đó đáp lại. Gia chủ Ugga của xứ Vesālī đã nói điều này:

(1) "Thưa thầy, khi lần đầu con nhìn thấy đức Thế Tôn từ xa, ngay khi con nhìn thấy đức Thế Tôn tâm con đã có được niềm-tin vào bậc ấy. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ nhất thấy có trong con.

(2) "Với một cái tâm tự-tin, con đến gặp đức Thế Tôn. /Đức Thế Tôn đã ban cho con một bài giảng pháp để tu tiến, đó là bài nói chuyện về sự bố-thí, giới-hạnh, và cõi-trời; đức Thế Tôn đã chỉ ra sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm của những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và ích-lợi của sự từ-bỏ. Sau khi đức Thế Tôn đã biết rằng tâm của con đã sẵn sàng, dễ tiếp thu (dễ uốn nắn, nhu nhuyến), không còn những chướng-ngại, phấn chấn, và tự tin, đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho con về giáo pháp đặc trưng riêng những vị Phật, đó là: "sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường (dẫn tới sự chấm-dứt khổ; tức bốn diệu đế)".

"Giống như một tấm vải sạch đã được tẩy sạch mọi vết bẩn thì sẽ tiếp nhận thuốc nhuộm đẹp đều; cũng giống như vậy, khi con ngồi đó, con mắt Giáo Pháp (pháp nhãn) không ố nhiễm không dính bụi đã khởi sinh trong con như vầy: "Mọi thứ khởi-sinh đều chấm-dứt (có sinh thì có diệt)."

"Con đã trở thành một người đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã chứng ngộ Giáo Pháp, đã hiểu được Giáo Pháp, đã thấu đạt Giáo Pháp, đã vượt qua nghi-ngờ, đã loại bỏ hoang-mang, đã đạt tới sự tự-tin, và đã trở thành không còn phụ thuộc vào những người khác về giáo lý của Vị Thầy./

Ngay lúc đó con đã quy y theo Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, và nhận lãnh những giới-luật tu hành, và thứ năm là sống độc-thân.[291] Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ hai thấy có trong con.

(3) "Con có bốn người vợ trẻ. Con đã đến nói với họ: 'Này các em, tôi đã nhận lãnh những giới-luật tu hành, với thứ năm là giới sống độc-thân. Nếu các em muốn, các em có thể ở lại để thụ hưởng của cải ở đây và lo làm những việc công-đức, hoặc có thể về lại gia đình mình, hoặc có thể nói cho tôi các em muốn tôi gả các em cho người nào khác cũng được.' Người vợ cả của con mới nói: 'Thưa gia chủ trẻ, hãy gả em cho ông kia'. Con đã gửi vợ cho ông đó, tay trái con dắt vợ, tay phải con mang cái bình

làm lễ, và con giao cô ta cho ông đó. Nhưng ngay cả khi đang giao người vợ trẻ của mình cho người khác, con không nhớ có sự biến đổi gì trong tâm con (tức không luyến tiếc hay buồn). Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ ba thấy có trong con.

(4) "Gia đình của con thì giàu có nhưng của cải được chia sẻ rộng rãi (không giấu giếm tiếc của) với những người đức-hạnh, có tính-cách thiện. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tư thấy có trong con.

(5) "Mỗi khi con gặp gỡ một Tỳ kheo, con gặp người đó một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ năm thấy có trong con.

(6) "Nếu quý thầy đó chỉ dạy con Giáo Pháp, con sẽ lắng nghe một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Nếu quý thầy đó không chỉ dạy con Giáo Pháp, thì con sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho quý thầy đó. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ sáu thấy có trong con.

(7) "Không lạ thường gì khi có các thiên thần đến gặp và báo cho con: 'Này gia chủ, Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn.' Rồi con nói với các thiên thần: 'Dù các tiên có nói hay không nói như vậy, Giáo Pháp vẫn được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn.' Lại nữa, con không nhớ có sự phấn khích tinh thần nào (như: tự hào, phóng tâm tự cao) khởi sinh vì nhân duyên những thiên thần đến gặp con hay vì nhân duyên con được nói chuyện với các thiên thần. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ bảy thấy có trong con.

(8) "Trong năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) đã được giảng dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy có gông-cùm nào con chưa dẹp bỏ.[292] Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tám thấy có trong con.

"Thưa thầy, đây là tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thấy có trong con. Còn tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời nào khác mà đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng con có được thì con không biết."

Rồi Tỳ kheo đó, sau khi đã nhận đồ cúng dường từ gia chủ Ugga ở thành Vesālī, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Sau khi trở về, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện của mình với gia chủ Ugga ở thành Vesālī.

[Đức Thế Tôn nói:] "Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thì đó chính là tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời mà ta đã tuyên bố gia chủ Ugga ở Vesālī có được, đúng như ông ta mới giải thích một cách đúng đắn cho thầy. Các thầy nên ghi nhớ gia chủ Ugga ở Vesālī là một người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đó."

(AN 8:21)

119 ***Ugga (2)*** (*ở Làng Hatthi*)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Vajji (Bạt-kỳ), ở làng Hatthi (Hatthigāma). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo …

"Này các Tỳ kheo, các thầy nên nhớ gia chủ Ugga ở làng Hatthi (là Ugatta như trong kinh **1:254)** là một người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời." Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình.

Rồi, vào buổi sáng, có một Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, rồi đi tới tư gia của gia chủ Ugga ở làng Hatthi. Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn cho mình. Rồi gia chủ Ugga ở làng Hatthi đã ra gặp Tỳ kheo đó, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Tỳ kheo đó mới nói với ông:

"Này gia chủ, đức Thế Tôn đã tuyên bố chú có tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Tám đó là gì?"

"Thưa thầy, con không biết về tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đức Thế Tôn đã tuyên bố con có được. Tuy nhiên, trong con thấy

có tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Xin thầy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Con sẽ nói."

"Được, này gia chủ", Tỳ kheo đó đáp lại. Gia chủ Ugga ở làng Hatthi đã nói điều này:

(1) "Thưa thầy, lần đầu tiên con nhìn thấy đức Thế Tôn từ xa khi con đang say sưa chè chén ở Vườn Nāga (khu Vườn Rồng, Long Viên). Ngay khi con nhìn thấy đức Thế Tôn, tâm con đã đạt được niềm-tin vào đức Thế Tôn và sự say xỉn của con đã biến mất. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ nhất thấy có trong con.

(2) "Với một cái tâm tự-tin, con đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã ban cho con một bài giảng pháp để tu tiến … [*giống toàn bộ đoạn (2) trong kinh **8:21** kế trên*] … Ngay lúc đó con đã quy y theo Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, và nhận lãnh những giới-luật tu hành, và thứ năm là sống độc-thân. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ hai thấy có trong con.

(3) "Con có bốn người vợ trẻ … [*giống toàn bộ đoạn (3) trong kinh **8:21** kế trên*] … Nhưng ngay cả khi đang giao người vợ trẻ của mình cho người khác, con không nhớ có sự biến đổi gì trong tâm con (tức không luyến tiếc hay buồn). Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ ba thấy có trong con.

(4) "Gia đình của con thì giàu có nhưng của cải được chia sẻ rộng rãi (không giấu giếm tiếc của) với những người đức-hạnh, có tính-cách thiện. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tư thấy có trong con.

(5) "Mỗi khi con gặp gỡ một Tỳ kheo, con gặp người đó một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Nếu quý thầy đó chỉ dạy con Giáo Pháp, con sẽ lắng nghe một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Nếu quý thầy đó không chỉ dạy con Giáo Pháp, thì con sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho quý thầy đó. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ năm thấy có trong con.

"Mỗi khi con gặp gỡ một Tỳ kheo, con gặp người đó một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ năm thấy có trong con. Nếu vị sư đó chỉ dạy con Giáo Pháp, con sẽ lắng nghe một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Nếu người đó không chỉ dạy con Giáo Pháp, thì con sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho vị ấy. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ năm thấy có trong con. *(kết hợp (5) và (6) của kinh kế trên)*

(6) "Không phải gì là hiếm lạ khi Tăng Đoàn được con mời [dùng cơm trưa], những thiên thần đến gặp và mách bảo cho con: 'Này gia chủ, có Tỳ kheo đó được giải-thoát bằng cả hai phương diện. Có vị này được giải-thoát nhờ trí-tuệ. Có vị kia được giải-thoát nhờ niềm-tin. Có vị kia là người tu theo Giáo Pháp (căn tín). Có vị kia là người tu theo niềm-tin (căn tín). Có vị kia là đức hạnh (có giới-hạnh), có tính cách thiện. Có vị kia là thất đức (thiếu giới-hạnh), thuộc tính cách xấu ác.' Lại nữa, khi con đang phụng sự Tăng Đoàn, con không nhớ mình có ý nghĩ: 'Mình cúng dường vị này ít, mình cúng dường vị kia nhiều.' Thay vì vậy, con cúng dường với một cái tâm bình đẳng. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ sáu thấy có trong con.

(7) "Không lạ thường gì khi có các thiên thần đến gặp và báo cho con: 'Này gia chủ, Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn.' Rồi con nói với các thiên thần: 'Dù các tiên có nói hay không nói như vậy, Giáo Pháp vẫn được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn.' Lại nữa, con không nhớ có sự phấn khích tinh thần nào (như: tự hào, phóng tâm tự cao) khởi sinh vì nhân duyên những thiên thần đến gặp con hay vì nhân duyên con được nói chuyện với các thiên thần. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ bảy thấy có trong con.

(8) "Nếu con qua đời trước đức Thế Tôn, sẽ không gì ngạc nhiên nếu đức Thế Tôn tuyên bố về con là: 'Không còn gông-cùm nào làm cho gia chủ Ugga ở làng Hatthi còn quay lại thế gian này nữa.'[293] Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tám thấy có trong con.

"Thưa thầy, đây là tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thấy có trong con. Còn tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời nào khác mà đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng con có được thì con không biết."

Rồi Tỳ kheo đó, sau khi đã nhận đồ cúng dường từ gia chủ Ugga ở làng Hatthi, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Sau khi trở về, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện của mình với gia chủ Ugga ở làng Hatthi.

[Đức Thế Tôn nói:] "Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thì đó chính là tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời mà ta đã tuyên bố gia chủ Ugga ở làng Hatthi có được, đúng như ông ta mới giải thích một cách đúng đắn cho thầy. Các thầy nên ghi nhớ gia chủ Ugga ở làng Hatthi là một người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đó."

(AN 8:22)

120 Hattaka (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Āḷavī, chỗ khu Đền Aggāḷava. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

"Này các Tỳ kheo, các thầy nên ghi nhớ Hatthaka ở xứ Āḷavī là người có được bảy phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Bảy đó là gì? (1) Hatthaka ở xứ Āḷavī được phú cho niềm-tin. (2) Người đó là đức-hạnh (có giới-hạnh), và (3) có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (4) biết sợ-hãi về mặt đạo đức. (5) Người đó học-hiểu nhiều, (6) rộng lòng bố-thí, và (7) có trí. Các thầy nên ghi nhớ Hatthaka ở xứ Āḷavī là người có được bảy phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đó." Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình.

Rồi, vào buổi sáng, có một Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới tư gia của ông Hatthaka ở xứ Āḷavī. Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn cho mình. Rồi ông Hatthaka ở xứ

Āḷavī đã ra gặp Tỳ kheo đó, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Tỳ kheo đó mới nói với ông:

"Này đạo hữu,[294] đức Thế Tôn đã tuyên bố chú có bảy phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Bảy đó là gì? (đức Thế Tôn đã nói) (1) Hatthaka ở xứ Āḷavī được phú cho niềm-tin. (2) Người đó là đức-hạnh (có giới-hạnh), và (3) có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (4) biết sợ-hãi về mặt đạo đức. (5) Người đó học-hiểu nhiều, (6) rộng lòng bố-thí, và (7) có trí.'"

"Thưa thầy, con hy vọng, rằng lúc đó không có người tại gia áo trắng nào đã có mặt ở đó phải không?"

"Không có, này đạo hữu. Lúc đó không có người tại gia mặc áo trắng nào có mặt ở đó."

"Vậy là tốt, thưa thầy."

Rồi Tỳ kheo đó, sau khi đã nhận đồ cúng dường từ Hatthaka ở xứ Āḷavī, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Sau khi trở về, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện của mình với ông Hatthaka ở xứ Āḷavī.[295]

[Đức Thế Tôn đã nói:] "Tốt, tốt, nay Tỳ kheo! Người họ tộc đó có ít tham-muốn (thiểu dục), vì ông ấy không muốn những phẩm chất thiện lành bên trong của mình được biết đến bởi nhiều người. Vì vậy, này Tỳ kheo, thầy nên ghi nhớ Hatthaka ở xứ Āḷavī còn là người có phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tám này, đó là, (8) sự ít tham-muốn."

 # (AN 8:23)

121 Hattaka (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Āḷavī, ở Đền Aggāḷava. Rồi gia chủ Hatthaka ở xứ Āḷavī đó, đi cùng với 500 đệ tử tại gia, đến gặp đức

Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông ta:

"Này chú Hatthaka, đoàn người đi theo chú là đoàn lớn. Làm cách nào chú duy trì được đoàn lớn này như vậy?"

"Thưa Thế Tôn, con làm được vậy nhờ 'bốn phương-tiện duy trì một mối quan hệ tốt đẹp' mà đức Thế Tôn đã chỉ dạy.[296] (i) Khi con biết: 'Người này nên được duy trì bằng quà tặng', con duy trì (mối quan hệ với) người đó bằng quà tặng. (ii) Khi con biết: 'Người này nên được duy trì bằng lời nói thân ái', con duy trì người đó bằng lời nói thân ái. (iii) Khi con biết: 'Người này nên được duy trì bằng hành-vi thiện ích (từ thiện)', con duy trì người đó bằng hành vi thiện ích. (iv) Khi con biết: 'Người này nên được duy trì bằng sự vô tư (không thiên vị)', con duy trì người đó bằng sự vô tư. Thưa Thế Tôn, còn có sự giàu có trong gia đình con. Họ không nghĩ nên lắng nghe con nếu con nghèo khó."[297]

"Tốt, tốt, này Hatthaka! Đây là phương pháp nhờ đó chú có thể duy trì đoàn người lớn theo mình. Những ai trong quá-khứ đã duy trì được một đoàn lớn những người theo mình cũng đều làm theo 'bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp' như vậy. Những ai trong tương-lai sẽ duy trì được một đoàn lớn những người theo mình sẽ làm theo 'bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp' như vậy. Và những ai trong hiện-tại đang duy trì được một đoàn lớn những người theo mình cũng đang làm theo 'bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp' như vậy."

Rồi, sau khi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ ông Hatthaka ở xứ Āḷavī bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ông Hatthaka đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi về.

Rồi, không lâu sau khi ông Hatthaka ở xứ Āḷavī đã đi, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

"Này các Tỳ kheo, các thầy nên ghi nhớ Hatthaka ở xứ Āḷavī là người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Tám đó là gì? (1)

Người đó được phú cho niềm-tin. (2) Người đó là đức-hạnh (có giới-hạnh), và (3) có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (4) biết sợ-hãi về mặt đạo đức. (5) Người đó học-hiểu nhiều, (6) rộng lòng bố-thí, và (7) có trí. (8) Người đó có ít tham-muốn. Các thầy nên nhớ Hatthaka ở xứ Āḷavī là người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đó."

(AN 8:24)

122 Mahānāma

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Rồi ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người đệ tử tại gia?"

"Này Mahānāma, khi một người đã quy y theo Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, theo cách đó người đó là một đệ tử tại gia."

"Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia là đức-hạnh (có giới-hạnh)?"

"Này Mahānāma, một đệ tử tại gia kiêng cữ sự sát-sinh, sự gian-cắp, sự tà-dâm tà dục, lời nói-dối nói láo, và sự uống rượu nặng rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, theo cách đó một đệ tử tại gia là đức-hạnh."

"Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia tu tập vì phúc-lợi của mình nhưng không vì phúc-lợi của người khác?"

(1) "Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia tự mình thành tựu về niềm-tin (vào Tam Bảo) nhưng không khuyến khích những người khác thành tựu về niềm-tin; (2) khi người đó tự mình thành tựu về giới-hạnh nhưng không khuyến khích những người khác thành tựu về giới-hạnh; (3) khi người đó tự mình thành tựu về sự rộng lòng bố-thí nhưng không khuyến khích những người khác thành tựu về sự rộng lòng bố-thí; (4) khi người

đó tự mình muốn gặp gỡ các Tỳ kheo nhưng không khuyến khích những người khác gặp gỡ các Tỳ kheo; (5) khi người đó tự mình muốn nghe Giáo Pháp nhưng không khuyến khích những người khác nghe Giáo Pháp; (6) khi người đó tự mình lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã nghe được nhưng không khuyến khích những người khác lưu nhớ trong tâm những giáo lý họ đã nghe được; (7) khi người đó tự mình xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu nhớ trong tâm nhưng không khuyến khích những người khác làm vậy; (8) khi người đó tự mình đã hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp và thực hành đúng theo Giáo Pháp nhưng không khuyến khích những người khác làm vậy: này Mahānāma, chính theo cách này là một đệ tử tại gia đang thực hành vì phúc-lợi của mình, nhưng không vì phúc-lợi của người khác.

"Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia là đang thực hành vì phúc-lợi của mình và vì phúc-lợi của người khác?"

(1) "Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia tự mình thành tựu về niềm-tin (vào Tam Bảo) và cũng khuyến khích những người khác thành tựu về niềm-tin; (2) khi người đó tự mình thành tựu về giới-hạnh và cũng khuyến khích những người khác thành tựu về giới-hạnh; (3) khi người đó tự mình thành tựu về sự rộng lòng bố-thí và cũng khuyến khích những người khác thành tựu về sự rộng lòng bố-thí; (4) khi người đó tự mình muốn gặp gỡ các Tỳ kheo và cũng khuyến khích những người khác gặp gỡ các Tỳ kheo; (5) khi người đó tự mình muốn nghe Giáo Pháp và cũng khuyến khích những người khác nghe Giáo Pháp; (6) khi người đó tự mình lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã nghe được và cũng khuyến khích những người khác lưu nhớ trong tâm những giáo lý họ đã nghe được; (7) khi người đó tự mình xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu nhớ trong tâm và cũng khuyến khích những người khác làm vậy; (8) khi người đó tự mình đã hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp và thực hành đúng theo Giáo Pháp và cũng khuyến khích những người khác làm vậy: này Mahānāma, chính theo cách này là một đệ tử tại gia đang thực hành vì phúc-lợi của mình và vì phúc-lợi của người khác."

(AN 8:25)

123 Jīvaka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu vườn xoài của (lương y) Jīvaka. Lúc đó ông Jīvaka Komārabhacca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:[298]

"Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một đệ tử tại gia?"

[*Tiếp tục phần như kinh* ***8:25*** *kể trên, chỉ khác bây giờ người hỏi Phật là Jīvaka*.]

(AN 8:26)

124 Visākhā (1)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Lâu Đài của Migāramata [mẹ của Migāra], trong Khu Vườn Phía Đông. Lúc đó có Visākhā Migāramātā [Visākhā là mẹ của Migāra] (tức là nữ đại thí chủ Visākhā) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với cô ấy:

(I) "Này Visākhā, nếu trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần (tám giới kiêng; bát quan trai giới), thì dịp bố-tát [uposatha] sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường. Và theo cách nào dịp bố-tát được trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường?"

(1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện biết suy xét (quán chiếu) như vầy: '[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ sự sát-sinh*; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, họ sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi

cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, tôi cũng sống bi-mẫn với tất cả mọi chúng sinh. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.]' Đây là chi phần thứ nhất nó (dịp bố-tát) có được. (*không sát sinh*)

(2) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ sự gian-cắp*, chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cắp. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự gian-cắp; tôi chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cắp (gian lận, lừa gạt, manh mún, nhận hối lộ, nhận tiền mới giúp, tham nhũng …). Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.'] Đây là chi phần thứ hai nó (dịp bố-tát) có được. (*không gian cắp*)

(3) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ hành vi dâm-dục* và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly, kiêng cữ giao hợp, kiêng cữ mọi hành vi tính-dục của người phàm (mọi dạng chánh dâm, tà dâm, hay thủ dâm, thị dâm, ý dâm …). Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ hành vi tính-dục, và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly (ở riêng), kiêng cữ giao hợp, kiêng cữ mọi hành vi tính-dục của người phàm … Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.'] Đây là chi phần thứ ba nó (dịp bố-tát) có được. (*không dâm dục*)

(4) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ sự nói-dối, nói sai sự thật*; họ nói sự thật, giữ đúng sự thật; họ là những người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự nói-dối, nói sai sự thật; tôi chỉ nói sự thật, giữ đúng sự thật; tôi làm người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ tư nó (dịp bố-tát) có được. (*không nói dối*)

(5) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại*, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ năm nó (dịp bố-tát) có được. (*không rượu bia, thuốc lá, ma túy, chất gây hại gây nghiện …*)

(6) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán chỉ ăn một bữa một ngày, kiêng cữ sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ ăn một bữa một ngày, kiêng cữ sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ sáu nó (dịp bố-tát) có được. (*chỉ ăn một bữa ăn một ngày, ăn trước giờ ngọ, không ăn phi thời*)

(7) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán *kiêng cữ sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp*, và *kiêng cữ việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp*. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ kiêng cữ sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp, và kiêng cữ việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ bảy nó (dịp bố-tát) có được. (*không và không coi ca, múa, nhạc, kịch*; *không trang điểm, hóa trang, ăn diện, làm đẹp*)

(8) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cữ nằm ngồi trên giường ghế cao và sang*; họ nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ việc nằm trên giường cao và sang; tôi nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi

tuân thủ.] Đây là chi phần thứ tám nó (dịp bố-tát) có được. (*không nằm ngồi trên giường ghế cao sang sung sướng*)

"Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là sự trai giới bố-tát được tuân giữ toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường.

(II) "Nó mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao tới mức nào? Nó xán lạn và thấm nhập một cách khác thường tới mức nào? Ví dụ có người thực thi sự thống trị và vương quyền khắp mười sáu đại quốc chứa nhiều thứ thuộc hàng bảy báu, đó là [các nước của dân tộc] Aṅgan, Magadha (Ma-kiệt-đà), Kāsi, Kosala (Kiều-tất-la), Vajji (Bạt-kỳ), Malla, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcāla, Maccha, Sūrasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, và Kamboja: thì điều này cũng không bằng 1/16 sự trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần vừa mới nói ra. Vì lý do gì? Vì vương quyền ở cõi người nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(i) "Đối với những thiên thần cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương: 01 ngày đêm là tương đương với 50 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 500 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời tứ đại thiên vương. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(ii) "Đối với những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 100 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 1.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đao-lợi. So chiếu với điều này nên ta

mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iii) "Đối với những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 200 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 2.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Dạ-ma. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iv) "Đối với những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 400 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 4.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đâu-suất. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(v) "Đối với những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 800 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 8.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần vui thích sáng tạo. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(vi) "Đối với những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 1.600 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 16.000 năm cõi

trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời."[299]

Không sát-sinh; không gian-cắp;
Không nói-dối; không rượu, bia, hút, chích;
Kiêng cữ dâm-dục, cả chánh dâm, tà dâm;
Không ăn ban đêm, không ăn phi thời.
Không trang điểm, đeo vòng hoa, sức nước hoa, phấn sáp;
Ngủ trên giường thấp thường hay chiếu trải trên đất;
Đây được người ta gọi là ngày bố-tát tám trai giới
Được tuyên dạy bởi Đức Phật—bậc đã đạt tới sự diệt-khổ.

Khi nào mặt trời và mặt trăng còn quay chuyển,
Là còn chiếu sáng, và đó thật là tuyệt đẹp khi nhìn,
Là những thứ xua tan bóng tối, vẫn tuần hoàn trong vũ trụ,
Chúng chiếu sáng bầu trời, soi sáng khắp mọi phương.

Mọi của cải trong cõi giới này—
Từ trân châu, ngọc quý, và ngọc lưu ly,
Vàng sừng bò hay vàng núi,
Và vàng thiên nhiên được gọi là *haṭaka*—

Tất cả những thứ đó cũng không bằng một phần mười sáu,
So với sự giữ giới bố-tát (bát quan trai giới).
Giống như gom hết ánh sáng những vì sao (đang thấy),
Cũng không bằng sự phát sáng của mặt trăng.

Bởi vậy, những người nam hay nữ có giới-hạnh,
Do đã luôn tuân giữ đầy đủ tám giới của những ngày bố-tát,
Sẽ đi—một cách không còn gì đáng chê,
Và sau khi đã tu tạo những công đức tạo ra hạnh-phúc—

Sẽ đi lên một cõi trời (sau khi chết).

(AN 8:43)

125 Vāseṭṭha

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có đệ tử tại gia nam tên là Vāseṭṭha đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với chú ấy:

(I) "Này Vāseṭṭha, nếu trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần (tám giới kiêng; bát quan trai giới), thì dịp bố-tát [uposatha] sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường. Và theo cách nào dịp bố-tát được trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường?"

*[Tiếp tục phần còn lại giống hệt kinh **8:43** kế trên, gồm cả phần thi kệ.]*

Sau khi lời này được nói ra, đệ tử tại gia nam Vāseṭṭha đã thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, nếu những người thân yêu và gia đình của con mà trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) … những bà-la-môn (brahmin) … những người giai cấp nông-thương (vessa) … những người giai cấp bần-lao (sudra) mà trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần, thì việc đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ."

"Đúng vậy, này Vāseṭṭha, đúng như vậy! Nếu tất cả những người giai cấp chiến-sĩ … những bà-la-môn … những người giai cấp nông-thương … những người giai cấp bần-lao mà trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần, thì việc đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người

mà trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần, thì việc đó sẽ ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu của họ. Nếu những cây sa-la lớn này mà cũng trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần [nếu chúng có thể chọn],[300] thì việc đó cũng sẽ ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho chúng. Huống chi một người mà làm được vậy thì tốt lành nhiều tới mức nào!"

(AN 8:43)

126 Bojjhā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có đệ tử tại gia nữ tên là Bojjhā đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với cô ấy:

(I) "Này Bojjhā, nếu trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần (tám giới kiêng; bát quan trai giới), thì dịp bố-tát [uposatha] sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường. Và theo cách nào dịp bố-tát được trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường?"

[*Tiếp tục phần còn lại giống hệt kinh* ***8:43*** *kế trên, gồm cả phần thi kệ.*]

(AN 8:43)

127 Ngài A-nậu-lâu-đà

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Bấy giờ, vào lúc đó Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đã ra ngoài cả ngày để an trú qua ngày và ở tách-ly một mình, khi đó có một số thiên thần có thân hình khả ái đã đến gặp thầy ấy, họ kính lễ, và đứng sang một bên, và thưa với thầy ấy:[301]

"Thưa thầy A-nậu-lâu-đà, chúng tôi, những thiên thần có thân khả ái, làm chủ (tự chủ) và kiểm soát (tự tại) được ba điều. Muốn màu sắc nào chúng tôi lập tức có được. Muốn sự vui sướng nào chúng tôi lập có được. Và muốn giọng nói nào chúng tôi lập tức có được. Chúng tôi, những thiên thần làm chủ và kiểm soát được ba điều này."

Rồi thầy A-nậu-lâu-đà nghĩ: "Cầu cho tất cả thiên thần này biến thành màu xanh dương, có da xanh, với y phục xanh và trang sức xanh." Sau khi biết được ý nghĩ của thày A-nậu-lâu-đà, các thiên thần đó đều biến thành màu xanh dương, có da xanh, với y phục xanh và trang sức xanh. Rồi thầy A-nậu-lâu-đà nghĩ: "Cầu cho tất cả thiên thần này biến thành màu vàng … màu đỏ … màu trắng, có da trắng, với y phục trắng và trang sức trắng." Sau khi biết được ý nghĩ của thày A-nậu-lâu-đà, các thiên thần đó đều biến thành màu trắng, có da trắng, với y phục trắng và trang sức trắng.

Rồi một thiên thần đã hát, một múa, và một còn lại bún ngón tay. Giống như, khi một ban nhạc được luyện tập bài bản và nhịp chơi được phối hợp một cách hay khéo,[302] và ban nhạc gồm có những nhạc sĩ tài hoa, nhạc của ban thì tuyệt hay, khêu gợi, tình tứ, quyến rũ, và làm say sưa; sự biểu diễn của các thiên thần đó là tuyệt hay, khêu gợi, tình tứ, quyến rũ, và làm say sưa. Nhưng lúc đó thầy A-nậu-lâu-đà đã thu lui các giác-quan (các căn cảm-nhận; thu thúc lục căn). Rồi các thiên thần đó [do nghĩ]: "Thầy A-nậu-lâu-đà không thưởng thức [màn này]" nên họ biến mất ngay tại chỗ.[303]

Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy A-nậu-lâu-đà ra khỏi chỗ ẩn cư và đến gặp đức Thế Tôn. Thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, ở đây, lúc con đã ra ngoài cả ngày để an trú qua ngày và ở tách-ly một mình, khi đó có một số thiên thần có thân hình khả ái đã đến gặp … [*Thầy ấy kể lại toàn bộ chuyện đã xảy ra như trên*] … Rồi các thiên thần đó [do nghĩ]: "Thầy A-nậu-lâu-đà không thưởng thức [màn này]" nên họ biến mất ngay tại chỗ.

"Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu phẩm-chất một người nữ có được để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái như vậy?"

"Này A-nậu-lâu-đà, nếu người nữ có được tám phẩm-chất thì, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái. Tám đó là gì?[304]

(1) "Ở đây, này A-nậu-lâu-đà, đối với người chồng nào mà cha mẹ của một phụ nữ đã gả cho cô ấy—họ làm vậy vì mong muốn điều tốt đẹp cho cô ta, để tìm kiếm phúc lợi cho cô ta, đặt sự bi mẫn lên cô ấy, làm vì sự bi mẫn dành cho cô ấy—thì cô ấy thức dậy trước chồng và đi nghỉ sau chồng, đảm đương những việc cần được làm, hòa nhã trong hành-vi và khả ái trong lời-nói của mình.

(2) Cô ấy sẽ vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người mà chồng mình kính trọng—như cha mẹ chồng, các tu sĩ và bà-la-môn—và khi họ đến nhà cô ấy mời chỗ ngồi và nước uống.

(3) Cô ấy khéo léo và chú ý đến những công việc trong nhà của chồng, dù đó là việc đan thêu hay may vá; cô ấy có nhận định đúng đắn về những công việc để cô ấy làm và thu xếp một cách phù hợp.

(4) Cô ấy để ý đến những người giúp việc của nhà chồng—từ người hầu, người đưa tin, hay người làm công—để coi việc nào họ đã làm xong hay chưa làm; cô ấy tìm hiểu tình trạng sức khỏe của họ khi họ bị bệnh; và phân phát những phần thức ăn đúng mức cho họ.

(5) Cô ấy phòng hộ và bảo vệ những thu-nhập mà chồng mang về—dù đó là tiền, hay lúa gạo, hay vàng bạc—[305] và cô ấy không phải là một người tiêu phá, gian cắp, phá của, hay tiêu xài lãng phí những thứ chồng làm ra.

(6) "Cô ấy là một đệ tử tại gia nữ đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng.

(7) "Cô ấy là đức-hạnh (có giới hạnh), kiêng cữ (năm giới) sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật.

(8) "Cô ấy rộng lòng bố-thí, là người sống ở nhà với một cái tâm không bị ố nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng cho-đi, dang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự bố-thí và chia-sẻ.

"Này A-nậu-lâu-đà, một phụ nữ có được tám phẩm-chất này thì, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái."

Vợ thì không coi thường chồng,
Là người đã liên tục nuôi nấng mình,
Là người luôn nhiệt tình và hăng hái
Mang về cho vợ mọi thứ cô cần có.[306]
Người phụ nữ tốt cũng không mắng chửi chồng
Bằng những lời lẽ do ghen tỵ mà ra;[307]
Người phụ nữ khôn ngoan thì luôn thể hiện sự kính trọng,
Đối với những người mà chồng mình kính trọng.

Vợ thức dậy sớm, làm việc siêng năng,
Quản lý (những) người giúp việc trong nhà;
Vợ đối xử với chồng bằng những cách khả ái,
Và bảo vệ của cải chồng làm ra.
Người phụ nữ hoàn thành những bổn phận như vậy,
Theo ý chí và ước muốn của chồng,
Thì sẽ được tái sinh trong số những thiên thần
Được gọi là "những vị tiên khả ái".

(AN 8:46)

128 Cô Visākhā (2)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Lâu Đài của Migāramata [mẹ của Migāra], trong Khu Vườn Phía Đông. Lúc đó có Visākhā Migāramātā [Visākhā là mẹ của Migāra] (tức là nữ đại thí chủ Visākhā) đã đến gặp đức Thế Tôn … Rồi đức Thế Tôn mới nói với cô ấy:

"Này Visākhā, nếu người nữ có được tám phẩm-chất thì, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái. Tám đó là gì?

[*Tiếp tục phần còn lại giống như kinh* ***8:46*** *kế trên, gồm cả phần thi kệ.*]

#^ (AN 8:47)

129 Nakula

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Lúc đó có nữ gia chủ Nakulamātā [Mẹ của Nakula] đã đến gặp đức Thế Tôn … Đức Thế Tôn đã nói với cô ấy:

"Này Nakulamātā, nếu người nữ có được tám phẩm-chất thì, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái. Tám đó là gì?

[*Tiếp tục phần còn lại giống như kinh* ***8:46*** *kế trên, gồm cả phần thi kệ.*]

(AN 8:48)

130 Trong Đời Này (1) [308]

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Lâu Đài của Migāramata [mẹ của Migāra], trong Khu Vườn Phía Đông. Lúc đó có Visākhā Migāramātā [Visākhā là mẹ của Migāra] (tức là nữ đại thí chủ Visākhā) đã đến gặp đức Thế Tôn … Rồi đức Thế Tôn mới nói với cô ấy:

(I) "Này Visākhā, khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất thì cô ta đang hướng tới sự thắng-lợi trong đời này và cuộc sống của cô ấy trong cõi (thế gian) này là thành-công.[309] Bốn đó là gì?

"Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ có khả năng trong công việc; cô ta biết quản lý (những) người giúp việc trong nhà; cô ta biết cư xử theo cách khả ái đối với chồng mình; và cô ta biết bảo vệ những thứ (thu nhập) chồng mình làm ra.

(1) "Và theo cách nào là một phụ nữ có khả năng trong công việc? Ở đây, cô ta khéo tay và siêng năng đối với những công việc trong nhà của người chồng, dù là việc dệt len hay dệt vải; cô ta biết tìm hiểu những phương tiện thích hợp và có khả năng làm và thu xếp mọi thứ một cách hợp lý. Theo cách như vậy là một người phụ nữ có khả năng trong công việc của mình.

(2) "Và theo cách nào là một phụ nữ biết quản lý (những) người giúp việc trong nhà? Ở đây, này Visākhā, đối với những người giúp việc trong nhà chồng—người ở, người hầu, hoặc người làm—cô ta coi ngó trực tiếp để biết rõ những gì họ đã làm và chưa làm; cô ta biết rõ lúc họ bệnh đau hay khỏe mạnh; và cô ta phân chia những thức ăn cho họ một cách phù hợp. Theo cách như vậy là một người phụ nữ biết quản lý (những) người giúp việc trong nhà.

(3) "Và theo cách nào là một người phụ nữ biết cư xử một cách khả ái đối với chồng mình? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ không nên làm một việc xấu nào mà chồng mình cho là không chấp nhận được, ngay cả khi phải chết cô cũng không làm vậy. Theo cách như vậy là người phụ nữ cư xử một cách khả ái đối với chồng mình.

(4) "Và theo cách nào là một phụ nữ biết bảo vệ những thứ (thu nhập) chồng mình làm ra? Ở đây, này Visākhā, bất cứ thứ gì người chồng mang về—tiền, hay lúa gạo, bạc hay vàng—cô ta phải làm tốt việc bảo vệ và bảo toàn nó, và cô ta không phải là một người tiêu phá, gian cắp, phá của, hay tiêu xài lãng phí những thứ chồng làm ra. Theo

cách như vậy là một người phụ nữ bảo vệ những thứ chồng mình làm ra.

"Này Visākhā, khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất này thì cô ta đang hướng tới sự thắng-lợi trong đời này và cuộc sống của cô ấy trong cõi này là thành-công.

(II) "Khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất [khác] thì cô ta đang hướng sự thắng-lợi trong đời sau và cuộc sống của cô trong cõi sau sẽ thành-công. Bốn đó là gì?

"Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ thành tựu về niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự rộng lòng bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ.

(5) "Và theo cách nào là một người phụ nữ thành tựu về niềm-tin (tín)? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ là có niềm-tin, cô ta đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về niềm-tin.

(6) "Và theo cách nào là một phụ nữ thành tựu về giới-hạnh (giới)? Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về giới-hạnh.

(7) "Và theo cách nào là một người phụ nữ thành tựu về sự rộng lòng bố-thí (thí)? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ sống ở nhà với một cái tâm không bị ố nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, dang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-

thiện, vui thích sự bố-thí và chia-sẻ. Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về sự rộng lòng bố-thí.

(8) "Và theo cách nào một người phụ nữ thành tựu về trí-tuệ (tuệ)? Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ có được trí-tuệ để nhận biết sự khởi-sinh và biến-diệt (của mọi thứ), (trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.[310]

"Khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất này thì cô ta đang hướng sự thắng-lợi trong đời sau và cuộc sống của cô trong cõi sau sẽ thành-công."

Có khả năng làm được những công việc của mình,
Quản lý những người giúp việc trong nhà,
Vợi đối xử với chồng theo những cách khả ái,
Và bảo vệ của cải chồng làm ra.

Giàu về niềm-tin (tín), có được giới-hạnh (giới),
Từ-thiện và không có tánh keo-kiệt (thí),
Cô ấy thường xuyên thanh lọc đạo (của mình)
Dẫn tới sự an-toàn trong kiếp vị lai.

Người ta gọi một phụ nữ
Mà có được tám phẩm-chất này,
Có đức-hạnh, vững-vàng trong Giáo Pháp
Là một người nói lên sự-thật.

Đã thành-tựu về mười sáu phương-diện,[311]
Toàn-vẹn trong tám chi-phần (tám chi giới?),
Một nữ đệ tử tại gia đức-hạnh như vậy
Sẽ được tái sinh trong một cõi thiên thần khả ái.

(AN 8:49)

131 Trong Đời Này (2)

"Này các Tỳ kheo, khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất thì cô ta đang hướng tới sự thắng-lợi trong đời này và cuộc sống của cô ấy trong cõi (thế gian) này là thành-công. Bốn đó là gì?

[*Tiếp tục nội dung còn lại giống kinh* ***8:49*** *kế trên, gồm cả phần thi kệ.*]

(AN 8:50)

132 Kiều-Đàm-Di [312]

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.[313] Lúc đó có bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di [Mahāpajāpatī Gotamī]: là di mẫu (vừa là dì ruột và là mẹ kế) và bảo mẫu của Đức Phật) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, đứng qua một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu một phụ nữ có thể (được phép) từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai."[314]

"Đủ rồi, dì Kiều-đàm-di (Gotamī)! Đừng có ủng hộ những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai."

Lần thứ hai … Lần thứ ba bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu một phụ nữ có thể được từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai."

"Đủ rồi, dì Kiều-đàm-di! Đừng có ủng hộ những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai."[315]

Rồi bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di, do nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn không cho phép những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia

tu hành" nên đã khổ sở và buồn bã, khóc ràng rụa nước mắt trên mặt bà. Rồi bà đã kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải của mình, và ra về.

Sau khi đã ở lại Kapilavatthu một thời gian theo ý mình, đức Thế Tôn đã lên đường đi du hành tới Vesālī (Tỳ-xá-li). Sau khi đã du hành hết chuyến đi, cuối cùng đức Thế Tôn cũng đến Vesālī, ở đó đức Thế Tôn trú ở trong hội trường mái nhọn trong khu Rừng Lớn.

Rồi bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đã cạo tóc, khoát y màu vàng úa, rồi cùng với một số phụ nữ người Thích-Ca,[316] cũng lên đường đi tới Vesālī. Cuối cùng bà cũng đến được Vesālī và [đi đến] hội trường mái nhọn trong khu Rừng Lớn. Rồi, với hai bàn chân đã bị sưng phồng và thân thể đầy bụi đất, khổ sở và buồn bã, khóc ràng rụa nước mắt trên mặt bà, bà cứ đứng ở ngoài cổng. Ngài Ānanda nhìn thấy bà đứng đó trong cảnh đó, thầy đã nói với bà:

"Dì Kiều-đàm-di, sao dì cứ đứng ngoài cổng với hai bàn chân đã bị sưng phồng và thân thể đầy bụi đất, khổ sở và buồn bã, khóc ràng rụa nước mắt trên mặt như vậy?"

"Thầy Ānanda, con ra nông nỗi như vầy bởi vì đức Thế Tôn không cho phép những phụ nữ xuất gia tu hành."

"Thì ra là vậy, này dì Kiều-đàm-di, dì hãy chờ ngay đây [một chốc lát][317] để tôi thử đi thỉnh cầu đức Thế Tôn cho phép những phụ nữ xuất gia."

Rồi thầy Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, dì Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đang đứng ở ngoài cổng với hai bàn chân đã bị sưng phồng và thân thể đầy bụi đất, khổ sở và buồn bã, khóc ràng rụa nước mắt trên mặt, bởi vì đức Thế Tôn không cho phép những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai."

"Đủ rồi, này Ānanda! Đừng có ủng hộ những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai."

Lần thứ hai … Lần thứ ba thầy Ānanda thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu một phụ nữ có thể được từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai."

"Đủ rồi, này Ānanda! Đừng có ủng hộ những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai."

Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Ānanda: "Đức Thế Tôn đã không cho phép những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Vậy mình hãy thỉnh cầu theo cách khác để đức Thế Tôn cho phép phụ nữ xuất gia."

Rồi thầy Ānanda đã nói với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, nếu như một phụ nữ (được phép) từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, liệu có khả năng nào họ chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, thánh quả Nhất-lai, thánh quả Bất-lai, và thánh quả A-la-hán, hay không?"

"Điều đó là có thể, này Ānanda.

"Thưa Thế Tôn, nếu có khả năng là phụ nữ chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, thánh quả Nhất-lai, thánh quả Bất-lai, và thánh quả A-la-hán, [và sau khi xem xét rằng] dì Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đã rất giúp-ích đối với đức Thế Tôn—dì ấy đã từng là dì ruột, vú nuôi, và mẹ nuôi, là người đã nuôi dưỡng bậc ấy bằng chính sữa của mình sau khi mẹ ruột của bậc ấy qua đời—thì giờ sẽ tốt lành nếu những phụ nữ có thể đạt được sự từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai."

"Này Ānanda, nếu dì Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di chấp nhận được bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' (bát tôn quy),[318] thì hãy để chính đó là (gồm có trong?) sự thụ-giới toàn-bộ của dì ấy (đại thọ giới, cụ túc giới; để thành Tỳ kheo ni).[319]

(1) "Một Tỳ kheo ni đã thụ giới một trăm năm cũng phải kính lễ một Tỳ kheo mới thụ giới trong ngày, phải đứng dậy khi thấy Tỳ kheo đó, chào người đó một cách kính trọng, và cư xử một cách lễ phép đối với người đó. Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm.[320]

(2) "Một Tỳ kheo ni không được nhập kỳ an-cư mùa mưa (kiết hạ) ở những nơi có các Tỳ kheo.[321] Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm.

(3) "Mỗi nửa-tháng một Tỳ kheo ni phải thỉnh mời Tăng Đoàn về hai điều: về [ngày] bố-tát (uposatha), và về việc (Tỳ kheo) đến để khởi xướng (chỉ dạy, giáo giới; tức là Tăng đoàn cử Tỳ kheo đến để giảng dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo ni).[322] Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm.

(4) "Một Tỳ kheo ni sau khi đã tuân thủ xong kỳ an-cư mùa mưa, ni đó phải làm lễ-mời (lễ tự tứ) (để tu chỉnh tội hay lỗi của mình) trước mặt cả Tăng đoàn và Ni Đoàn đối với ba điều: đối với điều đã được thấy, đã được nghe, hay đã được nghi ngờ.[323] Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm.

(5) "Một Tỳ kheo ni đã vi phạm một tội nặng phải tuân thủ hình phạt nửa-tháng trước mặt cả Tăng Đoàn và Ni Đoàn.[324] Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm.

(6) "Một nữ tu tập sự đã hoàn thành hai năm tu tập trong sáu quy-tắc thì phải xin cả Tăng Đoàn và Ni Đoàn cho thụ toàn-bộ giới (đại thọ giới, cụ túc giới, để thành Tỳ kheo ni).[325] Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm.

(7) "Một Tỳ kheo ni bằng mọi giá không được sỉ nhục hay chửi mắng một Tỳ kheo. Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm.

(8) "Từ hôm nay, này Ānanda, những Tỳ kheo ni bị cấm (không được) khiển trách các Tỳ kheo, nhưng các Tỳ kheo thì không bị cấm (được) khiển trách các Tỳ kheo ni. Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm.

"Này Ānanda, nếu dì Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di chấp nhận được bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' này, thì hãy để chính đó là sự thụ-giới toàn-bộ của dì ấy."[326]

Rồi thầy Ānanda, sau khi đã học bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' này từ đức Thế Tôn, đã ra gặp bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di, và nói với bà ấy:

"Này dì Kiều-đàm-di, nếu dì chấp nhận bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng', thì chính nó là sự thụ-giới toàn-bộ của dì, đó là:

(1) "Một Tỳ kheo ni đã thụ giới một trăm năm cũng phải kính lễ một Tỳ kheo mới thụ giới trong ngày … [*lặp lại toàn bộ tám quy-tắc từ (1)-(8) mà Phật mới nói ra*] … Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm."

"Này dì Kiều-đàm-di, nếu dì chấp nhận bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng', thì chính nó là sự thụ-giới toàn-bộ của dì."

"Thưa thầy Ānanda, nếu một người nữ hay nam—trẻ tuổi, trẻ trung, và mang đầy trang sức, với đầu được sức dầu—mà đạt được một vòng hoa được làm từ hoa sen, hoa lài, hay hoa huệ,[327] thì người đó sẽ chấp nhận nó bằng cả hai tay và đội nó trên đầu mình. Như cách (trang trọng) đó, con chấp nhận bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' này suốt đời không vi phạm."

Rồi thầy Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa lại:

"Thưa Thế Tôn, dì Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đã chấp nhận 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' là những điều suốt đời không được vi phạm."

"Này Ānanda, nếu những phụ nữ không đạt được sự từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, thì đời sống tâm linh sẽ trường tồn rất lâu; thiện Giáo Pháp sẽ đứng vững thậm chí một ngàn năm. Tuy nhiên, này Ānanda, do những phụ nữ đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, nên giờ đời sống tâm linh sẽ không trường tồn được lâu dài; thiện Pháp chỉ kéo dài được năm trăm năm.[328]

"Này Ānanda, giống như những kẻ trộm cướp đang rình mò[329] sẽ dễ dàng tấn công những gia đình có ít nam nhiều nữ; trong Giáo Pháp và giới luật nào những phụ nữ đạt được sự từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì đời sống tâm linh đó không trường tồn được lâu dài.

"Này Ānanda, giống như một ruộng lúa nương đã chín, nếu bệnh trắng lá tấn công nó,[330] thì ruộng lúa nương đó không trụ được lâu; trong Giáo Pháp và giới luật nào những phụ nữ đạt được sự từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì đời sống tâm linh đó không trường tồn được lâu dài.

"Này Ānanda, giống như một ruộng mía đã chín, nếu bệnh rỉ sét tấn công nó,[331] thì ruộng mía đó không trụ được lâu; trong Giáo Pháp và giới luật nào những phụ nữ đạt được sự từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì đời sống tâm linh đó không trường tồn được lâu dài.

"Này Ānanda, giống như một người xây một con đê bao xung quanh một hồ trữ nước lớn như một sự phòng ngừa nước thoát chảy ra ngoài; như một sự phòng ngừa, ta đã quy định đối với những Tỳ kheo ni 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' này là những điều suốt đời không được vi phạm."[332]

^ (AN 8:51)

133 Một Cách Tóm Gọn [333]

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn trong khu Rừng Lớn. Lúc đó bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di [Mahāpajāpatī Gotamī] đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, lui về, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập)."

"Này ni Kiều-đàm-di, những điều nào ni có thể biết: 'Những điều này: dẫn tới (1) sự mê-đắm, không phải sự không còn mê-đắm (tỉnh ngộ), (2) dẫn tới sự trói-buộc, không phải sự tách-lìa; (3) dẫn tới sự xây-đắp, không phải sự phá-bỏ; (4) dẫn tới những tham-muốn mạnh (đa dục), không phải sự ít tham-muốn (thiểu dục); (5) dẫn tới sự không biết hài-lòng (bất tri túc), không phải sự biết hài-lòng (tri túc, thanh bần); (6) dẫn tới sự gặp-gỡ giao lưu, không phải sự ở một-mình (độc cư); (7) dẫn tới sự lười-biếng, không phải sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn); (8) dẫn tới sự khó được ủng-hộ, không phải sự dễ được ủng-hộ', thì ni dứt khoát nhận định rằng: 'Đây không phải Giáo Pháp; đây không phải giới luật; đây không phải giáo lý của Vị Thầy (Phật).' Nhưng, này ni Kiều-đàm-di, những điều nào ni có thể biết: 'Những điều này: (1) dẫn tới sự không-còn mê đắm, không phải sự mê-đắm, (2) dẫn tới sự tách-lìa, không phải sự trói-buộc; (3) dẫn tới sự phá-bỏ, không phải sự xây-đắp; (4) dẫn tới sự ít tham-muốn, không phải những tham-muốn mạnh; (5) dẫn tới sự biết hài-lòng, không phải sự không biết hài-lòng; (6) dẫn tới sự ở một-mình, không phải sự gặp-gỡ giao lưu; (7) dẫn tới sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), không phải sự lười-biếng; (8) dẫn tới sự dễ được ủng-hộ, không phải sự khó được ủng-hộ', thì ni dứt khoát nhận định rằng: 'Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo lý của Vị Thầy.'"

^ (AN 8:53)

134 Dīghajāṇu (*chân cọp dài*)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những xứ dân Koliya (Câu-lợi) trong một thị trấn của họ tên là thị trấn Kakkarapatta. Rồi một người họ tộc tên Dīghajānu (Chân Cọp Dài) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống như vậy, ông ta thưa với đức Thế Tôn như vầy:

"Thưa Thế Tôn, chúng con là những người tại gia đang thụ hưởng những dục-lạc (khoái-lạc giác quan), đang sống ở nhà với đầy con cháu. Chúng con dùng gỗ đàn hương tốt từ Kāsi; chúng con đeo vòng hoa, dùng dầu thơm (nước hoa) và phấn sáp (kem, chất cao); chúng con nhận dùng vàng bạc. Mong Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con Giáo Pháp để dẫn đến ích lợi và hạnh phúc ngay trong kiếp này và trong những kiếp sau."

(I) "Này ông Byagghapajja,[334] có bốn điều dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của một người họ tộc ngay trong kiếp này. Bốn là gì? Có đầy đủ sự tháo-vát, có đầy đủ sự cẩn-trọng, có bạn-tốt, và có đời sống cân-bằng. (*thuộc đời sống thế tục*)

(1) "Và cái gì là sự có đầy đủ sự tháo-vát? Ở đây, này ông Byagghapajja, dù nghề nghiệp gì người tại gia đang làm—làm nông, buôn bán, chăn nuôi gia súc, săn bắn, làm công sở hoặc bất cứ nghề gì—thì ở đó người đó cần phải có kỹ năng và siêng năng; tìm hiểu rõ cách làm và công cụ nghề nghiệp; có khả năng thực hiện và thu xếp công việc một cách hợp lý. Đây được gọi là sự có đầy đủ sự tháo-vát.

(2) "Và cái gì là sự có đầy đủ sự cẩn-trọng? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người họ tộc nên thiết lập sự bảo vệ và phòng hộ tài sản do mình đã làm ra bằng sự tháo-vát và nỗ-lực, được tích cóp bằng công sức của tay mình, kiếm được bằng mồ hôi của mình, là tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đó luôn biết nghĩ: 'Làm cách nào tôi bảo vệ tài sản không bị cướp bóc hay bị vua chúa tịch thu, không bị hỏa hoạn cháy mất, không bị lũ lụt cuốn mất, và

không bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt?' Đây được gọi là sự có đầy đủ sự cẩn-trọng.

(3) "Và cái gì là sự có bạn-tốt? Ở đây, này ông Byagghapajja, trong làng hay phố thị nào một người họ tộc sống, người đó nên biết giao lưu với những gia chủ [hay con trai của họ], dù trẻ mà có đức-hạnh hay già và có đức-hạnh, là những người thành tựu (có đầy đủ) về niềm-tin, giới-hạnh, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ; người đó nói chuyện với họ và tham gia thảo luận với họ. Người đó thi đua với họ để thành tựu bằng họ về mức độ niềm-tin, giới-hạnh, sự bố-thí, và trí-tuệ. Đây được gọi là sự có bạn-tốt.

(4) "Và cái gì là sự có đời sống cân-bằng? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người họ tộc nên biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, làm sao để cho mức thu nhập luôn nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại. Ví dụ một người thợ bạc [hay người phụ việc của ông ta] khi cầm cân lên, biết rõ: 'Bớt bao nhiêu thì cần cân nghiêng xuống, thêm bao nhiêu thì cần cân nhỏng lên'. Cũng giống như vậy, một người họ tộc cũng biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, làm sao để cho mức thu nhập luôn nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại.

"Nếu người họ tộc này có thu nhập ít mà sống một cách xa xỉ, những người khác sẽ nói về ông: 'Ông họ tộc này chắc ăn của cải như ăn trái sung.'[335] Nhưng nếu ông có thu nhập nhiều nhưng sống một cách hà tiện, những người khác sẽ nói về ông: "Họ tộc này chắc bỏ đói cả chính mình luôn.'[336] Nhưng đời sống được gọi là cân bằng khi một người họ tộc biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, và [biết]: 'Theo cách này mức thu nhập của mình sẽ nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại.'

(a) "Tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa làm tiêu tán, đó là: trai gái, rượu chè, cờ bạc, và có bạn xấu. Giống như một cái hồ trữ nước lớn có bốn cửa chảy vô và bốn cửa chảy ra, nếu một người đóng các cửa vô và mở các cửa ra, và không có lượng nước mưa nào thêm vào, thì nước sẽ càng lúc càng hao hụt chứ không tăng lên; cũng giống như vậy, tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa làm tiêu tán, đó là: trai gái; rượu chè; cờ bạc; và bạn xấu.

(b) "Tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa tích lũy thêm, đó là: tránh bỏ trai gái, rượu chè, cờ bạc, và bạn xấu. Giống như một cái hồ trữ nước lớn có bốn cửa chảy vô và bốn cửa chảy ra, nếu một người đóng các cửa ra và mở các cửa vô, và có thêm lượng nước mưa vào, thì nước sẽ càng lúc càng tăng lên chứ không hao hụt; cũng giống như vậy, tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa tích lũy thêm, đó là: tránh bỏ trai gái, rượu chè, cờ bạc, và có bạn tốt. Đây được gọi là sự có đời sống cân-bằng.

"Đây là bốn điều dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người tại gia ngay trong kiếp này.

(II) "Rồi, này ông Byagghapajja, có bốn điều [khác] dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người tại gia trong những kiếp sau. Bốn đó là gì? Thành tựu về niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự rộng lòng bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. (*thuộc đời sống tâm linh*)

(5) "Và cái gì là thành tựu về niềm-tin? Ở đây, một người họ tộc có niềm-tin; người đó đặt niềm tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Đây được gọi là thành tựu về niềm-tin.

(6) "Và cái gì là thành tựu giới-hạnh? Ở đây, một người họ tộc sống kiêng cữ sự sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là thành tựu về giới-hạnh.

(7) "Và cái gì là thành tựu về sự rộng lòng bố-thí? Ở đây, một người họ tộc sống ở nhà với một cái tâm không bị ố nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, dang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự bố-thí và chia-sẻ. Đây được gọi là thành tựu về sự rộng lòng bố-thí.

(8) "Và cái gì là thành tựu về trí-tuệ? Ở đây, một người họ tộc có được trí-tuệ để nhận biết sự khởi-sinh và biến-diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây được gọi là thành tựu về trí-tuệ.

"Đây là bốn điều [khác] dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của một người họ tộc trong những kiếp sau."

Tháo vát trong nghề nghiệp,
Chú trọng trong mọi sự thu xếp,
Cân bằng trong lối sống,
Người đó bảo vệ tài sản mình đã làm ra.

Được phú cho niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh,
Từ thiện và tránh bỏ tính keo kiệt,
Người đó đều đặn thanh lọc con đường đạo,
Dẫn tới sự an-toàn trong những kiếp sau.

Như vậy tám phẩm chất này
Của một người thành tín tìm kiếm đời sống tại gia
Đã được nói ra bởi bậc hữu danh hữu thực (tức Phật)[337]
Để dẫn tới sự hạnh-phúc cho cả hai trạng thái:
Dẫn tới sự tốt lành và phúc lợi ngay trong kiếp này
Và sự hạnh phúc trong những kiếp sau.

Như vậy đối với những ai sống tại gia,
Sự rộng lòng bố-thí và phước-đức của họ gia tăng.

(AN 8:54)

135 Bà-la-môn Ujjaya

Lúc đó có bà-la-môn tên là Ujjaya đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ấy ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, tôi muốn đi ra nước ngoài. Mong Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp về những điều dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của tôi ngay trong kiếp này và trong những kiếp sau."

[*Tiếp tục giống y nội dung kinh **8:54** kế trên, gồm cả phần thi kệ, chỉ khác là kinh này người hỏi và nghe là ông bà-la-môn.*]

(AN 8:55)

136 Thiếu Niềm Tin

"Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có tám phẩm-chất, thì những đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố thiếu niềm-tin vào thầy đó.[338] Tám đó là gì? (1) Thầy đó cố cản trở những người tại gia có được lợi ích; (2) thầy đó gây sự nguy hại cho những người tại gia; (3) thầy đó xúc phạm và chê chửi những người tại gia; (4) thầy đó gây chia rẽ những người tại gia; (5) thầy đó nói lời chê bai Phật; (6) thầy đó nói lời chê bai Giáo Pháp; (7) thầy đó nói lời chê bai Tăng Đoàn; (8) họ nhìn thấy thầy đó ở chỗ nơi không đúng đắn [không hợp pháp đối với một tăng sĩ].[339] Khi một Tỳ kheo có tám phẩm-chất đó, thì những người đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố thiếu niềm-tin vào thầy đó.

"Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được tám phẩm-chất, thì những người đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố niềm-tin vào thầy đó. Tám đó là gì? (1) Thầy đó không cản trở những người tại gia có được lợi ích; (2) thầy đó không gây sự nguy hại cho những người tại gia; (3) thầy đó không xúc phạm và chê chửi những người tại gia; (4) thầy đó không gây chia rẽ giữa những người tại gia; (5) thầy đó nói lời đề cao Phật; (6) thầy đó nói lời đề cao Giáo Pháp; (7) thầy đó nói lời đề cao Tăng Đoàn; (8) họ nhìn thấy thầy đó ở chỗ nơi đúng đắn [phù hợp với một tăng sĩ]. Khi một Tỳ kheo có được tám phẩm-chất đó, thì những người đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố niềm-tin vào thầy đó.

 # (AN 8:88)

(VIII) Quyển "CHÍN":

137 Bà-la-môn Velāma

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

"Này gia chủ, có phải thức-ăn khất thực đang được bố thí trong nhà của chú?"

"Thưa Thế Tôn, thức-ăn đang được bố thí trong nhà của con, nhưng trong đó chỉ có cơm gạo nát với cháo gạo."[340]

(I) "Này gia chủ, nếu một người bố thí thức ăn, dù ngon hay dở, và người đó bố thí một cách không tôn trọng, bố thí một cách không cẩn trọng, không tự tay mình bố thí, bố thí thứ đã bỏ đi, bố thí mà không có cái-nhìn (nghĩ) về những hậu quả tương lai,[341] thì khi nào (nghiệp) quả của sự bố thí đó được sản sinh cho người đó, tâm người đó sẽ không khuynh hướng hưởng thụ được thức ăn cao sang, không khuynh hướng hưởng thụ

được quần áo cao sang, không khuynh hướng hưởng thụ được xe cộ cao sang, không có khuynh hướng hưởng thụ được thứ gì cao sang thuộc năm đối-tượng khoái-lạc giác quan (dục lạc). Cũng vậy, các con và các vợ của người đó, và các nô lệ, người hầu, và người làm của người đó, đều không muốn nghe lời người đó, không lóng tai lắng nghe, và không thèm vận dụng tâm trí của họ để hiểu. Vì lý do gì? Đơn giản đây là hậu quả của những hành-động (nghiệp) đã làm một cách không tôn trọng.

(II) "Này gia chủ, nếu một người bố thí thức ăn, dù ngon hay dở, và người đó bố thí một cách tôn trọng, bố thí một cách cẩn trọng, tự tay mình bố thí, bố thí không phải thứ đã bỏ đi, bố thí với cái-nhìn (nghĩ) về những hậu quả tương lai, thì khi nào (nghiệp) quả của sự bố thí đó được sản sinh cho người đó, tâm người đó sẽ khuynh hướng hưởng thụ được thức ăn cao sang, khuynh hướng hưởng thụ được quần áo cao sang, khuynh hướng hưởng thụ được xe cộ cao sang, khuynh hướng hưởng thụ được bất cứ thứ gì cao sang thuộc năm đối-tượng khoái-lạc giác quan. Cũng vậy, các con và các vợ của người đó, và các nô lệ, người hầu, và người làm của người đó, đều muốn nghe lời người đó, lóng tai lắng nghe, và vận dụng tâm trí của họ để hiểu. Vì lý do gì? Đơn giản đây là hậu quả của những hành-động (nghiệp) đã làm một cách tôn trọng.

"Này gia chủ, trong quá khứ có một bà-la-môn tên là Velāma. Ông ta bố thí rất nhiều đồ cúng dường như vầy:[342] (1) 84.000 chén vàng đựng đầy bạc; (2) 84.000 chén bạc đựng đầy vàng; (3) 84.000 chén đồng đựng đầy vàng thỏi; (4) 84.000 voi với những đồ trăng trí bằng vàng, cờ xí bằng vàng, được phủ trên mình bằng lưới sợi vàng (kim tuyến); (5) 84.000 xe ngựa với đồ nội thất được làm từ da sư tử, da cọp, da báo, và những tấm phủ được nhuộm màu nghệ tươi, với những thứ trang trí bằng vàng, cờ xí bằng vàng, được phủ bởi lưới sợi vàng; (6) 84.000 con bò sữa với những dây thừng bằng sợi gai[343] và những thùng (đựng sữa) bằng đồng;[344] (7) 84.000 người hầu có trang sức bông tai bằng châu báu; (8) 84.000 trường kỷ được trải bằng thảm, có chăn mền, và tấm phủ, có tấm phủ làm từ da linh dương, có mái che ở trên và có hai gối đỏ đặt ở hai đầu; (9) 84.000

koṭi[345] vải được dệt từ lanh mịn, lụa mịn, len mịn, và bông vải mịn. Còn bao nhiêu là thức ăn, thức uống, thức ăn nhẹ, bữa ăn chính, đồ ăn chơi (giải khoay) và đồ uống giải khát?[346] Nó (món quà to lớn đó) dường như chảy như những dòng sông vậy.

(III) "Này gia chủ, chú có thể nghĩ: 'Bà-la-môn Velāma, người đã bố thí những thứ cúng dường lớn vào lúc đó, là một ai khác.' Nhưng chú không nên nhìn nhận theo cách như vậy. Chính ta là bà-la-môn Velāma, người đã bố thí những thứ cúng dường lớn lao vào lúc đó.

"Bây giờ, này gia chủ, vào lúc cúng dường những thứ lớn lao đó không có một ai xứng-đáng với những thứ cúng dường, không ai để thanh lọc (làm thanh tịnh) sự cúng dường. (i) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí to lớn tới đâu, cũng không phước quả bằng sự bố thí (thứ gì) cho một người đã thành tựu về chánh-kiến (hàm nghĩa là bậc Nhập-lưu). (ii) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí cho 100 người thành tựu về chánh-kiến, cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một bậc Nhất-lai. (iii) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí cho 100 bậc Nhất-lai, cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một bậc Bất-lai. (iv) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí cho 100 bậc Bất-lai, cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một bậc A-la-hán. (v) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí cho 100 bậc A-la-hán, cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một vị Phật Duyên Giác (paccekabuddha). (vi) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí cho 100 vị Phật Duyên Giác, cũng không phước quả bằng sự bố thí cho Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (vii) Dù bà-la-môn Velāma có bố thí to lớn tới đâu, cũng không phước quả bằng sự bố thí thức-ăn cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn dắt bởi Vị Phật … (viii) cũng không phước quả bằng xây một chỗ trú-ở dành cho Tăng Đoàn khắp bốn phương (đến trú, ghé ở) … (ix) cũng không phước quả bằng một người với cái tâm có sự tự-tin để quy y nương tựa theo Phật, Pháp, Tăng … (x) cũng không phước quả bằng một người với cái tâm có sự tự-tin để nhận lãnh năm giới-luật tu hành: kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống

lơ-tâm phóng dật … (xi) cũng không phước quả bằng sự tu tập một tâm-từ [một cái tâm từ-ái] trong một thời gian thậm chí bằng một cái kéo núm vú con bò (để vắt sữa).

"Này gia chủ, cho dù bà-la-môn Velāma có bố thí to lớn tới đâu (i) cũng không phước quả bằng sự bố thí (thứ gì) cho một người đã thành tựu về chánh-kiến; (ii) cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một bậc Nhất-lai; (iii) cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một bậc Bất-lai; (iv) cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một bậc A-la-hán; (v) cũng không phước quả bằng sự bố thí cho một vị Phật Duyên Giác; (vi) cũng không phước quả bằng sự bố thí cho Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác; (vii) cũng không phước quả bằng sự bố thí thức-ăn cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn dắt bởi Phật; (viii) cũng không phước quả bằng xây một chỗ trú-ở dành cho Tăng Đoàn khắp bốn phương (đến trú, ghé ở); (ix) cũng không phước quả bằng một người với cái tâm có sự tự-tin để quy y nương tựa theo Phật, Pháp, Tăng; (x) cũng không phước quả bằng một người với cái tâm có sự tự-tin để nhận lãnh năm giới-luật tu hành: kiêng cữ sát-sinh … là căn cơ của đời sống lơ-tâm phóng dật; (xi) cũng không phước quả bằng sự tu tập một tâm-từ trong một thời gian thậm chí bằng một cái kéo núm vú con bò (để vắt sữa); (xii) cũng không phước quả bằng sự tu tập sự nhận-thức về sự vô-thường trong một thời gian bằng cái búng ngón tay."[347]

(AN 9:20)

138 Sự Thù Oán

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

"Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện đã loại bỏ năm hiểm-họa và sự thù-oán, và có được 'bốn yếu-tố (của sự/ cần có để) Nhập-lưu', thì người đó, nếu muốn, có thể tuyên bố về mình rằng: 'Tôi đã hết bị địa

ngục, cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ đày đọa; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, hết bị nơi-đến xấu dữ, hết bị cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] trong cõi dưới, đã định xong vận-mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.'[348]

(I) "Cái gì là năm hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ? (1) Này gia chủ, một người sát-sinh, với sự sát-sinh là điều-kiện (duyên), tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp sau[349] và người đó cũng trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Một người kiêng cữ sát-sinh thì không tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp này, và hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy đối với người kiêng cữ sát-sinh, hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ.

(2) "Một người gian-cắp … (3) Một người có tà-dâm tà dục … (4) Một người nói-dối nói láo … (5) Một người uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ-tâm phóng dật, với những (hành vi) đó là điều-kiện (duyên), tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp sau và người đó cũng trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Một người kiêng cữ gian-cắp … kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và những chất độc hại … thì không tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp này, và hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy đối với người kiêng cữ những (hành vi) đó, thì hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ.

"Đây là năm hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ.

(II) "Và cái gì là bốn yếu-tố Nhập-lưu mà người đó đã có được?

(6) Ở đây, này gia chủ, người người đệ tử thánh thiện đã có được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những)

thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.'

(7) "Người đó có được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.' Có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.'

(8) "Người đó có được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: 'Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức chân thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của Đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).'

(9) "Người đó có được những giới-hạnh (tức năm giới) mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.

"Đây là bốn yếu-tố Nhập-lưu mà người đó có được.

"Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện đã loại bỏ 'năm hiểm-họa và sự thù-oán', và có được 'bốn yếu-tố Nhập-lưu', thì người đó, nếu muốn, có thể tuyên bố về mình rằng: 'Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ đày đọa; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, hết bị nơi-đến xấu dữ, hết bị cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] trong cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.'"

(AN 9:27)

139 Những Bà-la-môn

Lúc đó có hai bà-la-môn là những nhà vũ trụ luận[350] đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và một người nói với đức Thế Tôn:

"Thưa Thầy Cồ-đàm, ông Pūraṇa Kassapa tuyên bố là biết tất-cả và thấy tất-cả và có được sự-biết và sự-thấy bao trùm tất-cả như vầy: 'Dù khi ta đang đi, đang đứng, đang ngủ, hay đang thức, sự-biết và sự-thấy là thường trực và liên tục có mặt đối với ta.' Ông ta nói như vầy: 'Với sự-biết vô hạn, ta sống biết và thấy thế giới là vô hạn.' Nhưng Ni-kiền-tử Nātaputta cũng tuyên bố: … (*y hệt như vậy; trừ câu cuối cùng là:*) … Với sự-biết vô hạn, ta sống biết và thấy thế giới là hữu hạn.'[351] Khi hai người đó tuyên bố sự-biết, họ đã nói mâu thuẫn với nhau, vậy ai là người nói đúng và ai là người nói sai?"

"Đủ rồi, này các bà-la-môn, cứ để nguyên cái câu hỏi đó vậy. Ta sẽ dạy cho các chú Giáo Pháp. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.

"Dạ, thưa thầy", các bà-la-môn đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

"Này các bà-la-môn, ví dụ có bốn người đứng ở bốn hướng có sự chuyển động tối cao[352] và tốc độ tối cao và sải bước chân tối cao. Tốc độ của họ như một mũi tên nhẹ được bắn bởi một cung thủ dùng loại cung cứng lớn—đã được thao luyện, thiện thạo, và đầy kinh nghiệm[353]—bắn xuyên qua bóng một cây bối đa [palmyra]. Sải chân của họ có thể bước từ bờ đông đại dương sang bờ tây. Rồi người đứng ở hướng đông nói như vầy: 'Tôi sẽ đến được chỗ kết thúc của thế giới (chỗ tận cùng của thế giới) nhờ sự du hành.' Rồi nhờ có tuổi thọ 100 năm, sống được 100 năm, người đó đã du hành suốt 100 năm không dừng lại, trừ những lúc ăn, uống, nhai, và nếm, đại tiện, và tiểu tiện, và ngủ để xua tan sự mệt mỏi; nhưng người đó sẽ qua đời dọc đường mà vẫn chưa tới được chỗ kết-thúc thế giới.[354] Rồi người đứng ở hướng tây nói như vầy … Rồi người đứng ở hướng bắc nói như vầy … Rồi người đứng ở hướng nam nói như vầy: 'Tôi sẽ đến được chỗ kết thúc của thế giới (chỗ tận cùng của thế giới) nhờ sự du

hành.' Rồi nhờ có tuổi thọ 100 năm, sống được 100 năm, người đó đã du hành suốt 100 năm không dừng lại, trừ những lúc ăn, uống, nhai, và nếm, đại tiện, và tiểu tiện, và ngủ để xua tan sự mệt mỏi; nhưng người đó sẽ qua đời dọc đường mà vẫn chưa tới được chỗ kết-thúc thế giới. Vì lý do gì? Này các bà-la-môn, ta nói, bằng kiểu chạy này,[355] người đó không thể biết, nhìn thấy, hay tới được chỗ kết-thúc thế giới đó. Và ta nói rằng, nếu không tới được (đạt tới) chỗ kết-thúc thế giới thì không tới (làm) được sự chấm-dứt sự khổ.

"Này các bà-la-môn, năm đối-tượng của khoái-lạc giác quan (dục lạc) này được gọi là 'thế giới' theo Giới Luật của Thánh Nhân. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Năm đối-tượng khoái-lạc giác quan này được gọi là 'thế giới' theo Giới Luật của Thánh Nhân.

(1) "Ở đây, này các bà-la-môn, một Tỳ kheo: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền).' Đây được gọi là một Tỳ kheo là người, sau khi đã đến được chỗ kết-thúc thế giới, sẽ an trú ở chỗ kết-thúc thế giới. Người ta nói về vị đó như vầy: 'Người đó cũng còn ở-trong thế giới; người đó cũng chưa thoát khỏi thế giới.' Ta cũng nói như vậy: 'Người đó cũng còn ở-trong thế giới; người đó cũng chưa thoát khỏi thế giới.'

(2)–(4) "Lại nữa, một Tỳ kheo: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).' Đây được gọi là một Tỳ kheo là người, sau khi đã đến được chỗ kết-thúc thế giới, sẽ an trú ở chỗ kết-thúc thế giới. Người ta nói về vị đó như vầy: 'Người đó cũng còn ở-trong thế giới; người đó cũng

chưa thoát khỏi thế giới.' Ta cũng nói như vậy: 'Người đó cũng còn ở-trong thế giới; người đó cũng chưa thoát khỏi thế giới.'

(5) "Lại nữa, một Tỳ kheo: 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', người đó chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].' Đây được gọi là một Tỳ kheo là người, sau khi đã đến được chỗ kết-thúc thế giới, sẽ an trú ở chỗ kết-thúc thế giới. Người ta nói về vị đó như vầy: 'Người đó cũng còn ở-trong thế giới; người đó cũng chưa thoát khỏi thế giới.' Ta cũng nói như vậy: 'Người đó cũng còn ở-trong thế giới; người đó cũng chưa thoát khỏi thế giới.'

(6)–(8) "Lại nữa, một Tỳ kheo: (6) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', người đó chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].' … (7) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không-có-gì', người đó chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].' … (8) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, người đó chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].' Đây được gọi là một Tỳ kheo là người, sau khi đã đến được chỗ kết-thúc thế giới, sẽ an trú ở chỗ kết-thúc thế giới. Người ta nói về vị đó như vầy: 'Người đó cũng còn ở-trong thế giới; người đó cũng chưa thoát khỏi thế giới.' Ta cũng nói như vậy: 'Người đó cũng còn ở-trong thế giới; người đó cũng chưa thoát khỏi thế giới.'

(9) "Lại nữa, một Tỳ kheo: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].' và sau khi nhìn thấy bằng trí-tuệ, những ô-nhiễm (lậu hoặc) của người đó hoàn toàn bị tiêu diệt. Đây được gọi là một Tỳ kheo là người, sau khi đã đến được chỗ kết-

thúc thế giới, sẽ an trú ở chỗ kết-thúc thế giới, là người đã vượt khỏi sự dính-buộc với thế giới."

(AN 9:27)

140 Tapussa

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Malla gần một thị trấn của họ có tên là Uruvelakappa.[356] Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thị trấn Uruvelakappa để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thị trấn Uruvelakappa, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã nói với Ngài Ānanda:

"Này Ānanda, thầy cứ ở ngay đây trong khi ta vô khu Rừng Lớn để qua ngày."

"Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại. Rồi đức Thế Tôn đi vô khu Rừng Lớn, và ngồi xuống qua ngày dưới một gốc cây.

Rồi gia chủ Tapussa đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa thầy Ānanda, chúng con là những người tại gia thụ hưởng những khoái-lạc giác quan (dục lạc), thích thú khoái-lạc giác quan, tìm sự thích thú trong những khoái-lạc giác quan, và tìm niềm vui trong những khoái-lạc giác quan. Sự từ-bỏ (là quá khó) giống như một vách núi đối với chúng con. Chúng con đã nghe rằng trong Giáo Pháp và giới luật này có những Tỳ kheo còn rất trẻ, có tâm của họ đã tiến tới (phóng tới, hướng tới) sự từ-bỏ, và trở nên ôn-hòa (hiền hòa, hiền dịu), ổn-định, và được giải-thoát trong nó {tập trung vào trong nó, quyết tâm vào nó (sự từ-bỏ)},[357] nhìn thấy[358] nó (sự từ-bỏ) là bình-an. Thưa thầy, sự từ-bỏ chính là đường ranh giới giữa quần chúng và những Tỳ kheo trong Giáo Pháp và giới luật này."[359]

"Này gia chủ, đây là một chủ đề chúng ta nên đến gặp đức Thế Tôn. Nào, giờ hãy đến gặp đức Thế Tôn và thưa lại vấn đề này với đức Thế Tôn. Rồi chúng ta sẽ lưu nhớ trong tâm sự giảng giải của đức Thế Tôn.

"Dạ, thưa thầy", gia chủ Tapussa đáp lại.

Rồi thầy Ānanda, cùng với gia chủ Tapussa, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thầy ấy đã thưa lại:

"Thưa Thế Tôn, gia chủ Tapussa này đã nói: Thưa thầy Ānanda, chúng con là những người tại gia thụ hưởng những khoái-lạc giác quan (dục lạc) … [và] Sự từ-bỏ (là quá khó) giống như một vách núi đối với chúng con … [Nhưng] có những Tỳ kheo còn rất trẻ, có tâm của họ … [được] giải-thoát trong nó nhìn thấy nó là bình-an. Thưa thầy, sự từ-bỏ chính là đường ranh giới giữa quần chúng và những Tỳ kheo trong Giáo Pháp và giới luật này."

"Đúng là vậy, này Ānanda! Đúng là vậy, này Ānanda![360]

(1) "Trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: 'Tốt thay sự từ-bỏ, tốt thay sự sống tách-ly'. Nhưng lúc đó tâm ta vẫn chưa tiến tới *sự từ-bỏ*, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó (*sự từ-bỏ*), mặc dù ta đã nhìn thấy nó (sự từ-bỏ) là bình-an. Điều này đã đã xảy đến với ta: 'Tại sao tâm của ta không tiến tới sự từ-bỏ, và trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an?' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Do ta đã không nhìn thấy sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan và không tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó; do ta chưa thành tựu được ích-lợi có trong sự từ-bỏ, và chưa theo đuổi nó. Do vậy tâm ta không tiến tới sự từ-bỏ, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(a) "Rồi, này Ānanda, điều này đã xảy đến với ta: 'Nếu, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan, ta sẽ tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và nếu, sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong sự từ-bỏ, ta sẽ theo đuổi nó, thì có thể tâm ta sẽ tiến tới sự từ-bỏ, và sẽ trở

nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta nhìn thấy nó là bình-an.' Thời gian sau đó, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan, ta đã tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong sự từ-bỏ, ta đã theo đuổi nó, cho nên tâm ta đã tiến tới sự từ-bỏ và đã trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(b) "Rồi thời gian sau đó, này Ānanda: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền).' Trong khi ta đang an trú trong trạng thái này, thì có sự nhận-thức và sự tác-ý (sự để tâm, sự chú tâm) đi kèm bởi (câu hữu) tham-dục [*dục*] xảy ra trong ta, và ta cảm thấy đó là thứ làm khổ [thứ khổ đau, làm hư, bệnh, hư hại]. Giống như cái sự đau khổ có thể khởi sinh đối với một người đang cảm giác sướng thì (nó) làm khổ người đó; cũng giống như vậy, khi sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi tham-dục đó xảy ra trong ta, ta cảm thấy đó là thứ làm khổ.

(2) "Rồi nữa, này Ānanda,điều này đã xảy đến với ta: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta hãy chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền).' Nhưng tâm của ta đã không tiến tới *không còn ý-nghĩ* [hết tầm, vắng mặt ý-nghĩ], và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó (*sự không còn ý-nghĩ*), mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an. Điều này đã xảy đến với ta: 'Tại sao tâm của ta không tiến tới sự không còn ý-nghĩ, và trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an?' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Do ta chưa nhìn thấy sự nguy-hại trong những ý-nghĩ, và chưa tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó; do ta chưa thành tựu được ích-lợi có trong sự không còn ý-nghĩ, và chưa theo đuổi nó. Do vậy tâm ta không tiến tới sự không còn ý-nghĩ, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(a) "Rồi, này Ānanda, điều này đã xảy đến với ta: 'Nếu, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong những ý-nghĩ, ta sẽ tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và nếu, sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong sự không còn

ý-nghĩ, ta sẽ theo đuổi nó, thì có thể tâm ta sẽ tiến tới sự không còn ý-nghĩ, và sẽ trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta nhìn thấy nó là bình-an.' Thời gian sau đó, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong những ý-nghĩ, ta đã tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong sự không còn ý-nghĩ, ta đã theo đuổi nó, cho nên tâm ta đã tiến tới sự không còn ý-nghĩ, và đã trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(b) "Thời gian sau đó,[361] này Ānanda: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền).' Trong khi ta đang an trú trong trạng thái này, thì có sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi ý-nghĩ [*tầm*] đã xảy ra trong ta, và ta cảm thấy đó là thứ làm khổ. Giống như cái sự đau khổ có thể khởi sinh đối với người đang cảm giác sướng thì (nó) làm khổ người đó; cũng giống như vậy, khi sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi ý-nghĩ đó xảy ra trong ta, ta cảm thấy đó là thứ làm khổ.

(3) "Rồi, này Ānanda, ý này đã xảy đến với ta: 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), ta hãy chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền).' Nhưng tâm của ta đã không tiến tới sự không còn hoan-hỷ [hết hỷ, vắng mặt hỷ], và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó (*sự không còn hoan-hỷ*), mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an. Ý này đã xảy đến với ta: 'Tại sao tâm của ta không tiến tới sự không còn hoan-hỷ, và trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an?' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Do ta chưa nhìn thấy sự nguy-hại trong sự hoan-hỷ, và chưa tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó; do ta chưa thành tựu được ích-lợi có trong sự không còn hoan-hỷ, và chưa theo đuổi nó. Do vậy tâm ta không tiến tới sự không còn hoan-hỷ, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(a) "Rồi, này Ānanda, điều này đã xảy đến với ta: 'Nếu, sau khi nhìn thấy sự nguy-hại trong sự hoan-hỷ, ta sẽ tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và nếu, sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong sự không còn hoan-hỷ,

ta sẽ theo đuổi nó, thì có thể tâm ta sẽ tiến tới sự không còn hoan-hỷ, và sẽ trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta nhìn thấy nó là bình-an.' Thời gian sau đó, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong sự hoan-hỷ, ta đã tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong sự không còn hoan-hỷ, ta đã theo đuổi nó, cho nên tâm ta đã tiến tới sự không còn hoan-hỷ, và đã trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(b) "Thời gian sau đó, này Ānanda: 'Với sự lắng lặn sự hoan-hỷ (hỷ), ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền).' Trong khi ta đang an trú trong trạng thái này, thì có sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi sự hoan-hỷ [*hỷ*] đã xảy ra trong ta, và ta cảm thấy đó là thứ làm khổ. Giống như cái sự đau khổ có thể khởi sinh đối với người đang cảm giác sướng thì (nó) làm khổ người đó; cũng giống như vậy, khi sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi sự hoan-hỷ đó xảy ra trong ta, ta cảm thấy đó là thứ làm khổ.

(4) "Rồi, này Ānanda, ý này đã xảy đến với ta: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), ta hãy chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).' Nhưng tâm của ta đã không tiến tới sự không còn sướng [liên kết với] sự buông-xả (xả) [hết lạc, vắng mặt sự sướng], và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó (*sự không còn sự sướng*), mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an. Ý này đã xảy đến với ta: 'Tại sao tâm của ta không tiến tới sự không còn sự sướng [liên kết với] sự buông-xả, và trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an?' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Do ta chưa nhìn thấy sự nguy-hại trong sự-sướng [liên kết với] sự buông-xả, và chưa tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó; do ta chưa thành tựu được ích-lợi có trong sự không còn sự sướng [liên kết với] sự buông-xả, và chưa theo đuổi nó. Do vậy tâm ta không tiến tới sự không còn sự sướng [liên kết với] sự buông-xả, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(a) "Rồi, này Ānanda, điều này đã xảy đến với ta: 'Nếu, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong sự sướng [liên kết với] sự buông-xả, ta sẽ tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và nếu, sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong sự không còn sự sướng [liên kết với] sự buông-xả, ta sẽ theo đuổi nó, thì có thể tâm ta sẽ tiến tới sự không còn sự sướng [liên kết với] sự buông-xả, và sẽ trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta nhìn thấy nó là bình-an.' Thời gian sau đó, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong sự sướng [liên kết với] sự buông-xả, ta đã tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong sự không còn sự sướng [liên kết với] sự buông-xả, ta đã theo đuổi nó, cho nên tâm ta đã tiến tới sự không còn sự sướng [liên kết với] sự buông-xả, và đã trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(b) "Thời gian sau đó, này Ānanda: 'Với sự lắng lặn sự sướng-khổ, ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).' Trong khi ta đang an trú trong trạng thái này, thì có sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi sự sướng [liên kết với] sự buông-xả đã xảy ra trong ta,[362] và ta cảm thấy đó là thứ làm khổ. Giống như cái sự đau khổ có thể khởi sinh đối với người đang cảm giác sướng thì (nó) làm khổ người đó; cũng giống như vậy, khi sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi sự sướng [liên kết với] sự buông-xả đó xảy ra trong ta, ta cảm thấy đó là thứ làm khổ.

(5) "Rồi, này Ānanda, ý này đã xảy đến với ta: 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', ta chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].' Nhưng tâm của ta đã không tiến tới không vô biên xứ, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó (*không vô biên xứ*), mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an. Ý này đã xảy đến với ta: 'Tại sao tâm của ta không tiến tới không vô biên xứ, và trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn

thấy nó là bình-an?' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Do ta chưa nhìn thấy sự nguy-hại trong những thể-sắc, và chưa tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó; do ta chưa thành tựu sự ích-lợi có trong không vô biên xứ, và chưa theo đuổi nó. Do vậy tâm ta không tiến tới không vô biên xứ, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(a) "Rồi, này Ānanda, điều này đã xảy đến với ta: 'Nếu, sau khi nhìn thấy sự nguy-hại trong những thể-sắc, ta sẽ tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và nếu, sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong không vô biên xứ, ta sẽ theo đuổi nó, thì có thể tâm ta sẽ tiến tới không vô biên xứ, và sẽ trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta nhìn thấy nó là bình-an.' Thời gian sau đó, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong những thể-sắc, ta đã tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong không vô biên xứ, ta đã theo đuổi nó, cho nên tâm ta đã tiến tới không vô biên xứ, và đã trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(b) "Thời gian sau đó, này Ānanda: 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', ta chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ.' Trong khi ta đang an trú trong trạng thái này, thì có sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi những thể-sắc đã xảy ra trong ta, và ta cảm thấy đó là thứ làm khổ. Giống như cái sự đau khổ có thể khởi sinh đối với người đang cảm giác sướng thì (nó) làm khổ người đó; cũng giống như vậy, khi sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi những thể-sắc đó xảy ra trong ta, ta cảm thấy đó là thứ làm khổ.

(6) "Rồi, ý này đã xảy đến với ta: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', ta chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].' Nhưng tâm của ta đã không tiến tới thức vô biên xứ, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được

giải-thoát trong nó (*thức vô biên xứ*), mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an. Ý này đã xảy đến với ta: 'Tại sao tâm của ta không tiến tới cảnh xứ vô-biên của thức, và trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an?' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Do ta chưa nhìn thấy sự nguy-hại trong không vô biên xứ, và chưa tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó; do ta chưa thành tựu sự ích-lợi có trong thức vô biên xứ, và chưa theo đuổi nó. Do vậy tâm ta không tiến tới thức vô biên xứ, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(a) "Rồi, này Ānanda, điều này đã xảy đến với ta: 'Nếu, sau khi nhìn thấy sự nguy-hại trong không vô biên xứ, ta sẽ tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và nếu, sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong thức vô biên xứ, ta sẽ theo đuổi nó, thì có thể tâm ta sẽ tiến tới thức vô biên xứ, và sẽ trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta nhìn thấy nó là bình-an.' Thời gian sau đó, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong không vô biên xứ, ta đã tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong thức vô biên xứ, ta đã theo đuổi nó, cho nên tâm ta đã tiến tới thức vô biên xứ, và đã trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(b) "Thời gian sau đó, này Ānanda: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', ta chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ.' Trong khi ta đang an trú trong trạng thái này, thì có sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi không vô biên xứ đã xảy ra trong ta, và ta cảm thấy đó là thứ làm khổ. Giống như cái sự đau khổ có thể khởi sinh đối với người đang cảm giác sướng thì (nó) làm khổ người đó; cũng giống như vậy, khi sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi không vô biên xứ đó xảy ra trong ta, ta cảm thấy đó là thứ làm khổ.

(7) "Rồi, này Ānanda, ý này đã xảy đến với ta: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không-có-gì', ta chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].' Nhưng tâm của ta đã không tiến tới vô sở hữu xứ, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa

được giải-thoát trong nó (*vô sở hữu xứ*), mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an. Ý này đã xảy đến với ta: 'Tại sao tâm của ta không tiến tới vô sở hữu xứ, và trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an?' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Do ta chưa nhìn thấy sự nguy-hại trong thức vô biên xứ, và chưa tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó; do ta chưa thành tựu sự ích-lợi có trong vô sở hữu xứ, và chưa theo đuổi nó. Do vậy tâm ta không tiến tới vô sở hữu xứ, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(a) "Rồi, này Ānanda, điều này đã xảy đến với ta: 'Nếu, sau khi nhìn thấy sự nguy-hại trong thức vô biên xứ, ta sẽ tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và nếu, sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong vô sở hữu xứ, ta sẽ theo đuổi nó, thì có thể tâm ta sẽ tiến tới vô sở hữu xứ, và sẽ trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta nhìn thấy nó là bình-an.' Thời gian sau đó, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong thức vô biên xứ, ta đã tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong vô sở hữu xứ, ta đã theo đuổi nó, cho nên tâm ta đã tiến tới vô sở hữu xứ, và đã trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(b) "Thời gian sau đó, này Ānanda: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không-có-gì', ta chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ.' Trong khi ta đang an trú trong trạng thái này, thì có sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi thức vô biên xứ đã xảy ra trong ta, và ta cảm thấy đó là thứ làm khổ. Giống như cái sự đau khổ có thể khởi sinh đối với người đang cảm giác sướng thì (nó) làm khổ người đó; cũng giống như vậy, khi sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi thức vô biên xứ đó xảy ra trong ta, ta cảm thấy đó là thứ làm khổ.

(8) "Rồi, này Ānanda, ý này đã xảy đến với ta: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, ta chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].' Nhưng tâm của ta đã không tiến tới phi tưởng phi phi tưởng xứ, và

chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó (*phi tưởng phi phi tưởng xứ*), mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an. Ý này đã xảy đến với ta: 'Tại sao tâm của ta không tiến tới phi tưởng phi phi tưởng xứ, và trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an?' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Do ta chưa nhìn thấy sự nguy-hại trong vô sở hữu xứ, và chưa tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó; do ta chưa thành tựu sự ích-lợi có trong phi tưởng phi phi tưởng xứ, và chưa theo đuổi nó. Do vậy tâm ta không tiến tới phi tưởng phi phi tưởng xứ, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(a) "Rồi, này Ānanda, điều này đã xảy đến với ta: 'Nếu, sau khi nhìn thấy sự nguy-hại trong vô sở hữu xứ, ta sẽ tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và nếu, sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong phi tưởng phi phi tưởng xứ, ta sẽ theo đuổi nó, thì có thể tâm ta sẽ tiến tới phi tưởng phi phi tưởng xứ, và sẽ trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta nhìn thấy nó là bình-an.' Thời gian sau đó, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong vô sở hữu xứ, ta đã tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong phi tưởng phi phi tưởng xứ, ta đã theo đuổi nó, cho nên tâm ta đã tiến tới phi tưởng phi phi tưởng xứ, và đã trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(b) "Thời gian sau đó, này Ānanda: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, ta chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ.' Trong khi ta đang an trú trong trạng thái này, thì có sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi vô sở hữu xứ đã xảy ra trong ta, và ta cảm thấy đó là thứ làm khổ. Giống như cái sự đau khổ có thể khởi sinh đối với người đang cảm giác sướng thì (nó) làm khổ người đó; cũng giống như vậy, khi sự nhận-thức và sự tác-ý đi kèm bởi vô sở hữu xứ đó xảy ra trong ta, ta cảm thấy đó là thứ làm khổ.

(9) "Rồi, này Ānanda, ý này đã xảy đến với ta: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, ta chứng nhập và an trú trong (trạng

thái) sự diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].' Nhưng tâm của ta đã không tiến tới sự diệt thọ tưởng, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó (*sự diệt thọ tưởng*), mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an. Ý này đã xảy đến với ta: 'Tại sao tâm của ta không tiến tới sự diệt thọ tưởng, và trở nên ôn-hòa, ổn-định, và không được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an?' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Do ta chưa nhìn thấy sự nguy-hại trong phi tưởng phi phi tưởng xứ, và chưa tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó; do ta chưa thành tựu được ích-lợi có trong sự diệt thọ tưởng, và chưa theo đuổi nó. Do vậy tâm ta không tiến tới sự diệt thọ tưởng, và chưa trở nên ôn-hòa, ổn-định, và chưa được giải-thoát trong nó, mặc dù ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(a) "Rồi, này Ānanda, điều này đã xảy đến với ta: 'Nếu, sau khi nhìn thấy sự nguy-hại trong phi tưởng phi phi tưởng xứ, ta sẽ tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và nếu, sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong sự diệt thọ tưởng, ta sẽ theo đuổi nó, thì có thể tâm ta sẽ tiến tới sự diệt thọ tưởng, và sẽ trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta nhìn thấy nó là bình-an.' Thời gian sau đó, sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong phi tưởng phi phi tưởng xứ, ta đã tu tập [sự minh sát, quán tuệ] đó, và sau khi đã thành tựu được ích-lợi có trong sự diệt thọ tưởng, ta đã theo đuổi nó, cho nên tâm ta đã tiến tới sự diệt thọ tưởng, và đã trở nên ôn-hòa, ổn-định, và được giải-thoát trong nó, vì ta đã nhìn thấy nó là bình-an.'

(b) "Thời gian sau đó, này Ānanda: 'Bằng cách hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, ta đã chứng nhập và an trú trong sự diệt thọ tưởng', và sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ, những ô-nhiễm của ta đã được tiêu diệt.

"Này Ānanda, chừng nào ta đã không chứng-nhập và thoát-ra khỏi chín tầng chứng đắc những sự an-trú tiến dần này theo thứ tự trực tiếp và thứ tự ngược lại (từ thấp tới cao và từ cao xuống thấp), thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ vô thượng toàn thiện trong thế

giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng sau khi ta đã chứng-nhập và thoát-ra khỏi chín tầng chứng đắc những sự an-trú tiến dần này theo thứ tự trực tiếp và thứ tự ngược lại, thì ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự sự giác-ngộ vô thượng toàn thiện trong thế giới này có … những thiên thần và loài người. Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu nữa.'"

 # (AN 9:41)

(IX) Quyển "MƯỜI":

141 Kāḷī

Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống ở xứ dân Avantī, trên Núi Pavatta ở Kuraraghara. Lúc đó có một đệ tử tại gia nữ tên Kāḷī ở Kuraraghara đã đến gặp thầy ấy, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa:[363]

"Thưa thầy, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong phần '*Những Câu Hỏi Của Những Thiếu Nữ*':[364]

> 'Sau khi đã chinh phục đạo quân của sự sung-sướng và thích-thú,
> Khi đang thiền một mình, ta khám phá ra niềm chân-phúc,
> Sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim.
> Bởi vậy ta không tạo sự trói-buộc thân thiết với người khác,
> Cũng không thân cận với bất cứ ai có cơ hội với với ta.'

"Thưa thầy, theo cách nào để nhìn thấy một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn như vậy?"

"Này chị, một số tu sĩ và bà-la-môn, đối với họ sự chứng đắc về *kasiṇa* đất là tối thượng, họ tạo ra nó làm mục-tiêu của họ.[365] Đức Thế Tôn đã trực tiếp biết tới mức độ nào sự chứng đắc về *kasiṇa* đất là tối

thượng. Sau khi đã trực tiếp biết điều này, đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự khởi-đầu,[366] sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự-biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo (không phải đạo). Bằng cách nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và bằng cách nhìn thấy sự-biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo, bậc ấy đã biết sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim.

"Này chị, một số tu sĩ và bà-la-môn, đối với họ sự chứng đắc về *kasiṇa* nước … *kasiṇa* lửa … *kasiṇa* khí … *kasiṇa* xanh … *kasiṇa* vàng … *kasiṇa* đỏ … *kasiṇa* trắng … *kasiṇa* không gian … *kasiṇa* thức là tối thượng, họ tạo ra nó làm mục-tiêu của họ. Đức Thế Tôn đã trực tiếp biết tới mức độ nào sự chứng đắc về *kasiṇa* đất là tối thượng. Sau khi đã trực tiếp biết điều này, đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự-biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo (không phải đạo). Bằng cách nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và bằng cách nhìn thấy sự-biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo, bậc ấy đã biết sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim.

"Vậy đó, này chị, chính theo cách này để nhìn thấy một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn trong phần '*Những Câu Hỏi Của Những Thiếu Nữ*' như vầy:

> 'Sau khi đã chinh phục đạo quân của sự sung-sướng và thích-thú,
> Khi đang thiền một mình, ta khám phá ra niềm chân-phúc,
> Sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim.
> Bởi vậy ta không tạo sự trói-buộc thân thiết với người khác,
> Cũng không thân cận với bất cứ ai có cơ hội với với ta.'

(AN 10:26)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kajaṅgalā trong khu Rừng Tre. Lúc đó có một số đệ tử tại gia tử Kajaṅgalā đã đến gặp một Tỳ kheo ni từ vùng Kajaṅgalā,[367] kính lễ ni, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa thánh ni [thánh sư cô], điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong bài '*Những Câu Hỏi Lớn*': 'Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một. Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai … Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.' (*nguyên gốc ghi đủ từ một tới mười*) Thưa thánh ni, theo cách nào để hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn?"

"Này các thiện hữu, tôi chưa từng nghe và học được điều này khi có mặt đức Thế Tôn, tôi cũng không nghe và học được điều này khi có mặt những Tỳ kheo đáng kính (tức không nghe từ Phật hay Tỳ kheo nào nói). Tuy nhiên, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng khi tôi giải thích ý nghĩa theo như tôi hiểu."

"Dạ, thưa thánh ni", những đệ tử tại gia vùng Kajaṅgalā đáp lại. Tỳ kheo ni từ vùng Kajaṅgalā đã nói điều này:

(1) "Khi đức Thế Tôn nói 'Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một': do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo **[***hoàn toàn tỉnh-ngộ về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,***]** hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn (hạn định, sự hạn chế, sự giới hạn, sự phân hạn, sự phân giới) của nó, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của nó, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Một điều đó là gì? '*Mọi chúng sinh đều tồn tại nhờ dưỡng-chất*'. Khi một Tỳ kheo **[***hoàn toàn tỉnh-ngộ về một điều này, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,***]** hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của nó, hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của nó**,** thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ.

"'Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một': do liên hệ về (một) điều này nên nó được nói ra như vậy.

(2) "Khi đức Thế Tôn nói 'Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai': … Hai điều đó là gì? '*Danh và sắc*' …

(3) "Khi đức Thế Tôn nói 'Một câu hỏi về ba, một tuyên bố rõ gọn về ba, một sự giảng giải về ba': … Ba điều đó là gì? '*Ba loại cảm-giác*' …

(4) "Khi đức Thế Tôn nói 'Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự giảng giải về bốn': do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo **{***có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều,***}**[368] hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ. Bốn đó là gì? '*Bốn nền tảng chánh-niệm*'. Khi một Tỳ kheo **{***có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều này***}** … thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.

"'Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự giảng giải về bốn': do liên hệ về (bốn) điều này nên nó được nói ra như vậy.

(5)-(8) "Khi đức Thế Tôn nói 'Một câu hỏi về năm, một tuyên bố rõ gọn về năm, một sự giảng giải về năm': … Năm điều đó là gì? '*Năm căn*'[369] … Sáu đó là gì? '*Sáu yếu-tố của* (*làm nên*) *sự thoát-khỏi*'.[370] … Bảy đó là gì? '*Bảy chi giác-ngộ*' … Tám đó là gì? '*Con đường tám phần thánh thiện*' …

(9) "Khi đức Thế Tôn nói 'Một câu hỏi về chín, một tuyên bố rõ gọn về chín, một sự giảng giải về chín': do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo **[***hoàn toàn tỉnh-ngộ về chín điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với chúng, hoàn toàn được giải-thoát khỏi chúng,***]** hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Chín điều đó là gì? '*Chín cõi chúng sinh*'. Khi một Tỳ kheo **[***hoàn toàn tỉnh-ngộ về chín điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,***]** hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ.

(10) "'Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười': khi điều này được nói ra, liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo **{***có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về mười điều,***}** *hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng,***}** thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ. Mười điều đó là gì? '*Mười đường nghiệp thiện*' Khi một Tỳ kheo **{***có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập, hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng,***}** thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.

"'Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười': do liên hệ về (mười) điều này nên nó được nói ra như vậy.

"Vậy đó, này các thiện hữu, khi điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong bài '*Những Câu Hỏi Lớn*': 'Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một … Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.', thì theo cách như vậy tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn. Nhưng, nếu quý vị muốn, quý vị có thể đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về vấn đề này. Khi đức Thế Tôn trả lời cho quý vị, quý vị nên lưu nhớ trong tâm."

Sau khi nói "Dạ, thưa thánh ni", những đệ tử tại gia ở vùng Kajaṅgalā hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā. Rồi họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ ni, đi vòng ra giữ ni ấy ở hướng bên phải họ (và đi ra). Và họ đến gặp đức Thế Tôn. Họ kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện với Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā. [Đức Thế Tôn nói:]

"Tốt, tốt, này các gia chủ! Tỳ kheo ni từ Kajaṅgalā là có trí, có trí-tuệ lớn lao. Nếu quý vị có đến gặp ta và hỏi ta về vấn đề này, ta cũng trả lời chính xác như Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā đã trả lời. Đó là ý nghĩa của điều đó, và đó là cách các vị nên lưu nhớ trong tâm."

(AN 10:28)

143 Kosala

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la) đã trở về từ chiến trận, chiến thắng, mục-đích của ông đã đạt được.[371] Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã lên đường tới tịnh xá. Ông ta đi bằng xe ngựa tới chỗ xe không còn đi được, rồi ông xuống xe và đi bộ vào tịnh xá. Bấy giờ, vào lúc đó có một số Tỳ kheo đang đi tới đi lui ngoài trời. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp những Tỳ kheo đó và hỏi họ:

"Thưa quý thầy, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang ở đâu? Vì con muốn gặp mặt đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác."

"Thưa đại vương, kia là chỗ-ở của đức Thế Tôn với cửa đang đóng. Hãy đến đó một cách yên lặng. Đừng hấp tấp, bước vào trước cửa, thông cổ họng (tằng hắng), và gõ lên chốt cửa. Đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho đại vương."

Rồi, Vua Pasenadi xứ Kosala đi yên lặng tới chỗ-ở của đức Thế Tôn với cửa đang đóng. Không hấp tấp, ông bước vào trước cửa, thông cổ họng, và gõ lên chốt cửa. Đức Thế Tôn đã mở cửa.

Rồi Vua Pasenadi xứ Kosala bước vô trong chỗ-ở, lễ lạy với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, hôn và xoa hai tay lên hai bàn chân của đức Thế Tôn, và tự xưng: "Thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala! Thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala!"[372]

"Nhưng, này đại vương, những lý-do nào mà ngài thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với thân này và thể hiện lòng mến-mộ như vậy?"

"Thưa Thế Tôn, đó là vì sự biết ơn và sự cảm ơn của con nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng mến-mộ như vậy con đối với đức Thế Tôn.

(1) "Bởi vì, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn đang thực hành vì ích-lợi của nhiều người, vì hạnh-phúc của nhiều người; đức Thế Tôn đã thiết lập nhiều người trong phương-pháp thánh thiện, đó là, trong (theo) cách của Giáo Pháp tốt lành, trong cách của Giáo Pháp thiện lành.[373] Đây là một lý-do nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng mến-mộ như vậy con đối với bậc ấy.

(2) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là có giới-hạnh, thuộc giới-hạnh toàn thiện, thuộc giới-hạnh thánh thiện, thuộc giới-hạnh thiện lành, có được giới-hạnh thiện lành. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn …

(3) "Lại nữa, từ lâu đức Thế Tôn đã là người sống tu trong rừng, người về sống tu ở những nơi-ở xa lánh trong rừng hoang và rừng rậm. Bởi vì điều đó, đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn …

(4) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn …

(5) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn …

(6) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn khi muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể nghe những sự đàm đạo liên quan tới đời sống thanh bần đưa đến sự mở-thoát trái tim, đó là, sự đàm đạo về sự ít tham-muốn (thiểu dục), về sự biết hài-lòng (với những có được; tri túc), về sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần), về sự không bị ràng-buộc [với người này người nọ], về sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn …

(7) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn khi muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn …

(8) "Lại nữa, thưa Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình (*túc mạng minh*); đó là, một lần sinh, hai lần sinh *… [tiếp tục nội dung giống đoạn mẫu (4) kinh 6 :02, người dịch giản lược]* … và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.' Vậy đó, đức Thế Tôn nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy. Bởi vì điều đó, đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn …

(9) "Lại nữa, thưa Thế Tôn: 'Với yếu-tố mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó *nhìn thấy* nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … *… [tiếp tục nội dung giống đoạn mẫu (5) kinh 6 :02, người dịch giản lược] …* và đức Thế Tôn hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.' Bởi vì điều đó, đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn …

(10) Lại nữa, thưa Thế Tôn: 'Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đức Thế Tôn đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, bậc ấy an trú trong đó.' Bởi vì điều đó, đây là một lý-do nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng mến-mộ như vậy con đối với bậc ấy.

"Và, thưa Thế Tôn, giờ chúng con phải đi. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm."

"Này đại vương, cứ tùy tiện mà đi."

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra.

(AN 10:30)

144 Những Người Dân Thích-Ca

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), một số đệ tử tại gia họ tộc Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

"Này những người Thích-ca, các vị có trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần (tám chi giới, tám giới bố-tát, bát quan trai giới) hay không?"[374]

"Thưa Thế Tôn, có khi chúng con thực hành, có khi chúng con không thực hành."

"Đó là sự bất hạnh, đó là sự mất mát, này những người Thích-ca! Trong khi sự sống bị nguy hiểm bởi sự buồn sầu và cái chết, mà các người chỉ trai giới bố-tát lúc có lúc không toàn bộ tám chi phần như vậy. Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Ví dụ có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được nửa đồng tiền [*kahāpaṇa*] mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?"

"Dạ có, thưa Thế Tôn."

"Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Ví dụ có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được một đồng tiền mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?"

"Dạ có, thưa Thế Tôn."

"Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Ví dụ có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được hai … ba … bốn … năm … sáu … bảy … tám … chín … mười … hai mươi … … năm mươi đồng tiền [*kahāpaṇa*][375] mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?"

"Dạ có, thưa Thế Tôn."

"Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Nếu người đó có kiếm được một trăm hay một trăm ngàn đồng tiền ngày qua ngày, cất giữ lợi lộc đã làm được, và sống thọ tới 100 năm, thì ông ta có tích lũy được một đống lớn của cải hay không?"

"Dạ có, thưa Thế Tôn."

"Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Tính theo sự giàu có của ông ta, nhờ có sự giàu có của ông ta, vì sự giàu có của ông ta, ông ta có nếm trải toàn hạnh-phúc được một đêm hay một ngày, hay được nửa đêm hay nửa ngày, hay không?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn. Tại sao không? Bởi vì những khoái-lạc giác quan (dục lạc) là vô thường, rỗng tuếch, sai giả, và đánh lừa."

- "Tuy nhiên, này những người Thích-ca, đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 năm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm [100 lần 100 năm],[376] 100 ngàn năm, và 10 triệu năm [100 lần 100 ngàn năm].[377] Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hoặc chắc chắn thành bậc Nhập-lưu.

- "Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 năm (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 năm … 8 năm … 7 năm … 6 năm … 5 năm … 4 năm … 3 năm … 2 năm … 1 năm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- "Này những người Thích-ca, nói chi tới 1 năm (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 tháng, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- "Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 tháng (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 tháng … 8 tháng … 7 tháng … 6 tháng … 5 tháng … 4 tháng … 3 tháng … 2 tháng … 1 tháng, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- "Này những người Thích-ca, nói chi tới 1 tháng (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 ngày và đêm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- "Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 ngày và đêm (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 ngày và đêm … 8 ngày và đêm … 7 ngày và đêm … 6 ngày và đêm … 5 ngày và đêm … 4 ngày và đêm … 3 ngày và đêm … 2 ngày và đêm … 1 ngày và đêm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

"Đó là sự bất hạnh, đó là sự mất mát, này những người Thích-ca! Trong khi sự sống bị nguy hiểm bởi sự buồn sầu và cái chết, mà các người trai giới bố-tát chỉ lúc có lúc không toàn bộ tám chi phần như vậy."

"Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay chúng con sẽ trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần."

(AN 10:46)

145 Mahāli

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Mahāli người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

- "Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân (nhân) và điều-kiện (duyên) để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu?"[378]

"Này Mahāli, (1) tham là nguyên-nhân và điều-kiện để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu. (2) Sân là nguyên-nhân và điều-kiện … (3) Si là nguyên-nhân và điều-kiện … (4) Sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý) là nguyên-nhân và điều-kiện … (5) Một cái tâm bị hướng sai lạc (tà hướng) là nguyên-nhân và điều-kiện để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu."

- "Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt?"

"Này Mahāli, (1) vô-tham là nguyên-nhân và điều-kiện để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt. (2) vô-sân là nguyên-nhân và điều-kiện … (3) vô-si là nguyên-nhân và điều-kiện … (4) Sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là nguyên-nhân và điều-kiện … (5) Một cái tâm được hướng đúng đắn (chánh hướng) là nguyên-nhân và điều-kiện để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt."

"Này Mahāli, nếu mười phẩm-chất này không có mặt trong thế gian thì đâu thấy có hạnh (hành vi) bất chính, hạnh trái với Giáo Pháp, và hạnh chân chính, hạnh đúng theo Giáo Pháp. Nhưng do mười phẩm-chất này có

mặt trong thế gian nên thấy có hạnh bất chính, hạnh trái với Giáo Pháp, và hạnh chân chính, hạnh đúng theo Giáo Pháp."

(AN 10:47)

146 Cô Migasālā [379]

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, tới đó thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn cho mình. Rồi nữ đệ tử tại gia Migasālā đã ra gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa thầy Ānanda, lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc-thân và người không sống độc-thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau? Cha của con là Purāṇa sống độc-thân, sống tách-ly (ẩn dật), kiêng cữ tính dục, kiêng cữ những thói tật cá nhân phàm tục. Khi cha chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: 'Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai [a] và đã tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Tusita (Đâu-suất).' và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita).' Chú của con [b] là Isidatta[380] không sống độc-thân mà sống một đời sống hôn nhân mãn nguyện. Khi chú chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: 'Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita).' Thưa thầy Ānanda, vậy lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc-thân và người không sống độc-thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau?"

"Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy." [c]

Rồi, sau khi thầy Ānanda đã nhận thức-ăn cúng dường từ nhà Migasālā, thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Sau khi trở về sau

một vòng đi khất thực đó, sau khi ăn trưa, thầy Ānanda đã đến gặp Đức Thế Tôn, thầy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng, con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà của nữ đệ tử tại gia Migasālā … [*thầy ấy kể lại toàn bộ chuyện như trên, cho tới*:] … Khi cô ấy hỏi con điều này, con đã trả lời: 'Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.'"

[Đức Thế Tôn nói:] "Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ dốt, không giỏi, với trí hiểu biết của một phụ nữ, như vậy? [d] Và ai là những người có sự-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn? [381]

"Này Ānanda, có mười loại người được thấy có trong thế gian. Mười đó là gì?

(1) "Ở đây, này Ānanda, có một người là thất-đức (thiếu giới-hạnh) và không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư.[382] Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [từ chúng], không thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*thất đức và không có trí tu*)

(2) "Rồi, này Ānanda, có người là thất-đức (thiếu giới-hạnh) nhưng hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [từ chúng], thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đồi. (*thất đức nhưng có trí tu*)

+ "Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ: 'Người này có cùng phẩm chất như người kia. Tại sao người này là kém hơn và

người kia là ưu hơn?' Sự phán xét đó của họ [e] sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

- "Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (2)] là thất-đức, có người là thất-đức (thiếu giới-hạnh) và không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư; và người đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [từ chúng], thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (1)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. [f] Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

"Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta. Đừng phán xét này nọ về người ta. Những ai phán xét về người ta là tự làm hại chính mình. Chỉ ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta.-

(3) "Ở đây, này Ānanda, có một người là đức-hạnh (có giới-hạnh), nhưng không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] … và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*đức hạnh nhưng không có trí tu*)

(4) "Rồi, này Ānanda, có một người là đức-hạnh (có giới-hạnh), và hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] … và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đồi. (*đức hạnh và có trí tu*)

+ "Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ … sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

- "Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (4)] là đức-hạnh, và hiểu được … và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (3)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- "Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta … Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. -

(5) "Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về (dễ dính) tham, và không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] … và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*nhiều dục và không có trí tu*)

(6) "Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về tham, nhưng hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] … và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đồi. (*nhiều dục nhưng có trí tu*)

+ "Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ … sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

- "Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (6)] tính nghiêng về tham, nhưng hiểu được … và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (5)] kia. Vì lý do gì? Vì

dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- "Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta … Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. -

(7) "Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về (dễ dính) sân, và không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] … và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. *(nhiều sân và không có trí tu)*

(8) "Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về sân, nhưng hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] … và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đồi. *(nhiều sân nhưng có trí tu)*

+ "Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ … sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

- "Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (8)] tính nghiêng về sân, nhưng hiểu được … và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (7)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- "Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta … Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. -

(9) "Rồi, này Ānanda, có một người bất-an, và không hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi

sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] … và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*bất an và không có trí tu*)

(10) "Rồi, này Ānanda, có một người bất-an, nhưng hiểu được đúng như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] … và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đồi. (*bất an nhưng có trí tu*)

+ "Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ … sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

- "Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (10)] bất-an, nhưng hiểu … và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (9)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- "Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta … Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. -

"Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ dốt, không giỏi, với trí hiểu biết của một phụ nữ, như vậy? Và ai là những người có sự-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn?

"Đây là mười loại người được thấy có trong thế gian.

"Này Ānanda, cho dù Isidatta có được cùng loại giới-hạnh mà Purāṇa đã có, thì ngay cả Purāṇa lúc đó còn không thể biết về nơi-đến (tái sinh) của mình. Và cho dù Purāṇa có được cùng loại trí-tuệ mà Isidatta đã có, thì ngay cả Isidatta lúc đó còn không thể biết về nơi-đến của mình. Này Ānanda, theo cách này thì hai người này mỗi người đều kém hơn (người

kia) một phương diện." (*tức Purāṇa kém hơn Isidatta về trí-tuệ, Isidatta kém hơn Purāṇa về giới-hạnh*) [g]

^ (AN 10:75)

147 Người Thụ Hưởng Dục Lạc [383]

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

"Này gia chủ, có mười loại người thụ hưởng những dục-lạc [khoái-lạc giác quan] được thấy có trong thế gian. Mười đó là gì?[384]

[I. *Mô Tả*]

[A. *Loại người tìm kiếm của-cải theo cách bất chính:*]

(1) "Ở đây, này gia chủ, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *phi pháp, bằng bạo lực*. Sau khi làm như vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công đức.

(2) "Có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(3) "Và còn có người người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ của-cải và làm những việc công đức.

[B. *Loại người tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính và bất chính:*]

(4) "Kế tiếp, này gia chủ, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(5) "Có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(6) "Và còn có người người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức.

[C. *Loại người tìm kiếm của-cải theo cách chân chính:*]

(7) "Kế tiếp, này gia chủ, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *hợp pháp, không bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(8) "Có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(9) "Và còn có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức—(tuy là tốt) Nhưng người này sử dụng tài sản trong khi *bị trói buộc vào nó*, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; *không* nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, *không* hiểu được sự thoát-khỏi nó.

(10) "Và còn có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ của-cải và làm những việc công-

đức—Và (còn tốt hơn nữa) người này biết sử dụng tài sản mà *không bị trói buộc vào nó*, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; *có* nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, *có* hiểu được sự thoát-khỏi nó.

[II. *Đánh Giá*]

[A. *Loại người tìm kiếm của-cải theo cách bất chính:*]

(1) "Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(2) "Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(3) "N người thụ hưởng thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

[B. *Loại người tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính và bất chính:*]

(4) "Kế tiếp, này gia chủ, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(5) "Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(6) "Người thụ hưởng thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

[C. *Loại người tìm kiếm của-cải theo cách chân chính:*]

(7) "Kế tiếp, này gia chủ, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a). Và dựa trên dựa trên 02 căn cứ nào người đó bị chê trách?: (b) và (c). Đây

là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 01 căn cứ này và bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này.

(8) "Người hưởng khoái-lạc giác quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (c). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a) và (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(9) "Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức, nhưng (d) người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 03 căn cứ, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (d). Và dựa trên 03 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 03 căn cứ này, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này.

(10) "Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức, và (d) người này sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 04 căn cứ. Dựa trên 04 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c), (d). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 04 căn cứ này.

[D. *Kết Luận:*]

"Này gia chủ, đây là mười loại người thụ hưởng dục-lạc được thấy có trong thế gian. Trong mười loại người này, bậc nhất, tốt nhất, ưu việt nhất, tối thượng, và tinh anh nhất là loại (10) người thụ hưởng dục-lạc (a) theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) sau khi có được của-cải, người đó làm bản thân mình hạnh phúc; và (c) chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức; và (d) biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó. Giống như từ con bò cái có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. Cũng giống như vậy, trong mười loại người này, bậc nhất, tốt nhất, ưu việt nhất, tối thượng, và tinh anh nhất là loại (10) người thụ hưởng dục-lạc (a) theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) sau khi có được của-cải, người đó làm bản thân mình hạnh phúc; và (c) chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức; và (d) biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó."

(AN 10:91)

148 Những Sự Thù Oán [385]

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

"Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện (I) đã loại bỏ 'năm hiểm-họa và sự thù-oán', và (II) có được 'bốn yếu-tố Nhập-lưu', và (III) đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt 'phương pháp

thánh thiện' bằng trí-tuệ, thì người đó, nếu muốn, có thể tuyên bố về mình rằng: 'Tôi đã hết bị (đã đoạn tuyệt với) địa ngục, cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ đày đọa; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, hết bị nơi đến xấu dữ, hết bị cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn phải bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.' [a]

(I) "Cái gì là năm hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ? (1) Này gia chủ, một người sát-sinh, với sự sát-sinh là điều-kiện (duyên), tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp sau [b] và người đó cũng nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. (Nhưng) một người kiêng cữ sát-sinh thì không tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp này, và hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy đối với người kiêng cữ sát-sinh, thì hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ.

(2) "Một người gian-cắp … (3) Một người có tà-dâm tà dục … (4) Một người nói-dối nói láo … (5) Một người uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, với những (hành vi) đó là điều-kiện (duyên), tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp sau và người đó cũng nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. (Nhưng) một người kiêng cữ gian-cắp … kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì không tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp này, và hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy đối với người kiêng cữ gian-cắp … kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ.

"Đây là 'năm hiểm-họa và sự thù-oán' đã được loại bỏ.

(II) "Và cái gì là bốn yếu-tố (của một bậc) Nhập-lưu mà người đó đã có được? [c]

(6) Ở đây, này gia chủ, người người đệ tử thánh thiện đã có được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.'

(7) "Người đó có được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.'

(8) "Người đó có được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: 'Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại (bậc) người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).

(9) "Người đó có được những giới-hạnh (tức: năm giới-hạnh) mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. [d]

"Đây là 'bốn yếu-tố Nhập-lưu' mà người đó có được.

(III) "Và cái gì là 'phương pháp thánh thiện' mà người đó đã nhìn thấy rõ ràng và thâm nhập thấu suốt bằng trí-tuệ?[386] (10) Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đó suy xét (quán chiếu) như vầy: "Do có thứ này, nên có [sinh ra, xảy ra] thứ kia; với sự khởi sinh của thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra, không xảy ra] thứ kia; với sự chấm dứt thứ này, thì thứ kia chấm dứt. (*người dịch xuống hàng chỗ này cho dễ đọc*)

• "Đó là: '*Do có vô-minh là điều-kiện* (*duyên*), *nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý* (*hành*); *do có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện, nên có thức* (*thức*); *do có thức là điều-kiện, nên có phần tâm-thân* (*danh sắc*); *do có phần tâm-thân là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận* (*sáu xứ*); *do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc* (*xúc*); *do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm-giác* (*thọ*); *do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng* (*ái*); *do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự dính-chấp* (*thủ*); *do có sự dính-chấp là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu* (*hữu*); *do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra* (*sinh*); *do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên mới xảy ra sự già và chết* (*lão tử*); *sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng* (*sầu, bi, khổ, ưu, não*). *Đây là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này*.' (chiều khởi sinh)

"Nhưng: '*Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý, thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức, thì chấm dứt phần danh-sắc; khi chấm dứt phần danh-sắc, thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận; khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận, thì chấm dứt sự tiếp-xúc; khi chấm dứt sự tiếp-xúc, thì chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác, thì chấm dứt sự dục-vọng; khi chấm dứt dục-vọng, thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp, thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự sinh-ra; khi chấm dứt sự sinh-ra, thì chấm dứt sự già và chết; chấm dứt sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đây là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này*.' (chiều hoàn diệt)

"Đây là 'phương pháp thánh thiện' mà người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt bằng trí-tuệ.

"Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện (I) đã loại bỏ 'năm hiểm-họa và sự thù-oán' này, và (II) người đó có được 'bốn yếu-tố Nhập-lưu' này, và (III) người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt 'phương pháp thánh thiện' này bằng trí-tuệ, thì nếu muốn, người đó có thể tự tuyên bố về bản thân mình: 'Tôi đã hết bị (đã đoạn tuyệt với) địa ngục, đã hết bị cõi súc sinh, đã hết bị cõi ngạ quỷ, đã hết bị cảnh giới

thống khổ, những nơi-đến thấp xấu, cõi dưới. Tôi là một bậc Nhập-lưu, không còn phải bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, hướng đến sự giác-ngộ.'"

(AN 10:92)

149 Sự Thấy (gia chủ Cấp Cô Độc)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó gia chủ Cấp Cô Độc đi ra khỏi (thành) Sāvatthī vào giữa trưa để đến chỗ gặp đức Thế Tôn. Rồi ý này đã xảy đến với ông: "Giờ không phải lúc phù hợp để đến gặp đức Thế Tôn đang ẩn dật hay đến gặp những Tỳ kheo đáng kính cũng đang ẩn dật. Vậy ta hãy đến khu ở của những du sĩ của những giáo phái khác."

Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã đến khu ở của những du sĩ các giáo phái khác. Bấy giờ, vào lúc đó những du sĩ khác đạo đó đã tụ tập và đang tạo nên sự huyên náo khi họ đang ngồi lớn tiếng và om sòm thảo luận những đề tài vô nghĩa khác nhau. Những du sĩ khác đạo đó đã nhìn thấy gia chủ Cấp Cô Độc đang đi tới từ xa và họ đã nhắc nhau im lặng: "Các vị, hãy yên lặng. Các vị, đừng làm ồn ào. Ở đây đang có gia chủ Cấp Cô Độc, một đệ tử của sa-môn Cồ-đàm, một trong những đệ tử tại gia áo trắng cư ngụ ở Sāvatthī. Số là, những vị (đệ tử tại gia) đó vốn thích sự yên lặng, tuân thủ sự yên lặng, và nói lời đề cao sự yên lặng. Có lẽ nếu ông ta (gia chủ Cấp Cô Độc) thấy hội của chúng ta đang yên lặng thì ông ta nghĩ sẽ đến gần chúng ta." Rồi những du sĩ ngoài đạo đó đều im lặng.

Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đến gần những du sĩ đó và chào hỏi qua lại với họ. *Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đó đã nói với ông:

"Này gia chủ, cái gì là sự-thấy (cách-nhìn, kiến) của sa-môn Cồ-đàm?"

"Thưa ngài tôi không biết hết toàn bộ sự-thấy của đức Thế Tôn."

"Như vậy, này gia chủ, ông nói ông không biết hết toàn bộ sự-thấy của sa-môn Cồ-đàm. Vậy hãy nói cho chúng tôi, cái gì là sự-thấy của các Tỳ kheo?"

"Thưa ngài, tôi cũng không biết hết toàn bộ sự-thấy của những Tỳ kheo."

"Như vậy, này gia chủ, ông nói ông không biết toàn bộ sự-thấy của sa-môn Cồ-đàm và ông không biết toàn bộ sự-thấy của những Tỳ kheo. Vậy hãy nói cho chúng tôi, cái gì là sự-thấy của ông?"

"Không khó để tôi giải thích sự-thấy của tôi, thưa ngài. Nhưng trước tiên hãy giải thích những sự-thấy của ngài. Sau đó sẽ không khó để tôi giải thích sự-thấy của tôi."

Sau khi điều này được nói ra, một du sĩ đã nói với gia chủ Cấp Cô Độc:

(1) "'Thế giới là bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai': sự-thấy (quan điểm, cách nhìn, kiến) của tôi là vậy, này gia chủ." (2) Một du sĩ khác nói: "'Thế giới là không bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai': sự-thấy của tôi là vậy, này gia chủ." (3)–(4) Du sĩ khác lại nói: "'Thế giới là hữu hạn' … 'Thế giới là vô hạn' … (5)–(6) 'Linh hồn và thể xác là một' … 'Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác' … (7)–(10) 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' … 'Như Lai không hiện hữu sau khi chết' … 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết'; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai': sự-thấy của tôi là vậy, này gia chủ."[387]

Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Cấp Cô Độc đã nói với các du sĩ đó:

"Thưa ngài, vị này nói như vầy: '(1)' … '(10)' [*nguyên bản kinh thì gia chủ Cấp Cô Độc lặp lại từng câu từ (1) … (10) và sau mỗi câu ông nói thêm:*] Sự-thấy này của vị ấy đã khởi sinh do bởi sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý) của chính mình, hoặc do bị điều-kiện (bị tác động, do duyên) bởi những lời của người khác nói. Giờ sự-thấy này đã được

hình thành và nó là do bị điều-kiện, là một sản phẩm của sự cố-ý (tư), là đã khởi-sinh một cách tùy thuộc (duyên khởi), là vô-thường. Thứ gì vô thường là khổ. Đây đơn giản là sự khổ mà vị đó dính vào và chấp theo.

Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó đã nói với gia chủ Cấp Cô Độc: "Chúng tôi đã giải thích những sự-thấy của chúng tôi, này gia chủ. Giờ hãy nói cho chúng tôi sự-thấy của ông."

"Thưa ngài, mọi thứ đã hình thành và nó là do bị điều-kiện, là sản phẩm của sự cố-ý, đã khởi sinh một cách tùy thuộc, đều là vô-thường. Mọi thứ vô-thường đều là khổ. Sau khi đã nhìn thấy rõ ràng thứ gì là khổ đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta'.' Đây là sự-thấy của tôi."

Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó ngồi im lặng, cúi đầu, chùn xuống, chán nản, và không nói gì. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc sau khi hiểu được những du sĩ đó đã [ngồi] im lặng … và không nói gì, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến chỗ đức Thế Tôn. Ông kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện của ông với những du sĩ đó.

[Đức Thế Tôn nói:] "Tốt, tốt, này gia chủ! Chính theo cách như vậy những người nông cạn đó có những lúc nên bị (người khác) bác bỏ hoàn toàn bằng 'sự luận giải hữu lý' như vậy."[388] Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ gia chủ Cấp Cô Độc bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. Rồi, sau khi gia chủ Cấp Cô Độc đã được chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi về.

Rồi, không lâu sau khi gia chủ Cấp Cô Độc đã đi về, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

"Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào, dù là người đã thụ giới (tuổi hạ) được 100 năm trong Giáo Pháp và giới luật này, muốn hoàn toàn bác bỏ

những du sĩ ngoài đạo bằng 'sự luận giải hữu lý', người đó chỉ cần bác bỏ họ như gia chủ Cấp Cô Độc đã làm."

(AN 10:93)

150 Gia Chủ Vajjiyamāhita

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā bên bờ Hồ Sen Gaggarā. Lúc đó có gia chủ Vajjiyamāhita rời khỏi Campā vào giữa trưa để đến chỗ gặp đức Thế Tôn. Rồi ý này đã xảy đến với ông: "Giờ không phải lúc phù hợp để đến gặp đức Thế Tôn đang ẩn dật hay đến gặp những Tỳ kheo đáng kính cũng đang ẩn dật. Vậy ta hãy đến khu ở của những du sĩ của những giáo phái khác."

[*Tiếp tục hoàn cảnh y hệt kinh kế* ***10:93*** *trên, chỉ khác ở đây là gia chủ Vajjiyamāhita thay vì gia chủ Cấp Cô Độc, cho đến:*] … *Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đó đã nói với ông:

"Này gia chủ, có đúng như đã nói, rằng sa-môn Cồ-đàm phê phán mọi sự khổ hạnh và ông ta không ngớt lên án và chê trách mọi người sống đời sống khắc khổ và khổ hạnh?"

"Không phải vậy, thưa ngài, đức Thế Tôn không phê phán tất cả mọi sự khổ hạnh và đức Thế Tôn không lên án và chê trách hết tất mọi người sống đời sống khắc khổ và khổ hạnh. Đức Thế Tôn chỉ phê phán những gì đáng phê phán và khen ngợi những gì đáng khen khợi. Bằng sự chê những gì đáng chê và khen những gì đáng khen như vậy, đức Thế Tôn nói về cơ-sở của những sự khác-biệt; đức Thế Tôn không nói về những vấn đề đó theo cách nhất nhất một chiều."[389]

Sau khi điều này được nói ra, một du sĩ đã nói với gia chủ Vajjiyamāhita:

"Khoan đã, này gia chủ! (Có phải ý ông nói là) sa-môn Cồ-đàm mà ông khen ngợi là một người chủ trương bãi bỏ, người không chịu có những tuyên bố dứt dạc dứt khoát."

"Về điểm này cũng vậy, tôi sẽ lý giải cho quý vị nghe, thưa ngài. Đức Thế Tôn thường tuyên bố một cách hợp lệ rằng: 'Đây là thiện' và: 'Đây là bất thiện'. Như vậy, khi đức Thế Tôn tuyên bố điều gì là thiện và điều gì là bất thiện, bậc ấy có những tuyên bố dứt dạc. Đức Thế Tôn không phải là người chủ trương bãi bỏ, không phải là người không chịu có những tuyên bố dứt dạc dứt khoát."

Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó ngồi im lặng, cúi đầu, chùn xuống, chán nản, và không nói gì. Rồi gia chủ Vajjiyamāhita sau khi hiểu được những du sĩ đó đã [ngồi] im lặng … và không nói gì, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến chỗ đức Thế Tôn. Ông kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện của ông với những du sĩ đó.

[Đức Thế Tôn nói:] "Tốt, tốt, này gia chủ! Chính theo cách như vậy những người nông cạn đó có những lúc nên bị (người khác) bác bỏ hoàn toàn bằng 'sự luận giải hữu lý' như vậy."

(1)–(2) "Này gia chủ, ta không nói tất cả mọi sự khổ hạnh nên được thực hành; ta cũng không nói tất cả mọi sự khổ hạnh không nên được thực hành. (3)–(4) Ta không nói tất cả mọi sự tuân-thủ (kiêng giữ, kiêng kỵ) nên được thực hành; ta cũng không nói tất cả mọi sự tuân-thủ không nên được thực hành. (5)–(6) Ta không nói một người nên phấn-đấu (tinh cần) theo mọi cách (tu búa xua, đủ mọi cách); ta cũng không nói một người không nên phấn-đấu theo cách nào. (7)–(8) Ta không nói một người nên thực hiện mọi sự từ-bỏ; ta cũng không nói một người không nên thực hiện sự từ-bỏ nào. (9)–(10) Ta không nói một người nên chứng đắc tất cả mọi loại giải-thoát; ta cũng không nói một người không nên chứng đắc loại giải-thoát nào.

(1)–(2) "Nếu, này gia chủ, khi một người thực hành một sự khổ hạnh nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên thực hành sự khổ hạnh đó. Ngược lại, nếu khi một người thực hành một sự khổ hạnh nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên thực hành sự khổ hạnh đó.

(3)–(4) "Nếu, này gia chủ, khi một người đảm nhận một sự tuân-thủ nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên đảm nhận sự tuân-thủ đó. Ngược lại, nếu khi một người thực hành một sự tuân-thủ nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên thực hành sự tuân-thủ đó.

(5)–(6) "Nếu, này gia chủ, khi một người phấn-đấu theo một cách nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên phấn đấu theo cách đó. Ngược lại, nếu khi một người phấn đấu theo một cách nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên phấn-đấu theo cách đó.

(7)–(8) "Nếu, này gia chủ, khi một người từ-bỏ một điều gì, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên từ-bỏ điều đó. Ngược lại, nếu khi một người từ-bỏ một điều gì, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên từ-bỏ điều đó.

(9)–(10) "Nếu, này gia chủ, khi một người chứng đắc một sự giải-thoát nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên chứng đắc loại (tà) giải-thoát như vậy. Ngược lại, nếu khi một người chứng đắc sự giải-thoát nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên chứng đắc loại (chánh) giải-thoát đó."

Rồi, sau khi gia chủ Vajjiyamāhita đã được chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ông ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi về.

Rồi, không lâu sau khi gia chủ Vajjiyamāhita đã đi về, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

"Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào, dù là người đã thụ giới (tuổi hạ) được 100 năm trong Giáo Pháp và giới luật này, muốn hoàn toàn bác bỏ những du sĩ ngoài đạo bằng 'sự luận giải hữu lý', người đó chỉ cần bác bỏ họ như gia chủ Vajjiyamāhita đã làm."

(AN 10:94)

151 Bà-la-môn Saṅgārava

Lúc đó có bà-la-môn Saṅgārava đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, cái gì là bờ bên này (bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn)?"

"Này bà-la-môn, (1) cách-nhìn sai lạc là bờ bên này, cách-nhìn đúng đắn là bờ bên kia. (2) Ý-định sai lạc là bờ bên này, ý-định đúng đắn là bờ bên kia. (3) Lời-nói sai trái là bờ bên này, lời-nói đúng đắn là bờ bên kia. (4) Hành-động sai trái là bờ bên này, hành-động đúng đắn là bờ bên kia. (5) Sự mưu-sinh sai trái là bờ bên này, sự mưu-sinh đúng đắn là bờ bên kia. (6) Sự nỗ-lực sai lạc là bờ bên này, sự nỗ-lực đúng đắn là bờ bên kia. (7) Sự tâm-niệm sai lạc là bờ bên này, sự tâm-niệm đúng đắn là bờ bên kia. (8) Sự định-tâm sai lạc là bờ bên này, sự định-tâm đúng đắn là bờ bên kia. (9) Sự-biết sai lạc là bờ bên này, sự-biết đúng đắn là bờ bên kia. (10) Sự giải-thoát sai lạc là bờ bên này, sự giải-thoát đúng đắn là bờ bên kia. Này bà-la-môn, một cái là bờ bên này, cái kia là bờ bên kia."

Chỉ một số ít người [390]
Đi qua bờ bên kia.
Số còn lại chỉ chạy đi chạy lại,
Dọc theo bờ [bên này].

Khi Giáo Pháp được thuyết giảng một cách chân chính
Những ai thực hành đúng theo đó
Họ sẽ vượt qua được
Cõi Tử Thần vốn rất khó vượt qua.

Sau khi đã bỏ lại những phẩm-chất tối,
Người có trí tu tập những phẩm-chất sáng.
Sau khi đã đi từ tại gia đến xuất gia,
(Xuất gia) là chỗ khó (hiếm ai) thích thú—

Ở đó người tu nên tìm sự vui thích trong sự sống tách-ly,
Sau khi đã giục bỏ những khoái-lạc giác quan.
Không sở hữu gì, người có trí thanh tẩy bản thân
Khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc) của tâm.

Những ai có tâm được khéo tu tập đúng đắn
Trong 'bảy chi giác-ngộ',
Là người thông qua 'sự không còn dính-chấp'
Tìm thấy niềm vui thích trong 'sự từ-bỏ sự nắm-giữ':
Sáng ngời, với những ô-nhiễm đã bị tiêu diệt,
Họ là những người đã tắt ngấm trong thế gian.[391]

(AN 10:117)

152 Lễ Paccorohaṇī

{Bấy giờ, vào lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), bà-la-môn Jāṇussoṇī đứng một bên không xa đức Thế Tôn, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt. Đức Thế Tôn nhìn thấy ông đứng đó và nói với ông:

"Này bà-la-môn, vì sao vào ngày lễ bố-tát ông đứng qua một bên, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt như vậy? Điều gì đang xảy ra với họ tộc bà-la-môn?"

"Thưa Thầy Cồ-đàm, hôm nay là ngày lễ hội *paccorohaṇī [bước xuống]* của hộ tộc bà-la-môn."[392]

"Nhưng theo cách nào những bà-la-môn tuân thủ lễ hội *paccorohaṇī*?"

"Ở đây, Thầy Cồ-đàm, vào ngày lễ bố-tát, những bà-la-môn gội sạch đầu tóc và mặc bộ đồ mới mới bằng vải lanh. Rồi họ trét phân bò lên nền đất, rồi lấy nắm cỏ xanh *kusa* này đậy lại, và nằm xuống giữa đường kẻ biên và nhà lửa. Trong suốt đêm, họ dậy ba lần, và chấp tay đảnh lễ ngọn lửa: 'Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính. Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính.'[393] Họ cúng vào lửa nhiều ván bơ, dầu, và bơ. Sau khi đêm đã qua, họ cúng nhiều loại thức ăn ngon cho những bà-la-môn. Thầy Cồ-đàm, chính theo cách này những bà-la-môn tuân thủ lễ hội *paccorohaṇī*."

"Này bà-la-môn, lễ *paccorohaṇī* theo giới luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn."

"Nhưng, Thầy Cồ-đàm, lễ *paccorohaṇī* theo giới luật của Thánh Nhân thì được tuân thủ theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp bằng cách giảng giải cách lễ *paccorohaṇī* được tuân thủ theo giới luật của Thánh Nhân."

"Được rồi, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Dạ, thưa thầy", bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:}

(1) "Ở đây, này bà-la-môn, người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là xấu trong kiếp này và cả

những kiếp sau.' Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc.

(2) "Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của ý-định sai lạc (tà tư duy) … (3) … lời-nói sai trái (tà ngữ) … (4) hành-động sai trái (tà nghiệp) … (5) … sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) … (6) sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) … (7) … sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) … (8) … sự định-tâm sai lạc (tà định) … (9) … sự-biết sai lạc (tà tri) … (*người dịch giản lược*) … (10) sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.' Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ giải-thoát sai lạc, người đó bước xuống khỏi sự giải-thoát sai lạc.

"Này bà-la-môn, chính theo cách này lễ *paccorohaṇī* được tuân thủ theo giới luật của Thánh Nhân."

"Thưa Thầy Cồ-đàm, lễ *paccorohaṇī* theo giới luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn. Và lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn không đáng bằng 1/16 của lễ *paccorohaṇī* theo giới luật của Thánh Nhân.

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như Người đã dựng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được hình sắc. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

(AN 10:119)

153 Lễ Paccorohaṇī [394]

{Bấy giờ, vào lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), bà-la-môn Jāṇussoṇī đứng một bên không xa đức Thế Tôn, với đầu đã gội sạch, mặc

một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt. Đức Thế Tôn nhìn thấy ông đứng đó và nói với ông:

"Này bà-la-môn, vì sao vào ngày lễ bố-tát ông đứng qua một bên, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt như vậy? Điều gì đang xảy ra với họ tộc bà-la-môn?"

"Thưa Thầy Cồ-đàm, hôm nay là ngày lễ hội *paccorohaṇī [bước xuống]* của hộ tộc bà-la-môn."

"Nhưng theo cách nào những bà-la-môn tuân thủ lễ hội *paccorohaṇī*?"

"Ở đây, Thầy Cồ-đàm, vào ngày lễ bố-tát, những bà-la-môn gội sạch đầu tóc và mặc bộ đồ mới mới bằng vải lanh. Rồi họ trét phân bò lên nền đất, rồi lấy nắm cỏ xanh *kusa* này đậy lại, và nằm xuống giữa đường kẻ biên và nhà lửa. Trong suốt đêm, họ dậy ba lần, và chấp tay đảnh lễ ngọn lửa: 'Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính. Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính.' Họ cúng vào lửa nhiều ván bơ, dầu, và bơ. Sau khi đêm đã qua, họ cúng nhiều loại thức ăn ngon cho những bà-la-môn. Thầy Cồ-đàm, chính theo cách này những bà-la-môn tuân thủ lễ hội *paccorohaṇī*."

"Này bà-la-môn, lễ *paccorohaṇī* theo giới luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn."

"Nhưng, Thầy Cồ-đàm, lễ *paccorohaṇī* theo giới luật của Thánh Nhân thì được tuân thủ theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp bằng cách giảng giải cách lễ *paccorohaṇī* được tuân thủ theo giới luật của Thánh Nhân."

"Được rồi, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Dạ, thưa thầy", bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:}

(1) "Ở đây, này bà-la-môn, người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của sự sát-sinh là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.' Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó bước xuống khỏi sự sát-sinh.

(2) "Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Hậu quả của sự gian-cắp … (3) sự tà-dâm tà dục … (4) sự nói-dối nói láo … (5) sự nói lời gây chia-rẽ … (6) sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ … (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc vô ích … (8) sự tham-dục [thèm muốn] … (9) sự ác-ý … (*người dịch giản lược*) … (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.' Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc.

"Này bà-la-môn, chính theo cách này lễ *paccorohaṇī* được tuân thủ theo Giới luật của Thánh Nhân."

"Thưa Thầy Cồ-đàm, lễ *paccorohaṇī* theo Giới luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn. Và lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn không đáng bằng 1/16 của lễ *paccorohaṇī* theo Giới luật của Thánh Nhân.

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! … [*như đoạn cuối kinh* ***10:119***] … Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

(AN 10:167)

154 Saṅgārava [395]

Lúc đó có bà-la-môn Saṅgārava đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, cái gì là bờ bên này (bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn)?"

"Này bà-la-môn, (1) sự sát-sinh là bờ bên này, sự kiêng cữ sát-sinh là bờ bên kia. (2) sự gian-cắp là bờ bên này, sự kiêng cữ gian-cắp là bờ bên kia. (3) sự tà-dâm tà dục là bờ bên này, sự kiêng cữ tà-dâm tà dục là bờ bên kia. (4) sự nói-dối nói láo là bờ bên này, sự kiêng cữ nói-dối nói láo là bờ bên kia. (5) sự nói lời gây chia-rẽ là bờ bên này, sự kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ là bờ bên kia. (6) sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ là bờ bên này, sự kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ là bờ bên kia. (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc vô ích là bờ bên này, sự kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc là bờ bên kia. (8) sự tham-dục [thèm muốn] là bờ bên này, sự vô-tham là bờ bên kia. (9) sự ác-ý là bờ bên này, sự thiện-ý là bờ bên kia. (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là bờ bên này, cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là bờ bên kia. Này bà-la-môn, một cái là bờ bên này, cái kia là bờ bên kia."

[*Tiếp tục phần thi kệ giống thi kệ ở kinh* ***10:117***.]

^ (AN 10:169)

155 Cunda

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Pāvā trong khu vườn xoài của Cunda, con trai của thợ rèn.[396] Rồi Cunda, con trai người thợ rèn, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với anh ta:

"Này Cunda, những nghi lễ thanh-lọc[397] của ai anh ưa thích hơn?"

"Thưa Ngài, con thích những nghi lễ thanh-lọc được quy định bởi những bà-la-môn ở miền tây, là những người mang theo những chậu nước, đeo vòng hoa làm bằng những cây sống dưới nước, đốt giữ lửa thiêng, và ngâm mình trong nước."

"Và, này Cunda, theo cách nào những bà-la-môn miền tây quy định những nghi lễ thanh-lọc của họ?"

"Ở đây, thưa Ngài, những bà-la-môn miền tây chỉ thị cho một đệ tử như vầy: 'Này, người tốt, sau khi thức dậy sớm, từ trên giường nên dặm chân xuống đất. Nếu không dặm chân xuống đất, nên dặm phân bò ướt. Nếu không dặm phân bò ướt, anh nên dặm cỏ xanh. Nếu không dặm cỏ xanh, anh nên đốt giữ lửa thiêng. Nếu không đốt giữ lửa thiêng, anh nên chấp tay kính lễ mặt trời. Nếu không chấp tay kính lễ mặt trời, anh nên ngâm mình trong nước ba lần kể cả buổi tối.' Chính theo cách này những bà-la-môn miền tây quy định những nghi lễ thanh-lọc của họ. Đây là những nghi lễ thanh-lọc của họ mà con ưa thích."

"Này Cunda, sự thanh-lọc theo giới luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với những nghi lễ thanh-lọc được quy định bởi những bà-la-môn miền tây, là những người mang theo những chậu nước, đeo vòng hoa làm bằng những cây sống dưới nước, đốt giữ lửa thiêng, và ngâm mình trong nước."

"Nhưng thưa Thế Tôn, theo giới luật của Thánh Nhân thì sự thanh-lọc xảy đến theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Ngài chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo một cách để giảng giải sự thanh-lọc xảy đến theo cách nào theo giới luật của Thánh Nhân."

"Được rồi, này Cunda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng."

"Dạ, thưa Ngài", Cunda, con trai người thợ rèn đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(A) "Này Cunda, sự không trong-sạch (bất tịnh) bằng thân có ba phần. Sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần. Sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần.

(I) "Và, này Cunda, theo cách nào sự không trong-sạch bằng thân có ba phần?

(1) "Ở đây, có người sát-sinh. Người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh.

(2) "Người đó gian-cắp, lấy của không được cho. Người đó trộm cắp tàu sản và đồ đạc của người khác trong làng mạc hay trong rừng.

(3) "Người đó dính hành vi tà-dâm tà dục. Người quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.[398]

"Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng thân có ba phần.

(II) "Và, này Cunda, theo cách nào là sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần?

(4) "Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: 'Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết' thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó.

(5) "Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái).

(6) "Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không trợ dẫn tới sự định-tâm.

(7) "Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược

với Giáo Pháp và giới luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng nói, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi.

"Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần.

(III) "Và, này Cunda, theo cách nào là sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần?

(8) "Ở đây, có người có đầy tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: 'Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!'

(9) "Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vầy: 'Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát,[399] bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!'

(10) "Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vầy: (đối với người đó) ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.']

"Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần.

- "Này Cunda, đây là mười đường nghiệp bất thiện. Nếu ai dính vào mười đường nghiệp bất thiện này, thì, nếu người đó có thức dậy sớm và từ trên giường dặm chân xuống đất, người đó cũng không trong-sạch, và nếu người đó không dặm chân xuống đất, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó dặm phân bò ướt, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không dặm phân bò ướt, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người

đó dặm cỏ tươi, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không dặm cỏ tươi, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó đốt giữ lửa, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không đốt giữ lửa, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó chấp tay kính lễ mặt trời, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không chấp tay kính lễ mặt trời, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó ngâm mình trong nước, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không ngâm mình trong nước, người đó cũng không trong-sạch. Vì lý do gì? Vì bản thân mười đường nghiệp bất thiện là không trong-sạch và làm ô-nhiễm. Chính bởi vì người ta dính vào mười đường nghiệp bất thiện này nên mới gặp địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ, và những nơi-đến xấu dữ khác.

(B) (I) "Này Cunda, sự trong-sạch (thanh tịnh) bằng thân có ba phần. Sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần. Sự trong-sạch bằng tâm có ba phần.

"Và, này Cunda, theo cách nào là sự trong-sạch bằng thân có ba phần?

(1) "Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống.

(2) "Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp. Người đó không lấy trộm lấy cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng hay trong rừng.

(3) "Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ sự quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.

"Chính theo cách này là sự trong-sạch bằng thân có ba phần.

(II) "Và, này Cunda, theo cách nào là sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần?

(4) "Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: 'Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết' thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lợi ích vật chất nhỏ nhặt nào đó.

(5) "Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cữ lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận.

(6) "Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ lời nói gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng.

(7) "Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và giới luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, hữu lý, đúng mực, và có ích lợi.

"Chính theo cách này là sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần.

(III) "Và, này Cunda, theo cách nào là sự trong-sạch bằng tâm có ba phần?

(8) "Ở đây, có người không có tham-dục [không thèm muốn]. Người đó không thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: 'Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!'.

(9) "Người đó có thiện-ý và những ý-định của người đó không có sự thù-ghét, như vầy: 'Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!'

(10) "Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan-điểm chánh đúng như vầy: (đối với người đó) ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.']

"Chính theo cách này là sự trong-sạch bằng tâm có ba phần như vậy."

- "Này Cunda, đây là mười đường nghiệp thiện. Nếu ai tham gia vào mười đường nghiệp thiện này, thì, nếu người đó có thức dậy sớm và từ trên giường dặm chân xuống đất, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dặm chân xuống đất, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó dặm phân bò ướt, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dặm phân bò ướt, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó dặm cỏ tươi, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dặm cỏ tươi, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó đốt giữ lửa, người đó trong- sạch, và nếu người đó không đốt giữ lửa, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó chấp tay kính lễ mặt trời, người đó trong-sạch, và nếu người đó không chấp tay kính lễ mặt trời, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó ngâm mình trong nước, người đó trong-sạch, và nếu người đó không ngâm mình trong nước, người đó cũng trong-sạch. Vì lý do gì? Vì bản thân mười đường nghiệp thiện là trong-sạch và làm thanh-lọc. Chính bởi vì người ta tham gia vào

mười đường nghiệp thiện này nên họ mới gặp những thiên thần, loài người, và những nơi-đến tốt lành khác."

Sau khi lời này được nói ra, Cunda, con trai người thợ rèn, đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! … Mong đức Thế Tôn chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến hết đời."

(AN 10:176)

156 Bà-la-môn Jāṇussoṇī

Lúc đó có bà-la-môn Jāṇussoṇī đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn cúng dường phẩm vật và thực hiện những lễ cúng tưởng nhớ người chết[400] với ý nghĩ: 'Cầu cho đồ cúng của chúng tôi sẽ làm ích lợi cho những người thân trong gia đình và họ tộc đã chết.' Thưa Thầy Cồ-đàm, liệu những đồ cúng của chúng tôi có thực sự làm ích lợi cho những người thân trong gia đình và họ tộc đã chết hay không? Liệu những người trong gia đình và họ tộc có thể dự hưởng đồ cúng của chúng tôi hay không?"

"Này bà-la-môn, điều đó có thể làm ích lợi nếu vào dịp (điều kiện, trường hợp) đúng, sẽ không làm ích lợi vào dịp sai."

"Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, cái gì là dịp đúng và cái gì là dịp sai?"

(i) "Ở đây, này bà-la-môn, có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó có đầy tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong địa ngục.[401] Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những chúng sinh trong địa ngục. Đây là dịp sai, khi

đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh ở địa ngục không hưởng được đồ cúng*)

(ii) "Có người khác sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cõi súc sinh. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những súc sinh. Đây là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh là súc vật không hưởng được đồ cúng*)

(iii) "Lại có người biết kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham-dục [thèm muốn], có thiện-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của loài người. Đây cũng là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh là người còn sống không được cúng đồ cúng*)

(iv) "Lại có người khác biết kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những thiên thần. Đây cũng là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh là thiên thần không hưởng được đồ cúng*)

(v) "Lại có người khác nữa sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh hồn ma ngạ quỷ (quỷ đói). Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những ngạ quỷ thống khổ, hoặc nếu không người đó sống còn ở đó nhờ vào những đồ cúng mà những bạn bè, đồng nghiệp, những người thân trong họ hàng hay gia đình trong thế gian này cúng cho người đó. Đây là dịp đúng, khi đó đồ cúng sẽ làm ích lợi cho một chúng sinh ở đó." (*chúng sinh là ngạ quỷ cô hồn có thể hưởng được đồ cúng*)

"Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, vậy ai sẽ dự hưởng đồ cúng nếu người thân đã chết của người cúng không tái sinh vào chỗ đó (cảnh ngạ quỷ)?"

"Những người thân đã chết của những người khác đã bị tái sinh[402] vào chỗ đó (cảnh ngạ quỷ) sẽ hưởng đồ cúng đó."

"Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, vậy ai sẽ dự hưởng đồ cúng nếu người thân đã chết của người cúng và người thân của những người khác đều không tái sinh vào chỗ đó (cảnh ngạ quỷ)?"

"Này bà-la-môn, trong suốt thời gian dài thăm thẳm [trong vòng luân-hồi, saṃsāra] không thể nào và không thể hình dung rằng chỗ đó (cảnh ngạ quỷ) lại không có những người thân nào trong họ tộc và những người trong gia đình của một người. Thêm nữa, đối với người bố-thí thì không phải không quả gì."

"Có phải Thầy Cồ-đàm đặt ra [giá trị của sự bố-thí] là cũng có ngay cả vào dịp sai?"[403]

"Này bà-la-môn, ta đặt ra [giá trị của sự bố-thí] là cũng có trong dịp sai.

(vi) "Ở đây, này bà-la-môn, có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó có đầy tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức-ăn và nước uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ-ở, và đèn thắp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài voi. Ở đó người đó có được thức-ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho voi).

"Do ở đây người đó sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài voi. Nhưng nhờ người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn … và đèn thắp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có được thức-ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho voi).

(vii) "Có người khác sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn … và đèn thắp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài ngựa … trâu bò … chó. Ở đó người đó có được thức-ăn và nước uống, vòng hoa và những đồ trang trí khác (cho con vật đó).

"Do ở đây người đó sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài ngựa … trâu bò … chó. Nhưng nhờ người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn … và đèn thắp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có được thức ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho con vật đó).

(viii) "Lại có người biết kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm không sự ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức-ăn và nước uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ-ở, và đèn thắp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Ở đó người đó có được (hưởng) năm đối-tượng khoái-lạc giác quan (năm thứ dục lạc) của cõi người.

"Do ở đây người đó đã kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Và nhờ người đó đã bố thí cho một tu sĩ và một bà-la-môn thức-ăn … và đèn thắp, nên người đó có được năm đối-tượng khoái-lạc giác quan của cõi người.

(ix) "Lại có người khác biết kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn. Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn … và đèn thắp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Ở đó người đó có được năm đối-tượng khoái-lạc giác quan (năm thứ dục lạc) của cõi trời.

"Do ở đây người đó đã kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Và nhờ người đó đã bố thí cho một tu sĩ và một bà-la-môn thức ăn … và đèn thắp, nên người đó có được năm đối-tượng khoái-lạc giác quan của cõi trời. [Đây là lý do tại sao ta nói:] 'Thêm nữa, đối với người bố-thí thì không phải không phước quả gì.'"

"Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm, rằng có lý do để bố thí cúng dường và thực hiện những nghi lễ tưởng nhớ cho người chết, vì đối với người bố thí thì không phải không phước quả gì."

"Đúng là vậy, này bà-la-môn! Đúng là vậy, này bà-la-môn! Thêm nữa, đối với người bố thí thì không phải không phước quả gì."

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! … Mong Thầy Cồ-đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tự từ hôm nay đến cuối đời."

(AN 10:177)

157 Hành Vi Trái Với Giáo Pháp

Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục?"

"Này bà-la-môn, chính bởi do hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

"Thầy Cồ-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời?"

"Này bà-la-môn, chính bởi vì hành vi chân chính, hành vi đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời."

"Tôi không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa lời tuyên bố của Thầy Cồ-đàm được nói ra một cách vắn tắt như vậy. Mong Thầy Cồ-đàm hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo cách để tôi có thể hiểu được ý nghĩa một cách chi tiết."

"Được, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Dạ, thưa ngài, bà-la-môn đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(A) "Này bà-la-môn, hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, là ba phần theo cách của thân, bốn phần theo cách của lời-nói, và ba phần theo cách của tâm.

(I) "Và, này bà-la-môn, theo cách nào là hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp là ba phần theo cách của thân?

(1) "Ở đây, có người sát-sinh, người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống.

(2) "Người đó gian-cắp. Người đó trộm cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng mạc và trong rừng.

(3) "Người đó dính hành vi tà-dâm tà dục. Người quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với người gần như đã hứa hôn.

(II) "Và, này bà-la-môn, theo cách nào là hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp là ba phần theo cách của lời-nói?

(4) "Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: 'Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết' thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó.

(5) "Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái).

(6) "Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không trợ dẫn tới sự định-tâm.

(7) "Người đó người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và giới luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng nói, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi.

(III) "Và, này bà-la-môn, theo cách nào là hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp là ba phần theo cách của tâm?

(8) "Ở đây, có người có đầy tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: 'Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!'

(9) "Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vầy: 'Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!'

(10) "Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vầy: (đối với người đó) ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] (*Nội dung các điều (1)-(10) của phần (A) cũng giống như chúng của phần (A) trong kinh Cunda* ***10:176***.)

"Này bà-la-môn, chính bởi do hành vi bất chính như vậy, hành vi trái với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

(B) "Này bà-la-môn, hành vi chân chính, hành vi đúng theo Giáo Pháp, là ba phần theo cách của thân, bốn phần theo cách của lời-nói, và ba phần theo cách của tâm.

(I) "Và, này bà-la-môn, theo cách nào là hành vi chân chính, hành vi đúng theo với Giáo Pháp là ba phần theo cách của thân?

(1) "Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống.

(2) "Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp. Người đó không lấy trộm lấy cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng hay trong rừng.

(3) "Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị,

và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.

(II) "Và, này bà-la-môn, theo cách nào là hành vi chân chính, hành vi đúng theo với Giáo Pháp là ba phần theo cách của lời-nói?

(4) "Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: 'Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết' thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lợi ích vật chất nhỏ nhặt nào đó.

(5) "Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cữ lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận.

(6) "Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ lời nói gắt-gỏng; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng.

(7) "Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và giới luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, có lý, đúng mực, và có ích lợi.

(III) "Và, này bà-la-môn, theo cách nào là hành vi chân chính, hành vi đúng theo với Giáo Pháp là ba phần theo cách của tâm?

(8) "Ở đây, có người không có tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó không thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: 'Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!'.

(9) "Người đó có thiện-ý và những ý-định của người đó không có sự thù-ghét, như vầy: 'Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!'

(10) "Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan-điểm chánh đúng như vầy: (đối với người đó) ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.']

"Này bà-la-môn, chính bởi nhờ hành vi chân chính như vậy, hành vi đúng theo với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

"Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! … Mong Thầy Cồ-đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tự từ hôm nay đến hết đời."

(AN 10:220)

(IX) Quyển "MƯỜI MỘT":

158 Mahānāma (1) [404]

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Bấy giờ, vào dịp đó một số Tỳ kheo đang may một cà sa cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong y phục, tới lúc hết kỳ ba-tháng [ba tháng an cư mùa Mưa, kiết hạ], đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành. Ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca (Sakya) nghe được điều này đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, con nghe được: 'Một số Tỳ kheo đang may một cà sa cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong cà sa, tới lúc hết kỳ ba-tháng, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.' Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?"[405]

"Tốt, tốt, này Mahānāma! Điều này phù hợp với chú là một người họ tộc đến gặp Như Lai và hỏi: 'Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?'

"Này Mahānāma, (1) một người có niềm-tin (tín) sẽ thành công, không phải người không có niềm-tin. (2) Người nỗ-lực (tinh tấn) sẽ thành công, không phải người lười-biếng. (3) Người có sự chánh-niệm được thiết lập sẽ thành công, không phải người có tâm mờ-rối. (4) Người đạt-định sẽ thành công, không phải người không đạt-định. (5) Người có trí sẽ thành công, không phải người vô trí. Sau khi đã thiết lập bản thân trong năm phẩm chất này, chú nên tu tập thêm sáu điều.

(6) "Ở đây, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Như Lai*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt

được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Đức Phật.

(7) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Giáo Pháp*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Giáo Pháp.

(8) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vầy: 'Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là

ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Tăng Đoàn*. **{**Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.**}** Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Tăng Đoàn.

(9) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình là không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào giới-hạnh*. **{**Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.**}** Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về giới-hạnh.

(10) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về sự bố-thí của mình như vầy: 'Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta

rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, rộng lòng hào hiệp, dang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Như Lai*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về sự bố-thí.

(11) "Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vầy: 'Có những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương (bốn vị vua trời lớn), những thiên thần ở cõi trời Đạo-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33), những thiên thần ở cõi trời Dạ-ma (Yāma), những thiên thần ở cõi trời Đâu-suất (Tusita), những thiên thần vui thích sáng tạo (hóa lạc thiên), những thiên thần kiểm soát những thứ được sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên), và những thiên thần cao hơn những thiên thần đó. Trong tôi cũng có loại *niềm-tin* mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó; trong tôi cũng có loại *giới-hạnh* … *sự học-hiểu* … *sự bố-thí* … *trí-tuệ* mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham,

sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào những thiên-thần*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về những thiên-thần."

(AN 11:11)

159 Mahānāma (2)

[*Mở đầu giống hệt kinh kế* ***11:11*** *kế trên, cho đến chỗ:*]

"Này Mahānāma, sau khi đã thiết lập bản thân trong năm phẩm chất này, chú nên tu tập thêm sáu điều.

(6) "Ở đây, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) … bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Như Lai*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Này Mahānāma, chú nên tu tập sự tưởng-niệm này về Phật khi đang

đi, đang đứng, đang ngồi, và đang nằm. Chú nên tu tập nó khi đang làm việc và khi đang sống ở nhà có đầy con cháu.}

(7) "Lại nữa, này Mahānāma, chú nên tưởng niệm về Giáo Pháp ... (8) ... về Tăng Đoàn ... (9) ... về giới-hạnh của mình ... (10) ... về tâm bố-thí ... (11) ... về những thiên-thần như vậy. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Như Lai*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Này Mahānāma, chú nên tu tập sự tưởng-niệm này (2) về Giáo Pháp … (11) về những thiên thần khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, và đang nằm. Chú nên tu tập nó khi đang làm việc và khi đang sống ở nhà có đầy con cháu.}"

(AN 11:12)

160 Nandiya

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn muốn nhập kỳ an cư Mùa Mưa ở Sāvatthī (Xá-vệ). Ông Nandiya người họ Thích-ca (Sakya) đã nghe điều này, và ý này đã xảy đến với ông: "Tôi cũng sẽ nhập kỳ an cư mùa mưa ở Sāvatthī.[406] Ở đó tôi sẽ lo mấy công việc làm ăn và thỉnh thoảng sẽ đến gặp đức Thế Tôn."

Sau đó đức Thế Tôn đã nhập kỳ an cư mùa mưa ở Sāvatthī. Ông Nandiya người họ Thích-ca cũng nhập kỳ an cư mùa mưa ở Sāvatthī, ở đó ông lo mấy công việc làm ăn và thỉnh thoảng đã đến gặp đức Thế Tôn. Bấy giờ, vào dịp đó có một số Tỳ kheo đang may một cà sa cho đức Thế

Tôn, (họ) nghĩ khi may xong y phục, tới lúc hết kỳ ba-tháng [ba tháng an cư mùa mưa], đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành. Ông Nandiya người họ Thích-ca nghe được điều này đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, con nghe được: 'Một số Tỳ kheo đang may một cà sa cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong cà sa, tới lúc hết kỳ ba-tháng, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.' Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?"

"Tốt, tốt, này Nandiya! Điều này phù hợp với chú là một người họ tộc đến gặp Như Lai và hỏi: 'Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?'

"Này Nandiya, (1) một người có niềm-tin (tín) sẽ thành công, không phải người không có niềm-tin. (2) Người đức-hạnh (có giới-hạnh) sẽ thành công, không phải người thất-đức (thiếu giới-hạnh). (3) Người nỗ-lực (tinh tấn) sẽ thành công, không phải người lười-biếng. (4) Người có sự chánh-niệm được thiết lập sẽ thành công, không phải người có tâm mờ-rối. (5) Người đạt-định sẽ thành công, không phải người không đạt-định. (6) Người có trí sẽ thành công, không phải người vô trí. Sau khi đã thiết lập bản thân trong năm điều này, chú nên thiết lập sự chánh-niệm bên trong về năm điều.

(7) "Ở đây, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, *dựa vào Như Lai*.

(8) "Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp

dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.' Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, *dựa vào Giáo Pháp*.

(9) "Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về những bạn-tốt như vầy: 'Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta khi ta có được những bạn-tốt, những người có lòng bi-mẫn đối với tôi, người muốn điều tốt lành cho tôi, những người khởi xướng và chỉ dạy cho tôi.' Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, *dựa vào những bạn-tốt*.

(10) "Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về sự rộng lòng bố-thí của mình như vầy: 'Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, rộng lòng hào hiệp, giang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ. Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, *dựa vào sự rộng lòng bố-thí*.

(11) "Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về những thiên-thần như vầy: 'Những thiên-thần đó đã được tái sinh trong một thân 'bằng-tâm' trong số những thiên thần vượt trên những thiên thần sống còn nhờ thức-ăn, họ không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm, hay [cần phải] làm thêm điều đã làm xong. Giống như một Tỳ kheo đã được giải-thoát phi thời gian (vĩnh viễn) thì không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm, hay [cần phải] làm thêm điều đã làm xong,[407] điều này cũng tương tự với những thiên-thần đó đã được tái sinh trong một thân 'bằng-tâm' trong số những thiên thần vượt trên những thiên thần sống còn nhờ thức-ăn.'[408] Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, *dựa vào những thiên-thần*.

"Này Nandiya, một đệ tử thánh thiện có được mười một phẩm chất này thì dẹp bỏ những phẩm chất xấu ác bất thiện và không chấp nhận chúng nữa. Giống như một cái chậu được lật úp lại thì không nhận lại nước đã đổ hết ra, và giống như lửa đã bùng cháy không còn chặn được[409] sẽ tiến tới đốt sạch khu rừng khô thì nó không quay trở lại để đốt những thứ đã đốt sạch. Cũng giống như vậy, một đệ tử thánh thiện có được mười

một phẩm chất này thì dẹp bỏ những phẩm chất xấu ác bất thiện và không chấp nhận chúng nữa."

(AN 11:13)

161 Dasama [410]

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Ngài Ānanda đang sống ở chỗ Xóm Tre (Beluvagāmaka) gần Vesālī (Tỳ-xá-li). Bấy giờ vào lúc đó có gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara (Bát thành)[411] đã đến Pāṭaliputta (thành Ba-la-lị-phất) vì công việc hay lý do khác. Sau đó ông đã đến gặp một Tỳ kheo trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Kukkuṭa, và sau khi kính lễ vị Tỳ kheo, ông ngồi xuống một bên và hỏi vị Tỳ kheo đó:

"Thưa thầy, ngài Ānanda hiện sống ở đâu? Tôi muốn gặp thầy ấy."

"Này gia chủ, thầy Ānanda đang sống ở Xóm Tre gần Vesālī."

Sau khi gia chủ Dasama đã xong việc làm ăn ở Pāṭaliputta, ông đã đến chỗ thầy Ānanda ở làng Beluvagāmaka gần Vesālī. Ông kính lễ thầy Ānanda, ngồi xuống một bên, và thưa:

"Thưa thầy Ānanda, có một điều (giáo lý, pháp tu) nào được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì cái tâm chưa được giải-thoát của người đó sẽ được giải-thoát, những ô-nhiễm (lậu hoặc) chưa được tiêu diệt sẽ được tiêu diệt, và người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó?"

"Có, này gia chủ."

"Cái gì là một điều đó, thưa thầy Ānanda?"

(1) "Ở đây, này gia chủ: ['Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm

với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.] Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định (jhāna) thứ nhất này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý (do tâm tư). Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp (pháp dục), vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp,[412] thì, với sự hoàn toàn tiêu hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

- "Đây là một điều đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì cái tâm chưa được giải-thoát của người đó sẽ được giải-thoát, những ô-nhiễm (lậu hoặc) chưa được tiêu diệt sẽ được tiêu diệt, và người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

(2) "Lại nữa, này gia chủ: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền)' ... (3) … Tầng thiền định thứ ba (Tam thiền)' … (4) ... tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).' Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định thứ tư này được tạo tác và tạo ra bởi sự cố-ý (do tâm tư). Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp (pháp dục), vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai),

rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

(5) "Lại nữa, này gia chủ, một Tỳ kheo: 'Sống bao trùm một phương bằng một cái tâm thắm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống với một cái tâm từ-ái, rộng lớn (quảng đại), bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao rộng, cao vời], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.' Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Sự giải-thoát này của tâm là được tạo tác và tạo ra bởi sự cố-ý (do tâm tư). Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp (pháp dục), vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

(6) "Lại nữa, này gia chủ, một Tỳ kheo: 'Sống bao trùm một phương bằng một cái tâm thắm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... (7) ... với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... (8) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối

với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.' Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Sự giải-thoát này của tâm là được tạo tác và tạo ra bởi sự cố-ý (do tâm tư). Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp (pháp dục), vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

(9) "Lại nữa, này gia chủ, một Tỳ kheo: (9) 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ (cơ sở) của không gian vô biên].' Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng chứng đắc 'không vô biên xứ' này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người

đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

(10) "Lại nữa, này gia chủ, một Tỳ kheo: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', người đó chứng nhập và an trú trong trong thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên]' ... (11) ... 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'sự không-có-gì', người đó chứng nhập và an trú trong trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không]'. Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng chứng đắc 'vô sở hữu xứ' này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm ... chứ không còn quay lại thế gian nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn ... trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó." [413]

Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara đã thưa với thầy Ānanda:

"Thưa thầy Ānanda, giống như một người đang tìm cửa đi vào một kho báu được giấu kín cùng một lúc gặp được mười một cửa dẫn vào kho báu được giấu kín đó. Cũng giống như vậy, trong khi con đang tìm một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử, con đã cùng một lúc gặp được mười một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử.[414] Giống như một người có một ngôi nhà có mười một cửa và khi ngôi nhà bị hỏa hoạn người đó có thể thoát ra một cách an toàn thông qua bất kỳ cửa nào trong mười một cửa đó. Cũng giống như vậy, con có thể thoát khỏi một cách an toàn thông qua một trong mười một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử đó. Thưa thầy, những người theo giáo phái khác thậm chí còn tìm cách thu học phí cho sư thầy của họ; vậy tại sao con không cúng dường cho thầy Ānanda (vì sự chỉ dạy này của thầy)?"

Rồi gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara đã mời tựu Tăng đoàn những Tỳ kheo từ Pāṭaliputta và từ Vesālī, và đã tự tay mình phục vụ và làm vui lòng những Tỳ kheo bằng nhiều loại món ăn ngon lành. Ông đã dâng tặng mỗi Tỳ kheo hai bộ cà sa và dâng tặng thầy Ānanda ba bộ, và ông đã cho xây một tịnh-xá trị giá năm trăm[415] (cúng dường) cho thầy Ānanda.

(AN 11:16)

CHÚ THÍCH

---

[1] [*Hành vi trái với Giáo Pháp*" (*adhammacariyā*) và *hành vi đúng theo Giáo Pháp* (*dhammacariyā*) được giảng giải ngắn gọn trong kinh kế tiếp. Trong kinh **10:220** và **10:217**, những hành vi đó được nhận dạng là *10 đường nghiệp bất thiện* và *10 đường nghiệp thiện*.] (235)

[2] [**Mp** giải thích rằng bà-la-môn này đã đến gặp Phật vì sự tự cao của ông ta, ý định tìm lỗi bắt lỗi trong giáo lý của Phật. Phật biết điều đó và hiểu rằng ông bà-la-môn sẽ có được ích lợi chỉ khi ông ta được trả lời trước bằng 02 một câu trả lời dứt khoát nhưng giống nhau cho 02 hệ quả tái-sinh ngược nhau là cõi trời và địa ngục, thì ông ta sẽ tiếp tục hỏi tới để biết. Và cách trả lời và giảng giải quy nạp theo một công thức "do có làm và không làm" đã làm cho ông bà-la-môn bớt kiêu ngạo và trở nên kiêm tốn để hiểu biết, và kính phục Đức Phật, và xin quy y Tam Bảo.] (236)

[3] [02 chữ mang tính thực hành ở đây là *kiriyavāda* và *akiriyavāda* (*thuyết làm* và *thuyết không-làm*). Về sự bác bỏ "*thuyết không-làm*" (*akiriyavāda*), tức giáo thuyết từ chối hiệu-quả vè mặt đạo đức của những việc làm khác, mời quý vị coi thêm kinh **MN 60**, mục 13; **MN 76**, mục 10. Còn kinh **AN 2:34** này dường như được cắt ra từ kinh **AN 8:12**, đoạn (1) và (2).] (253)

[4] [**Mp**: "Chữ *học-nhân* (*sekha*) là chỉ 07 hạng học-nhân [từ người tu thánh đạo Nhập-lưu cho tới người tu thánh đạo A-la-hán, ngoại trừ A-la-hán]. Nhưng *một người phàm phu có giới-hạnh* (*sīlavantaputhujjana*) cũng có thể được tính như người đang tu ở chặng thánh đạo Nhập-lưu."] (254)

[5] [Nguyên văn: *Kāmarāgābhinivesavinibandhapaligedhapariyuṭṭhānajjhosānahetu*. Tôi dịch tổ hợp chữ này theo sự phân nghĩa của **Mp** là: *kāmargābhinivesahetu*, *kāmarāgavinibandhahetu*, *kāmarāgapaligedhahetu*, *kāmarāgapariyu-ṭṭhānahetu*, *kāmarāgaajjhosānhetu*. Cách phân nghĩa này cũng được áp dụng cho tổ hợp dài nói về *diṭṭhi* (cách-nhìn, kiến).] (268)

[6] [Lời buộc tội tương tự đối với Đức Phật cũng thấy trong kinh **4:22** và **8:11**.] (269)

[7] [Tôi làm theo **Ce** và **Be** ghi cụm chữ này là *kāmamajjhāvasati* (= *kāmaṃ ajjhāvasati*); khác với **Ee** ghi là *kāmamajjhe vasati*.] (270)

[8] [Lời buộc tội tương tự đối với Đức Phật cũng thấy trong kinh **4:22** và **8:11**.] (269)

[9] [Tôi làm theo **Ce** và **Be** ghi cụm chữ này là *kāmamajjhāvasati* (= *kāmaṃ ajjhāvasati*); khác với **Ee** ghi là *kāmamajjhe vasati*.] (270)

[10] [Về ông (hoàng tử) Hatthaka ở xứ Āḷavī, mời coi lại kinh **1:251** và chú thích.] (376)

[11] [Nguyên văn cụm chữ này: *Antaraṭṭhako himapātanasamayo*. **Mp** giải thích đó là: "Một thời tiết tám ngày tuyết rơi. Nó gồm bốn ngày cuối cùng của tháng Māgha và bốn ngày đầu của tháng Phagguṇa [khoảng khoảng giữa tháng 2 dương lịch.] (377)

[12] [Những thi kệ này cũng được nói cho gia chủ Cấp Cô Độc trong kinh **SN 10:08**.] (378)

[13] [Trong kinh **SN 1:03** (Quyển 1), bài kệ này được nói bởi một thiên thần, rồi thiên thần đó được Đức Phật "đính chính" lại bằng một bài kệ lần lượt nói về "*người đi tìm sự bình-an*" phải biết "*dẹp bỏ miếng mồi của thế gian*" (*lokāmisaṃ pajahe santipekkho*).] (408)

[14] [Bài kệ này và bài kệ sau cũng có trong kinh **SN 1:41** (Quyển 1).] (409)

[15] [*Sandiṭṭhiko dhammo*] (410)

[16] [Nguyên văn: *kukkuṭasampātikā*. **Mp** chú giải: "'*Những con gà' bay đi bay lại giữa chúng* (*các nơi đó*)' (*kukkuṭasampāto*) nghĩa là những con gà bay từ những mái nhà của làng này qua những mái nhà của làng bên. Khi những khi làng nằm kề như vậy, nên họ nói rằng chúng 'gần kề đến nỗi những con gà có thể bay qua lại giữa chúng'. Cũng có cách ghi khác về những khu làng là *kukkuṭasampādikā* (*gần kề đến nỗi những con gà có thể đi qua lại giữa chúng*). Và *những con gà có thể đi qua lại giữa chúng* (*kukkuṭasampādo*) có nghĩa là *những con gà có thể đi bằng chân từ làng này qua làng bên*. Khi những khi làng nằm kề như vậy, nên họ nói rằng chúng 'gần kề đến nỗi những con gà có thể đi bộ qua lại giữa chúng.'"] (411)

[17] [*Tanuttaṃ paññāyati*. Nghĩa gốc: "*sự giảm bớt [của dân số loài người] được nhìn thấy*."] (412)

[18] [Nguyên văn: *Gāmāpi agāmā honti, nigamāpi anigamā honti, nagarāpi anagarā honti, janapadāpi ajanapadā honti*. Nghĩa gốc: "*những làng mạc trở thành không làng, những phố thị thành không phố thị, những thành thị thành không thành thị, và những tỉnh lỵ thành không tỉnh lỵ*."] (413)

[19] [**Mp** luận giải như vầy: "*Tham-dục trái pháp* (*adhamma-rāga*): bản thân tính tham-dục đã ngược với Giáo Pháp (*adhamma*) rồi, nhưng nó không phải là 'trái pháp, phi pháp, trái phép' nếu cái tham đó là tham của cải tiền bạc … của chính mình. Nó chỉ là 'trái pháp, phi pháp, trái phép' khi tham những của cải tiền bạc này nọ … của người khác. *Sự tham-lam bất chính* (*visama-lobha*): bản thân tính tham-lam đã không bao giờ là chân chánh cho được, nhưng ở đây tham-lam một thứ gì thuộc về mình thì được gọi là sự tham-lam đúng đắn. Sự tham-lam của cải của người khác thì được gọi là sự tham-lam bất chính, không chân chánh. *Giáo Pháp sai lạc* (*micchā-dhamma*, tà Pháp): là sự mê thích những thứ không phải là một cơ-sở." **Mp-ṭ** bổ sung: "Là sự mê đắm một số cơ-sở của tham-dục (*rāgassa vatthuṭṭhānaṃ*) chứ không phải những thứ được cho là tốt thiện bởi những tiêu chuẩn của thế gian." (sự chú giải chữ "tà Pháp" ở đây nghe hơi khó hiểu).] (414)

[20] [Tôi đọc theo **Be**, **Ee**, và **Mp** [**Ce** và **Be**] nguyên văn: *yakkhā vāḷe amanusse ossajjanti*. Phiên bản **Ce** của bộ kinh **AN** này thì ghi chữ *manusse* thay vì chữ *amanusse*. *Yakkha* (dạ-xoa) là những loài quỷ dữ, nhiều lúc được mô tả là giết người và nuốt trọng xác chết, nhưng chúng cũng có khả năng hướng thiện và thậm chí có thể giác ngộ Giáo Pháp. **Mp** chú giải: "'*Những yakkha*' *là những yakkha cai trị* (*tức những yakkha chúa điều khiển những yakkha dã man khác*). *Chúng thả những yakkha hung bạo trên khắp đường đi của con người, và khi những con ác quỷ yakkha đó gặp cơ hội, chúng sẽ lấy mạng của con người*" (*yakkhā ti yakkhādhipatino. Vāḷe amanusse ossajjantī ti caṇḍayakkhe manussapathe vissajjenti, te laddhokāsā mahājanaṃ jīvitakkhayaṃ pāpenti*). Mặc dù tôi hiểu theo **Mp**, nhưng tôi vẫn thắc mắc có còn bản gốc nào diễn dịch động từ ở thể thụ động và đặt tất cả những danh từ thực thể ở dạng số nhiều chỉ danh như: *yakkhā vāḷā amanussā ossajjanti*. Nghĩa chữ của câu này là "*Những yakkha—là chúng sinh phi nhân, dã man—được thả ra*.] (415)

[21] [Đoạn kệ này cũng có trong tập kinh Pháp Cú, **Dhp 423** *a–d*, ám chỉ ba loại trí-biết (tam minh).] (419)

[22] [**Mp** giải thích: đồ cúng tế: *yañña*: "*một thứ được cho đi, đồ bố thí*" (*deyyadhamma*) [mặc dù nó đã được xếp vào loại vật phẩm cúng dường thứ tư]; đồ cúng giỗ: *saddha* (Phạn: *śrāddha*): "*bữa cơm tưởng niệm người chết*" (*matakabhattaṃ*); đồ dâng cúng: *thālipāka*: "*bữa cơm cúng dường những bậc xuất chúng*" (*varapurisānaṃ dātabbayuttaṃ bhattaṃ*), nhưng theo **SED** thì chữ sv *sthālī, sthālīpāka* có nghĩa rõ ràng là món gạo hay lúa mì nấu trong sữa, hay món cháo sữa được cúng dường một cách cung kính; và đồ bố thí, thứ được bố thí: *deyyadhamma*: "*bất cứ thứ gì có thể được bố thí; phẩm vật bố thí, hiện vật cúng dường*.] (420)

[23] [Nguyên văn: *anuttaraṃ brahmacariyogadhaṃ*. **Mp** chú giải: "*Niết-bàn là* '*đỉnh cao tối thượng của đời sống tâm linh*', *là chỗ dựa tối thượng của đời sống tâm linh, đó là đạo dẫn tới quả A-la-hán*" (*arahattamaggasaṅkhātassa brahma-cariyassa anuttaraṃ ogadhaṃ utta-mapatiṭṭhābhūtaṃ nibbānaṃ*). Trong kinh **MN 44**, mục 29, chữ *nibbānogadhaṃ* được dùng chung với chữ *nibbānaparāyanaṃ* và *nibbānapariyosānaṃ* cho thấy 03 chữ là như đồng nghĩa với nhau. **It–a I 112,11–12**, thì giải thích chữ *nibbānogadhagāmī* (cũng giống trong kinh **AN** này) bằng lời chú giải là: *nibbānasaṅkhātaṃ ogadhaṃ patiṭṭhaṃ pāraṃ gacchati* (*nó đi đến bờ bên kia, là chỗ dựa, là đỉnh cao gồm có Niết-bàn*). Cách giải thích này cũng đồng nhất với những luận giảng khác, cũng ủng hộ cách tôi dịch chữ *nibbānogadha* là "*đỉnh cao trong/là Niết-bàn*", chứ không dịch là "*sự nhập vào hay nhảy vào Niết-bàn*" như những người dịch trước kia đã dịch. Tôi dịch chữ *amatogadha* trong *Bộ Kinh Liên-Kết* [các kinh **SN 45:139**, **46:184**, **48:42**, **48:44** … vân vân] là "*với sự bất-tử là nền tảng của nó*", cách dịch này là không được thỏa mãn cho lắm. Tôi biết ơn nhà sư Vanarata đã góp ý về chữ này.] (421)

[24] [**Mp**: "Ông ta không muốn trả lời câu hỏi của thầy Ānanda, cho nên ông ta cứ chuyển đề tài thành những lời ca ngợi như vậy."] (422)

[25] [Nguyên văn 03 sự này là: *Iddhipāṭihāriyaṃ ādesanāpāṭihāriyaṃ anusāsanīpāṭihāriyaṃ*. *03 sự kỳ diệu* này cũng được ghi trong dài **DN 11**, mục 3–8.] (423)

[26] [Nguyên văn: *nimittena ādisati*. **Mp** giải thích đây chỉ là *dạng biểu hiện manh mối* không liên quan trực tiếp, mà có lẽ là một *cử chỉ* hay một *biểu hiện* trên mặt một người—thời hiện đại gọi là "*ngôn ngữ thân thể*"—lộ ra cho một người giỏi quan sát có thể đoán được trạng thái tâm của một người đó.] (424)

[27] [Nguyên văn: *vitakkavipphārasaddaṃ sutvā*. **Mp** chú giải rằng: "*Sau khi nghe được âm thanh của những người lẩm bẩm trong khi đang ngủ hay đang mê, [âm thanh] khởi sinh bởi sự khuếch tán của ý nghĩ.*" Tôi nghĩ rằng **Mp** đã lạc đề ở chỗ này. Bởi vì những ví dụ trong bài kinh là theo thứ tự từ thô tế đến vi tế, tức cái sau là vi tế hơn cái trước. Tôi nghĩ rằng ý kinh ở đây muốn chỉ một âm thanh vi tế được phát tán ra bởi ý nghĩ thay vì bằng lời nói.] (425)

[28] [Chỗ này chắc hẳn đang chỉ trạng thái của tầng thiền định thứ hai hoặc cao hơn (vì trạng thái là hết tầm hết tứ).] (426)

[29] [**Mp** đã đưa ra các ví dụ như: "Hãy nghĩ những ý nghĩ vô-dục, đừng nghĩ ý nghĩ tham-dục; chú tâm (tác ý) vào (sự thực) 'vô-thường, khổ, vô-ngã', đừng chú tâm (sự ảo) 'thường, lạc, ngã'; dẹp bỏ dục-lạc (khoái-lạc giác quan) và chứng nhập thánh đạo và thánh quả vượt khỏi thế gian (siêu thế)."] (427)

[30] [Nguyên văn: *āsajja upanīya vācā bhāsitā*. Chữ *āsajja* thường có nghĩa là "*đã tấn công, đã công kích*", nhưng nghe quá mạnh bạo ở trong ngữ cảnh này. **Mp** thì chỉ bê nguyên một câu để diễn nghĩa câu nói của Phật chứ không giải thích gì về mặt ngữ nghĩa học, câu đó như vầy: "*Lời của ông đã nói đã động vào những đức hạnh của ta và đã chọt vào trú xứ của những đức hạnh của ta*" (*mama guṇe ghaṭṭetvā mam'eva guṇānaṃ santikaṃ upanītā vācā bhāsitā*). Do vậy tôi nghĩ rằng những lời nói của bà-la-môn chỉ là cách ông tìm hiểu để biết chắc về Phật, chứ ông ta không có ý xúc phạm Phật. Nên lời kinh chép lại chỗ này có lẽ không xác đáng hay phù hợp cho lắm.] (428)

[31] [Tên các loại giường, nệm, mền và những vật dụng tiện nghi, tôi dựa theo cách dịch của tiến sĩ Horner trong bản dịch Luật Tạng **Vin I 192,14–19** (1951, 4:256–57). Bà đã dựa vào những diễn dịch của mình ở **Sp V** 1086,1–1087,12, vốn cũng tương thích với diễn dịch của **Mp II** 292–93.] (442)

[32] [Nguyên văn: *Dibbaṃuccāsayanamahāsayanaṃ, brahmaṃuccāsayana-mahāsayanaṃ, ariyaṃ uccāsayanamahāsayanaṃ*.] (443)

[33] [Nguyên văn: *So ce ahaṃ, brāhmaṇa, evaṃbhūto caṅkamāmi, dibbo me eso tasmiṃ samaye caṅkamo hoti*. **Mp** nói rằng: (i) *sự đi tới đi lui là thuộc cõi trời* là khi: sau khi đã chứng nhập trong 04 tầng thiền định, Phật đi tới đi lui (đi kinh hành, như đi thiền); và (ii) *sự đi tới đi lui của Phật là thuộc cõi trời* là khi: sau khi đã thoát ra khỏi 04 tầng thiền định đó, Phật đi tới đi lui. —Điều này *dường như* có nghĩa rằng 'sự bước đi tới đi lui' có thể xảy ra

ngay cả khi cái tâm đang ở trong trạng thái tầng thiền định! Tuy nhiên, điều này đã mâu thuẫn với định-nghĩa công thức rằng tầng thiền định là một trạng thái chìm sâu không bị gián đoạn trong một đối-tượng thiền, trong đó những chuyển động theo ý chí như 'đi lại' thì không thể nào diễn ra được. **Mp-ṭ** giải thích trường hợp (i) của **Mp** [*đi tới đi lui sau khi chứng nhập trong tầng thiền định*] có nghĩa là Phật đi tới đi lui *lập tức ngay sau khi* thoát ra khỏi tầng thiền định; còn trường hợp (ii) [*đi tới đi lui sau khi thoát khỏi tầng thiền định*] có nghĩa là Phật đi tới đi lui (một lúc nào đó) *sau khi đã thoát ra khỏi tầng thiền định vào một lúc nào đó trước đó*. —Hai sự chú-giải này của **Mp-ṭ** cũng áp dụng tương ứng cho trường hợp "*tiện nghi thiên thánh* (*brahma*)" và "*tiện nghi thánh thiện* (arya)".] (444)

[34] [**Mp** giảng giải: "Chỗ này là chỉ *tham* đã được dẹp bỏ bằng thánh đạo A-la-hán ngay tại hiện trường của sự đại giác-ngộ. Bằng phương tiện hồi quán lại, Phật đã đề cập tới sự chứng quả."] (445)

[35] [Phiên bản **Be** ghi tên kinh là *Kesamutti*; có nghĩa là: *những người ở quận thị Kesaputta*; đó là những người họ tộc Kālāma sống ở quận thị đó. Cho nên bài kinh này nổi tiếng hơn với cái tên "*Kālāma Sutta*" (*Kinh Những Người Kālāma*). **Be** ghi tên là *Kesamutti*. Bài kinh này nổi tiếng với tên là "*Kinh Những Người Kālāma*" (*Kālāma Sutta*). —Một phiên bản tương đương trong Hán tạng là kinh **MĀ 16** [ở T I 438b13–439c22]. Tôi sẽ ghi chú bên dưới những cách quan trọng mà nó khác với phiên bản Pāli.] (455)

[36] [Luận giảng [**Mp**] giải thích rằng thị trấn này nằm bên bìa một khu rừng. Nhiều nhóm du sĩ và ẩn sĩ thường dừng nghỉ qua đêm ở đây trước khi họ băng qua khu rừng. Trong lúc ở lại họ thường nói chuyện với những người Kālāma trong thị trấn, và do đó những người Kālāma được tiếp cận với nhiều loại chủ thuyết, giáo thuyết. Sự mâu thuẫn giữa những giáo thuyết và quan-điểm khác nhau đã gây ra nhiều sự nghi-ngờ và bối-rối cho họ.]

[37] [Một loạt *10 nguồn hay cơ sở chưa đầy đủ* để kết luận một điều gì là sự thật có thể được phân thành 03 nhóm:

- (1) NHÓM 1: gồm *04 lý-do đầu tiên*: là 04 sự giả định mặc nhiên dựa theo sự lưu truyền, sự lan truyền, truyền thống. Gồm có (i) do "*lời truyền miệng*" (*anussava*): thường được hiểu ở đây bởi các giảng luận là Phật đang chỉ những kinh chú Vệ-đà đã được truyền miệng; (ii) do "*điều đó đã trở thành*

truyền thống": như những giáo lý, giáo điều đã được truyền dạy của những sư thầy, những tông giáo, tôn môn kế truyền; (iii) do "*tin đồn*" (tin được lan truyền, điều được kể lại, chuyện được thuật lại; *itikirā*): là những tin đồn bao gồm cả những tin tức hay ý kiến trào lưu, hay những điều được đa số chấp thuận chung; và (iv) do "*có ghi trong kinh sách*" (hay trong các tập kinh, bộ kinh (*piṭaka-sampadā*)): đó là những lời kinh, những câu kinh, những điều được cho là "y kinh" thì không thể nào sai (nhưng thực ra những lời ghi trong kinh sách chưa chắc là sự thật, có thể là sai hoàn toàn, hoặc có thể chỉ là những điều do quy ước dùng để chỉ dạy, hoặc chỉ là sự thật tương đối; giống như Phật nói Giáo Pháp của Phật chỉ như một chiếc bè dùng để qua sống chứ chúng không hẳn là sự thật, chỉ giống như ngón tay chỉ mặt trăng chứ không phải là mặt trăng). Ở đây, theo các giảng luận, ý Phật cũng chỉ những điều được ghi trong những kinh sách cổ xưa *khác* hoặc *sau này*, vì lúc Phật còn sống thì những lời kinh Phật chỉ được truyền dạy bằng miệng chứ chưa được ghi thành những tập kinh hay bộ kinh.

- (2) NHÓM 2: gồm có *04 lý-do kế tiếp* có được từ lý giải, suy lý, suy luận, đó là: (v) "*do lý giải*": bởi vì *sự lý giải* thì mỗi người hiểu *lý lẽ* và lý giải khác nhau, không phải ai cũng lý giải đúng theo sự thật; (vi) "*do suy luận*": *sự suy luận* cũng vậy, vì suy luận từ những *lý do* và *nguyên nhân* đúng giả khác nhau, hoặc suy luận chỉ dựa trên sự phỏng đoán, phán đoán này nọ, và không phải ai cũng suy luận đúng sự thật; (vii) "*do tự thấy là hợp lý, hợp với lý thuyết đã học*": đây là cách phổ biến gán ghép áp đặt mọi sự đúng hay sai dựa theo khuôn mẫu lý thuyết, mà lý thuyết cũng chỉ là lý thuyết, không phải thấy hợp với lý thuyết thì đó là sự thật, bởi vì không phải mọi lý thuyết đều đúng với sự thật; (viii) "*do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó*": sự chấp nhận này là kết quả sau khi đã xem xét suy tư kỹ càng về điều đó, nhưng cũng đâu có gì bảo đảm là đúng sự thật, vì mỗi người xem xét kỹ theo những cách sai đúng khác nhau, và những mức độ xem xét kỹ lưỡng của mỗi người cũng khác nhau; chưa kể sự xem xét dựa trên những cơ sở nào, hay rốt cuộc cũng chỉ dựa trên những 09 cơ sở kia. Chỗ này, theo luận giảng, ý muốn nói rằng những suy luận của con người đều dựa trên giả thuyết mà ra; đó là sự khác nhau so với sự suy luận của Đức Phật: đó là dựa trên sự quán xét thực nghiệm và sự tự thân thấy-biết.

- (3) NHÓM 3: *gồm 02 lý-do cuối cùng*, đây là 02 loại sự dính líu yếu tố cá nhân người nói: một là (ix) "*do vẻ bề ngoài hay tướng mạo của người nói có vẻ cao đạo, xuất sắc nên đáng tin*" (*bhabbarūpatā*): là sự thu hút của người

nói [có lẽ gồm cả tướng mạo, oai nghi, biểu hiện, giọng nói, cử chỉ, những tính chất *bề ngoài* của người đó]; và hai là do thẩm quyền của người nói: (x) "*do đó là sư thầy của mình* [tiếng Pāli *garu* là đồng nghĩa chữ *guru* của tiếng Phạn] *nên điều ổng nói chắc chắc đúng sự thật*": cơ sở này không có gì chắc: không phải 'điều gì do sư thầy, sư phụ, sư ông của chúng ta nói là phải đúng sự thật'; bởi vì trong thực tế không phải sư thầy nào cũng nói, giảng, dạy đúng theo sự thật; chưa kể bối cảnh lời kinh ở đây muốn chỉ *những sư thầy khác nhau của những giáo phái khác nhau với những giáo lý khác nhau* thường ghé lại ngôi làng này và thuyết giảng. (457)

- (Chú thích này do người dịch diễn dịch thêm bằng tiếng Việt để người đọc có thể nắm bắt ít nôm na ý nghĩa của *10* "*cơ sở chưa chắc chắn để kết luận một điều là sự thật*" mà Phật đã chỉ ra cho những người dân *Kālāma*. Ý nghĩa là Phật khuyên dạy mọi người không *nên phụ thuộc vào sự hiểu biết cá nhân có được từ 10 cơ sở đó,* vì sự thật cần phải được tự thân chứng ngộ hay tự thấy, tự biết. Và trước mắt Phật chỉ khuyên dạy rằng: chỉ cần biết điều gì thiện lành, được bậc trí hiền khen ngợi thì nên làm, và điều gì ngược lại thì không nên làm, thì sẽ dẫn đến phúc lợi dài lâu; không cần phải vất vả tìm hiểu để biết cho được ai nói là sự thật, ai nói là không sự thật trước khi thực hành.)

38 [Theo Đức Phật, tham, sân, si là ba gốc rễ bất thiện (*akusalamūlāni*), nó nằm ẩn bên dưới những hành vi bất thiện thất đức và tất cả những trạng thái ô nhiễm của tâm; coi thêm kinh **3:69**. Bởi vì mục tiêu của giáo lý của Phật là Niết-bàn, là sự tiêu-diệt tham, sân, si [kinh **SN 38:10** (quyển 4)], Đức Phật đã tinh tế dẫn dắt những người Kālāma đồng tình theo giáo lý của Phật một cách đơn giản bằng cách kêu họ tự mình suy xét sự trải nghiệm của chính mình (hơn là tin ở những điều nghe từ bên ngoài); và Phật không cần phải bắt họ tin suông lời của Phật là đúng.] (458)

39 [Điều này chắc chắn chưa phải là hoàn toàn trực quan khách quan, ít nhất là trong kiếp hiện tiền, bởi vì những trường hợp "*điều xấu dữ xảy ra với người làm nghiệp tốt*" vẫn đầy rẫy, không thể đếm hết.] (459)

40 [Nguyên văn: *Idhāhaṃ ubhayen'eva visuddhaṃ attānaṃ samanupassāmi*. Nghĩa chính xác của chữ "*về cả hai phương diện*" vẫn chưa hoàn toàn rõ rệt đối với tôi. **Mp** diễn dịch đại ý là: "*Vì tôi không làm điều xấu ác, và điều xấu ác cũng không được làm bởi người khác đối với tôi*" (*yañca pāpaṃ na*

karomi, yañca karotopi na karīyati).” Tuy nhiên, đối với tôi dường như ý của lời kinh đang nói về 02 loại sự thanh-lọc bản thân, đó là: (1) *không làm những điều xấu ác*, và (2) *tu dưỡng tâm trong sạch bằng cách tu tập bốn trạng thái tâm vô lượng [từ, bi, hỷ, xả]*. Nghĩa này cũng giống như nghĩa trong bản Hán tạng tương đương vậy. (Người dịch Việt thấy sự chú giải của **Mp** cũng có lý phần nào, tức là “Giả sử làm việc xấu không bị quả xấu, thì một người không làm việc xấu (i) cũng là tốt và (ii) cũng không bị người khác làm điều xấu ác với mình. Như vậy được tốt cả 02 phương diện).] (460)

41 [*04 sự bảo-an* trong phiên bản kinh này trong Hán tạng **MĀ 16** [ở T I 439b8–26] là khác, như sau: (1) “Nếu có thế giới này và thế giới khác, nếu có những nghiệp quả của những nghiệp tốt và xấu, thì tôi tích được nghiệp kết nối (câu hữu) với chánh-kiến này; tôi xiển dương nó và có được nó. Khi thân tan rã, sau khi chết, tôi chắc chắn sẽ đi tới trạng thái tốt lành, thậm chí được tái sinh trong cõi trời. (2) Nếu không có thế giới này và thế giới khác, và không có những nghiệp quả của những nghiệp tốt và xấu, ngay cả trong kiếp này, thì tôi cũng không bị người khác chê trách về [hành vi của] mình, nhưng tôi sẽ được khen ngợi bởi người trí hiền. Tuy nhiên, những người có chánh tinh-tấn và chánh-kiến thì nói là có [thế giới này, thế giới khác, và những quả của nghiệp]. (3) Nếu làm điều gì, chắc chắn tôi không làm điều xấu gì xấu ác. Vì tôi không làm điều gì xấu ác, thì sao sự khổ đau có thể khởi sinh trong tôi? (4) Nếu làm điều gì, chắc chắn tôi không làm điều xấu gì xấu ác. Tôi không phạm vào điều gì đáng sợ-hãi và điều gì không đáng sợ-hãi trong thế gian. Tôi chỉ luôn có tình thương và bi mẫn đối với toàn thế gian. Tâm tôi không có sự tranh đấu đối với những chúng sinh; điều đó là không sự ố-nhiễm, và hoan hỷ và hạnh phúc.”] (461)

42 [Nguyên văn: *Atthi idaṃ, atthi hīnaṃ, atthi paṇītaṃ, atthi imassa saññāgatassa uttari nissaraṇaṃ*. Câu này cũng có trong kinh **MN 7**.17, trong đó câu này cũng theo sau những câu nói về *04 tâm vô lượng*. **Mp** giải nghĩa: “*Có trạng thái này*”: là chỉ *năm-uẩn*, chỉ cái *sự thật về khổ* (diệu đế 1); “*có trạng thái thấp kém* (*nhược*)”: là chỉ *sự thật về nguồn-gốc khổ* (diệu đế 2); “*có trạng thái cao siêu hơn* (*ưu*)”: là chỉ *sự thật về con-đường dẫn đến sự diệt khổ* (diệu đế 4 về Bát thánh đạo); và; “*một sự giải-thoát nữa vượt khỏi mọi thứ dính líu nhận-thức*”: là chỉ *Niết-bàn*, là = *sự thật về sự diệt khổ* (diệu đế 3).] (462)

[43] [Nguyên văn: *brahmabhūtena attanā viharati*. Cách diễn tả trong đoạn cuối này cũng có trong kinh **4:198**, và trong kinh **MN 51**, mục 5. Dường như Đức Phật thường cố ý chọn dùng chung chữ (cùng thuật ngữ) với những từ ngữ của bộ *Upanishad* (*Áo Nghĩa Thư* của Vệ-đà) cho mục đích giảng giải giáo lý của mình. (Như những trạng thái thiên-thánh hay vô-lượng thì lấy chữ trời *brahma* (phạm thiên) để mô tả nó như thuộc cõi trời, bởi vì đó là cảnh giới cao siêu nhất, đáng mơ ước nhất (bởi đa số người dân) theo giáo lý của các tôn giáo đương thời của Ấn Độ lúc đó).] (463)

[44] [Những Ni-kiền-tử (*Nigaṇṭha*) là những tu sĩ theo đạo Jain (tức Kỳ-na giáo), là những đệ của giáo chủ Đại Thiên (Mahāvīra), ông được biết là vị đạo sư của đạo Jain, được biết tới trong các bộ kinh với tên là Ni-kiền-tử Nātaputta (Nāthaputta, Ñātaputta). Ông là người cùng thời với Phật và nàm trong số 06 đạo sư đối nghịch với Phật [coi thêm kinh dài **DN 2**, mục 16–33]. Có thể hiểu những người theo đạo Phật và những người theo đạo Jain lúc đầu phát triển trong cùng những vùng đất, và họ đều là những người khất thực, họ hầu như là cạnh tranh nhau để có được sự ủng hộ cúng dường từ cùng những cộng đồng người tại gia.] (474)

[45] [Nguyên văn: *Ye puratthimāya disāya pāṇā paraṃ yojanasataṃ tesu daṇḍaṃ nikkhipāhi.* **Mp** giải nghĩa là: "*Hãy đặt cây gậy xuống và không bạo động đối với những chúng sinh sống trong những vùng xa hơn 100 do-tuần*" (*tesu yojanasatato parabhāgesu ṭhitesu sattesu daṇḍaṃ nikkhipa, nikkhittadaṇḍo hohi*). Một do-tuần là khoảng giữa 7-9 dặm (khoảng độ 11-15 km)] (475)

[46] [Nguyên văn câu này là: *Nāhaṃ kvacana, kassaci kiñcanatasmiṃ, na ca mama kvacana, katthaci kiñcanatātthi*. Các phiên bản **Ce**, **Be**, và **Ee** ghi câu công thức này với một số chữ khác nhau ít nhiều. Ở đây tôi đọc theo **Ce** và dựa theo kinh **4:185**. Mục đích của công thức này, theo như ý bài kinh này, là để làm thấm nhuần tư tưởng phi-sở-hữu: một trong những giới-hạnh căn bản của đạo Jain. Phật cũng dạy công thức này—như đã được truyền dạy trong những cộng đồng người tu thiền quán—dùng nó như một phương tiện để loại bỏ "*sự tạo nên cái-ta*" (tự ngã) và "*sự tạo nên cái của-ta*" (ngã sở) (để nhấn mạnh cái 'ta' là giả lập và vô ngã, không có cái 'ta' thường hằng nào, và không có thứ gì thường hằng thuộc về *của-ta*). Coi thêm chú thích 896 ở kinh **4:185**, ở đoạn (4), để biết thêm các chi tiết khác.] (476)

[47] [Nguyên văn: *Upakkiliṭṭhassa visākhe cittassa upakkamena pariyodapanā hoti*. **Mp** giải thích: "*Tại sao Phật nói như vậy? Bởi vì sự trai giới bố-tát sẽ không có nhiều kết quả nếu người đó trai giới với một cái tâm bị ô nhiễm; nhưng sẽ có rất nhiều kết quả tốt nếu người đó trai giới với một cái tâm đã được thanh tẩy. Phật nói câu như vậy là để đưa vào những đề-mục thiền được dùng để thanh lọc cái tâm*." Theo sau ngay đây là 05 trong 06 *sự quán-tưởng* (quán niệm, tưởng niệm) *tiêu chuẩn* (*cha anussati*yo; coi kinh **6:10**, vân vân …) *của Phật giáo*. Vì lý do nào đó ở đây sự quán-tưởng thứ sáu, là *quán-tưởng về sự bố-thí* (*cāgānussati*), đã bị bỏ đi. Mới nhìn chúng ta có thể cho đó là lỗi do quá trình truyền thừa qua hàng ngàn năm. Nhưng, trong phiên bản tương ứng của Hán Tạng, **MĀ 202** [Đại Tạng Kinh **T I 770a16–773a1**] cũng thiếu luôn sự quán-tưởng này, điều đó cho thấy rằng sự bỏ đi đó—cho dù là vô tình hay cố ý—đã dẫn đắt tới việc phân ly giữa những người theo trường phái *Vibhajjavāda* [*Phân Biệt Thuyết Bộ*: họ là thủy tổ của *Trưởng Lão Bộ* (Theravāda)] và những người theo trường phái *Sarvāstivāda* (*Nhất Thiết Hữu Bộ*). Thật thú vị là, trong kinh Hán Tạng **MĀ 202** có ghi *08 giới* được nói ra trước *05 sự quán-tưởng* nói trên; trong khi đó trong phiên bản Pāli thì thứ tự ngược lại: *05 sự quán-tưởng* lại được nói ra trước *08 giới*. Nếu nói cho công tâm thì thứ tự trong bản Hán Tạng có vẻ phù hợp với những giáo lý Phật giáo hơn: tức coi *giới-hạnh* là phần cần có trước, là cơ sở để tu tập thiền.] (477)

[48] [**Mp** giải thích: "*Ở đây Đức Phật Toàn Giác là người được gọi là vị trời Brahmā*" (*brahmā vuccati sammā sambuddho*); (có lẽ do *Trời Brahmā* (Phạm Thiên) được cho là hình ảnh của đấng cao nhất theo tín ngưỡng của bà-la-môn và đại chúng vào thời Đức Phật (cũng giống tín ngưỡng dân gian xưa nay ở Việt Nam cũng coi "*ông Trời*" là đấng quyết định tất cả mọi sự trong thế gian vậy.)] (478)

[49] [Sáu cõi này là sáu cõi trời dục-giới. Những thiên thần cao hơn là chỉ những thiên thần thuộc những cõi trời sắc-giới và vô-sắc-giới.] (479)

[50] [Từ chỗ này, Phật giảng giải về *08 giới-hạnh* mà những Phật tử tại gia tuân thủ trong những ngày bố-tát. *08 giới* này (bát quan trai giới) cũng được ghi lại trong các kinh **8:41–45**. Dễ thấy rằng, *08 giới* này cũng gần giống như *10 giới sa-di*; chỉ khác ở đây coi như 'giới thứ bảy và thứ tám nhập thành một' và 'không có giới thứ mười của sa-di' [kiêng cữ nhận vàng, bạc, tiền …].] (480)

[51] [Nguyên văn: *ekabhattika*. Chữ này có thể dịch là "*ăn trong một phần hay một thời của ngày*". **Mp** giải thích là: "Có hai bữa [thời, lúc] cơm, bữa [lúc] sáng và bữa [lúc] chiều tối. Bữa [thời] sáng kết thúc lúc giữa trưa (ngọ); bữa [thời] chiều tối kéo dài từ sau giữa trưa cho đến rạng sáng hôm sau. Do vậy ngay cả ai có ăn 10 lần (từ sáng đến) trước giờ trưa (ngọ) thì cũng được cho là ăn một bữa [một lần, một thời] trong một ngày." (Y hệt chú thích 931 ở đoạn (iv) của kinh **4:37)**] (481)

[52] [Nguyên văn Pāli **Ce**: *pahūtasattaratanānaṃ*; **Be**: *pahūtarattaratanānaṃ*; **Ee**: *pahūtamahāsattaratanānaṃ*. **Mp** (của **Ce** và **Be**) thì ghi là *pahūtarattaratanānaṃ*, nhưng **Mp** của **Ee** lại ghi *–satta-* (thay vì *–ratta-*). **Mp** giải thích nghĩa là: "*Có được nhiều thứ phì nhiêu quý báu gồm cả ratta; nghĩa là chứa đầy những thứ thuộc bảy báu; nhiều đến nỗi có thể ước theo tỷ lệ là: nếu diện tích của cõi Diêm-phù-nề [Jambudīpa]* (*chỉ lục địa bán đảo Ấn Độ*) *bằng diện tích mặt cái trống bheri, thì số lượng bảy báu sẽ bằng thiết diện vòng thắt lưng của một người.*" Như vậy là có sự mơ-hồ về cách dùng đuôi chữ *–satta-* hay *–ratta-*. **Mp-ṭ** thì nói chữ *ratta* nghĩa là: thứ quý, chất quý báu (*rattasaddo ratanapariyāyo*), nhưng lại nói rằng: đúng theo kinh điển gốc thì ghi là *pahūtasattaratanānaṃ*. Tôi dịch chỗ này theo cách ghi cuối này.] (482)

[53] [Hầu hết những lân bang này đều nằm trong lục địa bán đảo Ấn Độ, chỉ riêng nước Gandhāra và Kamboja là nằm ở vùng tây bắc phía trên, tức tương ứng với những phần của nước Pakistan và Afghanistan ngày nay.] (483)

[54] [Bắt đầu chỗ này là 06 đoạn nói về 06 cõi trời dục-giới theo quan điểm về vũ trụ (của Phật giáo).] (484)

[55] [Chỗ này đọc theo **Be** và **Ee** là *nabhe pabhāsanti*, khác với **Ce** ghi là *nabhe pabhāsenti* (thắp sáng trên những bầu trời)] (485)

[56] [Theo sự chú giải của **Mp**, tôi hiểu chữ *bhaddakaṃ* ở đây chỉ là từ phẩm định của chữ *veḷuriyaṃ*, chứ không phải là một loại đá quý.] (486)

[57] [**Mp**: "*vàng sừng bò*" (*siṅgīsuvaṇṇa*) là vàng có màu giống màu của sừng bò (*gosiṅgasadisa*). "*Vàng núi*" (*kañcana*) là vàng được tìm thấy ở vùng núi. "*Vàng thiên nhiên*" (*jātarūpa*) là vàng màu ánh kim, màu vàng ròng, màu biểu tượng của vị Phật. Chữ *haṭaka* có nghĩa gốc là 'vàng được tha đi bởi loài kiến'.] (487)

58 [Chữ cuối là: *candappabhā*. **Mp** chú giải đây là: "Một từ chỉ danh được dùng với một nghĩa thuộc cách, có nghĩa là '(*so*) *với sự chiếu sáng của mặt trăng*' (*candappabhāya*)."] (488)

59 [Những người Ājīvaka là người theo giáo phái của ông Makkhali Gosāla, chỉ dạy thuyết định mệnh nghiệm ngặt và nhấn mạnh những sự hành-xác cực đoan.] (490)

60 [Ở đây và bên dưới chữ *sugatā* (bậc phúc lành, thiện thệ) được dùng ở dạng số nhiều. Như vậy trong ngữ cảnh này chữ này nó có một nghĩa rộng hơn nghĩa thông thường dùng để chỉ Đức Phật.] (491)

61 [Nguyên văn: *Attho ca vutto, attā ca anupanīto*. Chỗ này có sự chơi chữ giữa chữ *attho* (ý nghĩa) và chữ *attā* (cái ta, bản ngã).] (492)

62 [Phiên bản **Ee** bị thiếu câu hỏi này.] (493)

63 [**Mp** giải nghĩa như vầy: "Sau khi đã giảng giải về giới, định, tuệ của người học nhân (*sekha*), thầy Ānanda giảng giải về giới, định, tuệ của bậc vô học nhân (*asekha*) bằng thánh quả A-la-hán như vầy: 'Sự-biết (trí biết) của thánh quả (quả trí) của bậc vô học nhân khởi sinh sau sự-biết của định và tuệ. Sự định-tâm của thánh quả trong một bậc vô học nhân khởi sinh sau sự-biết (trí) của sự minh-sát (tuệ) của bậc học nhân.'" (tức người học nhân tu thiền tuệ (minh sát) cho đến khi đạt được sự-biết (trí) của minh sát tuệ đó, rồi sau đó mới khởi sinh sự định-tâm của bậc vô học nhân, sau khi người học nhân đã chứng thánh quả thành bậc vô học nhân).] (494)

64 [Những người Licchavi là họ tộc nắm quyền chủ chốt của nước cộng hòa Vajji (Bạt-kỳ) thời đó (là nền cộng hòa đầu tiên trên thế giới!), là nước có thủ đô là Vesālī (Tỳ-xá-ly, hay Vệ-sá-ly).] (495)

65 [Về cách Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố mình là một bậc toàn tri toàn kiến như vậy, coi thêm kinh **MN 76**.21– 22.] (496)

66 [Nguyên văn: *So purāṇānaṃ kammānaṃ tapasā byantībhāvaṃ paññāpeti navānaṃ kammānaṃ akaraṇā setughātaṃ*. **Mp** giải nghĩa là: "Ông ta tuyên bố sự tiêu-diệt nghiệp cũ bằng cách hành xác khổ hạnh (*āyūhitakammānaṃ*) và sự không tích lũy nghiệp mới trong hiện tại. "*Sự phá bỏ cây cầu*" hay "*sự cắt cầu*" (*setughātaṃ*) là sự phá bỏ yếu-tố và sự phá bỏ điều-kiện (duyên) tạo

ra nó (*padaghātaṃ paccayaghātaṃ*, phá duyên).” Ở đây coi như có nghĩa là sự tiêu diệt những sự tích lũy nghiệp mới và những điều-kiện (duyên) của chúng. **SED** cho rằng chữ *setu* ở đây có nghĩa như sự trói-buộc, gông-cùm: nghe cũng hữu lý chỗ này.] (497)

[67] [Nguyên văn: *Evam etissā sandiṭṭhikāya nijjarāya visuddhiyā samatikkamo hoti*. Sự phai-mòn (phai dần, phai biến; *nijjarā*) của nghiệp cũ thông qua cách hành xác khổ hạnh là quan niệm căn bản của đạo Jain (Kỳ-na giáo) của những người Ni-kiền-tử.] (498)

[68] [Nguyên văn: *So navañca kammaṃ na karoti, purāṇañca kammaṃ phussa phussa vyantīkaroti*. **Mp** giải nghĩa: “*Người đó không tích lũy nghiệp mới. Còn ‘nghiệp cũ’ là nghiệp được tích lũy trong quá khứ. Sau khi đã tiếp xúc nó nhiều lần, người đó làm nó biến mất. Điều này có nghĩa là sau khi đã tiếp xúc nhiều lần với sự tiếp-xúc do nghiệp quả của nó, người đó tiêu diệt nghiệp đó*.] (499)

[69] [**Mp** nhận dạng 03 giai đoạn *phai-mòn* (phai dần, phai biến) chính là 04 sự chứng đắc thánh quả. ***(i)*** Sự mô tả “*một Tỳ kheo là có giới-hạnh*” là *sự phai-mòn*” thứ nhất, theo **Mp**, là chỉ những thánh đạo và thánh quả thấp [Nhập-lưu và Nhất-lai]—vì những vị đệ tử ở những giai đoạn này được cho là đã hoàn thiện về mặt giới-hạnh (*giới*). ***(ii)*** Sự phai-mòn thứ hai là sự mô tả một Tỳ kheo đã chứng đắc được 04 tầng thiền định sắc giới, là chỉ thánh đạo và thánh quả thứ ba [Bất-lai], được mô tả là người đã hoàn thiện về sự định-tâm (*định*). Và ***(iii)*** sự phai-mòn thứ ba là sự mô tả một Tỳ kheo đã đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm, là chỉ thánh quả A-la-hán, đó là bậc A-la-hán đã hoàn thiện về mặt trí-tuệ (*tuệ*). **Mp** cũng có đề cập một cách diễn dịch khác, cho rằng tất cả *03 loại sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn* chỉ là những mô tả về thánh quả A-la-hán, dựa trên cơ sở quy chiếu là *giới-hạnh*, *thiền-định*, và *trí tuệ* của bậc A-la-hán. Để đọc thêm về mối liên quan giữa 03 phần tu-tập (giới, định, tuệ) và 04 thánh-quả, mời đọc thêm kinh **3:86**.] (500)

[70] [Nguyên văn: *abbhanumodasi*. Nghĩa gốc: *vui mừng theo, đồng tình, hoan hỷ theo*.] (501)

[71] [Tôi dùng chữ “*việc-làm*” (điều mình làm, sự làm, công việc, hành vi) là dịch chữ *kammanta* và chữ “*hành-động*” (nghiệp) là dịch chữ *kamma*. Trong ngữ cảnh này có lẽ 02 chữ không thực sự khác nhau về nghĩa, lời kinh cũng

hoán đổi 02 chữ với nhau như chúng là đồng nghĩa với nhau. Chữ "*bị ô nhiễm*" là dịch chữ *avassuta*, là quá khứ phân từ của chữ *avassavati*, liên quan với động từ *savati* (chảy), liên quan đến danh từ *āsava* (ô-nhiễm, lậu hoặc: là những thứ ô nhiễm chảy ra và chảy vào cái tâm …).] (571)

[72] [Ở đây tôi dùng một từ trong khi trong tiếng Pāli dùng 02 từ để chỉ cái chết, đó là *maraṇaṃ* và *kālakiriyā*.] (572)

[73] [*Người cùng tu [đồng đạo cùng sống đời sống tâm linh [phạm hạnh]* là dịch chữ *purāṇasabrahmacārī*. **Mp** nói rằng trước kia Phật và ông ta đã từng sống tu với nhau ở chỗ vị thầy Ālāra Kālāma. Ālāra Kālāma là một trong 02 vị thầy về thiền-định mà Phật đã đến học tu vào thời sau khi xuất gia và trước khi giác-ngộ. Về chuyện này, mời coi thêm kinh **MN 26**, mục 15.] (587)

[74] [Rõ ràng thiên thần này trước đây là gia chủ Hatthaka của xứ Āḷavī [coi thêm kinh **1:251**], mặc dù vậy **Mp** đã không nhận ra đây là vị gia chủ đó.] (588)

[75] [**Mp** giải nghĩa cụm chữ "*dhammā … pavattino*" là "*lời của Phật mà tiên đã học*" (*pubbe uggahitabuddhavacanaṃ*).] (589)

[76] [**Mp** giải thích: "Có những giáo lý bị quên mất bởi vì trong kiếp trước đã lơ tâm và không ôn tập chúng.] (590)

[77] [*Cõi trời Aviha* (Vô phiền thiên) là một trong *05 cõi trong-sạch* hay *Tịnh cư thiên* (*suddhāvāsa*) mà những bậc Bất-lai tái sinh lên đó.] (591)

[78] [**Mp** chú giải: *phương pháp thánh thiện* (*ariyañāya*) là = đạo cùng với sự minh-sát, và *sự tốt đẹp của Giáo Pháp* (*kalyāṇadhammatā*) và *sự thiện lành của Giáo Pháp* (*kusaladhammatā*) thì có nghĩa như chữ rồi.] (693)

[79] [Về câu này, coi chú thích 428 ở kinh **3:60**.] (694)

[80] [Đây chỉ 01 trong 32 tướng tốt của một bậc vĩ-nhân, được cho là hệ quả tốt của của nghiệp vì đã sống vì hạnh-phúc của nhiều người, vì sự xua tan sự sợ-hãi và khủng-khiếp, mang lại sự bảo-hộ và nơi nương-tựa hợp pháp, và chu cấp mọi thứ thiết yếu (cho nhiều người). Coi thêm kinh dài **DN 30**, mục 1.7.] (695)

81 [**Mp** đã diễn dịch phần đối thoại này về cả 02 phía đều là đề cập tới tương lai: bà-la-môn đã hỏi về sự tái sinh của Đức Phật và Phật đã trả lời về phương diện là sự tái sinh tương lai của Phật. Tuy nhiên, như tôi đọc thấy từ sự đối thoại có một sự chơi chữ tế nhị ở đây. Bà-la-môn đã dùng chữ ở thì tương lai *bhavissati* là một phép lịch sự để hỏi về hiện tại, mà tôi đã dịch ở đây là "*Liệu có phải ngài là*?" [Chữ *bhavissanti* đã được dùng đơn giản là theo cách như vậy, một cách phủ định, trong câu hỏi: *na vat'imāni manussabhūtassa padāni bhavissanti* ("*Liệu những điều này có thể là* …]. Nhưng Phật thì dùng chữ ở thì tương lai một cách đúng theo nghĩa chữ và do vậy trong mỗi trường hợp đều trả lời là "*Ta sẽ không phải là*" (*na bhavissāmi*) để đề cập tới nơi-đến trong một kiếp tương lai. Có 02 phiên bản Hán tạng của kinh này, **SĀ 101** [ở T II 28a19–28b17] và **EĀ 38**.3 [ở T II 717c18–718a12], đã dịch toàn bộ đối thoại này đều thuộc thì hiện tại. Bà-la-môn hỏi Phật liệu Phật có phải là (為) một thiên thần, một rồng nāga … hay một con người, và Phật đơn giản từ chối (非) rằng mình không phải là loại gì trong số đó. Không có gì đề cập tới tương lai.] (696)

82 [*Càn-thát-bà* (*gandhabba*) là những chúng sinh cõi trời nhiều lúc được mô tả là những nhạc công của những thiên thần. *Dạ-xoa* (*yakkha*) là những linh lồn hay quỷ dữ nổi tiếng vì sự hủy diệt tàn bạo của chúng.] (697)

83 [Động từ *abbaje* ở đây thể nguyện vọng từ của *abbajati* [Phạn: *āvrajati*). Coi thêm **DOP sv** *abbajati*.] (698)

84 [Theo **Mp** chú giải rằng: "Khi kết thúc bài kinh này, bà-la-môn đó đã chứng được 03 thánh đạo và 03 thánh quả, và, bằng 12.000 cụm chữ, ông đã nói lời ca ngợi được đặt tên là '*Tiếng Sấm của Doṇa*'. Ngay sau khi Phật mất đã xảy ra cuộc tranh giành lớn về phân chia xá lợi của Phật, chính bà-la-môn Doṇa này là người đã đứng ra phân xử và phân phát những phần chia (cho 08 nước tranh giành đó)." [như trong kinh dài **DN 16**, mục 6.25 có ghi].] (699)

85 [*Niccadānaṃ anukulayaññaṃ* (*sự dâng cúng theo phong tục gia đình, sự cúng giỗ theo truyền thống gia phong*). **Mp** chú giải chữ *anukulayaññaṃ* là một sự cúng-tế hay hiến-tế nên được làm để duy trì phng tục gia đình, dựa trên những nền tảng đã được giao truyền bởi cha ông, tổ tiên. Về *sự dâng cúng theo phong tục gia đình* (*niccadānaṃ anukulayaññaṃ*) là tốt hơn sự giết tế súc vật, mời coi thêm đặc biệt trong kinh **DN 5**, mục 22–23, hầu hết các đoạn đó có thể được sự lặp lại của kinh này.] (709)

86 [Tôi tự phân thành 04 đoạn như vậy, vì ngoài ra tôi không thấy căn cứ nào khác để kinh này được kết tập trong quyển "*Bốn*" này.] (710)

87 [Những chữ cúng tế này trong kinh Vệ-đà.] (711)

88 [Tôi làm theo **Ce** và **Be**, ghi chữ *niraggaḷaṃ* trong ở dòng kệ *b* và có chữ *mahāyaññā* ở dòng kệ *c*. **Ee** ghi thiếu chữ *mahāyaññā*, nhưng 02 phiên bản Hán tạng của kinh thì có chữ ghép tương ứng với chữ này: **SĀ 89** [ở T II 22c19] có chữ 大會, theo nghĩa chữ là "*đại tụ tập*" và SĀ2 89 [ở T II 404b4] có ghi chữ大祀, trong đó 祀 có nghĩa là "*hiến tế cho các thần tnành hay tổ tiên*". **Mp** chú giải chữ *mahārambhā* là: "Với những trọng trách lớn, những công việc lớn; hơn nữa, chúng thuộc loại (những việc) 'đại bạo lực' bởi vì quy mô sát-sinh (hàng loạt) của chúng."] (712)

89 [Những cách ghi thuật ngữ bí ẩn huyền nghĩa này là *khác nhau* ở đây và trong các kinh khác trong khắp các bộ kinh *Nikāya*. Ở đây, **Ce** ghi: *vivattacchaddā*; **Be**: *vivaṭacchadā*; **Ee**: *vivattacchadā*. Lời diễn đạt thường thấy trong những "đoạn-mẫu" nói về 02 đường hướng có thể xảy ra đối với một người có 32 tướng tốt của một bậc vĩ-nhân: (i) nếu vẫn ở tại gia, người đó sẽ trở thành vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), nhưng (ii) nếu xuất gia thì người đó sẽ trở thành vị Phật toàn-giác, như đã được mô tả trong câu "*Người trong thế gian là vivaṭacchado*" [chữ này có thể biến thể là: *vivaṭṭacchado, vivaṭṭacchaddo, vivattacchaddo*]. Về vấn đề này, mời coi thêm kinh dài **DN 3**.1.5; **DN 14**.1.31; **DN 30**.1.1; **MN 91**.5; **Sn 106**.

- Mặc dù những nguồn gốc của thuật ngữ này và nghĩa chính xác của nó là rắc rối nan giải, nhưng lạ thay là những luận giảng đã phân tích và chú giải nó một cách nhất quán y kiểu như nhau.

- Do **Mp** [khi luận giải về kinh này] đã không đưa ra lời chú giải về thuật ngữ này, cho nên tôi phải dựa vào luận giảng về bộ kinh dài **DN** (Trường kinh bộ) là **Sv** I 250,34–251,3 có ghi như vầy: "*Vivaṭṭacchado* (nghĩa là)*: Ở đây, sau khi đã sinh vào thế gian, người đó đó sống sau khi đã hoàn toàn loại bỏ sự che-phủ trong thế gian* (*loke taṃ chadanaṃ vivaṭṭetvā*)*, trong bóng tối của những ô-nhiễm được bao bọc bởi 07 sự che-phủ* (*chadanehi, sự ngăn che, màn bọc*) *đó là: tham, sân, si, ngã-mạn, tà-kiến, vô-minh, và tà-hạnh*."

- Luận giảng kinh điển cổ xưa là *Cūḷaniddesa* (*Tiểu Diễn Giải*), khi chú giải về kinh **Sn 1147**, có ghi: "*Vivaṭacchado*: Có 05 *sự che-phủ* (*chadanāni*) đó là: dục-vọng, tà-kiến, những ô-nhiễm (lậu hoặc), tà-hạnh, vô-minh. Những sự che-phủ đã được loại bỏ (*vivaṭāni*) bởi Đức Phật; chúng đã bị xua tan, bị bứng bỏ, bị trừ bỏ, bị tẩy bỏ, được giải quyết, được làm lắng-lặn, bị thiêu cháy bởi lửa của trí-biết cho nên chúng không còn khả năng khởi sinh. Do vậy Đức Phật là bậc đã loại bỏ những sự che-phủ." (**Nidd** II 251,18–22; bản in **VRI** 204).

- Dịch giả Norman (1991: 71–76) đã cho rằng sự diễn đạt tiếng Pāli này là xuất phát từ dạng **BHS** là *vighuṣṭaśabda* và do vậy có nghĩa là "*người có tên [hoạc danh] đã lăn qua khắp mọi phương*" hay "*người có danh tiếng rộng khắp*". Trong quyển sách sau đó [2006b: 228–29] ông đã thay đổi lập trường của mình, ghi rằng: "Mặc dù tôi đã đúng khi nhìn thấy sự kết nối giữa các chữ Pāli và Phạn, nhưng hướng triển khai thì bị lộn chiều, và chắc hẳn phải trình bày sự siêu Phạn-hóa từ chữ *vivattacchadda*." Trong kinh **Sn 372** và kinh khác ông đã dịch cụm chữ này là "*với sự tự-ta* (*ngã mạn*) *đã bị loại bỏ*".

- Những nhà Hán dịch các bộ kinh A-hàm (Āgama) chắc hẳn đã dịch với lời kinh có ghi là *vighuṣṭaśabda* hay biến thể khác có cùng nghĩa như vậy. Do vậy một phiên bản tương ứng của kinh **AN 4:40** này là **SĀ2 90** [ở T II 404c6] có ghi 名聞極遠者 (*tên người đó được nghe từ cách xa cực kỳ*). Bản tương ứng của kinh **DN 30** là **MĀ 59** [ở T I 493b7–8] có ghi: 必得如來無所著等正覺名稱流布周聞十方 (*người đó nhất thiết sẽ trở thành một Như Lai, không còn ràng-buộc [= A-la-hán], đã giác-ngộ toàn thiện, tên của người đó lan truyền xung quanh và được nghe khắp mười phương*". Kinh **MĀ 161**, là kinh tương ứng với **MN 91**, cũng ghi y hệt như vậy [ở T I 685b2–4].

- Mặc dù có nhiều sự phán đoán khác nhau về cách ghi nguyên thủy và ý nghĩa chính xác của cụm chữ thuật ngữ này, với sự khó khăn trong việc giải quyết những câu hỏi này cho dù đã tìm hết những nguồn kinh điển gốc truyền thống của Phật giáo, nhưng đây là đường hướng tiện lợi khả dĩ nhất đã mở ra cho tôi để tôi dịch thuật ngữ này như nó đã được bảo tồn và diễn dịch trong truyền thống Pāli.] (713)

[90] [Những cách ghi chỗ này trong các phiên bản khác nhau đáng kể. **Ce** và **Be** ghi là: *vītivattā kulaṃ gatiṃ* (*người đã vượt trên* (*thoát khỏi*) *gia đình và nơi-*

đến (*tái sinh*)); **Ee** ghi thành chữ ghép *bahubbīhi* (chữ ghép tương quan) là: *vītivattakālaṃgatī*, và vẫn còn những biến thể khác trong phần ghi chú của nó. **Mp** (của Be) ghi cụm chữ là *kulaṃ gatiṃ* trong một bổ đề, nhưng **Mp** (của Ce) thì ghi là *kālaṃ gatiṃ*. Cách dịch của tôi là theo **Ee**. Lưu ý rằng trong kinh **5:55**, chữ *kālaṃ* và *gatiṃ* là nằm kế cận lập tức nhau, điều này ủng hộ giả thiết rănhf chỗ này chúng ta nên đọc là *kāla-/kālaṃ*.] (714)

91 [Tôi đọc theo **Be** là *yaññassa kovidā*, khác với **Ce** và **Ee** là *puññassa kovidā* (*thành thạo, rành rõ về công đức*). **Mp** (của **Be**) và **Mp** (của **Ce**) đã chỉ ra sự khác nhau về những bổ đề và những sự giải nghĩa. Hai phiên bản Hán tạng tương ứng với phiên bản của **Be** là **SĀ 90** [ở T II 23a11] đã ghi: 佛於邪盛善 (*Phật là người thiện khéo về sự* (*vấn đề*) *cúng tế*) và **SĀ2 90** [ở T II 404c8] ghi: 諸佛所稱善祀及祀之道 (*đây là sự dâng cúng tốt và đạo của sự dâng cúng được khen ngợi bởi những vị Phật*).] (715)

92 ["*Kẻ bất hạnh, kẻ bạc phận*" là dịch chữ "*chava*": nghĩa gốc là "xác chết". **Mp** diễn dịch: "Người như vậy được coi như xác chết vì người đó đã chết vì những phẩm chất đức hạnh của họ đã chết."] (739)

93 [Gia chủ Nakulapitā (nghĩa: cha của Nakula) và nữ gia chủ Nakulamātā (nghĩa: mẹ của Nakula) là hai người đệ tử tại gia ưu tú của Đức Phật, họ nổi bật vì *niềm-tin vào Đức Phật*. Đọc thêm quyển "*Những Vị Đại Đệ tử của Đức Phật*" bởi nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker, trang 375–378. Về hai vợ chồng này, mời coi thêm các kinh **1:257**, **1:266**, **6:16**.] (740)

94 [Trong kinh **1:263** nữ đệ tử này được Phật khen là đệ nhất trong những người cúng dường những vật phẩm tốt nhất cho người nhận.] (741)

95 [**Mp** nhận dạng chữ "*những bậc hiểu-biết thế giới*" (*lokavidūna*) chính là *những vị Phật*.] (742)

96 [**Ee** có vẻ đã lầm ở chỗ này. Thứ nhất nó đánh dấu phẩy không đúng, và rồi ghi thêm chữ *paccupaṭṭhito hoti* ở cuối. Sự đánh dấu phẩy của **Ce** và **Be** hàm chỉ rằng đối-tượng gián tiếp [thứ được cúng dường] là thuộc về chữ *paccupaṭṭhito* đặt trước đó, và cả **Ce** và **Be** đều thiếu chữ *paccupaṭṭhito hoti* ở cuối câu. Như vậy là trong **Ce** và **Be** không có cụm chữ riêng biệt chỉ ra rằng người đệ tử tại gia chỉ đơn giản phục vụ Tăng Đoàn mà không đề cập gì tới một vật phẩm được dâng cúng.] (743)

97 [Nguyên văn câu này: *saha ñātīhi saha upajjhāyehi*. Trong văn hóa Tăng Đoàn Phật giáo, *upajjhāya* (*thầy thụ giới*; *y chỉ sư*) là vị thầy chủ trì sự thụ giới cho một người nào đó. Như vậy việc dùng chữ này ở đây là *bất thường* trong bối cảnh không phải nói về Tăng Đoàn. **Mp** chú giải chữ này trong đoạn kinh này như có nghĩa chỉ "*các bạn hữu*", lý do: "*bởi vì bạn hữu* (*tốt*) *thì quan tâm đến hạnh phúc và khổ đau của mình*" (*sukhadukkhesu upanijjhāyitabbattā*), nhưng sự chú giải này chỉ dựa vào sự chơi chữ chứ không thực sự thuyết phục. Chẳng hạn, chữ *upajjhāya* là không liên quan đến động từ *upanijjhāyati* (Phạn: *upanidhyāyati*) nghĩa là: "*suy nghĩ, suy xét*", nhưng chỉ liên quan đến chữ *ajjheti* (Phạn: *adhyeti*) nghĩa là: "*học, học hỏi [từ một vị thầy]*".] (744)

98 ["*Nhìn thấy tầm cỡ*" (tức *tầm hiểu biết, phạm vi hiểu biết*) là dịch chữ *āpāthadaso* theo **Ce** và **Ee**; trong **Be** ghi là *āpātadaso*. **Mp** [của **Ce**] giải thích nghĩa là: "*Người đó nhìn thấy mọi thứ đi vào trong tầm* (*hiểu biết*), *ngay cả một thứ vi tế đi vào trong tầm*" (*taṃ taṃ atthaṃ āpātheti tameva passati, sukhumampissa atthajātaṃ āpāthaṃ āgacchatiyevā ti attho*). (Chỗ này thầy Thích Minh Châu dịch (HV) là "*bước vào giới ức minh kiến*", thầy Sujato dịch rõ hơn là "*nhìn thấy những thứ quan trọng, những thứ có vấn đề*").] (475)

99 [Ở đây **Mp** đã chính xác khi chỉ ra chữ *sovaggika* là xuất thân từ chữ *sagga*, nó chú giải như vầy: *Saggassa hitā ti tatr'upapattijananato sovaggikā*.] (746)

100 [Ngay chỗ này tôi đã chia đoạn kệ này với đoạn kệ sau cho giống với các đoạn kệ trong kinh **5:51**. Vì phiên bản **Ce** được biên tập bởi nhiều người biên tập và họ rõ ràng đa không phối hợp với nhau, cũng những đoạn kệ giống nhau này nhưng trong những chương hay quyển khác nhau nhiều lúc đã được phân đoạn khác nhau. Cách phân đoạn được dùng trong kinh **5:51**, nó gom lại mấy cách tiêu dùng tài sản, có vẻ tương ứng tốt hơn với nghĩa của bài kinh.] (747)

101 [Nguyên văn Pāli là: *atthisukha, bhogasukha, anaṇasukha, anavajjasukha.* **Mp**: "Thứ nhất là sự hạnh phúc đã khởi sinh ở ý-nghĩ là '*Có* [*atthi*, như sự giàu có, của cải])'; thứ hai là sự hạnh phúc đã khởi sinh trong sự giàu có; thứ ba là sự hạnh phúc đã khởi sinh ở ý-nghĩ '*Ta không có nợ nần*'; thứ tư sự

hạnh phúc đã khởi sinh ở ý-nghĩ '*Ta không tội lỗi, không bị chê trách*'."] (748)

102 [Chữ này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *sare*, khác với **Be** ghi là *paraṃ*] (749)

103 [Chữ này đọc theo **Ce** và **Be** là *bhāge*, khác với **Be** ghi là *bhoge*.] (750)

104 [**Mp**: "Phật đã chia những loại hạnh-phúc thành 02 phần. Ba loại đầu làm 01 phần, và loại *hạnh-phúc vì không tội lỗi* là 01 phần. Rồi Phật nhìn thấy bằng trí-tuệ và biết được 03 loại đầu cộng lại cũng không đáng bằng 1/16 của loại *hạnh-phúc vì không tội lỗi*."] (751)

105 [Kinh này như một kinh song hành được mở rộng thêm của kinh **3:31**, chỉ thêm điều (3) thành 4 điều. Một kinh song hành khác là **It 106**.] (752)

106 [Chỗ này tôi dịch theo **Ce** và **Be**. **Be** thì ghi khác và được dịch là: "Nhưng nếu, khi một người nói về điều mình đã thấy, những phẩm chất thiện lành gia giảm và những phẩm chất bất thiện gia tăng, thì ta nói rằng người đó nên nói về điều mình đã thấy." Mỗi điều trong những đoạn sau cũng được nói khác theo cách như vậy.] (895)

107 [**Mp** nhận dạng đây là thiền sư *Uddaka Rāmaputta*, một trong 02 vị thầy về thiền-định trước kia của Đức Phật, lúc Đức Phật mới xuất gia đi tu. Coi thêm về những vị thầy thiền định này trong kinh **MN 26**, mục 16.] (901)

108 [Về phần (II), (i) và (ii): **Mp** giải thích mục đích của phần thảo luận ngoài lề này như vầy: "Bà-la-môn (Todeyya) này, bản thân là một người tốt, khen ngợi Vua Eḷeyya, những quan thần của Vua, và tu sĩ Uddaka Rāmaputta. Bởi vì một người xấu giống như một người mù, một người tốt giống như người có mắt sáng. Giống như người mù không nhìn thấy ai là đui mù hay có mắt sáng, một người xấu không biết ai là người tốt hay người xấu. Nhưng, giống như một người có mắt sáng có thể nhìn thấy cả người đui mù và người có mắt sáng, người tốt có thể biết cả ai là người tốt và ai là người xấu. Bà-la-môn [Vassakāra] do nghĩ rằng: 'Ngay cả (bà-la-môn) Todeyya, bản thân là một người tốt, đã biết ai là những người xấu', nên đã hài lòng về điều đó và nói: "Thật kỳ lạ và kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm!"] (902)

109 [Lời đồn đại như vầy cũng có ghi trong kinh **SN 42:13** (Quyển 4). Còn trong kinh **MN 56**, mục 8, thì lời 'buộc tội' này là xuất phát từ những Ni-kiền-tử (theo đạo Jain; tức Kỳ-na giáo).] (907)

110 [Đoạn kinh mẫu này là giống lời Đức Phật khuyên dạy những người Kālāma trong kinh **3:65**. Phần những câu hỏi-đáp cũng giống như kinh *Những Người Kālāma* đó, nhưng có thêm phần nói về tính *thái-quá*. (Về ý nghĩa lời dạy, mời coi lại thêm chú thích 458 của kinh **3:65**).] (908)

111 [Về chữ "*tính thái-quá*" (quá đáng, dữ dội…) là tạm dịch chữ *sārambha*: **BHSD** định nghĩa chữ *sārambha* là "*sự om sòm, cãi cọm tranh cãi*" và nối kết nó với chữ tiếng Phạn là *saṃrambha*, mà **SED** dịch là "*hành vi nắm giữ hay nắm lấy, giữ chặt*" và cho ra nghĩa là "*sự ghét bỏ, sự giận dữ, sự phẫn nộ đối với* (*ai, cái gì*)". Do trong bài kinh này đang nói về sự *sārambha* đang xảy ra trong hành động, lời nói, và tâm ý, nên tôi tạm dịch nó là sự *thái-quá* (quá đáng, quá mức, dữ dội)."] (909)

112 [**Ce** ghi là *lobhaṃ vineyya vineyya viharanto*, và như vậy trong liên hệ với *sân, si, tính thái-quá* (*dosa, moha, sārambha*) tôi cố đã 'bắt' nghĩa này là "*một cách liên tục, luôn luôn, hằng hữu, thường trực*" mặc dù nghĩa "*một cách lặp đi lặp lại*" cũng đúng. **Be** và **Ee** chỉ đơn giản ghi là *lobhaṃ vineyya viharanto*.] (910)

113 [Đoạn này giống tương tự trong kinh **MN 56**, mục 26, do gia chủ Upāli nói với giáo chủ Ni-kiền-tử Nātaputta khi ông từ bỏ đạo Ni-kiền-tử để quy y theo Đức Phật.] (911)

114 [Chữ *sace ceteyyuṃ* (*nếu chúng có thể chọn*) có ghi trong phiên bản **Ce** và **Ee**, nhưng không có ghi trong **Be**.] (912)

115 [Nguyên văn câu này: *Pārisuddhipadhāniyaṅgāni*. Tôi dịch cụm chữ ghép này theo cách giải nghĩa của **Mp** là: *pārisuddhiatthāya padhāniyaṅgāni*.] (913)

116 [Nguyên văn cả câu này: *Sīlapārisuddhipadhāniyaṅga, cittapārisuddhipadhāni-yaṅga, diṭṭhipārisuddhipadhāniyaṅga, vimuttipārisuddhi-padhāni-yaṅga*. *Sīlavisuddhi, cittavisuddhi,* và *diṭṭhivisuddhi*; 04 sự thanh-lọc này nằm trong *07 Sự Thanh-Lọc* (*satta visuddhi*) đã được ghi trong kinh **MN 24**; *07 sự thanh-lọc* này đã được dùng

làm cái "*khung sườn*" cho bộ luận *Con-Đường Thanh-Lọc*, tức *Thanh Tịnh Đạo* (**Vism**). 04 sự thanh-lọc này cũng nằm trong "*09 pārisuddhipadhāni-yaṅgāni*" theo như kinh **DN 34**, mục 2.2, trong đó chúng đều nối kết với chữ *visuddhi*; ví dụ: *sīla-visuddhipārisuddhipadhāni-yaṅgaṃ*. Điều thú vị là không có kinh nào nói về "*07 sự thanh-lọc*" được kết tập trong *Quyển* "*Bảy*" của bộ kinh **AN** này cả. Điều này cho thấy khuôn-mẫu (*bảy sự thanh-lọc*) đó đã ra đời vào hậu kỳ (trễ hơn) sau này, và kinh **MN 24** cũng có nguồn gốc hậu kỳ như vậy.] (914)

117 [Nguyên văn câu cuối: *Tattha tattha paññāya anuggahessāmi*. **Mp** diễn dịch nghĩa là: "Về mặt này hay mặt khác tôi sẽ trợ giúp thêm cho nó bằng trí-tuệ của sự minh-sát (*vipassanāpaññāya*)."] (915)

118 [Theo các bộ *Nikāya*, *trí-biết trực tiếp* về Bốn Diệu Đế đánh dấu sự chứng ngộ quả Nhập-lưu, cho nên "*sự thanh lọc cách-nhìn*" ở đây có thể được nhận dạng là *trí-tuệ của bậc Nhập-lưu*. Nhưng điều này vẫn bị trái ngược với khuôn-mẫu của Thanh Tịnh Đạo (**Vism**), trong đó *sự thanh lọc cách-nhìn* (*diṭṭhivisuddhi*) mới chỉ là sự thanh lọc thứ ba trong "*bảy sự thanh lọc*". **Vism** giảng giải *sự thanh lọc cách-nhìn* chỉ là *sự hiểu rõ về những hiện-tượng vật chất* (*sắc*) *và tâm* (*danh*) (*nāmarūpavavatthāna*), nó cũng được gọi bằng thuật ngữ là *sự phân định những hiện-tượng có điều-kiện* (*hữu vi*) (*saṅkhāraparicccheda*). Theo khuôn-mẫu của **Vism**, sự chứng đắc Nhập-lưu [và những chặng thánh đạo cao hơn] chỉ xảy ra khi có sự thanh-lọc thứ bảy, đó là *sự thanh lọc sự hiểu-biết* (*tri*) *và tầm-nhìn* (*kiến*) (*ñāṇa-dassana-visuddhi*).] (916)

119 [Riêng cái "*sự thanh lọc sự giải-thoát*" này là không có trong khuôn-mẫu của *Thanh Tịnh Đạo* (**Vism**), nhưng dường như nó có thể được coi là chỗ chung-kết hay đỉnh-điểm của "*sự thanh lọc sự-biết và sự-thấy*" (trí-biết và tầm-nhìn).] (917)

120 [Câu này dường như là một giáo lý của những người theo đạo Jain (Kỳ-na giáo, Ni-kiền-tử), là những người, tu theo kiểu tự hành xác, để tẩy rửa nghiệp quá khứ. Coi thêm giáo lý này được nói bởi ông Ni-kiền-tử (Nātaputta) [tức ông Mahāvīra (Đại Thiên)] là giáo chủ giáo phái này trong kinh **3:74**.] (918)

121 [Nguyên văn câu dài này: *So navañca kammaṃ na karoti, purāṇañ ca kammaṃ phussa phussa vyantīkaroti*. Coi câu tương tự ở kinh **3:74**, đoạn (1)

và chú thích 499 của nó. Sự diễn giải của **Mp** trong chú thích ở đây có khác chút ít so với chú thích đó; như vầy: "*Sau khi đã tiếp xúc nghiệp nhiều lần lặp lại bởi sự tiếp-xúc bằng sự-biết* (*trí biết*), *người đó tiêu diệt nghiệp vốn được loại bỏ bởi phương tiện là sự-biết. Sau khi đã tiếp xúc quả nhiều lần lặp lại bởi sự tiếp-xúc với hệ quả, người đó tiêu diệt nghiệp vốn được loại bỏ bởi [sự nếm trải] quả*."

- (Lưu ý: chữ "*chảy vào*" là chỉ *những ô-nhiễm* bên ngoài chảy vào thân. Chữ *ô-nhiễm* (lậu hoặc) là *āsava*, nghĩa gốc là những *dòng chảy-vào* và *chảy-ra* ở tâm).

- (Nhân tiện, lời đoạn kế tiếp mô tả về *sự phai-mòn* là lời đoạn mẫu quen thuộc dùng để mô tả về Giáo Pháp của Phật).] (919)

122 [**Mp** diễn dịch: "Bởi vì vị đó đã đạt được sự buông-xả được bao bọc bởi sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác), và có sự cân-bằng của tâm là đặc tính của sự buông-xả, cho nên '*vị đó an trú buông-xả*', tâm luôn cân bằng trong liên quan với những đối-tượng đó" (*satisampajaññapariggahitāya majjhattākāra-lakkhaṇāya upekkhāya tesu ārammaṇesu upekkhako majjhatto hutvā viha-rati*).] (920)

123 [(Câu kết này cũng câu mẫu có trong nhiều kinh khác). Câu này cho thấy thái độ của một A-la-hán đối với sự trải-nghiệm hiện tại. Vị đó biết rằng những cảm-giác của mình chỉ tiếp tục khi thân và sức-sống còn tiếp tục, và rằng với sự hoại-tử của thân và sự tắt-đi của sức-sống, tất cả mọi cảm-giác sẽ đi đến chấm dứt. **Mp** chú giải thành ngữ "*sẽ trở nên nguội mát ngay tại đây*" (*idh'eva sītībhavissanti*) như vầy: "Chúng sẽ *trở nên nguội-tắt*, là không còn (vắng bặt) sự quấy nhiễu và phiền rối gây ra bởi sự diễn-ra [của tiến trình sự sống]; chúng sẽ không bao giờ tái diễn-ra. [Trạng thái này xảy ra] *ngay tại đây*, chứ không có sự-đi của người đó tới bất cứ đâu theo cách của sự (còn) tái-sinh."] (921)

124 [**Mp** diễn dịch về ví dụ như vầy: "Theo ví dụ đã dùng: *Thân* được ví như gốc cây. Những *nghiệp thiện và bất thiện* ví như cái bóng do có gốc cây mà có. *Người tu thiền* giống như người muốn loại bỏ cái bóng; *trí-tuệ* ví như cái xẻng; *sự định-tâm* giống như cái rổ đựng; *sự minh-sát* giống như cái cuốc chim [*khaṇitti*, nhưng không được ghi trong bài kinh]; **DOP** định nghĩa cái xẻng (*kuddāla*) và cái cuốc chim (*khaṇitti*) là công cụ đào bứng. Thời gian

đào bứng rễ bằng cuốc chim giống như thời gian *cắt bỏ vô-minh* ở chặng thánh-đạo A-la-hán vậy. Thời gian chặt gốc cây thành từng miếng nhỏ giống thời gian *nhìn thấy năm-uẩn*; thời gian bầm nhỏ chúng ra giống thời gian *nhìn thấy những cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ); thời gian bầm nát chúng ra giống như thời gian *nhìn thấy những yếu-tố* (các giới). Thời gian phơi khô chúng trong nắng và gió giống như thời gian *vận dụng sự nỗ-lực của thân và tâm*. Thời gian đốt chúng trong lửa giống như thời gian *thiêu đốt những ô-nhiễm bằng sự hiểu-biết*. Thời gian đốt chúng thành tro vẫn còn giống như thời gian *khi năm-uẩn vẫn còn diễn ra* [tức năm-uẩn vẫn còn đó sau khi người tu đã thành A-la-hán]. Thời gian quăng tro theo gió mạnh hay rải xuống dòng sông chảy xiết để bị cuốn mất đi giống như *sự chấm-dứt năm-uẩn*, nó bị cắt bỏ tận gốc gác để không còn khởi sinh trở lại trong tương lai. Giống như tro bị cuốn đi tới một trạng thái nào đó *không thể nhận-biết được* (không thể nghĩ bàn) (*apaññattibhāvūpagamo*), người tu hiểu được trạng thái *không thể mô-tả được* (*appaṇṇattibhāvo*) [đã đạt tới] nhờ sự *không còn khởi sinh năm-uẩn hệ quả* (do nghiệp quả) trong một sự hiện-hữu mới nào nữa.”] (922)

125 [*Sự vượt qua dòng-lũ* (*oghassa nittharaṇa*) là chữ ẩn dụ cho *sự vượt qua vòng luân-hồi* (*saṃsāra*), tức là sự tẩy sạch những ô-nhiễm. Hai phương tiện mà ông Sāḷha nói ra là *sīlavisuddhi* và *tapojigucchā*. *Sự khổ-hạnh* là dịch chữ thứ hai; chữ thứ hai này chứa 02 nghĩa là *sự sống khổ-hạnh* và *sự tự hành-xác* vốn đã bị phê phán bởi Đức Phật khi Phật khai giảng về *con đường trung-đạo* (như trong bài kinh đầu tiên, *Kinh Chuyển Pháp Luân*). Khi trả lời ông Sāḷha chỗ này, Phật chấp nhận phương tiện là *sự thanh lọc giới-hạnh* là một chi phần của *đời sống tu-sĩ* (*sa-môn hạnh, sāmaññaṅga*), nhưng Phật từ chối *sự sống khổ-hạnh* và *sự tự hành-xác*.] (923)

126 [Về *sự cốt-lõi của đời tu* và *những sự thực-hành*, mời đọc thêm lại kinh **3:78** và chú thích của nó.] (924)

127 [**Mp** giải thích sự chánh-định được nói ở trên lá sự định-tâm của đạo và quả. Sự chánh-kiến là chánh-kiến của đạo; sự đề cập tới Bốn Diệu Đế là chỉ 04 thánh đạo và 03 thánh quả. Sự chánh giải-thoát là sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán. Khối ‘vô-minh’ bị phá vỡ bởi thánh đạo A-la-hán, đó là chặng một đệ tử đạt tới trước khi người đó chứng đắc sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán. Tôi cho rằng bài kinh này được kết tập trong *Quyển* “*Bốn*” do dựa theo 04-sự là: (i) sự thanh-lọc đạo đức [của thân, lời-nói, tâm, và sự mưu-sinh], (ii) sự chánh-định, (iii) sự chánh-kiến, và sự chánh giải-thoát. Tuy

nhiên, bản thân bài kinh không nói rõ về điều này và do vậy sự đếm số 04-sự của tôi cũng chỉ là giải thiết mà thôi.] (925)

128 [Hoàng hậu Mallikā là vợ của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la).] (926)

129 [**Mp** nhận diện đây là một công chúa của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la). (Tên kinh này và kinh kế tiếp người dịch ghi thêm chữ "*Công chúa*" cho người đọc dễ nhớ tên kinh).] (1000)

130 [Chỗ này mời quý vị đọc lại kinh **4:87**, đoạn (4).] (1001)

131 [Tới đây nói ra được 04 điều tốt hơn. Nhưng câu bên dưới lại ghi điều 05 là *sự giàu-có* (*bhoga*) thay vì là *sự quyền-uy* (*ādhipateyya*) như trong phần lời kinh ở trên.] (1002)

132 [Về nội dung chính của các đoạn từ (1)-(5), kinh này kinh song hành với kinh **4:34** và được mở rộng thêm đoạn (5), và khác nhau về bối cảnh và người nghe.] (1003)

133 [**Mp**, khi luận giải về kinh này, nói rằng đây là một công chúa của Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà).] (1104)

134 [Chỗ này lạ thay là, cả hai phiên bản **Ce** và **Ee** đều không có đoạn này; chỉ **Be** có. Đúng ra cần phải có đủ năm điều (năm pháp). Đoạn này rõ ràng có trong kinh song hành là kinh **4:34** của tất cả các phiên bản. Nhưng kinh song hành khác là **It 90** cũng lại không có đoạn này….] (1005)

135 [Nguyên văn chữ này là *virāge dhamme*. Đoạn song hành ở kinh **4:34** thì chỉ ghi một chữ *dhamme*, nhưng kinh song hành **It 90** thì ghi đủ *virāge dhamme*.] (1006)

136 [Phần thi kệ này cũng giống thi kệ cuối kinh song hành **4:34.]**

137 [Nguyên văn: *attacatuttho*. Nghĩa chữ là: "*[với]-mình-[là]-thứ tư*", có nghĩa là Phật được mời cùng với 03 vị Tỳ kheo đi cùng với Phật.] (1008)

138 [*Manāpakāyikānaṃ devānaṃ*: *trong số những thiên thần có thân hình khả ái* (đẹp, đáng thích). Không biết những thiên thần được gọi như vậy là do có *thân* đẹp đẽ đáng thích hay là theo cái nghĩa là họ thuộc *nhóm* những thiên

thần khả ái đáng mến. Chữ *kāya* có nghĩa là *thân*, nhưng cũng có nghĩa là một *nhóm*. **Mp** nhận dạng đây chính là "*những thiên thần vui thích sự sáng tạo*" (Hóa lạc thiên). Bởi họ có thể tạo ra bất kỳ những hình-sắc nào họ muốn và thích nó cho nên họ được gọi là "*vui thích sáng tạo*" hay là "*khả ái*" (*manāpā nāma te devā ti nimmānaratī devā*; *te hi icchiticchitaṃ rūpaṃ māpetvā abhiramaṇato nimmānaratī ti ca manāpā ti ca vuccanti*). Coi thêm kinh **8:46**, trong đó Đức Phật liệt kê *08 điều-kiện* dẫn tới tái sinh trong số "*những thiên thần có thân khả ái* hay *khả ái*" này.] (1009)

[139] [Có nhiều cách ghi chữ ghép này ở chỗ này: **Ce** ghi là: *icchācārena*, **Be** ghi: *issācārena*, **Ee** ghi: *issāvādena*. Tôi dịch theo cách ghi của **Ee**. Rất thú vị là: ở kinh **8:46** có một dòng kệ trong đoạn kệ giống hệt thì lại ghi chữ *issāvādena* trong cả 03 phiên bản. Chúng tôi đã truy dò bằng công nghệ máy tính CST 4.0 chữ *icchācār** thì thấy chữ ghép này có nhiều trong các luận giảng, *nhưng không có* trong Ba Rỗ Kinh. Như vậy có lẽ là cách ghi của **Ce** là đã bị ảnh hưởng bởi người kết tập quen dùng từ ngữ của các luận giảng thời bấy giờ.] (1010)

[140] [Vị tướng này trước đó là một đệ tử tại gia của đạo Jain (Ni-kiền-tử). Câu chuyện về sự chuyển đạo của ông được ghi trong kinh **8:12**.] (1011)

[141] [Nguyên văn: *sandiṭṭhikaṃ dānaphalaṃ*, có nghĩa là: *một lợi ích có thể được trải nghiệm ngay trong kiếp này*.] (1012)

[142] [Nguyên văn câu này: *Visārado upasaṅkamati amaṅkubhūto.* **Mp** giải nghĩa: "*một cách tự-tin*" (*visārado*) (*visārado*) là *có hiểu-biết và hoan-hỷ* (*ñāṇasomanassappatto*) và "*bình-tĩnh*" (*amaṅkubhūto*) là *không bối rối không ngại ngượng* (*na nittejabhūto*).] (1013)

[143] [Để ý, với ích lợi thứ năm này, Đức Phật đã trả lời quá yêu cầu của ông Sīha, là trả lời luôn phước quả thuộc kiếp sau.] (1014)

[144] [*Nandana*: là tên *khu vườn hưởng lạc ở cõi trời Tāvatiṃsa* (Đao-lợi).] (1015)

[145] [Nguyên văn 05 chữ này là: *āyuṃ*, *vaṇṇaṃ*, *sukhaṃ*, *balaṃ*, *paṭibhānaṃ*. Về chi tiết 04 điều đầu, kinh này giống hệt các kinh **4:57**, **4:58**; chỉ khác điều thứ 5 được thêm vào trong kinh này.] (1016)

146 [Họ "*thể hiện lòng bi-mẫn*" (*anukampeyyuṃ*) đối với những tại gia có niềm-tin bằng cách cho họ cơ hội cúng dường thức-ăn (và những thứ khác) để họ tích được công-đức. Tức là, những bậc chân tu thể hiện sự bi-mẫn dành cho những người tại gia bằng cách đi đến nhà họ để nhận sự cúng dường của họ. Bằng cách bố thí cúng dường, người tại gia tạo những hạt giống để tái sinh tốt lành và chứng ngộ Niết-bàn. Những người xuất gia cũng có thể chỉ dạy Giáo Pháp cho những người tại gia và giúp họ tiếp cận với những giáo lý.] (1017)

147 [Kinh này có thể được coi là sự mở rộng của kinh song hành **3:48**. Mọi điều trong ví dụ về núi đều giống hệt trong 02 kinh, chỉ khác là kinh **3:48** kết hợp 02 thứ (như: gỗ mềm và gỗ lõi; vỏ cây và chồi) thành một điều, trong đó khi kinh này thì liệt kê riêng mỗi thứ là 01 điều (như: gỗ thân, gỗ mềm, gỗ lõi). Kinh này thêm vào *sự học-hiểu* (*suta*) và *sự bố-thí* (*cāga*). Phần thi kệ thì cả 02 kinh đều giống nhau.] (1018)

148 [Chỗ này và bên dưới tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *kulapatiṃ*, khác với **Be** ghi là *kulaputtaṃ*. Trong **Be** kinh **3:48** theo cách đánh số của tôi [tức = kinh **3:49** theo cách đánh số của **Be**] thì ghi *kulapatiṃ* ở chỗ tương ứng này.] (1019)

149 [Từ chỗ này trở đi lời kinh là gần như song hành với đoạn (III) của kinh **4:61**. Năm điều trong kinh này có được là do tách điều (***iv***) [*làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc* …] của đoạn (III) đó thành điều thứ (2) của kinh **5:41** này. Phần thi kệ thì 02 kinh giống nhau.] (1020)

150 [Tôi đọc theo **Be** và **Ee** là *dhammaguttaṃ*; khác với **Ce** ghi là *devaguttaṃ* nghe có vẻ dư thừa ở đây.] (1021)

151 [So sánh với phần (I) của kinh **4:61**.] (1022)

152 [Trong mỗi đoạn, tôi đọc theo **Ce** ghi là *vā pihetuṃ*, khác với **Be** ghi là *vāpi hetu* và **Ee** ghi là *vā pi hetuṃ*. Động từ *piheti* (thể bất định là *pihetuṃ*) có nghĩa là "*khao khát, mong ước cái gì*". (*Chỉ ngồi đó*) *khao khát* [*một cách thụ động*] có lẽ là đối ngược với sự (nỗ lực) tu tập con-đường (đạo) mới là cách và phương tiện để thành tựu được mong ước của mình.] (1023)

153 [*Āyusaṃvattanikā paṭipadā*: *con-đường đưa dẫn đến tuổi thọ*. **Mp** giải thích con-đường đó là: "*Thực hành bố-thí, làm những việc công-đức, giữ giới-hạnh* …" Để đọc sự phân tích về mối liên hệ giữa những việc-làm

(nghiệp) và quả của nó (nghiệp quả, phước quả), coi kinh **MN 135**.] (1024)

154 [Lời kinh cứ chuyển qua chuyển lại giữa dạng số ít và số nhiều của chữ *saga* (cõi trời).] (1025)

155 [Bài thi kệ này cũng có ở kinh **SN 3:17**, **SN 3:18** (Quyển 1).] (1026)

156 [Cụm chữ này là: *atthābhisamayā*. Tôi dịch cụm chữ này dựa trên sự giải nghĩa của **Mp** ghi là: *Atthassa abhisamāgamena, atthappaṭilābhenā ti vuttaṃ hoti*.] (1027)

157 [Cụm chữ này là: *Sālapupphakaṃ khādaniyaṃ*. **Mp** chú giải là: "Một món ăn giống như bột sa-la; nó được nấu với bột gạo nương được nêm với 04 chất ngọt [mật ong, đường, bơ, và ván sữa]."] (1028)

158 [Chỗ này đọc theo **Be** ghi là: *sampannakolakaṃ sūkaramaṃsaṃ*. **Mp** chủ giải là: "Một 'món ăn' được nấu với những gia vị như hạt thì là … cùng với táo tàu ngọt."] (1029)

159 [Chỗ này **Ce** ghi là: *nibaddhatelakaṃ nāḷiyasākaṃ* [**Be** ghi *nibattatelakaṃ nāliyasākaṃ*]. **Mp** chú giải là: "Những thân cọng rau được nấu trong ván sữa trộn với thì là và những gia vị khác, rồi được ngào cùng với bột gạo nương; rồi được phủ 04 loại chất ngọt và để ra ngoài cho đến khi chúng có được một mùi đặc trưng."] (1030)

160 [**Ce** cũng ghi như vầy. **Be** và **Ee** thì ghi "*hơn trăm ngàn*" (*adhikasatasahassaṃ*). Đây được cho là nói về đồng *kahāpaṇa*, đơn vị tiền tệ thời đó.] (1031)

161 [Chữ cuối này đọc theo **Ce** *anaggahītaṃ*; khác với **Be** và **Ee** thì ghi là *anuggahītaṃ*.] (1032)

162 [Nguyên văn câu cuối: *aññataraṃ manomayaṃ kāyaṃ upapajjati*. Tôi làm theo luận giảng **Mp**, lấy câu này, nhưng hiểu theo nghĩa là: *vị ấy đã được tái sinh trong số* (*kāya*: đoàn, nhóm) *những thiên thần* chứ không phải nghĩa là *vị ấy được tái sinh với thân được làm bằng-tâm*. Còn **Mp** luận giải câu này với nghĩa rằng: "*[Tái sinh] trong số những thiên thần trong những cõi trời trong-sạch* (*Tịnh cư thiên*) *là những chúng sinh được tạo ra thông qua tâm*

(*thức*) *của tầng thiền định*" (*suddhāvāsesu ekaṃ jhānamanena nibbattaṃ devakāyaṃ*).] (1033)

163 [Thật khó mà thấy được tại sao kinh này là kinh '*năm pháp*' được kết tập trong *Quyển* "*Năm*" này. Có lẽ nguyên bản nó chỉ có 05 món được cúng dường, rồi món thứ sáu đã được thêm vào sau khi bài kinh đã được kết tập trong *Quyển* "*Năm*" (?).] (1034)

164 [Tôi đã ghi đủ các định nghĩa đoạn chỗ này; cả 03 phiên bản đều ghi tắt chỗ này.] (1037)

165 [Phần thi kệ này cũng giống trong kinh **4:52**. Và cũng có ở các kinh **SN 11:14** (Quyển 1); **SN 55:26** và **SN 55:51** (Quyển 5).] (1038)

166 [Câu này có ghi trong phiên bản **Ee**, nhưng trong **Be** thì nó được ghi trong ngoặc như vầy, và trong **Ce** thì nó ghi ở dưới phần chú-giải.] (1042)

167 [Lời kinh dùng ở dạng nhân quả phản xạ: *attānaṃyeva parinibbāpeti*. Câu này có lẽ nên được dịch là: "*Người đó dập tắt bản thân mình*" hoặc "*người đó làm tắt bặt mình*". Thứ gì bị dập tắt theo nghĩa đen là cảm-giác cay đứng của sự u-sầu, nhưng động từ *parinibbāpeti*, liên quan với danh từ *nibbāna* (*niết-bàn*) hàm nghĩa rằng một người đạt tới sự giải-thoát tột cùng.] (1039)

168 [Chỗ này tôi đọc theo **Ee** ghi là: *attho idha labbhā api appako pi* [**Be** về cản bản cũng giống nhau]. Chỉ **Ce** ghi: *attho alabbho api appako pi* có nghĩa là: "*ngay cả sự tốt tối thiểu cũng không đạt được*", như vậy có vẻ phá hỏng nghĩa lời kinh.] (1040)

169 [Chữ này là: *paveṇiyā*. **Mp** chú giải là: "*Bằng truyền thống gia đình* (*kulavaṃsena*). Ý nghĩa là: '*Theo truyền thống chúng tôi đã thực hành điều này, và chúng tôi không thực hành điều kia*.'".] (1041)

170 [Nguyên văn câu này: *Sokasallaharaṇo nāma ayaṃ mahārāja dhammapariyāyo*.] (1043)

171 [Ở đây 03 chủ-đề đầu làm nhắc nhớ tới kinh **3:39**, làm cho 02 kinh có những điều chung.] (1058)

172 [Câu này là: *Sabbehi me piyehi manāpehi*. Tôi dùng chữ "*mọi người và mọi thứ*" để bao gồm cả người và của. Tiếng Pāli hàm nghĩa cả hai, nhưng tiếng Anh (và tiếng Việt) cần có 02 từ để chỉ đủ 02 đối-tượng.] (1059)

173 [**Mp** diễn dịch câu cuối như vầy: "*Đạo [con-đường] được khởi tạo* (*maggo sañjāyati*): là chỉ thánh đạo siêu thế được khởi tạo. *Những gông-cùm* (*kiết sử*) *được phá bỏ hoàn toàn* (*saṃyojanāni sabbaso pahīyanti*): là chỉ 10 gông-cùm được dẹp bỏ hoàn toàn [coi thêm kinh **10:13**]. *Những khuynh-hướng tiềm ẩn* (*tùy miên*) *được bứng bỏ* (*anusayā byantīhonti*): là chỉ 07 khuynh-hướng tiềm ẩn bị loại bỏ, bị cắt bỏ, bị xóa sổ [coi thêm kinh **7:11**]. Như vậy là, *sự minh-sát* (thiền quán) đã được nói trong 05 đoạn đầu [phần (I)]; còn trong 05 đoạn sau [phần (II)] là phần thánh đạo siêu thế đã được nói.] (1060)

174 [Phần thi kệ này cũng có cuối kinh **3:39**. Những dòng kệ này dường như là một sự tự trách mình của vị Bồ-tát (tức Phật) trước khi giác-ngộ, và do vậy nghe phù hợp hơn với bối cảnh đó. Dòng kệ bên dưới—"*Trong khi ta đang an trú như vầy*" (*mama evaṃ vihārino*)—đã cho thấy rằng đây là vị Bồ-tát đang nói với sự đề cập tới sự đấu-tranh để đạt tới sự giác-ngộ của mình. Trong dòng kệ (*pāda*) *c* tôi đọc theo **Ce** ghi là: *yathādhammā tathāsantā,* khác với **Be** và **Ee** ghi là: *yathā dhammā tathā sattā* [mặc dù chúng đều có ghi trong phiên bản **Ce** trong cách ghi trong kinh trước.] (1061)

175 [**Ce** và **Be** ghi là: *nekkhamme daṭṭhu khemataṃ*. **Ee** ghi: *nekkhammaṃ daṭṭhu khemato* trong cách ghi chính trong phần lời-kinh của nó, nhưng lại ghi bằng chữ biến tấu được ghi trong **Ce** và **Be** trong phần chú-giải của nó. **Mp** (cả **Ce** và **Be**) dùng cách ghi của **Ce** và **Be** là một bổ đề, trong đó nó giải nghĩa là: *nibbāne khemabhāvaṃ disvā*, nhưng lại lặp lại cách ghi biến tấu của **Ee** và giải nghĩa là: *nibbānaṃ khemato disvā*. Như vậy **Ee** đã chọn chữ biến tấu là cách ghi chính trong lời-kinh của nó.] (1062)

176 [**Mp** giải nghĩa cụm chữ *pacchāliyaṃ khipanti* là: "*Chúng đến sau lưng họ và đạp vào lưng họ*" (*pacchato gantvā piṭṭhiṃ pādena paharanti*).] (1063)

177 [Tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là: *khettakammantasāmantasaṃvohāre*. **Mp**

(của **Ce**) chú giải như vầy: "*Là những chủ của những ruộng vườn sát liền với ruộng vườn của mình, và những người người đó có làm ăn chung là những người đo đạc ruộng đất bằng những cây thước đo* (cây sào) (*ye attano*

khettakammantānaṃ sāmantā anantarakkhettasāmino, te ca rajjudaṇḍehi bhūmippamāṇaggāhake saṃvohāre ca). Tuy nhiên tôi không thấy chữ *saṃvohāra* [thông thường có nghĩa là "*những giao dịch, công việc làm ăn*"] mà có liên quan rõ rệt gì với việc đo đạc ruộng đất cả.] (1064)

178 [Nguyên văn chữ này: *balipaṭiggāhikā devatā*. **Mp** giải thích đó là: "Những thiên thần bảo hộ đã được thờ cúng theo truyền thống những gia đình." (Giống ở Việt Nam có lập "*bàn thiên*" ở trước sân nhà là để cúng thiên, cúng trời vào những dịp Tết và các lễ cúng khác).] (1065)

179 [Nguyên văn cả câu này: *Upāsakacaṇḍālo ca hoti upāsakamalañca upāsakapatikuṭṭho ca*. *Caṇḍāla* [chiên-đà-la, mạt chủng, bần cùng, hạ tiện] là những người bị bỏ đi, bị khinh khi, là hạng thấp mạt nhất trong tầng lớp bần cùng.] (1170)

180 [Nguyên văn câu này: *Ito ca bahiddhā dakkhineyyaṃ gavessati*. Nghĩa là, tìm kiếm bên ngoài Tăng Đoàn. Về những giá trị của việc cúng dường theo những mức độ công đức, mời quý vị coi lại kinh **MN 142**.] (1171)

181 [Nguyên văn câu này: *Upāsakaratanañca hoti upāsakapadumañca upāsakapuṇḍarīkañca.*] (1172)

182 [Cụm chữ cuối: *pavivekaṃ pītiṃ*. **Mp** diễn dịch đây là: "*niềm hoan-hỷ khởi sinh trong tầng thiền định thứ nhất và thứ hai.*"] (1173)

183 [Ở đây tiếng Pāli ghi số nhiều: *sehi dārehi santuṭṭho*. (Có lẽ bối cảnh Ấn Độ với chế độ đa thê).] (1174)

184 [**Be** và **Ee** ghi là *ārame*; **Ce** ghi là *nārame*. **DOP** đưa ra cả 02 nghĩa của chữ *āramati* là "bỏ đi, tránh, tránh xa, tránh khỏi" và "thích thú, khoái thích". Như vậy cách ghi của **Be** và **Ee** (mà tôi dịch theo) là phù hợp với nghĩa đầu, còn cách ghi của **Ce** là hợp với nghĩa sau.] (1175)

185 [Cụm chữ này: *puññatthassa jigiṃsato*. **Mp** giải nghĩa dòng này là: *puññena atthikassa puññaṃ gavesantassa*. Chữ *jigiṃsati* là một dục từ của *jayati*, ở đây có nghĩa là: "*muốn đạt được, muốn đắc được*".] (1176)

186 [Từ câu này trở đi là giống phần thi kệ của kinh **3:57**. Mời coi lại cách chú thích 417, 418 ở phần thi kệ ở kinh đó.] (1177)

187 ["*Niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát*": ở đây tôi dịch theo **Ce** ghi là: *anuttaraṃ vimuttisukhaṃ*. **Be** và **Ee** thì ghi là: *anuttaraṃ vimuttiṃ*.] (1178)

188 [Lời trách cứ chỉ trích Phật y hệt như vầy bởi một số bà-la-môn Phật cũng thấy có trong một số kinh khác. Coi thêm các kinh **4:22** (những bà-la-môn già) và **8:11** (bà-la-môn tên Verañjā) cũng trách cứ Phật về điều y hệt này, nhưng lúc đó Phật đã là một Vị Thầy thành công từ lâu.] (1183)

189 [Nguyên văn chữ này: *komārabrahmacariyaṃ*. Đây là chỉ một người sống độc thân từ nhỏ, từ lúc còn trinh trai.] (1184)

190 [Đoạn này hàm ý rằng, trái với những giả định phổ biến, thực ra vào thời Đức Phật còn tại thế những bà-la-môn không bị bắt buộc phải 'kết hôn và sống đời sống của một gia chủ'. Thời sau đó việc lập gia đình là điều thông thường đối với những bà-la-môn trong thời gian còn trẻ, nhưng dường như trong giai đoạn này có một số bà-la-môn, sau khi hoàn thành việc tu-tập, đã chọn con đường từ bỏ đời sống thế tục ngay cả khi còn trẻ, và xuất gia suốt phần đời còn lại. Về những tu sĩ bà-la-môn độc thân, mời coi thêm học giả **Samuel 2008**: trang 122–123, 154–165.] (1185)

191 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *cattāro brahmavihāre bhāvetvā*. Đây là một trong vài chỗ ít ỏi trong toàn Kinh Tạng các *Nikāya* có ghi chữ *brahmavihāra* đã được dùng để chỉ chung về *bốn trạng thái thiền quán* này. Nhưng hễ khi nào chữ này được dùng trong các *Nikāya*, thì lập tức sau nó là câu nói về sự tái sinh của người tu là trong *cõi trời brahmā* (phạm thiên).] (1186)

192 [Tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *asucipaṭipīto*, khác với **Be** ghi là *asucipaṭipīḷito*: "*bị lấn áp bởi chất ô uế*.] (1187)

193 [Câu này **Ce** và **Ee** ghi là: *Sace doṇa brāhmaṇo anutuniṃ gacchati, tassa sā hoti brāhmaṇī n'eva kāmatthā na davatthā na ratatthā, pajatthāva brāhmaṇassa brāhmaṇī hoti*. Cách ghi này, như nó có vẻ, là kết nối tiên đề của giả thiết (mục đích sinh đẻ để tiếp nối dòng tộc) với hệ quả của sự lựa chọn (đó là, bà-la-môn chỉ quan hệ với vợ trong mùa người vợ có thể thụ thai). Tôi làm theo gợi ý của nhà sư Brahmāli xóa bỏ cụm chữ *sace doṇa brāhmaṇo anutuniṃ gacchati*, để phần lời kinh còn lại có nghĩa rõ hơn. **Be** không có câu hỏi về lý do tại sao bà-la-môn chỉ quan hệ với một phụ nữ vào thời gian người đó thụ thai, nhưng ông ta không quan hệ với phụ nữ trong

thời gian cho con bú sữa, với lời kinh là: *tassa sā hoti brāhmaṇī n'eva kāmatthā na davatthā na ratatthā, pajatthāva brāhmaṇassa brāhmaṇī hoti*. Có vẻ như trong cách ghi này cách ghi này có một mệnh đề đã bị bỏ mất trong khi biên tập.] (1188)

194 [Chữ này tôi đọc theo **Be** và **Ee** là: *pajatthāpi*, khác với **Ce** ghi là: *na pajatthāva*.] (1189)

195 [Ngay chỗ này [trong cả 03 phiên bản] tôi nghĩ nên chỉnh lại lại để đọc cho đúng là "*na kevalaṃ bhikkhācariyāya*", thay vì "*kevalam pi bhikkhācariyāya*".] (1190)

196 [Kinh này giống kinh **SN 46:55** (Quyển 5), ngoại trừ kinh **SN** có thêm phần (III) nói về "*bảy chi giác-ngộ*".] (1191)

197 (Về *05 chướng-ngại* (ngũ cái) và những cách thoát-khỏi chúng, để tìm hiểu và so sánh, mời quý vị đọc lại chú thích bởi **Spk** trong kinh **SN 46:55** (Quyển 5). Còn trong kinh này, luận giảng **Mp** giải thích như sau:)

- [**Mp** diễn dịch về *sự thoát-khỏi* đối với chướng ngại *tham-dục* bằng 03 cách thoát-khỏi và *sự thoát-khỏi* đối với khỏi 04 chướng-ngại còn lại bằng 02 cách). (1) Đối với chướng ngại ***tham-dục***: (a) *sự thoát-khỏi bằng cách khống chế* (*vikkhambhana-nissaraṇa*) xảy ra thông qua tầng thiền định thứ nhất dựa trên (chủ đề, bản chất) *sự không hấp-dẫn của thân*; (b) *sự thoát-khỏi bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp* (*tadaṅganis-saraṇa*) thông qua sự minh-sát (thiền quán); và (c) *sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch* (*samucchedanissaraṇa*) thông qua thánh đạo A-la-hán [diễn dịch theo nghĩa rộng: chữ *kāmacchanda* là *tham-dục* đối với bất cứ thứ gì chứ không chỉ riêng tham-dục giác quan (nhục dục)]. (2) Đối với chướng ngại ***sự ác-ý***: (a) *sự thoát-khỏi bằng cách khống chế* xảy ra thông qua tầng thiền định thứ hai dựa trên *tâm-từ*, và (b) *sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch* thông qua thánh đạo Bất-lai. (3) Đối với chướng ngại ***sự buồn-ngủ và đờ-đẫn***: (a) *sự thoát-khỏi bằng cách khống chế* xảy ra nhờ *sự nhận-thức về ánh-sáng* [quán tưởng sự sáng, ánh sáng], và (b) *sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch* thông qua thánh đạo A-la-hán. (4) Đối với chướng ngại ***sự bất-an và hối-tiếc*** thì: (a) **sự hối-tiếc** được loại bỏ thông qua thánh đạo Bất-lai; (b) còn **sự bất-an** được loại bỏ thông qua thánh đâọ A-la-hán. Và (5) đối với ***sự nghi-ngờ***: (a) *sự thoát-khỏi bằng cách khống chế* thông qua *sự tìm hiểu được và định nghĩa được những*

hiện-tượng (*dhammavavatthāna*; trạch pháp; coi thêm **Vism** 587–93, Ppn 18.3–24), (sau khi đã hiểu được thì không còn sự nghi-ngờ), và (b) *sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch* thông qua thánh đạo Nhập-lưu

►Lưu ý: **Mp** không áp dụng "*sự thoát-khỏi bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp* (*tadaṅganis-saraṇa*) thông qua sự minh-sát" (*tadaṅganissaraṇa*) đối với *04 chướng-ngại* sau, nhưng **Mp-ṭ** thì nói rằng: *điều đó sẽ xảy ra trong đó 04 chướng-ngại có thể bị xua tan nhờ sự quán-chiếu* (*paṭisaṅkhānavasena tassa vinodetabbatāya tadaṅganissa-raṇampi labbhat'eva*).] (1192)

198 [**Mp** diễn dịch ý những thuật ngữ này theo chủ thể là Tăng Đoàn. *Sự tốt lành của mình* (*attattha*) là thánh quả A-la-hán, và *sự tốt lành của người khác* (*parattha*) là phúc-lợi của những thí chủ tại gia cúng dường giúp đỡ cho Tăng Đoàn [vì sự cúng dường đó tạo ra phước-đức cho họ].] (1193)

199 [**Mp** giải thích những công việc đó là: sau khi thức dậy sớm, ông ta cần phải xây xong mấy cổng mới, một tháp canh mới, và mấy chỗ thành lũy bị hư cần được tu sửa.] (1194)

200 [**Mp** nhận diện 'Thầy Piṅgiyāni' trước kia là một bà-la-môn giờ là một thánh đệ tử đã được thiết lập trong thánh quả Bất-lai (*anāgāmiphale patiṭṭhitaṃ ariyasāvakaṃ brāhmaṇaṃ*). Việc thường tình ông làm là đến thăm Đức Phật để cúng dường dầu hương và những vòng hoa. Lúc này là lúc ông trở về từ chỗ Đức Phật.] (1195)

201 [Không rõ vì lý do nào đó ông chỉ đọc ra 04 trong 09 thể loại kinh kệ mà Phật đã giảng dạy về Giáo Pháp. Có lẽ do ông chỉ được nghe hoặc thông thuộc về 04 thể loại kinh này, hoặc có thể 04 thể loại này thể hiện là những thể loại "*gốc*" có trước trong số 09 thể loại kinh kệ. (Có 09 thể loại kinh là: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện thần diệu (thần diệu), và kinh vấn đáp.).] (1196)

202 [Nguyên văn câu này: *Paṭibhātu taṃ piṅgiyānī.* Nghĩa đen là: "*Hãy chiếu sáng mình đi, này Piṅgiyānī.*"] (1197)

203 [Trong kinh **SN 3:12** (Quyển 1), bài thi kệ này được nói bởi đệ tử tại gia tên là *Candanaṅgalika*, người này cũng thốt ra lời như vậy sau khi niềm cảm-

hứng dâng trào. Trong bài thi kệ, *Aṅgīrasa* là một tên gọi thân mật hay tên biệt hiệu của Đức Phật.] (1198)

204 [Từ chỗ này tới cuối kinh là giống đoạn cuối của kinh **5:143** ở trên.] (1199)

205 ["*Tu sĩ đức hạnh*" là tạm dịch chữ *pabbajitā*. Trong những kinh khác, tôi thường dịch nghĩa chữ *pabbajita* là "*người đã xuất gia*" và có khi dịch luôn là "*tu sĩ, nhà sư*". Nhưng ở đây, để tránh sự nặng nề của cụm danh từ "*những tu sĩ đức hạnh là những người đã xuất gia*" (nếu dịch cho hết nghĩa) và để có được nghĩa trung dung về giới-tính, tôi dịch chung bằng danh từ chung ngắn gọn là "*những tu sĩ đức hạnh*". Chữ "*nhà*" ở đây dịch chữ *kula*, vốn có nghĩa là "*gia đình*", nhưng trong ngữ cảnh này dịch là "*nhà*" cho dễ truyền tải ý nghĩa của lời kinh.] (1203)

206 [Nguyên văn là: *ussūrabhatte kule*. Chữ *ussūra* có gốc từ chữ Phạn là *utsūra* [**SED** dịch nghĩa là: "*thời gian lúc mặt trời lặn, buổi cuối chiều*"). **Mp** giải nghĩa là: "*một bữa cơm nấu trễ trong ngày*" (*atidivāpacanabhatte*).] (1227)

207 [Nguyên văn là: *samayabhatte kule*. Để có thể cúng dường thức-ăn cho những tu sĩ và bà-la-môn thì bữa ăn nên được nấu xong và có sẵn trước giữa trưa (giờ ngọ), vì những người tu "kiêng cữ ăn ngoài thời gian quy định" (tức không ăn phi thời, không ăn sau giờ ngọ).] (1228)

208 [Nguyên văn câu này: *Ariyasāvako āgataphalo viññātasāsano*. **Mp** nói rằng Mahānāma chỉ đang hỏi về *những sự trợ-giúp quan trọng nhất* (sống còn) *của một bậc Nhập-lưu* (*sotāpannassa nissayavihāraṃ*).] (1256)

209 [Sáu sự tưởng niệm sau đây cũng được giảng luận chi tiết trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism**, chương 7.] (1257)

210 [Nguyên văn câu cuối này: *Visamagatāya pajāya samappatto*. **Mp** chú giải là: "*Giữa những chúng sinh đã bị mất cân bằng* (*visamagatesu*) *bởi tham, sân, si, người đó chứng đắc sự bình an và bình lặng* (*samaṃ upasamaṃ patto hutvā*)." Từ cách chú giải này cho thấy **Mp** đã coi chữ Pāli *sama* là đồng nghĩa với chữ *śama* [bình an] trong tiếng Phạn. Nhưng do lời kinh có thiết lập sự tương phản giữa trạng thái *visama* [không cân bằng, mất cân bằng, mất thăng bằng, hoặc không chân chính, không đúng đắn] là bản

chất cách sống của người phàm tục và trạng thái *sama* mà bậc thánh tu chứng được, cho nên sẽ đúng hơn rằng chữ Pāli *sama* là tương ứng với chữ *sama* trong tiếng Phạn (không phải *śama*). Hai bản kinh tương đương trong Hán tạng cũng ủng hộ nghĩa này. Trong luận giảng Hán tạng **SĀ² 156**, ở **T** II 432c15–16, có ghi: 怨家及己親族。於此二人。無怨 憎想。心常平等 (*Dù đối với kẻ thù hay người thân thuộc, người tu đều không có ý nghĩ hung bạo mà tâm luôn được cân bằng*). Luận giảng khác của Hán tạng **T** 1537.8, chỗ **T** XXVI 492c13–15, có ghi 於不平等 諸有情類。得住平等。於有惱害 諸有情類。住無惱害 (*Giữa những chúng sinh mất cân bằng, người đó đạt được sự cân bằng; giữa những chúng sinh khổ ải, người đó sống không khổ ải*). Cho dù trái với cách hiểu của **Mp** về chữ *sama*, nhưng cách diễn dịch này cũng xác thực được nghĩa của bài kinh.] (1258)

►(Nhân tiện, đoạn kinh người dịch để trong **{**…**}** là giống nhau; và kinh gốc ghi đầy đủ trong các đoạn (1)-(6) như vậy chứ không ghi tóm lược từ đoạn (2) … như thường thấy trong các kinh khác; (trong kinh song hành **11:11** cũng ghi đầy đủ vậy). Người dịch Việt nghĩ đó là dụng ý của những thánh tăng kết tập, vì sự tưởng-niệm nào cũng quan trọng và để khi có ai muốn giảng giải về một sự tưởng-niệm nào thì ở đó có sẵn nguyên văn đầy đủ để giảng giải.)

211 [*Dhammasotaṃ samāpanno*. **Mp** giải nghĩa là: "*Người đó đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp gồm có sự minh-sát*". Bởi vì cụm chữ diễn đạt này trong tiếng Pāli có thể dễ dàng được rút gọn lại thành *sotāpanna*, tôi không hiểu tại sao **Mp** lại diễn dịch chữ *dhammasota* là *sự minh-sát* (*vipassanā*) thay vì nó là *thánh đạo* (*ariyamagga*). Trong kinh **SN 55:05** (Quyển 5), chữ *sota* đã được dùng như một ẩn dụ cho bát thánh đạo.] (1259)

212 [06 loại đầu là những thiên thần thuộc 06 cõi trời dục-giới. *Những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā* (*brahmakāyikā devā*) là những thiên thần của cõi trời Brahmā (phạm thiên giới) đó. Còn "*những thiên thần cao hơn những thiên thần đó*" là chỉ những thiên thần bậc cao hơn ở những cõi trời sắc-giới và vô-sắc giới.] (1260)

213 [Chữ gốc là *sāpekkho*. **Mp** giải nghĩa là *sataṇho*: *với dục-vọng, còn mang theo dục-vọng*, nhưng tôi tin nghĩa kinh ở đây chỉ đơn giản là "*còn sự lo lắng, còn lo âu, còn ưu sầu*". Tiếng Pāli chữ *apekkhā* (lo, lo lắng) có thể chứa cả 02 nghĩa '*sự ràng buộc*' và '*sự lo lắng*'.] (1275)

214 [**Mp** nói rằng: do vợ ông ta không có thể chữa trị cho ông bằng thuốc thang, nên bà ta đã cất lên "*tiếng gầm sư tử*" (*sīhanāda*) để trị tâm bệnh của ông bằng *những lời tuyên bố về sự-thật* (*saccakiriyā*) như vậy, (và nhờ đó ông đã khỏi bệnh).] (1276)

215 [Chỗ này tôi đọc theo **Ce** là *varaṃ*, khác với **Be** và **Ee** ghi là *gharaṃ*. **Mp** chú giải nghĩa là: "*sẽ lấy chồng khác*" (*aññaṃ sāmikaṃ gaṇhissati*). Coi thêm **SED** sv *vara*^{2} ghi là: "'*người chọn*', *là người van xin một cô gái cưới mình, người cầu hôn, người yêu, chú rể, chồng*."] (1277)

216 [Nguyên văn câu cuối: *bahaṭṭhakaṃ brahmacariyaṃ*. Không có gì lạ thường trong truyền thống Phật giáo có những cặp vợ chồng đã có con nhưng do họ hiếu đạo nên đã đồng ý với nhau giữ giới độc-thân (tức không quan hệ tính dục, giữ tám giới).] (1278)

217 [Vì cấu trúc của điều (4) này là song hành với điều (5) và (6) ở dưới, chứ không song hành với 03 điều đầu tiên, cho nên rõ ràng chữ *mam'accayena* không thuộc về chỗ này. Mặc dù cách ghi này đều có trong tất cả 03 phiên bản đã được in, nhưng theo một chú giải bằng tiếng Tích Lan cổ [Sinhala] trong phiên bản **Ee** thì bỏ chữ này. Giống như ở 02 điều cuối, câu này không có động từ tương lai là *bhavissati*. Thêm nữa, ngay chỗ này, cùng cách tuyên bố '*sự-thật hiện tại*' (cũng như 02 điều cuối): lúc này Nakulamātā khẳng định bà ta *hiện tại* đã hoàn thiện về giới-hạnh, và nói rằng ai còn nghi ngờ về điều này thì có thể đến hỏi nhờ Phật xác minh. Như vậy, vì Nakulamātā đang nói về sự-thật *đang có rồi*, cho nên bà ta không cần nói tới lúc chồng bà qua đời là thời tương lai nữa, (chẳng hạn bà ta không cần phải nói: 'khi ông chết tôi *sẽ* hoàn thiện giới-hạnh'). **Mp** cho rằng điều (4), (5), (6) là *03 sự tuyên bố về sự-thật* bởi Nakulamātā.] (1279)

218 [Nguyên văn câu này: *Na … imasmiṃ dhammavinaye ogādhappattā patigādhappattā assāsappattā*. Tất cả những yếu tố này đều để chỉ *phẩm chất tối thiểu là thánh quả Nhập-lưu*. Điều thú vị là bà ta đã tuyên bố mình đã đạt được chân-đứng trong Giáo Pháp và giới luật (*dhammavinaya*) này, điều này cho thấy trong một số ngữ cảnh chữ *giới luật* (*vinaya*) mang một nghĩa rộng hơn cái nghĩa chính là những điều luật, những giới-luật tu hành.] (1280)

219 [*Ācamayitvāna*: *làm sạch bản thân*. **Mp** giải thích nghĩa gốc là: người đó rửa sạch tay chân và súc miệng sạch sẽ.] (1307)

220 [Nguyên văn: *Natthi attakāro, natthi parakāro*. Nghĩa gốc là: "*Không có sự tự-mình-làm, không có sự người-khác-làm*." Tiếp theo, Đức Phật đã bác bỏ quan điểm này của ông bằng cách chỉ ra sự thật rõ ràng rằng ông bà-la-môn đi tới và đi lui theo ý-chí tự do (*sayaṃ*) của mình (mà làm sao không có sự chủ-động hay tự-phát làm bởi mỗi người).] (1308)

221 [*Ārambhadhātu*: tạm dịch là *yếu tố chủ-động [tự-phát, khởi-sự]*. **Mp** chú giải đó là: "*Sự nỗ-lực xảy ra bằng cách của sự khởi đầu [một hoạt-động]*" (*ārabhanavasena pavattaviriyaṃ*). Hai yếu-tố được nói kế tiếp, là *nikkamadhātu* và *parakkamadhātu*, có thể được hiểu một cách lần lượt là sự nỗ-lực cần có để *kiên-trì* trong một hành-động và để *hoàn thành* nó. 03 yếu-tố này được đề nghị như thuốc giải-độc cho (chướng ngại) *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* (hôn trầm thụy miên) trong kinh **1:18** và trong kinh **SN 46:51** (Quyển 5), và là phương tiện để cấp dưỡng cho *chi giác-ngộ là sự nỗ-lực* (tinh tấn giác chi) trong kinh **SN 46:02** và kinh **SN 46:51** (Quyển 5).] (1309)

222 [**Mp** không phân biệt 03 yếu tố cuối ở đây là—*thāmadhātu, ṭhitidhātu*, và *upakkamadhātu*—mà đơn giản cho rằng chúng chỉ là những danh từ khác nhau để chỉ *sự nỗ-lực* mà thôi.] (1310)

223 [Chỗ này tôi chọn lời kinh gốc được ghi trong **Be** là *sakadāgāmipatto* [thấy cũng giống cách ghi trong phiên bản viết tay Miến Điện] khác với cách ghi của **Ce** và **Ee** là *sakadāgāmī satto*. Sự nhầm lẫn của chữ *s* và *p* rất hiếm thấy trong phiên bản chép tay bằng tiếng Tích Lan cổ (Sinhala). Tuy nhiên, lời luận giải trong **Mp** là *sakadāgāmipuggalo hutvā* cho thấy luận sư của **Mp** đã căn cứ theo nghĩa chữ gốc là *sakadāgāmī satto*. Không thể nào có sự chép sai hay sai đổi như vậy, vì thời đại của các luận giảng là sau thời đại của kinh gốc.] (1329)

224 [Trong kinh **MN 89**, mục 18, Purāṇa và Isidatta là 02 quan thị sát (thanh tra, thị vệ) trong triều của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của nước Kosala (Kiều-tất-la) nhưng họ có sự tôn-kính đối với Phật hơn là đối với nhà vua. Lòng thương kính Phật của họ cũng được nói trong kinh **SN 55:06** (Quyển 5).] (1330)

225 [**Mp** giải thích rằng: "*Thầy Ānanda nói vậy bởi vì thầy ấy cũng không biết lý do vì sao*." Nhà sư Brahmāli viết rằng: "*Tôi hiểu thầy Ānanda chỉ đơn giản nói rằng điều đó nên được hiểu đúng theo lời Phật đã nói*", và thầy Brahmāli

gợi ý diễn dịch câu đó là: "*Thưa chị, thì nghĩa nó là vậy, như nó đã được tuyên bố bởi đức Thế Tôn*." Tuy nhiên, ngay lúc này thì lời tuyên bố của Phật về nơi-đến (của họ) vẫn chưa được giải thích. Lời giải thích chỉ nằm ở cuối kinh, khi Đức Phật tuyên dương những ưu-điểm của 02 vị đệ tử tại gia đã chết.] (1331)

226 [Chỗ này **Ce** ghi chữ *ambakapaññā*; **Be** ghi chữ *ammakasaññā*, nghĩa là: "*nhận-thức của một phụ nữ*", hay "*ý tưởng của một phụ nữ*", nhưng kinh **10:75** của phiên bản **Be** có ghi là *ammakapaññā*. Ở đây, **Ee** ghi chữ *ambakasaññā* chỗ này nhưng trong đoạn kết lại ghi chữ *ambakapaññā*. Rõ ràng chữ ghi đầu tiên trong **Ee** là do lỗi ghi chép, có lẽ do sự chép nhầm chữ *s* và *p*. Chữ *ambaka* trong **Ce** và **Ee** (hoặc chữ *ammaka* trong **Be**) là xuất thân từ chữ *ammā* nghĩa là "*mẹ*", nghĩa chung là chỉ "*những phụ nữ*". **Mp-ṭ** giải thích: "*Ammakā* (hay *ambakā*) có nghĩa là những phụ nữ [nghĩa gốc là *hạng những người mẹ*]. Đây là một chữ ẩn dụ. Đó là, những người mẹ, là hạng những người mẹ, là những người làm mẹ, được thấy có trong số những phụ nữ" (*Ammakāti mātugāmo. Upacāravacanañh'etaṃ. Itthīsu yadidaṃ ammakā mātugāmo jananī janikā*). **SED sv** nói rằng chữ *ambā* có nghĩa "*một người mẹ, một phụ nữ tốt [dùng như đại từ để gọi một cách kính trọng]*." Trong bản Hán tạng [chỗ **T** II 258c8–9] thì không có ý chê bai 'những phụ nữ' mà chỉ nói riêng về cá nhân của cô Migasālā mà thôi: "*Nữ đệ tử tại gia Migasālā là ngu dốt và ít trí tuệ*" (鹿住優婆夷愚癡少智).] (1332)

227 [Sự nằm kề sát nhau của chỉ định từ *ke* với sở cách từ *–ñāṇe* là đánh đố khó dịch. Tôi chọn theo nghĩa rằng những thứ được đề cập tới bằng *ke* là được thiết lập *trong* sự-biết này. Mặc dù vậy, có lẽ, *–ñāṇe* là một dạng chữ sót, là một chỉ định từ số nhiều hợp nghĩa với chữ *ke*. **Mp** đã không cố giải quyết vấn đề khó khăn chỗ này, mà chỉ bàn luận về vấn đề "*về sự-biết về những người khác là ưu hơn hay nhược hơn*" (*purisapuggalaparopariyañāṇe*), điều đó giải thích sự-biết này là "*sự-biết về những người khác' có những căn ưu hay căn nhược theo cách sự sắc-xảo hay sự ngu-khờ của họ*" (*purisapuggalānaṃ tikkhamuduvasena indriyaparopariyañāṇaṃ*).] (1333)

228 [Nguyên văn câu cuối này: *Sāmāyikampi vimuttiṃ na labhati*. **Mp** giải thích nghĩa là người đó không phải lúc này lúc khác có được sự khoan-khoái và hoan-hỷ từ việc lắng nghe Giáo Pháp. Tuy nhiên, **Paṭis** II 40,16–17 thì định rõ chữ gần đồng nghĩa với '*sự giải-thoát tạm thời*' là *samayavimokkho*,

chính là *bốn tầng thiền định sắc-giới* (*jhāna*) và *bốn tầng chứng đắc vô-sắc giới* (*cattāri ca jhānāni, catasso ca arūpasamāpattiyo, ayaṃ samayavimokkho*), điều này phân biệt rõ những trạng thái chứng đắc (tạm thời) đó so với sự giải-thoát thường hằng rốt ráo, chính là *bốn thánh đạo, bốn thánh quả của đời sống tâm linh*, và *Niết-bàn* (*cattāro ca ariyamaggā, cattāri ca sāmaññaphalāni, nibbānañca, ayaṃ asamayavimokkho*). (Tóm lại, thành ngữ "*sự giải-thoát tạm thời*" là chỉ những sự chứng đắc thiền định sắc giới và vô-sắc giới, còn "*sự giải-thoát rốt ráo*" là những thánh đạo, thánh quả, và Niết-bàn).] (1334)

229 [Lời kinh chỉ ghi là *taṃ hi tesaṃ*, không chỉ rõ là *taṃ* nào được đề cập. **Mp** chú giải đó chính là *sự* [*làm ra, gây ra, tạo ra sự*] *phán xét* (*taṃ pamāṇakaraṇaṃ*).] (1335)

230 [Nguyên văn câu cuối này: *Imaṃ puggalaṃ dhammasotaṃ nibbahati*. **Mp** diễn dịch là: "sự-biết của sự minh-sát, đang diễn ra mạnh mẽ, mang người đó đi; nó sẽ dẫn người đó đến cõi giới của những bậc thánh."] (1336)

231 [Lời kinh ghi là *lobhadhammā*: "*những trạng thái tham*", mà **Mp** giải nghĩa: "*đơn giản đó chỉ là tham*" (*lobho yeva*).] (1337)

232 [Chỗ này tôi làm theo bản in giấy của **Ce**. Bản điện tử của **Ce** ghi không đúng câu này.] (1338)

233 [Ở đây, và trong đoạn (6) bên dưới, tôi đọc theo **Ce** là chữ *vacīsaṃsārā*, đây cũng là chữ được ghi trong luận giảng **Mp** (của **Ce**). Còn **Be** và **Ee** ghi là *vacīsaṅkhārā*. **Mp** giải thích nghĩa ở đây: "*Chỉ là những lời nói chuyện trao đổi qua lại*" (*ālāpasallāpavasena vacanān'eva*). Nhưng chữ *vacīsaṃsāro* cũng có trong kinh **2:63**, trong đó có chú thích đầu tiên giải nghĩa đó là *những sự tranh luận công kích giữa những* (*phe*) *nhóm Tỳ kheo*. (Mời coi lại kinh đó và chú thích của nó).] (1339)

234 [(Tức là: Purāṇa kém hơn Isidatta về trí-tuệ, Isidatta kém hơn Purāṇa về giới-hạnh). [**Mp** giải nghĩa chỗ này là: "*Purāṇa siêu xuất hơn về giới-hạnh, còn Isidatta thì siêu xuất hơn về trí-tuệ. (Cấp bậc) giới-hạnh của Purāṇa là sánh ngang với (cấp bậc) trí-tuệ bậc cao của Isidatta; còn (cấp bậc) trí-tuệ của Isidatta là sánh ngang với (cấp bậc) giới-hạnh bậc cao của Purāṇa*."] (1340)

235 [*Tội lỗi thuộc thân, tội lỗi bởi hành-động,* hay *lỗi thân* là tạm dịch chữ "*kāyasandosaṃ*", **Mp** giải thích nghĩa là: *có phẩm chất* '*bị lỗi*' '*bị sai*' *trong cửa-thân* (*kāyadvārassa dussanākāraṃ*). Tiếp theo là *tội lỗi thuộc lời-nói* và *tội lỗi thuộc tâm* (*vacīsandosaṃ* và *manosandosaṃ*). (Có thể nghĩa ở đây là: *lỗi trong thân hành* dẫn tới hành-động sai trái, *lỗi trong khẩu hành* dẫn tới lời-nói sai trái, và *lỗi trong tâm hành* dẫn tới tâm-ý sai trái.)] (1350)

236 [Những câu hỏi trong tiếng Pāli là: *kiṃadhippāyā, kiṃupavicārā, kiṃadhiṭṭhānā, kiṃabhinivesā, kiṃpariyosānā.*] (1356)

237 [Tôi đọc chữ này theo **Ce** là *sathādhiṭṭhānā,* khác với **Be** và **Ee** ghi là *satthādhiṭṭhānā* (*vũ khí là sự hỗ trợ của họ*). **Mp** không bàn luận về chữ này, nhưng nghĩa "*nghề nghiệp* hay *tay nghề* (trộm cướp)" liên kết tốt hơn với '*những chỗ rậm rạp che núp*', '*chỗ tối tăm*', và mục tiêu '*không bị nhìn thấy*'.] (1357)

238 [Nguyên văn cụm chữ này: *ākiñcaññābhinivesā*. **Mp** coi cụm chữ này có nghĩa là tâm của họ chú hướng tới trạng thái *không-còn nắm-giữ điều gì* (*niggahaṇabhāve*).] (1358)

239 [Tên ông có nghĩa là "*người buôn củi*". **Mp** nói rằng ông được gọi tên như vậy vì ông sống bằng nghề buôn bán củi.] (1384)

240 [Ba phẩm chất này, như (1), (3), (5) bên dưới, là của những người tu theo hạnh khổ-hạnh, tức nằm trong *13 giới của hạnh đầu-đà* (*dhutaṅga*) đã được Đức Phật cho phép thực hành (để giảm trừ nhanh tham-dục). Trái lại, (2), (4), (6) là các phẩm chất của những người tu không theo hạnh đầu-đà, đó là: sống gần làng xóm, nhận lời mời đến dùng bữa trưa tại nhà của những người tại gia, và mặc y-phục (cà sa) được may tặng bởi người tại gia.] (1385)

241 [**Mp** kể rằng: một thời gian sau đó, có 500 Tỳ kheo sau khi đến thăm các gia đình, họ đã hoàn tục trở lại đời sống tại gia. Khi nghe được điều này, ông gia chủ Dārukammika đã nói: "*Điều đó thì liên quan gì đến ta?*" và niềm-tin của ông không dao động chút nào. Do đã tiên tri trước sự việc này nên Phật đã nói với ông: "*Khi chú cúng tặng quà cho Tăng Đoàn, tâm của chú sẽ được tự-tin.*" Về những công-đức đặc biệt của việc cúng dường cho Tăng Đoàn, mời coi lại kinh **MN 142**, mục 7–8.] (1386)

[242] [Tôi dịch số này theo **Ce** ghi là *sataṃ bhante sahassānaṃ*. **Be** và **Ee** ghi là *sataṃ bhante satasahassānaṃ*, nghĩa là: *một trăm [lần] một trăm lần*."] (1456)

[243] [Giáo lý này cũng được nói trong kinh dài **DN 16**, mục 1.5. (Nhân tiện người Licchavi cũng được gọi là người Vajji (Bạt-kỳ), vì người Licchavi là bộ tộc lớn nhất và chủ yếu của vương quốc Vajji).] (1474)

[244] [Tôi thêm vào chữ [thành, kinh thành] dựa theo sự giải nghĩa của **Mp** là: "*ở bên trong thành*" (*antonagare ṭhitāni*).] (1475)

[245] [**Mp** chú giải như vầy: "Khi người ta lơ-là những bổn phận thờ cúng chính đáng thì những thiên thần không phù hộ họ, và ngay cả khi những thiên thần không thể tạo ra khổ đau mới nào, họ cũng làm cho sự khổ đau đang có nặng hơn, ví dụ như ho thì ho hơn, nhức đầu thì nhức đầu hơn; và khi lâm vào thời chiến tranh, những người đó không có ai là đồng minh. Nhưng nếu người ta không lơ-là những bổn phận đó thì những thiên thần phù hộ họ, và ngay cả khi những thiên thần không thể tạo ra những hạnh phúc mới nào, họ cũng làm cho hết khỏi bệnh tật; và khi lâm vào thời chiến tranh, những người đó có nhiều đồng minh."] (1476)

[246] [Nội dung bài kinh này hầu như giống nội dung trong kinh dài **DN 16**, mục 1.1–5.1, chỉ khác một số chi tiết phụ và câu cú.] (1477)

[247] [Nguyên văn câu cuối này: *Tattha ca pubbakāraṃ karoti*. **Mp** giải nghĩa là: "Người đó chọn cúng dường cho những người giáo phái khác và sau cùng mới bố thí cho các Tỳ kheo." Mời coi lại kinh **5:175**, điều (4) và chú thích 1171 của nó, và kinh **6:93** và chú thích 1443 để liên đới về nghĩa này.] (1483)

[248] [**Ce** và **Ee** không có, nhưng **Be** thì có ghi thêm câu quen thuộc này trước bài thi kệ: "*Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy:* …".] (1484)

[249] [**Ee** gom kinh này và kinh kế tiếp lại thành một, nhưng lại tính sai lố thành tới 03 kinh (28, 29, và 30) nên nó ghi số kinh gộp là (**28–30**) trong phiên bản của nó. Như vậy cách đánh số của **Ee** trước đây đã ít hơn 2 số so với cách đánh số của tôi, giờ chỉ còn ít hơn 1 số.] (1485)

250 [**Mp** giải thích bản thân chữ *thūṇa* là trụ (cột) tế đàn: *yūpasaṅkhātaṃ thūṇaṃ*.] (1510)

251 [Nguyên văn câu này là: **Ce** và **Be** ghi *atohayaṃ* [**Ee** ghi *ato 'yaṃ*], *brāhmaṇa, āhuto sambhūto*. **Mp** diễn dịch: ***atohayan*** *ti ato hi mātāpitito ayaṃ* ***āhuto*** *ti āgato*. Ở đây dường như có sự chơi chữ giữa chữ *āhuta* là đại diện cho *ābhūta* (bắt nguồn, xuất thân) và lại là quá khứ phân từ của *ājuhati* (cúng, cúng tế). Coi thêm **DOP sv** *āhuta*[1] và *āhuta*[2].] (1511)

252 [**Mp** chú giảng đại ý rằng: Ông bà-la-môn hỏi như vậy vì ông ta nghĩ rằng: "Theo hệ thống bà-la-môn giáo, một người sống đời sống độc thân 48 năm để học các kinh Vệ-đà (Veda). Nhưng sa-môn Cồ-đàm, đã từng sống ở nhà, thụ hưởng ba loại vũ nữ trong ba cung điện. Giờ ông ta sẽ nói sao?" Ông ta đã hỏi với hàm ý như vậy. Rồi đức Thế Tôn, cứ như nắm được sự điều khiển một con rắn đen bằng một bùa chú có công hiệu thực hoặc cứ như bước được chân lên cổ của một kẻ thù, cất lên tiếng gầm sư tử. Phật đã chỉ ra rằng: ngay cả trong 06 năm phấn-đấu tu khổ hạnh (tinh cần khổ hạnh, để tìm kiếm sự giác-ngộ) của mình, đó là thời Phật vẫn còn đầy những ô-nhiễm, thì lúc đó cũng không khởi sinh một ý-nghĩ nào về sự khoái-lạc của sự làm vua chúa hay sự có các vũ nữ trong ba cung điện."] (1515)

253 [Đây là tên những thánh bà-la-môn thời cổ (brahmin rishi), họ được cho là những người biên soạn của các kinh chú Vệ-đà. Họ đã được đề cập về khả năng này trong kinh **5:192**, và kinh dài **DN 2**, mục 2.8, và kinh **MN 95**, mục 13.] (1518)

254 [Chỗ này 03 phiên bản ghi khác nhau chút ít. Tôi làm theo **Ce** ghi là: *cittālaṅkāraṃ cittaparikkhāranti*. Cả **Be** và **Ee** đều không có dấu trích dẫn *ti*. **Mp** chú giải rằng: "*Đó là một thứ trang sức, một phụ liệu, của cái tâm thuộc về sự vắng-lặng* (*định*) *và sự minh-sát* (*tuệ*) (*samathavipassanācittassa*)."] (1519)

255 [Trong kinh **2:133** và **4:177**, mục 4, cô được Phật coi là người mẫu mực cho những nữ đệ tử tại gia. Cô cũng có thể chính là người với tên gọi là Uttarā Nandamātā, đã được Phật tuyên bố trong kinh **1:262** là bậc nhất trong số những người tu thiền là những nữ đệ tử tại gia.] (1520)

- (Nhân tiện, về "*Pārāyana*" ở cuối câu: Mời quý vị coi lại chú thích chữ này trong kinh **6:61** như sau: [Đây chính là kinh **Sn 1042**. *Chương* "*Pārāyana*" (*Đáo Bỉ Ngạn, Vượt Qua Bờ Kia*) là chương thứ năm và cuối cùng của quyển *Kinh Tập*, thuộc *Bộ Kinh Ngắn* (*Tiểu Kinh Bộ*). (Giống như chú thích thứ hai trong kinh **3:32**).] (1394)

256 [Ở đây lời kinh dùng chữ *ātitheyya* nghĩa là: món quà theo truyền thống để tặng cho khách như một biểu hiện của lòng mến khách.] (1521)

257 [Nguyên văn lời tán thán này là *acchariyaṃ abbhutaṃ*. Mặc dù cụm chữ này thường được dịch nghĩa là "*kỳ diệu và tuyệt vời*", nhưng nó không phải luôn luôn có nghĩa chỉ *sự tán thán, ca ngợi* mà có lúc có nghĩa chỉ *sự đáng ngạc nhiên, làm sửng sờ*. Dĩ nhiên sự khác nhau giữa 02 ý nghĩa này cũng không xa hay quá khác biệt, giống như kiểu hai chữ "kỳ diệu" và "tuyệt vời" cũng không quá khác biệt vậy, chúng đều có thể diễn tả sự thán phục và ngợi khen cũng có thể diễn tả sự đáng ngạc nhiên và kỳ lạ.] (1522)

258 [**Be** và **Ee** ghi là *sallapissasī ti*. **Ce** ghi là *sallapissatī ti*, ở ngôi thứ ba, có lẽ do lỗi biên tập.] (1523)

259 [**Be** và **Ee** ghi là *vadhe vā vajjhamāne vā*; **Ce** ghi là *baddhe vā vajjhamāne vā*. Bản dịch tiếng Tích Lan cổ [Sinhala] theo **Ce** cũng không nhất quán với phiên bản Pāli của bài kinh. Tôi gợi ý đọc khác với cách ghi của cả 03 phiên bản, và nên đọc là *baddhe vā bajjhamāne vā*. Theo cách này thì 03 cặp ngữ sẽ thể hiện thứ tự là bắt, nhốt tù, và xử tử.] (1524)

260 ["*Sự biến đổi của tâm*" là tạm dịch cụm chữ: *cittassa aññathattaṃ*. Lời diễn đạt này cũng được lặp lại trong đoạn kế dưới. Cách dịch của tôi có ý để cho phù hợp với cả 02 trường hợp. Trong trường hợp này, "*sự biến đổi của tâm*" là chỉ tâm của mọi người bình thường chưa tu tập thì sẽ *bị điên tiết quẫn trí* vì con bị bắt bị giết; trường hợp thứ hai, "*sự biến đổi của tâm*" diễn tả *sự kinh sợ* khi nhìn thấy chồng là quỷ dạ-xoa như vậy.] (1525)

261 [Nguyên văn câu này: *Yatra hi nāma cittuppādampi parisodhessasi*. Nghĩa gốc là "*rằng cô sẽ thanh lọc ngay cả sự khởi-sinh của tâm*.] (1526)

262 [Nguyên văn: *Yakkhayoniṃ*. **Mp** giải thích: "Cõi quỷ thần này là trạng thái của một địa-thần (*bhummadevatābhāvaṃ*)". Chữ *yoni* được dùng ở đây

theo nghĩa là "cõi", và do vậy chữ *yakkhayoni* không hàm nghĩa rằng những quỷ yakkha được sinh ra từ bào thai.] (1527)

263 [Điều này làm nên trạng thái thánh quả Bất-lai, là người đã dẹp bỏ *năm gông-cùm thấp hơn*, nhưng còn *năm gông-cùm cao hơn* thì chưa dẹp bỏ được.] (1528)

264 [Đây là bài kinh song hành được mở rộng của kinh **5:34**, bằng cách đưa thêm vào bừng các phần nội dung có trong kinh **5:38**] (1543)

265 [**Mp** chú giải nghĩa là: "Họ phát khởi sự bi-mẫn với ý nghĩ: 'Ai chúng ta nên giúp đỡ hôm nay? Sự cúng dường của ai chúng ta nên nhận hoặc ai chúng ta nên chỉ dạy Giáo Pháp?'"] (1544)

266 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *vadhadaṇḍatajjitā*. **Mp** diễn dịch đó là tình huống đáng sợ kiểu như: "*Lúc đó chồng cô ta cầm roi gậy và dọa đánh giết:* '*Tao sẽ giết mày*'." (*daṇḍakaṃ gahetvā vadhena tajjitā*, "*ghātessāmi nan*" *ti vuttā*).] (1559)

267 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *naḷerupucimandamūle*. **Sp I 108**, 29–30 nói chữ *Naḷeru* là tên của một quỷ dạ-xoa (yakkha).] (1637)

268 [Lời kết tội giống vầy đối với Đức Phật cũng có ghi trong kinh **4:22** và đối với Ngài Đại Ca-chiên-diên cũng có ghi trong kinh **2:38**.] (1638)

269 [Nguyên văn câu này: *Arasarūpo bhavaṃ Gotamo*. **Mp** giải thích: "Bà-la-môn này thiếu trí, không nhận biết Phật là người già nhất trong thế gian. Ông không tin không nghe lời Phật mới tuyên-bố; chữ "*vị giác*" ở đây là ông ta muốn chỉ "*ý vị hòa hợp*" (*sāmaggirasa*) mà trong đời nó có nghĩa là những sự lễ phép như kính lễ, đứng dậy kính lễ, lễ lạy, và những hành vi lễ độ khác. Để làm dịu bớt tâm trí của ông, Phật tránh đối nghịch trực diện với lời của ông; thay vì vậy Phật dùng những chữ ông ta dùng, nhưng 'lồng vô' bằng nghĩa của Phật để nói với ông. [Ở đây Phật dùng nghĩa "*vị giác*"] là *sự thỏa-thích về những đối-tượng dục lạc* (những hình-sắc, âm-thanh, mùi-hương, mùi-vị, chạm-xúc) khởi sinh trong những người phàm tục …] (1639)

270 [Nguyên văn câu này: *Nibbhogo bhavaṃ Gotamo*. **Mp** nói đây có nghĩa là thiếu sự hòa đồng, sự lịch sự, sự nhã nhặn; thiếu sự thân thiện (*sāmaggiparibhogo*), tức cũng chỉ sự không lễ phép không kính lễ … đối với

những người già. Và Phật cũng trả lời lại bằng cách dùng ngay chính chữ mà bà-la-môn đã dùng và 'lồng vô' bằng nghĩa của Phật.] (1640)

271 [Nguyên văn câu này: *Akiriyavādo bhavaṃ Gotamo*. *Thuyết không-làm-gì*, nhưng được diễn tả bởi những người chủ xướng nó là từ chối sự khác-nhau giữa thiện và ác (tức họ không tin có nghiệp thiện và thiện quả, nghiệp ác và ác quả). Coi thêm kinh dài **DN 02**, mục 17; kinh trung **MN 60**, mục 13; **MN 76**, mục 10; kinh liên-kết **SN 24:06** (Quyển 3). **Mp** giải thích ông bà-la-môn nói theo nghĩa Phật không-làm-gì cho đúng theo truyền thống, tức là không lễ phép không kính lễ những người già lão … Nhưng Phật trả lời bằng "*sự không-làm*" đối với *những hành-vi xấu ác của thân, miệng, và tâm* (03 ác hành, 03 tà nghiệp).] (1641)

272 [Nguyên văn câu này: *Ucchedavādo bhavaṃ Gotamo*. *Những người chủ trương thuyết diệt-vong* hay *đoạn-diệt* tuyên bố rằng khi một người chết thì đó là "*sự diệt vong, sự hủy diệt, sự kết liễu*" (tức: chết là hết!). Coi kinh dài **DN 1**, mục 3.9–16. **Mp** nói ở đây ý của bà-la-môn là kết tội Đức Phật tìm cách hủy-diệt những quy-ước truyền thống lâu đời, tức đó cũng là những sự lễ phép sự kính lễ đối với người già … nhưng Phật đã trả lời lại rằng Phật chỉ tìm kiếm *sự hủy-diệt những ô-nhiễm* (lậu hoặc) và *những phẩm-chất bất thiện* thông qua con đường Bát Thánh Đạo.] (1642)

273 [Nguyên văn câu này: *Jegucchī bhavaṃ Gotamo*. **Mp** nói: "Bà-la-môn đó gọi Đức Thế Tôn là '*một người chê-chán*' (chán ghét, thấy ghê tởm, khinh ghét; *jegucchī*); ý ông ta nói là Đức Phật thấy chán-ghét (*jigucchati*) với những sự lễ phép sự kính lễ đối với những người già lão … cho nên Phật mới không kính lễ hay lễ phép đối với họ …, nhưng Phật đã trả lời lại rằng Phật đúng là một người chê-chán những chê-chán và ghê-tởm với *những hành-vi xấu ác của thân, miệng, và tâm* (03 ác hành) và nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Giống như một người đã yêu thích những thứ trang sức đẹp đẽ thì sao không thấy chán-ghét và ghê-tởm với phân cứt vậy.] (1643)

274 [Nguyên văn câu này: *Venayiko bhavaṃ Gotamo*. Chữ *venayika*, từ động từ *vineti* [kỷ luật, xử phạm, loại bỏ vi phạm], có thể có nghĩa là "*người đưa ra kỷ luật, người rèn luyện người khác*". Nhưng vào thời Đức Phật chữ *venayika* dường như cũng hàm tích nghĩa là "*người dẫn lạc lối*", là người dẫn người khác đi tới chỗ sự lụn bại tàn hoại. Như vậy **Mp** đã giải nghĩa chữ *vineti*, theo quan-điểm của bà-la-môn này, là *vināseti* [hủy diệt, hủy bỏ, bãi

bỏ]. Nhưng Đức Phật khẳng định sự loại-bỏ của Phật là theo cái nghĩa mà Phật đã chỉ dạy Giáo Pháp để *loại-bỏ tham, sân, si* và những ô-nhiễm khác (*rāgādīnaṃ vinayāya*).] (1644)

275 [Nguyên văn câu này: *Tapassī bhavaṃ Gotamo*. Một người tu khổ hạnh (*tapassī*) thường là một tu sĩ hành hạ xác thân. Chữ này xuất phát từ động từ *tapati* [đốt, thiêu đốt]. Theo ý của **Mp**, bà-la-môn này dùng chữ này theo nghĩa là Phật là một người hành-hạ những người già trưởng lão bằng cách không lễ phép với họ, không kính lễ họ …, nhưng Phật đã dùng chữ này theo nghĩa '*thiêu đốt*' những phẩm-chất bất thiện.] (1645)

276 [(Ý ông bà-la-môn lại nói Phật đã *rút khỏi* những phong tục, lễ nghĩa truyền thống … trong đời sống xã hội). [Nguyên văn câu này: *Apagabbho bhavaṃ Gotamo*. **SED** giải thích chữ tiếng Phạn là *apagalbha* có nghĩa là "*muốn mà nhát, rụt rè, ngại ngần*" [coi thêm **DOP sv** *apagabbha*]. Ở đây Đức Phật đã dùng sự chơi-chữ cho nên có nghĩa như là "*loại bỏ* (*apa*) *bào thai* (*gabbha*)". Hầu như không thể 'bắt' được trọn vẹn nghĩa ở đây để dịch; tôi dịch thành chữ "*rút khỏi*", đây là một cách vụng về nhưng để kết hợp được 02 nghĩa gốc của chữ này là "*nhút nhát, rụt rè, ngại ngùng*" và "*đã rút khỏi, đã rút lui*" khỏi sự lang thang trôi giạt trong vòng luân hồi sinh-tử.] (1646)

277 [Chỗ này mời coi lại kinh **4:128**, đoạn (4), và chú thích 824 ở đó.] (1647)

278 [Tôi làm theo **Be** và **Ee**: ghi lại *đầy đủ* sự mô tả về 02 loại trí-biết (minh) thứ nhất. Còn **Ce** thì chỉ ghi tóm lược chúng.] (1648)

279 [Tôi không làm theo **Ce** chỗ này có chữ *diṭṭhā-sava* (ô-nhiễm tà kiến); do thấy trong **Be** và **Ee** đều không có chữ này, và thấy thêm các đoạn song hành trong các kinh như **3:59**, **4:198** … của **Ce** thì lại không có chữ *diṭṭhā-sava* này.] (1649)

280 [Chỗ này nghe rất lạ khi lời kinh ghi rằng Mahāvīra (Đại Thiên, tức Ni-kiền-tử Nātaputta, giáo chủ đạo Jain của những người Ni-kiền-tử) đã nói ra câu này với tướng quân Sīha. Những Ni-kiền-tử theo đạo Jain chắc chắn đã biết rằng Đức Phật cũng chỉ dạy *sự hành-động* như một *thuyết về nghiệp* (kamma), chỉ có điều là thuyết của Phật khác với thuyết của họ. **Mp** nói rằng Ni-kiền-tử Nātaputta đã cực kỳ không hài lòng với lời thỉnh cầu của tướng quân Sīha cho nên ông đã liền ngăn cản không cho tướng quân đi đến gặp

Phật. Lời ngăn cản của ông ta "đã dập tắt niềm hoan-hỷ đã khởi sinh trước đó trong tướng Sīha, như kiểu tát nước vào mặt [giống như sự dùng gậy đánh vào con bò đi sai lối, hay sự dập tắt một ngọn đèn, hay sự lật úp một bát cơm vậy]".] (1650)

281 [Chỗ này tôi đọc theo **Be** và **Ee** là: *yannūnāhaṃ anapaloketvā va nigaṇṭhe*; khác với **Ce** ghi là: *yannūnāhaṃ anapalokitā va nigaṇṭhe*. Trong câu trước, với chữ *nigaṇṭhā* là chủ từ, thì những phân từ quá khứ *apalokitā vā anapalokitā vā* là phù hợp, là những từ chỉ danh thích hợp với chủ từ. Nhưng trong câu này chữ *ahaṃ* là chủ từ, nó như một từ tuyệt đối biểu thị một hành động của tướng Sīha.] (1651)

282 [Về đoạn "*câu hỏi*" khuôn mẫu này, mời coi lại chú thích 416 ở kinh **3:57**.] (1652)

283 [Những lời buộc tội trong kinh này có 06 điều giống như điều (1) và các điều từ (3)-(7) trong kinh **8:11** kế trên. Mời coi lại các chú thích trong kinh **8:11**.] (1653)

284 [**Ce** và **Be** ghi chữ *assāsako*; **Ee** ghi là *assattho*, có nghĩa là: "*được an ủi, được yên ủi*". Tôi không chắc nghĩa như vậy có đúng theo ý phê phán của người buộc tội Đức Phật hay không.] (1654)

285 [**Mp** diễn dịch rằng: "*Sự an-ủi* hay *sự yên-ủi tối thượng* (*paramena assāsena*) chính là: 04 thánh đạo và 04 thánh quả.".] (1655)

286 [Nội dung từ đoạn (i), (ii), (iii) … cho đến câu "*và đã trở thành không còn phụ thuộc vào những người khác về giáo lý của Vị Thầy*"] là gần như giống hệt với sự trải nghiệm của Upāli được ghi trong kinh **MN 56**, mục 16–18.] (1656)

287 [Lời nói xuyên tạc này cũng có ghi trong đoạn đầu của kinh **3:57**, khi du sĩ Vaccha đang chất vấn Phật.] (1657)

288 [**Ce** và **Ee** ghi chữ *jīranti*; **Be** ghi *jiridanti*. **Mp** giải nghĩa câu này là: "Họ không giới hạn lời lăng mạ của họ (*abbhakkhānassa antaṃ na gacchanti*). Hoặc, chữ *jiridanti* có nghĩa là sự xấu-hổ (*lajjanatthe*). Ý nghĩa là họ không biết xấu-hổ (*na lajjanti*) (trong khi cứ đi xuyên tạc, bôi nhọ Phật và Phật giáo)."] (1658)

289 [(Chỗ này liên hệ đến giới-luật thời Phật có cho phép những Tỳ kheo ăn thịt cá với điều-kiện đó thuộc loại "tam tịnh nhục" (không biết, không nghe, không thấy người khác giết con vật để lấy thịt làm thức ăn cho mình).)

- [Mời coi lại kinh *Jīvaka Sutta* (**MN 55**) để nắm rõ *quan-điểm của Đức Phật về vấn đề ăn thịt cá*. Lời kinh chỗ này thật đáng tò mò, vì nó có vẻ không trung thực (là kinh gốc nguyên thủy), bởi vì: (a) đây là kinh của Phật giáo mà lại đi mô tả những người Ni-kiền-tử của đạo Jain đã chỉ trích Đức Phật đã cố ý ăn thịt mặc dù đã biết đã nghe về con thú bị giết để lấy thịt nấu thức ăn cho mình và các đệ tử của mình. (Bởi vì những người Ni-kiền-tử đâu có đề cao hay giữ giới 'tam tịnh nhục' đâu mà lại trách tội Phật và Tăng đoàn như vậy!). Điều đó chỉ có lý là những người Ni-kiền-tử đã trực tiếp lợi dụng giới cấm "tam tịnh nhục" của Đức Phật để châm chọc và xuyên tạc dựa theo giới cấm đó. Điều này nếu đúng như lời kinh thì quả là một sự bịa đặt xuyên tạc quá nghiêm trọng. (Theo như bối cảnh bài kinh đã cho thấy rõ Đức Phật đã hoàn toàn không hay biết gì (về những món ăn của mình là gì), và càng không thấy, không biết, và không nghe gì về 'con vật béo mập' nào đã bị giết để lấy thịt nấu thức ăn cho mình và Tăng Đoàn.) (b) Nhưng những Ni-kiền-tử theo đạo Jain là những người ăn chay trường nghiêm ngặt, cho nên chúng ta có thể chắc chắn rằng họ đã chỉ trích Đức Phật và những đệ tử của Phật chỉ đơn giản vì việc ăn thịt mà thôi, chứ không phải vì đã biết và ăn thịt một sinh vật bị giết để làm thức ăn cho mình. Mời coi trang thông tin: http://www.jainworld.com/jainbooks/ guideline/28.htm.] (1659)

290 [Trong kinh **1:253** gia chủ Ugga ở thành Vesālī này được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những người cúng dường những thứ đáng thích (tốt, ngon, hữu ích, đúng pháp). Trong kinh **5:44** ông đã bố thí những thứ cúng dường đáng thích cho Đức Phật.] (1677)

291 [Nguyên văn câu cuối này: *Brahmacariyapañcamāni sikkhāpadāni*. Chỗ này chỉ năm giới-hạnh thông thường của Phật tử tại gia, nhưng trong đó điều thứ ba là "*không tà-dâm*" được thay bằng giới lớn hơn là "*sống độc-thân*" (tức: không có quan hệ giới tính, cho dù tà dâm hay chánh dâm).] (1678)

292 [Giống như trong kinh **7:53**, đoạn (1). Khi nói câu này gia chủ chứng tỏ mình đã là một bậc thánh Bất-lai.] (1679)

293 [Đây là một cách nói khác tuyên bố mình là một bậc thánh Bất-lai. Bằng cách nói rằng ông ta sẽ không quay lại "thế gian này" (*imaṃ lokaṃ*), (i) ông đã chỉ ra mình đã loại bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) vốn trói buộc một người quay lại thế giới tham-dục này, và (ii) cũng chỉ ra rằng ông ta chưa phải là một A-la-hán, là bậc không còn (tái sinh) quay lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.] (1680)

294 [Cần lưu ý: Khác với 02 vị đệ tử tại gia (gia chủ Ugga ở thành Vesālī và gia chủ Ugga ở làng Hatthi) trong 02 kinh kế trước: lời kinh ở đây nói Hatthaka đang ở một nơi-ở hay tư-gia (*nivesana*) của mình nhưng ông không được gọi là "*gia chủ*" (*gahapati*) mà Tỳ kheo đó chỉ gọi ông là "*đạo hữu*" (*āvuso*). Chúng ta không thể biết chỗ này lời kinh nguyên thủy là cố ý ghi như vậy hay chỉ là do lỗi ghi chép sau đó khi truyền thừa. Tuy nhiên, trong kinh **6:123**, Hatthaka lại được gọi là một gia chủ (*gahapati*), trong khi đó những người tại gia gia khác trong NHÓM kinh này thì được gọi là những đệ tử tại gia (*upāsaka*, u-bà-tắc).] (1681)

295 [Nguyên văn kinh gốc thì chỗ này lặp lại toàn bộ lời kinh từ lúc Tỳ kheo đó đến nhà Hatthaka cho đến lúc kết thúc cuộc nói chuyện của họ.] (1682)

296 [*Bốn phương-tiện* này có được nói trong các kinh **4:32** và **4:256**.] (1683)

297 [Nguyên văn câu cuối này là: *Daḷiddassa kho no tathā sotabbaṃ maññanti*. **Mp** chú giải nghĩa là: "Họ không lắng nghe con theo kiểu họ lắng nghe một người nghèo, người không thể bố thí thứ gì hay làm được điều gì; nhưng họ nghĩ họ nên lắng nghe con và làm theo lời khuyên bảo của con và họ không nghĩ họ nên làm sai với những sự hướng dẫn của con."] (1684)

298 [Jīvaka là lương y chăm sóc sức khỏe của Phật. Về cuộc đời của vị lương y nổi tiếng này, mời coi lại **Vin I** 268–280.] (1685)

299 [Phần thi kệ bên dưới là giống hệt như ở kinh **3:70** cũng là kinh nói về chủ đề *sự trai giới Bố-tát* (bát quan trai giới). - Mời coi thêm mấy chú thích trong phần thi kệ ở kinh đó.] (1714)

300 [Trong kinh này, trong cả 03 phiên bản, chỉ có **Ee** ghi ở đây chữ "*sace ceteyyuṃ*": thực ra chỉ ghi chữ này thì mới đồng nhất với lời kinh song hành ở cuối kinh **4:193**. (Coi thêm chú thích 912 ở cuối kinh **4:193**).] 1715)

301 (Trước tiên mời quý vị coi lại chú thích 1009 ở đoạn (5), kinh **5:33**). [So chiếu với kinh **5:33**, lời kinh và chú thích 1009 ở đoạn (5), **Mp** đã nhận dạng đây chính là những *thiên thần vui thích sự sáng tạo* (*nimmānaratino devā*, Hóa lạc thiên). **Mp** kể lại nguồn gốc của kinh này như vầy: "Chuyện kể rằng những thiên thần đó, sau khi xem xét sự vinh quang (hào quang) của mình, đã tự hỏi mình: 'Làm cách nào chúng ta đã có được vinh quang như vầy?' Sau khi quán chiếu, họ đã gặp thầy A-nậu-lâu-đà và biết được: 'Trong quá khứ, khi thầy ấy từng là một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), chúng ta là tùy tùng của thầy ấy. Chúng ta đã chấp hành sự hướng dẫn của thầy ấy và do vậy chúng ta mới đạt được sự vinh quang như vầy. Nào hãy đi. Chúng ta sẽ mang vị trưởng lão này (A-nậu-lâu-đà) [cùng với chúng ta] sẽ cùng thụ hưởng (*anubhavissāma*) sự vinh quang này.' Do nhân duyên như vậy nên họ đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà vào ban ngày. (Nhưng sau khi đã gặp và đàm đạo, rốt cuộc thầy A-nậu-lâu-đà là bậc thánh không chủ trương việc tu tiên để hưởng phước cõi trời mà chủ trương tu đến sự giải-thoát rốt ráo, Niết-bàn).] (1716)

302

303 [Nguyên văn câu cuối này: *Tā devatā* '*na khvayyo anuruddho sādiyatī*' *ti tatth'ev'antaradhāyiṃsu*. **Mp** diễn dịch là: "[Mấy thiên thần đó nghĩ:] 'Thầy A-nậu-lâu-đà không thưởng thức màn múa hát của chúng ta. Thầy ấy nhắm mắt lại và không chịu nhìn chúng ta. Vậy tại sao chúng ta tiếp tục múa hát làm gì?' Rồi họ biến mất ngay tại chỗ."] (1781)

304 [Tiếp theo là *08 phẩm-chất*, trong đó 05 phẩm-chất đầu thực chất là giống 05 phẩm-chất đã được ghi trong kinh **5:33**, ngoại trừ có máy chỗ thay đổi bởi sự phân thời các động từ để thích ứng với ngữ cảnh bài kinh này.] (1719)

305 [Tôi đọc chỗ này theo **Ee** ghi là: *rajataṃ vā jātarūpaṃ vā*, giống như ở kinh **5:33** cũng ghi vậy. Cả **Ce** và **Be** đều ghi thiếu chữ *rajataṃ* ở đây, nhưng trong kinh **8:49** bên dưới thì tất cả 03 phiên bản đều ghi đủ.] (1720)

306 [Chỗ này tôi đọc theo **Be** và **Ee** [và **Ce** kinh **5:33** cũng giống vậy] ghi là: *sabbakāmaharaṃ*; khác với **Ce** (kinh này) ghi là: *sabbakāmadaṃ*.] (1721)

307 [Chỗ này cả 03 phiên bản đều ghi là *issāvādena*. Ngược lại, ở kinh **5:33** thì cả 03 phiên bản lại ghi 03 chữ khác luôn [**Ce** ghi là: *icchācārena*, **Be** ghi: *issācārena*, **Ee** ghi: *issāvādena*]. Mời quý vị đọc lại chú thích 1010 về chữ

này trong phần thi kệ của kinh **5:33**. (Phần thi kệ giống trong kinh **5:33** được lặp lại trong kinh này để chỉ ra mấy chữ được ghi khác nhau này bằng 02 chú thích này).] (1722)

308 [Kinh này có thể được coi là một *kinh kết-hợp*, vì nó kết hợp *02 bộ* x "*04-điều*" để trở thành *08-điều*.] (1723)

309 ['*Sự thắng-lợi trong đời này* và *cuộc sống của cô ấy trong thế gian này là thành-công*' là tạm dịch cụm ngữ "*ayaṃ'sa loko āraddho hoti*". **Mp** giải nghĩa dài dòng cụm ngữ này là: *Ayam assa loko idha- loke karaṇamattāya āraddhattā paripuṇṇattā āraddho hoti paripuṇṇo* (*Đời này là thành-công đối với cô ấy ấy và được thành tựu vì cô ấy thành-công và đạt tới thành-tựu bằng cách làm [những điều cần được làm] trong đời này*).] (1724)

310 [Tôi làm theo **Ee**, ghi đầy đủ lời kinh, còn trong **Ce** và **Be** thì ghi giản lược chỗ này.] (1725)

311 [Nguyên văn dòng kệ này là: *Soḷasākārasampannā*. Lời ghi như vầy tự nó không có nghĩa rõ ràng, không nói rõ là 16 phương-diện nào. **Mp** thì giải thích đó gồm như vầy: "*08 điều được ghi trong bài kinh và 08 điều được ghi trong bài kệ, tổng cộng là 16 điều. Hoặc, 08 điều là cô ấy có-được và 08 điều như vậy cô ấy sẽ khuyến khích người khác làm theo, tổng cộng là 16 điều hay 16 phương-diện*."] (1726)

312 [Kinh này, là câu chuyện thuộc kinh điển về *sự thành lập Ni Đoàn*, là đề tài đã được nghiên cứu điều tra sâu rộng của giới học giả. Chuyện kể trong kinh này cũng có ghi trong *Luật Tạng*, **Vin II** 253–256. Một số nghiên cứu gần đây về bài kinh này, từ một góc độ phê bình, là có trong tập san "*Thea Mohr và Jampa Tsedroen năm 2010*". Đặc biệt hữu ích và nhiều thông tin trong tập san này là (i) bài nghiên cứu "*The Eight Garudhammas*" (*Tám Giới Thêm cho các Tỳ kheo Ni*) của học giả Ute Hüsken, và (ii) "*Sự Xuất-Gia của Phụ Nữ trong Phật Giáo Tiền Thân: Bốn Hội Chúng và Sự Thành Lập Ni Đoàn*" của nhà sư Anālayo, đã xử lý vấn đề nan giải *về mặt thời-gian* (của bài kinh so với lịch sử Ni Đoàn Phật giáo) ở trang 86–90 của tập san.] (1727)

313 [Niên đại và thời gian ở đây là không rõ ràng đối với tôi! **Mp** đã nói rằng, vào lúc chuyện kinh này bắt đầu thì Đức Phật đang sống giữa xứ Thích-Ca (Sakya) trong *lần thứ nhất* của Phật trở lại kinh đô quê nhà là Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) (*paṭhamagamanena gantvā viharati*). Nhưng chúng ta biết

chắc: (i) di mẫu Kiều-đàm-di (*Gotamī*) chỉ có thể xuất gia sau khi chồng bà [là vua cha Suddhodana (Tịnh Phạn) của Đức Phật], qua đời. Nhưng (ii) trong chuyến *đầu tiên* Phật trở lại kinh đô quê nhà là Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) thì vua cha vẫn còn sống, thời điểm này là *không lâu* sau khi Đức Phật giác-ngộ, cho nên cái sự kiện (di mẫu xin xuất gia, lập Ni Đoàn) trong kinh này là khó tin được. Chỗ này dẫn tới một *sự không-khớp lạ kỳ về mặt thời-gian*. (iii) Trong bộ *Cūḷavagga* (*Bộ Tiểu Phẩm*) của Luật Tạng có ghi rằng: Ngài Ānanda và những người họ Thích-Ca nổi tiếng đã xuất gia trở thành Tỳ kheo sau chuyến về thăm quê *đầu tiên* của Phật ở Ca-tỳ-la-vệ [coi **Vin II** 182–183]. Sử liệu là: thầy Ānanda trở thành người thị giả của Phật *từ lúc 20 năm sau khi Phật giác-ngộ*, tức là từ lúc Phật đã 55 tuổi, và thầy ấy đã hầu cận Đức Phật suốt 25 năm còn lại cho tới lúc Phật từ giã trần gian (80 tuổi) [coi **Th 1041–43**]. Nhưng, *trong kinh này*, thầy Ānanda lại được mô tả đã là người thị giả của Phật *trước cả khi* Ni Đoàn được thành lập. Cho dù Ni Đoàn có được thành lập *rất nhanh sau khi* Đức Phật lần đầu về thăm quê nhà, hay thậm chí sau 05 năm hay 10 năm đi nữa, thì lúc đó thầy Ānanda thực tế cũng vẫn chưa là thị giả của Đức Phật. Như vậy là, trừ khi lúc này thầy Ānanda thực tế *chưa phải là* thị giả của Phật vào lúc bối cảnh của kinh này (chẳng hạn như chỉ vì thầy là người thân thuộc với dì Kiều-đàm-di nên thầy đang làm trung gian giữa bà và Phật trong bối cảnh này), nếu không thì *sự sai-lệch về mặt thời-gian* giữa bối-cảnh trong kinh này và giai-đoạn lịch sử thực tế vào lúc bắt đầu có Ni Đoàn đầu tiên là khó mà giải thích cho được!] (1728)

314 [Tôi tóm lược chuỗi sự kiện từ luận giảng **Mp**: Khi Phật trở lại kinh đô Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) *lần đầu tiên*, Phật đã thụ giới xuất gia cho Nanda (người em trai cùng cha khác mẹ với Phật, là con trai của di mẫu Kiều-đàm-di) và Rāhula (con trai của Phật), và sau đó đã giải quyết sự tranh chấp giữa những người dân Thích-Ca và nước láng giềng là những người Câu-lợi (Koliya) [những người Câu-lợi thực ra cũng là những người họ tộc bên phía mẹ của Phật]. Sau đó, mỗi bên có 250 thanh niên đã xuất gia theo Phật. Không bao lâu sau, những người mới xuất gia đó bắt đầu sầu nhớ vợ con (và muốn hoàn tục quay về). Đức Phật đã dẫn họ tới Hồ Kuṇāla, ở đó Phật đã dạy cho họ một chuyện tiền kiếp của Phật, gọi là *Kuṇāla Jātaka*, có nói về những mưu kế và sự lừa dối của những phụ nữ. Sau khi nghe lời dạy này, 500 Tỳ kheo trẻ đó đã chứng thánh quả Nhập-lưu, và không bao lâu sau họ trở thành A-la-hán. Những người vợ đã gửi thư van nài họ quay về nhà với vợ con, nhưng những Tỳ kheo đó trả lời rằng từ giờ họ không còn khả năng sống đời

sống tại gia nữa (vì họ đã là thánh nhân). Do vậy những phụ nữ đó đã đến gặp di mẫu Kiều-đàm-di nhờ bà tới thỉnh cầu Đức Phật [Phật đã từng là con nuôi và cháu ruột của bà] cho phép những phụ nữ xuất gia tu hành (như những người chồng của họ). Vậy là di mẫu Kiều-đàm-di đã dắt những phụ nữ đó cùng đi đến gặp Đức Phật, và thỉnh cầu Phật như đã được mô tả trong kinh này.] (1729)

315 [**Mp** diễn dịch như vầy: "Tại sao Phật từ chối bà ấy? Bộ không phải đúng là tất cả những vị Phật đều có bốn hội chúng hay sao? Điều đó là đúng, nhưng ở đây Phật từ chối bà ấy chỉ vì Phật nghĩ rằng nếu những phụ nữ được phép xuất gia *sau nhiều lần* họ đã liên tục cố xin phép thì sau đó họ mới duy trì sự thụ-giới của mình và tôn kính sự xuất-gia đó, họ sẽ luôn nhớ lại sự khó khăn lắm mới xin được phép cho họ xuất gia tu hành." (Sự diễn dịch này có phần hữu lý).] (1730)

316 [Đây là 500 phụ nữ người Thích-Ca có chồng đã xuất gia và đã chứng quả A-la-hán. Trong một cuộc trao đổi cá nhân, học giả Pruitt đã viết: "Không có dấu hiệu thông tin nào (trong bài kinh) đã cho thấy khoảng thời gian là bao lâu kể từ lúc Phật rời khỏi kinh đô Ca-tỳ-la-vệ cho đến lúc đang xảy ra những sự kiện tiếp theo chỗ này. Trong luận giảng về tập *Trưởng Lão Ni Kệ*, **Thī-a 3**, thì [luận sư là] Dhammapāla đã nói rằng: 'Phật đã thụ giới xuất gia cho thiếu niên Nanda (em cùng cha khác mẹ, con trai của di mẫu) và thiếu niên Rāhula (con trai của Phật) và sau đó Phật đã quay trở lại Vương Xá (Rājagaha). Trong một dịp sau đó, khi Phật đang sống ở Hội Trường Kūṭāgāra gần Tỳ-xá-li (Vesālī), vua cha Tịnh Phạn (Suddhodana) đã chứng ngộ sự tắt-ngấm (tịch diệt) cuối cùng [tức Niết-bàn], sau khi đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán thậm chí ngay trong khi nhà vua đang [ngồi ngự triều] dưới ô lọng trắng. Chí hướng xuất-gia đã khởi sinh trong bà Đại Ái Đạo (Mahā-Pajāpatī)'." [theo Pruitt 1998: 6–7]. Đoạn này cũng được ghi trong **Thī-a 141** [theo Pruitt 1998: 181]. Vua Tịnh Phạn là người tại gia duy nhất mà tôi biết là người đã chứng thành A-la-hán và vẫn còn là một người tại gia, điều này có nghĩa rằng nhà vua không thể nào đã sống thêm 07 ngày đó sau khi đã trở thành một A-la-hán."] (1731)

317 [Phiên bản **Be** có ghi chữ *muhuttaṃ*, **Ce** và **Ee** không có ghi.] (1732)

318 [Nguyên văn cụm chữ cuối là: *aṭṭha garudhamme*. Chữ *garudhamma* là hơi mơ hồ. Từ *garu* thường có nghĩa là "*nặng, nặng ký, nghiêm trọng*", lấy ví

dụ chữ *garukā āpatti* có nghĩa là *tội nặng, tội nghiêm trọng*. Nhưng chữ *garuṃ karoti*, nghĩa gốc là "*làm cho nặng*", lại có nghĩa là "*tôn trọng, kính trọng*" và chữ *garukata* có nghĩa là "*được tôn trọng, được kính trọng*". Như vậy thuật ngữ *garudhamma* có thể có nghĩa là "*điều luật nặng, điều luật nghiêm trọng*" hoặc có nghĩa là "*điều luật cần được tôn trọng, quy tắc cần được tôn trọng; tôn quy*". **Mp** còn 'bọc hậu' thêm bằng một cách diễn dịch thứ hai là: "*Những garudhamma là những quy-tắc cần phải được đối xử bằng sự tôn-trọng bởi những Tỳ kheo ni là những người đã chấp nhận chúng*". (Ở đây người dịch Việt dịch gọn bằng cụm chữ "*Tám Quy Tắc Tôn Trọng*" hay "*Tám Tôn Quy*" có thể chứa cả 02 hàm nghĩa nói trên: (a) *Tám quy tắc cần được tôn trọng*, hoặc (2) *Tám quy-tắc về sự tôn-trọng*.)

- Những dịch giả dịch *Luật Tạng* (Vinaya) qua tiếng Hán thời xưa cũng đã dựa theo cách diễn dịch này. Do vậy nên trong một đoạn tương ứng trong Luật Tạng của bộ phái *Sarvāstivāda* (*Nhất Thiết Hữu Bộ*) [ở **T** XXIII 345b29–c33] thì những điều quy định này đã được dịch là "*Tám Quy Tắc Về Sự Tôn Trọng*" hay "*Bát Tôn Quy*" [八敬法]. Trong Luật Tạng của bộ phái *Mūlasarvāstivāda* (*Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ*) [ở **T** XXIV 350c29] thì gọi những điều quy định đó là "*Tám Quy Tắc Tôn Vinh và Tôn Kính*" hay "*Bát Tôn Vinh Quy*" [八尊敬法]. Nhưng trong Luật Tạng của bộ phái *Dharmaguptaka* (*Pháp Tạng Bộ*) [ở **T** XXII 923a27, và ở chỗ khác] thì đặt tên cho những quy định đó là "*Tám Quy Tắc Không Được Vi Phạm Suốt Đời*" [八盡形壽不可過 法]: riêng nghĩa này là tương ứng với cụm chữ *yāvajīvaṃ anatikkamanīyo* trong tiếng Pāli có trong bài kinh **8:51** này. Còn Luật Tạng của bộ phái *Mahīśasaka* (*Hóa Địa Bộ*) [ở **T** XXII 185c19] cũng tương tự gọi những quy định đó là "*Tám Quy Tắc Bất Khả Vi Phạm*" [八 不可越法].''] (1733)

319 [Thật thú vị khi để ý cách mà cái chủ đề đang thảo luận thương lượng bỗng nhiên đã chuyển đổi một cách không kịp nhận ra *từ* việc đang xin phép cho sự xuất-gia (*pabbajjā*) của phụ nữ *sang* sự đại thọ giới (*upasampadā*) của họ. *Sự xuất-gia* là mới chỉ sự rời khỏi đời sống tại gia; còn *đại thọ giới* (thụ nhận toàn-bộ giới thành Tỳ kheo ni) là một hành-động chính thức gia nhập vào Tăng Đoàn.] (1734)

320 [Về sau này (thánh ni) Kiều-đàm-di đã có lần thỉnh cầu Đức Phật cho phép những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni lễ chào lẫn nhau [và biểu hiện thể hiện sự

tôn kính] tùy theo tuổi thâm-niên (tuổi hạ) chứ không phân biệt giới tính như vậy. Nhưng Đức Phật đã từ chối, và còn đưa ra thêm một điều luật là: "*Các Tỳ kheo không nên kính lễ những phụ nữ, đứng dậy khi thấy họ, chào họ một cách kính trọng hay cư xử một cách tôn trọng đối với họ. Ai làm điều như vậy là phạm tội sai trái* (*ác tác*)" (*na bhikkhave mātugāmassa abhivādanaṃ paccuṭṭhānaṃ añjalikammaṃ sāmīcikammaṃ kātabbaṃ*; *yo kareyya āpatti dukkaṭassa*). 'Sự cố' này cũng được ghi lại trong Luật Tạng, **Vin II** 257–258.] (1735)

321 [Chỗ này đề cập 03 tháng an-cư (kiết hạ) trong mùa mưa. (Nghĩa ở đây là trong vùng hay gần khu vực có các Tỳ kheo cũng đang nhập kỳ an-cư mùa mưa, có lẽ mục đích là để có được an toàn và sự hỗ trợ khi cần, cũng như cần có các Tỳ kheo để chỉ giáo định kỳ cho các Tỳ kheo ni và tổ chức các Lễ Mời (Tự Tứ) để tụng đọc Giới Bổn Tỳ kheo Ni).] (1736)

322 [Vậy là vào ngày bố-tát (uposatha) một Tỳ kheo sẽ được giao trách nhiệm giảng dạy cho những Tỳ kheo ni một bài khởi xướng hay giáo giới (*ovāda*) (về Giáo Pháp). Coi thêm nhà sư **Ṭhānissaro 2007b**: trang 446–447.] (1737)

323 ["*Lễ mời*" hay "*lễ tự tứ*" (*pavāraṇā*) là một nghi thức được tổ chức vào ngày cuối cùng của kỳ 03 tháng an-cư mùa mưa (kiết hạ), tại đó tất cả những thành viên Tăng Đoàn theo thứ tự thâm-niên (tuổi hạ, từ cao xuống thấp) sẽ yêu cầu những người khác chỉ ra (tự thú nhận) tội hay lỗi mà họ có thể đã phạm phải, cho dù theo dạng *đã thấy*, *đã nghe* hay *đã nghi ngờ*. Mỗi Tỳ kheo sẽ nói lời-mời tới tất cả những Tỳ kheo khác (để tu chỉnh, sửa sai cho mình). Tuy nhiên, theo điều luật này, các Tỳ kheo ni bắt buộc phải mời sự tu chỉnh (sửa sai) từ cả những Tỳ kheo và những Tỳ kheo ni khác. See Ṭhānissaro 2007b: 447–48. Coi thêm nhà sư **Ṭhānissaro 2007b**: trang 447–448.] (1738)

324 [*Thời gian phạt* (*mānatta*) được ấn định cho một tội lỗi của tu sĩ thuộc một tội tăng-tàng (*saṅghādisesa*). Một Tỳ kheo thì bị sự phạt trong thời gian 06 ngày; mỗi ngày người đó phải thông báo cho tất cả những Tỳ kheo khác về tội phạm của mình, đó là một trải nghiệm đáng xấu hổ (của người phạm tội). Trong trường hợp các Tỳ kheo ni thì thời gian chịu phạt phải là 02 tuần và phải thi hành việc thông báo tội của mình cho tất cả những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni khác. Về chi tiết tội và hình phạt, mời đọc thêm nhà sư **Ṭhānissaro 2007b**: trang 358–373. Theo điều luật này, chữ *garudhamma* lại có một ý nghĩa khác với nghĩa thông thường được dùng liên quan đến cả bộ bộ 'tám

quy-tắc về sự tôn-trọng' nói trong chú thích 1733 ở trên. Ở đây, **Mp** giải nghĩa nó là: *garukaṃ saṅghādisesāpattiṃ*, có nghĩa là: một tội thuộc điều luật trọng tội tăng-tàng (*saṅghādisesa*). Hüskin [trong tập san *Mohr và Tsedroen 2010,* trang 144] thì kết hợp 02 nghĩa của thuật ngữ này thành một, và do vậy cho thấy có một sự không nhất quán ở đây, nơi thực ra không có.] (1739)

325 [Một *nữ tu tập sự* (*sikkhamānā*) là một nữ tu được chuẩn bị để thụ giới toàn-bộ (đại thọ giới) để trở thành Tỳ kheo ni đúng như hạnh nguyện xuất-gia của người đó. Để hoàn thành những điều kiện yêu cầu trước khi đại thọ giới, cô ấy bắt buộc phải sống 02 năm tuân thủ sự tu-tập trong *sáu quy-tắc* (*cha dhammā*). Sáu quy-tắc này—được quy định rõ trong Luật Tạng **Vin IV** 319, 24–29 liên quan đến điều-luật *Bhikkhunī Pācittiya 63*—nói về sự kiêng giữ và *không vi phạm* những giới (1) sát-sinh, (2) gian-cắp, (3) tính-dục, (4) nói-dối nói láo, (5) uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, và (6) ăn phi thời [ăn trong thời gian sau giờ ngọ cho đến rạng sáng hôm sau]. Nếu phạm bất kỳ giới nào thì phải bắt đầu lại từ đầu thời gian tu tập sự 02 năm.] (1740)

326 [Trong *bộ Phân Tích* (Vibhaṅga) của *Luật Tạng* (Vinaya Piṭaka), những điều-luật trong *Giới Bổn Tỳ Kheo Ni* (*Bhikkhunī Pātimokkha*) được thấy là đã được đặt ra (quy định) để đối phó với những sự cố cụ thể về hành-vi sai trái của một số Tỳ kheo ni [hay nhóm Tỳ kheo ni]. Một số những điều-luật này đã nằm trong bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' (*garudhamma, bát tôn quy*). Như vậy những quy-tắc *garudhamma* 2, 3, 4, và 7 là tương ứng với những điều-luật *Bhikkhunī Pācittiya* số 56, 59, 57, và 52. Còn quy-tắc *garudhamma* 6 thì đã có những phần nội dung như vậy trong các điều-luật *Bhikkhunī Pācittiya* số 63 và 64. Sự thật là: những câu chuyện nói về bối cảnh phát sinh những điều-luật này đã cho thấy rằng chúng đã được đặt ra và quy định *vào những thời-điểm khác nhau trong lịch sử thời đầu của Ni Đoàn* (Bhikkhunī Saṅgha), sự thật này đã gây ra sự nghi-ngờ về tính lịch sử của câu chuyện bối cảnh của bài kinh này, bởi trong kinh này cho thấy bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' (*garudhamma*) đã đang được đặt ra và quy định *ngay từ phút giây đầu tiên của Ni Đoàn* (thậm chí ở đây là ngay từ lúc Kiều-đàm-di còn chưa được thụ giới Tỳ kheo ni). Nếu bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' này đã được đặt ra vào lúc khai sinh của của Ni Đoàn, thì chúng đã có hiệu lực từ đó rồi, và như vậy về sau Đức Phật đâu cần phải đặt ra thêm những điều-luật mới (như đã được ghi trong *Giới Bổn Tỳ Kheo Ni*) với nội dung tương tự như

vậy để ngăn cấm những hành-vi tương tự như vậy? (Đức Phật đâu thể nhầm lẫn và về sau đặt thêm những điều-luật dư thừa như vậy để làm gì?). Nếu cần thì Phật chỉ đơn giản ra những quy-tắc đó đã có sẵn trong bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng'. Như vậy, sự việc rằng Phật đã đặt ra thêm những điều-luật mới (thuộc *Giới Bổn Tỳ Kheo Ni*) là mâu thuẫn với giả thuyết cho rằng bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' đã được quy định ngay từ (trước) lúc ra đời của Ni Đoàn (như trong kinh này đang nói).] (1741)

327 [Chữ cuối là *atimuttaka*, **DOP** nói đây là "tên một loại hoa bụi [có lẽ họ *Ougeinia oojeinensi*]; hoặc tên hoa của nó". Thay vì dùng luôn chữ Pāli hay Latin chưa rõ nghĩa lắm, tôi tạm phỏng dịch là "hoa huệ" [vì những vòng hoa thường được làm từ 03 loại hoa này], (người dịch Việt có đối chiếu thấy thầy Thích Minh Châu dịch là thiên tư hoa hay cự thắng hoa).] (1742)

328 [Cứ cho là lời kinh này đúng thực là nguyên văn Phật đã nói: nhưng, nếu Đức Phật đã muốn cấm hẳn việc xuất gia của phụ nữ thì có lẽ ngay từ đầu Phật đã nói ra sự nguy-hại này cho thầy Ānanda nghe rồi. Và thầy Ānanda đã dẹp bỏ sự cố công thỉnh cầu của mình rồi, và có lẽ những phụ nữ cũng đã không được cho phép xuất gia luôn rồi! (Nhưng theo bài kinh thì Phật đã cho phép trước, rồi sau đó Phật mới nói ra sự tổn-hại đối với thiện Pháp nếu/sau khi những phụ nữ đã xuất gia và gia nhập Tăng Đoàn).] (1743)

329 [Nguyên văn cụm chữ này: *corehi kumbhatthenakehi*. Nghĩa chữ là: "*những tay trộm đã làm việc trộm chậu*". **Mp** thì chú giải là: "Họ làm đèn bằng một cái chậu và nhờ ánh ánh sáng của nó (phát ra từ trong chậu) họ tìm kiếm những đồ vật quý giá trong nhà của người ta."] (1744)

330 [Nguyên văn là: *setaṭṭhikā rogajāti nipatati*. **Mp** giải thích: "Loại bệnh do côn trùng cắn thân lúa và chui vô trong thân. Khi thân lúa bị đục lỗ, nhựa cây bị ứa ra, không chảy lên được để nuôi bông lúa."] (1745)

331 [Nguyên văn là: *mañjiṭṭhikā rogajāti nipatati*. **Mp** giải thích: "Loại bệnh này làm mía bị đỏ bên trong thân."] (1746)

332 [**Mp** [của **Ce**] luận giải (với đại ý) như vầy: "Bằng lời kinh này Đức Phật muốn cho thấy: 'Nếu đường đê không được xây trước để bao bọc hồ trữ nước lớn thì sẽ xảy ra sự cố là nước sẽ chảy thoát đi hết. Nhưng nếu đường đê đã được xây trước, trước khi hồ trữ nước có nước, thì nước trong hồ sẽ không thể chảy thoát đi. Cũng giống như vậy, những bộ '*Tám quy-tắc về sự tôn-*

trọng' này đã được quy định trước, trước khi sự cố có thể xảy ra, với mục đích ngăn ngừa những sự vi-phạm. Nếu những quy-tắc này không được đặt ra và quy định trước, thì sẽ xảy ra sự cố là: "*Do có phụ nữ xuất gia nên thiện Pháp chỉ còn tồn tại 500 năm*. Nhưng bởi vì những quy-tắc này đã được đặt ra và quy định ra trước, cho nên thiện Pháp sẽ tiếp tục 500 năm nữa, và tổng cộng cũng trụ được 1.000 năm như đã nói ban đầu." Và cách nói "1.000 năm" là so chiếu với những A-la-hán là những người có loại *trí-biết mang tính phân tích* (vô ngại giải trí) [*paṭisambhidāpabhedappattakhīṇāsavānaṃ vasen'eva vuttaṃ*]. Theo cách này, trong 1.000 năm nữa sẽ xuất hiện những A-la-hán tu thiền minh-sát khô (= phi thiền-định); trong 1.000 năm nữa sẽ xuất hiện những thánh Bất-lai, trong 1.000 năm nữa xuất hiện những thánh Nhất-lai, trong 1.000 năm nữa xuất hiện những thánh Nhập-lưu. Như vậy *thiện Pháp để thâm-nhập* (*paṭivedhasaddhammo*; pháp chứng ngộ) sẽ tồn tại được 5.000 năm. Và *thiện Pháp* để học (*pariyattidhammo*; pháp học) cũng tồn tại lâu như vậy. Vì nếu không có sự tu-học thì không có sự thâm-nhập (chứng ngộ), chừng nào còn sự tu-học thì còn có sự thâm-nhập." Từ những lời luận giải trên, chúng ta có thể thấy rằng: theo như luận giảng, việc cho phép những phụ nữ xuất gia là không làm tổn thọ thời-gian trường tồn của Giáo Pháp; điều này có được là bởi vì Đức Phật đã đặt ra trước bộ '*Tám quy-tắc về sự tôn-trọng*' (trước khi có Tỳ kheo ni hay Ni Đoàn), cho nên bộ tám quy-tắc này này có công dụng như con đê ngăn chặn không cho xảy ra sự cố nước chảy thoát đi vậy.] (1747)

333 [Kinh này cũng có ghi trong Luận Tạng **Vin II** 258–259. Kinh này cũng theo dạng kinh của kinh **7:83**.] (1749)

334 [Mặc dù **Ce** dùng cách ghi tên ông này là "*Vyagghapajja*", tôi dùng cách ghi tên ông là "*Byagghapajja*" cho nó đồng nhất với cách ghi tên ông trong kinh **4:194**. Đây chính là họ của ông ta, còn *Dīghajāṇu* là tên riêng (có nghĩa là "*Chân cọp dài*").] (1750)

- (Nhân tiện: kinh này nếu bỏ 02 đoạn thêm (a) và (b) thì sẽ giống hệt kinh **8:75** ở bên dưới.)

335 [Chỗ này **Ce** và **Ee** ghi là: *udumbarakhādikaṃ va*; **Be**: *udumbarakhādīvāyaṃ*. Nghĩa muốn nói ở đây là không rõ ràng. **Mp** chú giải là: "Một người muôn ăn trái sung thường đẩy lắc mạnh cây sung làm cho nhiều trái rụng xuống. Người đó ăn một vài trái chín và bỏ đi, để lại một

đống sung rụng (tức lãng phí: để thỏa mãn nhu cầu ít của mình mà phung phá cả đống lớn như vậy); cũng giống như vậy, một người tiêu xài phần lớn những thu nhập của mình là thụ hưởng của cải theo kiểu làm tiêu tan nó, do vậy nên mới nói: 'Người họ tộc này ăn của cải của mình như kiểu một người ăn trái sung.'" Bản tương đương Hán tạng, **SĀ 91** [**T** II 23a22–c17] có ghi chỗ [**T** II 23b17] là: 人皆名為優曇鉢果, 無有種子。愚癡貪欲。不顧其後 (Mọi người gọi ông ta là một trái sung không có hột. Người ngu dốt, là con mồi của dục-vọng (ái), không biết nghĩ cho những người đến sau."] (1751)

336 [**Ce** và **Ee** ghi là: *ajaddhumārikaṃ*; **Be** ghi là: *ajeṭṭhamaraṇaṃ*. **DOP** liên hệ chữ ghép này với chữ Phạn là *jagdhvā* (*sau khi đã ăn*) và định nghĩa chữ *ajaddhumārikā* là: "*sự chết vì đói, sự chết đói*". Coi thêm **PED sv** *jaddhu*, được cho là chỉ xảy ra ở dạng phủ định là *ajaddhu* (*không ăn, kiêng ăn*). **Mp** (của **Ce**) thì giải nghĩa chữ này là = *anāthamaraṇaṃ* (*sự chết không có người bảo hộ*); còn **Mp** (của **Be**) thì giải nghĩa = *anāyakamaraṇaṃ* (*sự chết không có người dẫn đầu*). Dường như **Mp** (của **Ce**) thì giải nghĩa cách ghi được ghi trong **Be**. Bản Hán tạng [chỗ **T** II 23b19–20] có ghi: 傍人皆言是愚癡人如餓死狗 (*những người khác đều sẽ nói rằng người ngu dốt thì giống như một con chó bị đói cho tới chết*).] (1752)

337 ["*Bậc hữu danh hữu thực*" hay "*người đúng thực như tên gọi*" hay "*người xứng danh được gọi*" là tạm dịch từ cụm chữ *akkhātā saccanāmena*. Người "*đúng thực như tên gọi*" chính là Đức Phật, vì cái danh xưng "*Phật*" là xứng với tầm-vóc của một bậc đã giác-ngộ. Coi lại thêm chú thích 1320 trong phần thi kệ của kinh **6:43**.] (1753)

338 [*Thiếu niềm-tin*" hay *mất lòng-tin*: *appasāda*. **Mp** giải thích: "Khi đã nói thiếu hay mất niềm tin (vào một tu sĩ) thì người tại gia không cần phải đứng dậy khỏi chỗ ngồi (để nhường chỗ) hay kính lễ hay đi gặp hay cúng dường cho Tỳ kheo đó nữa."] (1810)

339 [**Mp** đã đề cập tới "*05 chỗ không phù hợp*", có lẽ là muốn nói tới 05 chỗ đến đã được nói trong kinh **5:102** (là chỗ gái bán dâm, đàn bà góa, phụ nữ chưa chồng, hoạn quan, hay những Tỳ kheo ni).] (1811)

340 [**Mp** giải thích: "Đức Thế Tôn không hỏi điều này liên quan tới (loại) thức-ăn cúng dường cho Tăng Đoàn. Vì trong nhà của gia chủ Cấp Cô Độc đã luôn luôn dành những thức-ăn ngon nhất tốt nhất để thường xuyên cúng

dường cho các Tỳ kheo. Nhưng lúc này những thức-ăn đang bố thí cho những người dân thì thô sơ, điều đó làm ông Cấp Cô Độc không hài lòng. Vì vậy Phật đã cố ý hỏi ông như vậy." Cách giải thích của **Mp** nghe có vẻ gượng ép khó hiểu, vì sự diễn tả của Phật trong câu Phật nói gợi ý về thức-ăn để bố thí cho những người xuất gia. Có thể lời đối thoại trong kinh này đã được nói ra vào thời lúc mà tài chánh tiền bạc của gia chủ Cấp Cô Độc đã cạn. Thay vì vậy, với tính chất huyền thoại của bài kinh (như mỗi món quà to lớn 84.000 …) nên nó có phần như một tiểu thuyết hư cấu được chế tác ra vì mục đích giảng dạy (ý nghĩa giáo lý) vậy. Bản kinh tương đương bên Hán tạng, **MĀ 155**, [**T** I 677a12–13], cũng ghi lời đối thoại hầu như giống với bản kinh Pāli này. Trong một kinh song hành khác của Hán tạng, **EĀ 27**.3, [**T** II 644b22], thì có ghi gia chủ Cấp Cô Độc đã nói: "*Gia đình nghèo của con luôn luôn thực hành bố thí, nhưng thức ăn thì thô sơ và chúng con phải lúc nào cũng bố thí* (*loại*) *thức ăn giống vầy*" (貧家恒 行布施。又 飲食麁弊。不與常同).] (1876)

341 [Đây là 05 cách của một người xấu bố thí một món quà, như đã được nói trong kinh **5:147**. Còn kế tiếp bên dưới lời kinh sẽ nói về 05 cách một người tốt bố thí một món quà, cũng được ghi trong kinh **5:147**.] (1877)

342 [Từ chỗ này đánh dấu (1)-(9): có lẽ như 09 loại thứ bố thí là lý do kinh này đã được kết tập trong *Quyển* "*Chín*" này. Vì ngoài ra không còn chỗ nào cho thấy khuôn mẫu 9-điều (9 pháp).] (1878)

343 [*Dây thừng sợi gai*. **Ce** ghi chữ này là *sandassanāni*; **Be** là *sandhanāni*; **Ee** là *santhanāni*. **Mp** giải thích gì chữ này, và **PED** cũng không đưa ra định nghĩa hữu ích nào. Nhưng trong **PED** đọc thấy chữ *sandāna* được định nghĩa là "dây, dây buộc, gông cùm".] (1879)

344 [**Mp** giải nghĩa chữ này là: *kaṃsūpadhāraṇāni* là *rajatamayakhīrapaṭi-cchakāni* (*những đồ chứa bằng bạc để đựng sữa*). Tôi không từng biết chữ *kaṃsa* lại có nghĩa là *bạc*. **DOP sv** *kaṃsa* thì nói rằng cụm chữ *kaṃsūpadhāraṇa* có thể có nghĩa là "*tạo ra được một* (*lượng*) *thùng sữa*, hoặc *với một thùng kim loại đựng sữa*". **Mp** còn nói thêm rằng: sừng của những con bò sữa được bọc bằng bao bằng vàng; người ta cột thêm những vòng hoa lài xung quanh cổ chúng, gắn những mảnh trang trí vào bốn chân, trải một tấm vải đay trên lưng chúng, và cột một chuông bằng vàng trên cổ

chúng. Cách trang trí như vầy vẫn còn được thực hành ở Ấn Độ ngày nay, mặc dù ngày nay họ dùng các thứ bằng chất liệu rẻ tiền hơn.] (1880)

345 [**Mp** nói theo truyền thống thì 1 *koṭi* = 20 cặp vải, nhưng ở đây có nghĩa là 10 y-phục bằng vải.] (1881)

346 [Nguyên văn mấy thứ chỗ này là: *annassa pānassa khajjassa bhojjassa leyyassa peyyassa*. Chữ *leyya*, xuất thân từ chữ *lihati*, có nghĩa là "*liếm*", có thể có nghĩa là thứ gì đó được liếm mút, và có lẽ đó là mấy thứ ăn chơi như mật ong, mật đường, và đường cọ dầu.] (1882)

347 [**Mp** luận giải: "*Nhận-thức về vô-thường* là một sự minh-sát mạnh mẽ đã đạt tới đỉnh cao và đó là điều-kiện kế trước (duyên kế cận) để đạt tới thánh đạo" (*aniccasaññan ti maggassa anantarapaccayabhāvena sikhāpatta-balavavipassanaṃ*).] (1883)

348 [Đoạn tuyên bố này giống ở đoạn cuối của kinh **5:179**, và đoạn đầu kinh **SN 12:41** (Quyển 2), coi lại các chú thích 120, 121 trong kinh đó.] (1897)

349 [Về cụm chữ *bhayaṃ veraṃ pasavati*, **Mp** nói rằng một người lãnh hiểm-họa của sự khiếp-sợ trong tâm (*cittutrāsabhayaṃ*) (điều này ủng hộ cách hiểu chữ *bhaya* là *sự khiếp-sợ chủ quan* hơn là hiểm-họa khách quan; mặc dù vậy tôi vẫn nghĩ nghĩa thứ hai là đúng ý kinh muốn nói hơn) và *sự thù-oán như một người* (*puggalaveraṃ*). **Spk II 73**,17–33, khi chú giải về kinh **SN 12:41** (Quyển 2), đã đưa ra một sự giải thích đầy đủ hơn như vầy: "Về ý nghĩa thì chữ *hiểm-họa* và *sự thù-oán* là một. *Sự thù-oán* có 02 phần, từ bên ngoài (như gián tiếp) và từ bên trong (như trực tiếp). Bởi vì, (i) nếu một người A giết cha của người B, người B nghĩ: 'Nghe nói nó sẽ giết cha tôi; giờ tôi sẽ giết nó.' Vì vậy B cầm dao và rượt giết A. Sự cố-ý (tư, ý hành) đã khởi sinh trong B được gọi là *sự thù-oán từ bên ngoài* [liên quan tới nạn nhân tương lai]. (ii) Nhưng người A nghe 'Hắn đang đến giết ta' và quyết định: 'Vậy ta sẽ canh giết hắn trước.' Đây được gọi là *sự thù-oán từ bên trong* [liên quan trực tiếp tới bản thân người A]. Cả 02 *sự thù-oán* đó đều thuộc về kiếp hiện tại. (iii) Khi người cai địa ngục nhìn thấy kẻ giết người bị tái sinh trong địa ngục, sự cố-ý (tư) sẽ khởi sinh trong ông ta như vầy: 'Ta sẽ dùng một cái búa sắt đang cháy đỏ rực để đập hắn': đây là *sự thù-oán từ bên ngoài* thuộc về kiếp tương lai. (iii) Và lúc đó sự cố-ý (tư) sẽ khởi sinh trong kẻ mới tái sinh đó như vầy: 'Lão cai ngục đang đến đánh ta mặc dù ta không có lỗi gì; vậy ta

phải canh đánh lão trước' là *sự thù-oán từ bên trong* thuộc về kiếp tương lai. *Sự thù-oán từ bên ngoài* thì được gọi là '*sự thù-oán như một người*' theo cách gọi của Luận Giảng [cổ]."] (1898)

350 [*Lokāyatikā brāhmaṇā*: những bà-la-môn luận về vũ trụ. Coi lại kinh **SN 12:48**. Thông thường, chữ *lokāyatikā* được mô tả là những nhà duy vật; tuy nhiên, ở đây, họ chỉ đơn giản là những người suy đoán bói giải về thế giới mà thôi.] (1932)

351 [Sự dịch của tôi chỗ này là không theo phiên bản nào trong 03 phiên bản tôi có sẵn, cả 03 đều có rắc rối về câu chữ chỗ này. Trong **Be** cả 02 đạo sư đều tuyên bố mình biết một thế giới vô hạn bằng sự-biết vô hạn. Pūraṇa Kassapa (Phú-lan-na Ca-diếp) nói: *ahaṃ anantena ñāṇena anantaṃ lokaṃ jānaṃ passaṃ viharāmi*, và Nātaputta (Ni-kiền-tử) [tức là giáo chủ Mahāvīra (Đại Thiên) của đạo Jain] cũng dùng y hệt câu chữ này. Vì điều này là trực tiếp mâu thuẫn với lời tuyên bố [được ghi trong cả 03 phiên bản] rằng 02 đạo sư đã nói ra 02 tuyên bố đối nghịch nhau (*ubhinnaṃ aññamaññaṃ vipaccanīkavādānaṃ*), **Be** chắc hẳn bị lỗi ghi chỗ này. Lỗi này dường như đã có từ cổ xưa, bởi vì một số bản chép tay của Miến Điện và một bản chép tay của Xiêm-la (Thái) [đề cập tới những chú-giải của **Ee**] cũng có ghi câu chữ như vậy.

- Trong **Ce** và **Ee** đạo sư Pūraṇa Kassapa nói: *ahaṃ anantena ñāṇena antavantaṃ lokaṃ jānaṃ passaṃ viharāmi*, và đạo sư Ni-kiền-tử (Nātaputta) nói: *ahaṃ antavantena ñāṇena antavantaṃ lokaṃ jānaṃ passaṃ viharāmi*. Cách ghi này có lẽ bị sai. Thứ nhất, nó có ghi đạo sư Ni-kiền-tử tuyên bố sự-biết hữu hạn, trong khi chúng ta biết giáo chủ Ni-kiền-tử luôn tuyên bố có sự toàn-trí hay sự-biết vô hạn. Thứ hai, mặc dù lời kinh ở đây nói 02 vị đạo sư tuyên bố 02 tầm vóc khác nhau của sự-biết nhưng 02 kết luận của họ về thế giới thì giống nhau. Mâu thuẫn thực sự chỉ xảy ra ở chỗ đạo sư này tuyên bố thế giới là vô hạn và đạo sư kia tuyên bố thế giới là hữu hạn. Tôi thì coi rằng cả 02 họ đều tuyên bố có sự-biết vô hạn (*anantena ñāṇena*) nhưng chỉ khác nhau về về phạm-vi của thế giới mà thôi. Vì những người đạo Jain thực sự cho rằng thế giới vừa hữu hạn vừa vô hạn [coi bên dưới] cho nên tôi giả định rằng bà-la-môn này đã hiểu Ni-kiền-tử coi thế giới là hữu hạn, và do vậy bà-la-môn đã cho rằng đối thủ Pūraṇa Kassapa coi thế giới là vô hạn. Chúng ta có những nguồn khác nói về tư tưởng của đạo sư Pūraṇa nhờ đó hiểu được quan điểm của ông về vũ trụ. Trong các

kinh khác thì điểm mấu chốt trong triết lý của đạo sư Pūraṇa được cho là thuyết "*không-làm-gì*" [như trong kinh **DN 2**, mục 17] hoặc luận thuyết của ông cho rằng "chúng sinh bị ô-nhiễm và được thanh-lọc là không phải do nhân duyên nào cả", hoặc "không có nhân duyên làm ra sự-biết và sự-thấy" [kinh **SN 46:56** (Quyển 5), **SN 22:60** (Quyển 3) và chú thích 92 của nó]. Trong kinh **6:57** thì một hệ thống phân chia *06 giai-cấp* của con người cũng được cho là của ông.

- Quan điểm của Ni-kiền-tử về thế giới có được giảng giải trong luận văn có tên "Nhiều Đề Tài được biên soạn về Lịch Sử Đạo Jain bởi TS K.C. Jain và ban nghiên cứu của ông" [Various topics prepared on Jain History by Dr. K. C. Jain and his team; trên trang www.jainworld.com/literature /jainhistory/chapter4. asp) như vầy: "Đối với những vấn đề này [về thế giới] Đại Thiên (Mahāvīra, Ni-kiền-tử) đã tuyên bố rằng: ['Từ những lập trường khác nhau này nọ, bạn không thể nào đến được sự-thật; từ những lập trường khác nhau này nọ, bạn chắc chắn sẽ bị dẫn dắt [lạc đường]. Thế giới là hữu hạn theo nghĩa khi nói về tầng lớp dưới (dravya, địa tầng) của "thế giới"; nhưng nó không hữu hạn theo nghĩa khi nói về trạng thái luôn-biến-đổi của nó.'] Đối với những vấn đề như vậy, lời dạy của Đại Thiên đối với những đệ tử của ông là chẳng ủng hộ ai trong những người bảo thủ thế giới là hữu hạn và cả những người chủ trương thế giới là không hữu hạn. Có lẽ ông ta cũng đã nói những điều y hệt như kiểu những giả định rằng 'thế giới hiện hữu và thế giới không hiện hữu'; 'thế giới là bất biến đổi'; 'thế giới là một dòng chảy liên tục'; 'thế giới có khởi thủy'; 'thế giới không có khởi thủy'; 'thế giới có sự kết thúc'; 'thế giới không có sự kết thúc' … vân vân [2 câu cuối do TKBĐ ghi chữ nghiêng]. (1933)

352 [**Be** ghi thiếu chữ "*sự chuyển động tối cao*" (*paramāya gatiyā*) mà trong **Ce** và **Ee** có ghi.] (1934)

353 [Nguyên văn cụm chữ này: *daḷhadhammā dhanuggaho sikkhito katahattho katūpāsano*. Ở đây **Mp** đã chú giải những chữ này theo nghĩa hơi khác với chú giải của chính nó trong kinh **4:45** - (Mời coi lại 02 chú thích của **Mp** ở kinh **4:45**). Còn ở đây kinh này, **Mp** chú giải rằng: "*Cung thủ dùng cung cứng chắc* (*daḷhadhammā dhanuggaho*): là một cung thủ cầm một loại cung cứng chắc. Một '*cung cứng chắc*' (*daḷhadhanu*) được gọi là '*sức mạnh của hai-ngàn*' (*dvisahassathāmaṃ*) [*Sức mạnh hai-ngàn* có nghĩa là một khối lượng kim loại, như đồng hay chì… được dùng làm đầu mũi tên…]. *Được*

thao luyện (*sikkhito*) nghĩa là: họ đã ở trong họ tộc của vị cung sư 10-12 năm để học kỹ năng bắn. *Thiện thạo* (*katahattho*) nghĩa là: người đã được thao luyện, đã học kỹ năng bắn chưa chắc đã thiện thạo; họ thiện thạo là khi họ đã đạt tới sự làm chủ (nắm vững, điều khiển) nó. *Đã đầy kinh nghiệm* (*katūpāsano*) nghĩa là: họ đã từng biểu diễn thi đấu bắn cung ở nhiều hội thao, những cuộc thi … của triều đình, quan lại.] (1935)

- (Về loại *cung cứng lớn*: trong kinh **4:45** có chú thích 724 như vầy: [Nguyên chữ là: *daḷhadhammā*. Đuôi chữ *-dhamma* ở đây là tiếng Pali, tương đương như trong chữ Phạn là *dhanvan* (*có một thanh cung*). **Mp** diễn dịch: "*Dùng cung cứng lớn* nghĩa là *có được một thanh cung cỡ lớn nhất*" (*daḷhadhanu uttamappamāṇena dhanunā samannāgato*).] (724).]

[354] [Chỗ này lời kinh cũng tương tự như trong kinh **4:45** nói trên [và kinh **SN 2:26** (Quyển 1).].] (1936)

[355] [Lời kinh ở đây ghi là: *evarūpāya sandhāvanikāya*; **Mp** giải nghĩa cụm chữ này là = *padasā dhāvanena* (chạy bằng chân). Trong khi kinh **4:45** thì ghi *gamanena* (du hành).] (1937)

[356] [Tôi theo **Be** và **Ee** đọc là *mallesu*, khác với **Ce** ghi là *malatesu*. Kinh **SN 42:11** cũng được nói ở Uruvelakappa và ghi luôn đó là một thị trấn của người Malla.] (1942)

[357] [**Mp** giải thích chữ *vimuccati* ở đây có nghĩa là "*được giải thoát khỏi những phẩm chất đối nghịch*" (*paccanīkadhammehi ca vimuccati*). Vì tất cả 03 phiên bản đều ghi chữ *vimuccati*, đúng theo sự ủng hộ của **Mp**, nên tôi dịch đúng theo chữ ghi của chúng, nhưng tôi vẫn nghĩ có lẽ chữ nguyên gốc là chữ *adhimuccati*, nghĩa là: "*quyết tâm vào nó*" hay "*tập trung vào trong đó*" hay "*chú định vào trong nó*". Chúng ta thấy các kinh đã phơi bày chỉ ra về phương diện những tầng chứng đắc thiền định kế tiếp từ thấp lên cao, trong mỗi trường hợp thì vị Bồ-tát (Phật) đều là *vimuccati*/*adhimuccati* trong sự chứng đắc *trước khi* bậc ấy thực sự thành tựu nó. Trong ngữ cảnh như vậy thì nghĩa "*tập trung vào trong nó* hay *chú định vào trong nó*" có nghĩa tốt hơn là nghĩa "*được giải thoát trong nó*".] (1943)

[358] [**Ce** có ghi chữ số nhiều có giống là *passataṃ*, **Be** và **Ee** thì ghi chữ số ít có giống là *passato*. **Mp** [của **Be**] ghi chữ *passato* trong một bổ đề và một chữ số nhiều có phân giống trong chú giải của nó là: '*Etaṃ santan ti passato*

ti etaṃ nekkhammaṃ santaṃ vigatadarathapariḷāhan ti evaṃ passantānaṃ bhikkhūnaṃ. Chữ *passato* cũng được thấy trong phiên bản cổ hơn của Tích Lan cổ (Sinhala). Có thể chữ *passato* đã sao chép từ '*phần chuyển đổi*' bên dưới đó cho nên bị sai. '*Phần chuyển đổi*' bên dưới là phần lời kinh sau đó do Phật nói sau khi họ tới hỏi Phật, trong đó chữ *passato* ở dạng *số ít* là đúng, nhưng nếu sao chép nó đó đưa lên chỗ này thì thành sai. Chỗ này phải dùng ở dạng số nhiều là *passataṃ* thì mới đúng.] (1944)

359 [**Mp** diễn dịch *sự từ-bỏ* (*nekkhamma*) ở đây nghĩa là "*sự xuất gia*" (*pabbajjā*), đúng theo nghĩa chung, để phân biệt chung về người tại gia và người xuất gia. Nhưng, theo nghĩa riêng ở đây, có lẽ lời kinh tự nó đã cho thấy *sự từ-bỏ* ở đây là một *phẩm-chất bên trong* (của người tu), được ngầm hiểu và xác định là sự chứng đắc chắc chắn tầng thiền định thứ nhất. (Bởi vì, sự từ-bỏ những khoái-lạc giác quan và những phẩm-chất bất thiện được nói trong định nghĩa của tầng thiền định thứ nhất).] (1945)

360 [Về cách phân chia các phần của kinh này: tôi làm theo **Ee**, vì cách này cũng đồng nhất với cách phân chia các đoạn trong **Be** và giúp cho thấy sự chuyển đổi các phần trong bài kinh rõ ràng hơn cách phân chia trong **Ce**.] (1946)

361 [Tôi làm theo **Ee** ghi là *aparena samayena* ở đây và trong những phần tiếp theo. **Ce** và **Be** thì bỏ cụm chữ '*Thời gian sau đó*' trong những phần tiếp theo.] (1947)

362 [Ở đây tôi làm theo những phiên bản chép tay đã được nói đến trong chú-giải của phiên bản **Ee**, trong đó ghi là *upekhāsukhasahagatā* (*có kèm theo sự sướng [liên kết với] sự buông-xả*). Cách ghi này phù hợp hơn với sự thuyết giảng so với cách ghi *upe(k)khāsahagatā* được thấy trong tất cả 03 phiên bản.] (1948)

363 [Trong kinh **1:267** cô Kāḷī được Phật tuyên bố là "*đệ nhất trong những nữ đệ tử tại gia có niềm-tin dựa vào những tin tức bên ngoài*" (tức chỉ cần nghe nói về Đức Phật, Giáo Pháp, Tăng Đoàn là đã đạt được niềm-tin). Rõ ràng cô chưa bao giờ gặp Đức Phật nhưng dựa trên sự tin-tưởng vào Phật do suy xét từ những thông tin mà cô đã nghe được từ những người khác nói lại.] (1997)

364 [Chỗ này muốn chỉ kinh **SN 4:25** (Quyển 1). Chữ "*những thiếu nữ*" là chỉ những con gái của Ma-vương (Māra), là những ma nữ đã cố dụ dỗ quyến rũ

Phật ngay sau khi Phật đã giác-ngộ. Câu hỏi ở đây đặc biệt được hỏi bởi ma nữ nhi có tên là Dục-Vọng (Taṇhā, Ái).] (1998)

365 [**Ce** và **Ee** ghi là: *atthābhinibbattesuṃ*. **Be** ghi là: *attho ti abhinibbattesuṃ*. **Mp** giải nghĩa là: "Họ tạo ra nó, nghĩ rằng sự chứng đắc về *kasiṇa* là tối thượng, coi đó là mục tiêu tột cùng."] (1999)

366 [Chỗ này **Ce** và **Ee** ghi là: *ādimaddasa*; **Be** ghi là: *assādamaddasa*. Cách ghi của **Ce** và **Ee** chỗ này là bất bình thường. Thuật ngữ '*03-sự*' theo công thức tiêu chuẩn chúng ta quen thấy là "*sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi*" (*assāda, ādīnava, nissaraṇa*), như đã được ghi trong **Be**. Bản kinh tương đương trong Hán tạng [**SĀ 549** (**T** II 143a2–b17)] là chỗ chúng ta có thể đối chiếu về 02 cách ghi khác nhau này. Mặc dù kinh **SĀ 549** khác đi về một số mặt, nhưng danh sách những sự minh-sát đối với những *kasiṇa* đã được ghi như vầy: "*[Bậc ấy] đã nhìn thấy nguồn-gốc, đã nhìn thấy sự nguy-hại, đã nhìn thấy sự chấm-dứt, đã nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm-dứt*" (見其本．見患．見滅．見滅道跡). Chữ 本 của tiếng Hán là tương ứng với chữ *ādi* [không phải chữ *assāda*] trong tiếng Pāli, do vậy nó ủng hộ cách ghi của **Ce** và **Ee** hơn là **Be**; **Be** có thể đã '*thông thường hóa*' cách ghi của mình (bằng thuật ngữ '*03-sự*' đó). Những cách ghi của luận giảng **Mp** phiên bản **Ce** và **Be** là khác nhau đối với cùng một chữ này.] (2000)

- (Người dịch Việt chưa hiểu vì sao câu hỏi này của cô Kāḷī lại được thầy Đại Ca-chiên-diên trả lời bằng cách nói về những sự chứng đắc *kasiṇa* như vậy.)

367 [*Kajaṅgalikā bhikkhunī*: *Tỳ kheo ni* (*từ xứ*) *Kajaṅgalā*. Rất khó xác định định đây là tên riêng của ni này, hay nghĩa kinh là ni này là người từ vùng *Kajaṅgalikā*. Tuy nhiên, nếu đây là một tên riêng thì lời kinh có lẽ đã ghi thêm chữ *nāma* (tên là) thành *Kajaṅgalikā nāma bhikkhunī*.] (2012)

368 [Để ý: trong các đoạn (1), (2), (3) thì lời kinh có ghi đoạn **[***hoàn toàn tỉnh-ngộ về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,***]** (*sammā nibbindamāno sammā virajjamāno sammā vimuccamāno*), nhưng tới điều (4) thì khúc này lại được đổi thành **{***có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều,***}** (*sammā subhāvitacitto*) và tiếp tục điều (5), (6), (8), và (10) cũng đổi theo như vậy như vậy. Nhưng tới điều (9) thì lời kinh quay lại khúc **[**…**]** giống như điều (1), (2), (3).] (2013)

369 [Kinh này bản gốc Pāli cũng ghi giản lược các điều (5)-(8) y như vầy, (khác với kinh kế trên thì ghi lần lượt đầy đủ các điều, nhưng người dịch Việt ghi giản lược).] (2014)

370 [Coi lại '*06 yếu-tố của* (*làm nên*) *sự thoát-khỏi*' trong kinh **6:13** (và *05 yếu tố* đó trong kinh **5:200** và chú thích 1402).] (2015)

371 [**Mp** giải thích về bối cảnh lịch sử lúc này là: khi *Vua Kosala Đại Đế* [là cha của *Vua Pasenadi* (Ba-tư-nặc) này] gả con gái *Kosala Devi* của mình cho *Vua Bimbisāra* (Tần-bà-sa-la) [là vua của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà)], ông đã ban tặng cho công chúa đó *ngôi làng Kāsi* [nằm giữa 02 vương quốc đó] làm món quà cưới. Những năm sau đó, sau khi vua con Ajātasattu (A-xà-thế) giết cha mình là Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), thì mẫu hậu của ông (tức công chúa *Kosala Devi*) cũng chết do sầu não (vì sự bất hiếu khủng khiếp đó của ông vua con). (i) Lúc đó Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) mới quyết định: "Do Ajātasattu đã bất hiếu giết chết vua cha rồi mẹ của mình như vậy, cho nên *ngôi làng Kāsi* phải thuộc về lại vua cha Kosala Đại Đế của ta." (ii) Còn Ajātasattu thì nghĩ: "Nó đã thuộc về mẹ của ta" (tức nó đã được cho công chúa *Kosala Devi*, là con gái của *Vua Kosala Đại Đế* và là em gái của *vua Pasenadi*; tức *vua Pasenadi* là cậu ruột của vua con *Ajātasattu* mới giết vua cha *Bimbisāra* để lên ngôi). Do vậy là 02 bên, cậu ruột và cháu ruột đánh nhau để giành lấy *ngôi làng Kāsi*. Vua Pasenadi đã 02 lần chiến bại bởi Ajātasattu và phải bỏ trận trốn chạy, nhưng lần thứ ba thì ông thắng trận và bắt được cả vua con Ajātasattu. Cho nên lời kinh đã nói lúc này "*mục-đích của ông đã đạt được*" (*laddhādhippāyo*).] (2027)

372 [Tình huống giống như **MN 89**, mục 6-9. Rồi tiếp tục giống như mục 10-19, chúng ta thấy Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) cũng thể hiện *sự lễ-lạy* giống như vậy đối với Đức Phật và ông nói ra *10 lý-do* mà minh kính lễ Phật với sự tôn-vinh và sự mến-mộ tối thượng như vậy. Tuy nhiên, những chi tiết nhỏ của sự lễ-lạy thì trong kinh **MN 89** ghi có khác ít nhiều so với các câu ở đây.] (2028)

373 [Nguyên văn câu này: *Bahuno janassa ariye ñāye patiṭṭhāpitā yadidaṃ kalyāṇadhammatāya kusaladhammatāya*. **Mp** giải nghĩa chữ "*trong phương pháp thánh thiện*" là "*trong đạo cùng với minh-sát*" (*sahavipassanake magge*). Chỗ này tôi làm theo **PED** coi chữ *patiṭṭhāpitā* là một danh từ tác nhân trong thể số ít.] (2029)

374 [*Tám chi phần* hay *tám chi giới* là = *tám giới-hạnh* (bát quan trai giới) trong dịp bố-tát mà những đệ tử tại gia tuân giữ; về chi tiết *tám giới* này, mời coi lại kinh **8:41**.] (2048)

375 [**Ce** và **Ee** chỉ ghi tới năm mươi *kahāpaṇa*, nhưng trong **Be** thì ghi thêm tới một trăm *kahāpaṇa*. Đồng *kahāpaṇa* là đơn vị tiền tệ của thời Phật đang sống.] (2049)

376 [Nghĩa chữ gốc là: *một trăm lần một trăm năm* (*satampi vassasatāni*).] (2050)

377 [Nghĩa chữ gốc là: *một trăm lần một trăm ngàn năm* (*satampi vassasatasahassāni*).] (2051)

378 [Bởi do sự 'đa nghĩa' của chữ *kamma* [vừa có nghĩa là "*một việc làm, một hành động, một nghiệp*" vừa có nghĩa là "*những hậu quả tiềm năng của hành động hay việc làm đó*", cho nên câu hỏi và trả lời ở đây đang hàm nghĩa nói về những "nghiệp xấu, nghiệp ác". Tương tự như vậy, đoạn bên dưới là hàm nghĩa nói về những "nghiệp tốt, nghiệp thiện".] (2052)

379 [Đây là một kinh song-hành một phần (không hoàn toàn) đối với kinh **6:44**, khuôn mẫu bố cục của kinh là giống hệt, chỉ khác phần nội dung ở sau về *10 loại người* trong kinh này và *06 loại người* trong kinh **6:44**. ►(Những chỗ đánh dấu [a], [b], [c], [d], [e], [f], [g] có các chú thích tương ứng số 1329, 1330, 2331, 1332, 1335, 1336, 1340 trong kinh **6:44**.).] (2091)

380 [Ở đây **Ce** ghi là *pettā pi yo*; Be ghi *pitāmaho*, Ee ghi *pettā piyo*. **PED** giải thích chữ *pitāmahā* (dưới *pitar*) là "ông nội" dường như là không đúng ở đây. **PED**, dưới chữ *pettāpiya* (tiếng Phạn *pitṛvya*) thì cho nghĩa là "em của cha, là chú", nghĩa này ủng hộ **Ce** và **Ee** nếu những khoảng cách được bỏ đi. Coi thêm chú thích ở kinh **6:44** như kế trên.] (2092)

381 [Tôi nghĩ **Ce** đã ghi nhầm tiếp vĩ ngữ *–ñāṇo* ở đây thay vì đúng là *–ñāṇe*, chữ này cũng được ghi trong chỗ lặp lại lời tuyên thuyết cho đến cuối kinh. Trong kinh **6:44** thì **Ce** đã ghi đúng là *–ñāṇe* ở cả hai chỗ.] (2093)

382 [Nguyên văn câu này: *Dussīlyaṃ aparisesaṃ nirujjhati*. **Mp** chú giải nghĩa là: "Ở đây, *05 loại sự thất-đức* được trừ bỏ bởi thánh đạo Nhập-lưu; *10 [đường nghiệp bất thiện]* được trừ bỏ bởi thánh đạo A-la-hán. Chúng được

nói là đã được trừ bỏ ngay khoảng-khắc (sát-na) của thánh quả. Với chữ *nirujjhati* lời kinh đề cập đến khoảng-khắc của thánh quả. Một phàm nhân (phàm tăng) phá vỡ giới-hạnh theo 05 cách: (i) bằng cách phạm tội nặng nhất (*pārājika*, ba-la-di), (ii) bằng cách bỏ tu, (iii) bằng cách chuyển qua đạo giáo khác, (iv) bằng cách chứng A-la-hán, và (v) bằng cách chết. *03 cách đầu* là *sự sa-sút* trong sự tu tập, *cách thứ 4* là *sự tu tiến* của nó, và *cách thứ 5* thì không sa sút hay tu tiến gì cả. Nhưng theo cách nào là giới-hạnh bị phá bỏ bởi sự đạt tới thánh quả A-la-hán? Bởi vì một phàm nhân có thể có giới-hạnh '*cực kỳ thiện lành*', nhưng thánh đạo A-la-hán là dẫn tới *sự tiêu diệt mọi nghiệp thiện và nghiệp ác*, cho nên nó bị phá bỏ theo cách như vậy." Nên chỉ ra rằng, cách chú giải như vầy là theo quan-điểm của *Vi Diệu Pháp* (Abhidhamma), theo đó những hành-động của một A-la-hán, vốn chỉ là những sinh hoạt (*kiriya*) không mang nghiệp quả, thì không được xếp là thiện hay bất thiện. Tuy nhiên, theo ngôn ngữ của các kinh thì chúng được mô tả là '*cực kỳ thiện lành*' hay '*cực thiện*'.] (2094)

383 [Kinh này toàn bộ phần **[I.]** và phần **[II.]** là kinh song hành tương tự với phần **(II)** và **(III)** của kinh **SN 42:12** (Quyển 4), [chỉ hơi khác một chút về bố cục sắp xếp] (như thứ tự '*căn cứ để khen*' và '*căn cứ để chê*', nhưng người dịch Việt đã làm thứ tự đó trong kinh **AN** này giống thứ tự trong kinh **SN** đó cho người đọc dễ đọc đối chiếu 02 kinh).] (2120)

384 [10 loại người dưới đây được tính theo dựa trên 03 trường hợp là: (i) (x) tìm kiếm của cải theo cách bất chính, (y) theo cả cách bất chính và chân chính, hay (z) theo cách chân chính; và trên mỗi trường hợp đó sẽ kết hợp với: (ii) có làm cho mình hạnh phúc và vui lòng hay không, và (iii) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức hay không. Tích hợp tất cả sẽ có 09 loại người. Rồi loại người thứ 9 lại được suy xét thành 02 loại là loại (9): còn bị trói buộc với của-cải và loại (10): không bị trói buộc bởi của-cải.] (2121)

►(Nhân tiện: trong phần **[II. Đánh Giá]** đến cuối kinh: các chi mục (a), (b), (c), (d) do người dịch Việt đặt ra và ghi giãn lược để người đọc dễ nhìn và khỏi lặp lại nhiều lần nguyên văn những '*căn cứ*', nhưng vẫn giữ đúng nguyên ý nghĩa của lời kinh gốc.)

385 [Kinh này chính là một kinh song hành được mở rộng của kinh **9:27**, tức gồm phần (I) và (II) giống hệt kinh **9:27**, và cộng thêm phần (III) chính là phần (III) của kinh **SN 12:41** (Quyển 2). Nghĩa là, kinh **SN 12:41** là bản song

hành đầy đủ của kinh này. (Chỗ [a] và [b] mời coi lại các chú thích 1897, 1898 trong kinh **9:29**; [c] và [d] thì coi các chú thích 120 và 121 trong kinh **SN 12:41**] (2122)

386 **[Mp** giải nghĩa: '*Phương pháp thánh thiện*' (*ariya ñāya*) *chính là* (*thánh*) *đạo cùng với sự minh-sát* (*tuệ quán*). (Chỗ [e] này mời coi thêm chú thích 122 trong kinh song hành **SN 12:41**).] (2123)

387 [Kinh này được kết tập vào Quyển "*Mười*" này có lẽ là do *10* '*sự-thấy* (*quan điểm, cách nhìn*) *do suy đoán*' này.] (2124)

388 [Nguyên văn cả câu này: *Evaṃ kho te, gahapati, moghapurisā kālena kālaṃ sahadhammena suniggahitaṃ niggahetabbā*. **Mp** giải nghĩa cụm chữ *sahadhammena* là "*có một nguyên do, có một lý do, có một điều* (*khẳng định*)" (*sahetukena kāraṇena vacanena*).] (2125)

389 [Nguyên văn cả câu này: *Vibhajjavādī bhagavā, na so bhagavā ettha ekaṃsavādī.* Cách diễn đạt dùng chữ *vibhajjavādī*, được dùng để tả Phật, đôi lúc bị hiểu là Phật luôn phân tách những thành phần của mọi vấn đề. Nhưng cách dùng chữ này ở đây [cũng như những chỗ khác trong các bộ kinh *Nikāya*] cho thấy nó có nghĩa là Phật thường chỉ ra sự khác-biệt cần có để tránh cái sự 'quơ đũa cả nắm'. Coi thêm cách mà chữ này đã được dùng trong kinh **MN 99**, mục 4,10–18.] (2126)

390 [Phần thi kệ này cũng được ghi trong tập kinh "Pháp Cú", **Dhp 86–89**.] (2156)

391 [Nguyên văn câu này: *Te loke parinibbutā*. Câu này cũng có thể dịch nghĩa là: "*Họ đã đạt tới niết-bàn trong thế gian*" (theo nghĩa gốc của động từ *đã niết-bàn* (*nibbutā*) là *đã tắt ngấm* hay *đã dập tắt dục-vọng*).] (2157)

392 [**PED** giải thích chữ *paccorohaṇī* có nghĩa "*lễ đi xuống lại*" (?), *là sự tiếp cận hay đi xuống, bước xuống, đặc biệt, chỗ lửa thiêng*". **SED sv** *pratyavarohaṇa* (Phạn) nói đó là: "*Một lễ hội Gṛhya [gia chủ] trong tháng Mārgaśirṣa*" [khoảng tháng 11-12].] (2158)

393 [Nguyên văn hai câu đảnh lễ này: *Paccorohāma bhavantaṃ, paccorohāma bhavantaṃ*. Từ câu đảnh lễ này rõ ràng thấy lễ hội tên *paccorohaṇī* là bắt nguồn từ tên của nó. **SED** giải thích động từ

pratyavarohati có nghĩa: "*đi xuống, bước xuống [từ chỗ ngồi, từ xe ngựa…] để tôn vinh* …" Rõ ràng những bà-la-môn đang đi xuống để tôn vinh thần lửa Agni, đại diện cho nguồn năng lượng bao trùm của vũ trụ.] (2159)

394 [Kinh **10:167** này là kinh song hành tương ứng của kinh **10:119**; và kinh kế sau **10:168** là kinh song hành tương ứng của kinh **10:120**.

- (02 kinh trước (**10:119** và **10:120**) là nói về *10 phần tà-đạo*; 02 kinh sau (**10:167** và **10:168**) là nói về *10 điều* (*nghiệp*) *bất thiện*).] (2162)

- (02 đoạn được người dịch đánh dấu trong ngoặc **{**…**}** trong 02 kinh **10:119** và **10:138** là giống hệt nhau).

395 [Kinh **10:169** này là kinh song hành tương ứng của kinh **10:117**; kinh kế sau **10:170** là kinh song hành tương ứng của kinh **10:118**.

- (02 kinh trước (**10:117** và **10:118**) là nói về *10 phần tà-đạo*; 02 kinh sau (**10:169** và **10:170**) là nói về *10 điều* (*nghiệp*) *bất thiện*).] (2163)

396 [Đây chính là Cunda đã cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Đức Phật. Coi thêm kinh dài **DN 16**, mục 4.17–19.] (2165)

397 [Nguyên văn chữ này: *soceyyāni*. Nghĩa của nó không được rõ ràng ngay và **Mp** không giải nghĩa chữ này. Chữ *soceyya* thong thường có nghĩa là "*sự trong sạch, sự thanh lọc*" (sự tinh khiết, sự thanh tẩy, sự thanh tịnh), nhưng từ ngữ cảnh nàu của bài kinh, dường như điều này đề cập tới một loại lễ nghi, lễ cúng.] (2166)

398 [04 loại phụ nữ sau là: (ii) những phụ nữ được bảo vệ bởi những người đồng đạo trong đạo của họ, (iii) những phụ nữ đã có chồng hoặc đã được (cha mẹ) hứa gả cho người khác từ lúc mới sinh ra hay lúc còn nhỏ, (iv) những phụ nữ mà ai quan hệ tính dục với họ sẽ dẫn tới bị kết án hình sự (theo tục lệ hay pháp luật), và (v) một cô gái đã được quen biết hay gần như đã hứa hôn với một người nam (như kiểu: đã có 'bạn trai' hay 'hôn thê').] (2167)

399 [Cả 03 phiên bản đều ghi chữ này là *bajjhantu* (*để họ bị trói*). **Mp** không đưa ra chú giải nào, nhưng kinh **MN 41**, mục 10 chúng ta thấy ghi chữ *vajjhantu*, được giải nghĩa bởi **Ps II 332**,16 là *vadhaṃ pāpuṇantu* (*để họ bị tàn sát*) và bởi **Ps-pṭ II 230** (ấn bản VRI) là *maraṇaṃ pāpuṇantu* (*để họ*

chết). Vì vậy tôi chọn nghĩa theo chữ *vajjhantu* coi đây là cách ghi đúng ở đây.] (2168)

400 [Nghi lễ này được gọi trong tiếng Pāli là: *saddhāni*; tiếng Phạn: *śrāddhāni*. **SED sv** khi giảng về chữ *śrāddha* nói rằng: "Đây là một nghi lễ để tôn vinh và làm ích lợi cho những người thân đã chết, được tuân thủ một cách nghiêm ngặt tại những thời điểm chu kỳ ấn định khác nhau (giông giống phong tục cúng kính ở Việt Nam như cúng cơm, cúng bữa, cúng theo ngày, cúng ba ngày (mở cửa mả), cúng bảy ngày (thất)… vậy), và đây là dịp để những người còn sống xum họp vui vầy cũng như để họ thương khóc người đã mất. [Vào những dịp lễ cúng này, mỗi ngày họ đều dâng cúng nước uống và ngày cúng chính thì có dâng cúng những *piṇḍa* (cơm vo tròn) và bữa ăn (mâm cỗ) cho ba thế hệ ông bà phía nội và ba thế hệ ông bà phía ngoại [cha, ông nội, ông cố]. Nên nhớ rằng lễ cúng *śrāddha không phải lễ cúng đám tang, mà là các lễ cúng cơm nước bổ sung sau đó*; đây là một hành động tôn kính mà những người thân thuộc con cháu thực hiện đối với một người chết, và được cho là cung cấp cho người chết 'những dưỡng-chất' sau khi những nghi lễ đám tang trước đó để giúp cho họ có được thân thể thanh khiết nhẹ tinh; thật vậy, sau khi những nghi lễ đám tang (*anteyeṣṭi*) đã thực hiện xong, và cho đến kế tiếp là lễ cúng (*śrāddha*) đầu tiên thì người chết mới trở thành một hồn ma bất an lang thang (*preta*) và không có thân thực … ; chỉ sau khi lễ cúng (*śrāddha*) đầu tiên đã diễn ra xong thì người đó mới đạt được trạng thái như những *Pitṛ* (Những Vị Cha Thiên Thánh) trong một cõi phúc lành được gọi là *Cõi Pitṛ* (*Pitṛ-loka*), và lễ cúng *śrāddha* được mong muốn nhất và hiệu quả nhất là khi nó được thực hiện bởi một người con trai của người mất.] (2169)

401 [10 đường nghiệp bất thiện này, và 10 đường nghiệp thiện ở phần sau, chắc là lý do kinh này được kết tập trong *Quyển* "*Mười*" .] (2170)

402 [Chữ *anuppannā* ghi trong **Ce** nên được sửa lại thành *upapannā* như cách ghi trong **Be** và **Ee**, và rõ ràng cần phải được sửa lại cho đúng với ngữ cảnh lời kinh ở đây.] (2171)

403 [Nguyên văn câu này: *Aṭṭhānepi bhavaṃ gotamo parikappaṃ vadati*. **Mp** giải thích: "[Bằng câu này] ý bà-la-môn muốn hỏi: 'Trường hợp là dịp sai [để chia sẻ công đức bố thí] mà Thầy Cồ-đàm cũng tuyên bố có phước quả của việc cúng thí cho người thân đó?' Ở đây vì bà-la-môn nắm giữ niềm tin rằng

người cúng sẽ không có được phước quả gì nếu sự cúng đồ được cúng vào những dịp sai như vậy. Nhưng đức Thế Tôn, sau khi đã biết được ý ông ta hỏi nên đã chỉ ra rằng: 'Người cúng sẽ có được (hưởng) phước-quả của việc cúng-thí đó' ở bất cứ nơi nào mà người cúng (sau này) tái sinh vào đó, ở bất cứ chỗ nào người cúng (sau khi chết) sẽ sống còn nhờ những phước của chính mình.'".] (2172)

404 [Kinh này có một phần song hành với kinh **6:10**: các đoạn (1)-(6) ở đó là giống (6)-(11) trong kinh này. Mời coi lại các chú thích từ 1256-1260 trong kinh **6:10**).] (2214)

- (Nhân tiện ở bên dưới: Những đoạn lời mẫu người dịch Việt đánh dấu trong ngoặc **{**…**}** là giống nhau; kinh gốc ghi đầy đủ trong các đoạn (6)-(11) như vậy chứ không ghi tóm lược từ sau đoạn dẫn đầu … như thường thấy trong các kinh khác; (trong kinh song hành **6:10** cũng ghi đầy đủ như vậy). Người dịch nghĩ đó là dụng ý của những thánh tăng kết tập, vì sự tưởng-niệm nào cũng quan trọng và để khi có ai muốn giảng giải về một sự tưởng-niệm nào thì ở đó có sẵn nguyên văn đầy đủ để giảng giải.

- Nhưng trong kinh **11:12** kế tiếp thì các đoạn từ (7)-(10) chỉ ghi giản lược bằng tên của các *chủ-đề tưởng niệm*, do từ đầu nó cũng đã ghi giản lược từ kinh đầy đủ trước nó).

405 [Người dịch giữ cách dịch sát từ ngữ kinh gốc như vầy. Câu này Tỳ kheo Bồ-Đề đã dịch thoáng là: "*Với tất cả mọi sự dính líu, chúng con nên an trú theo cách nào?*", và thầy đã chú thích như vầy: [Tôi dịch chỗ này hơi tự do để cho phù hợp với ngôn ngữ dịch (tiếng Anh). Nếu dịch sát từ ngữ thì có thể đọc là: "*Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau mà chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?*"] (2215)

406 [Nhà sư Brahmāli đã viết: "Điều này đáng để lưu ý, rằng một đệ tử tại gia cũng nói về sự "*an cư mùa Mưa*" (03 tháng kiết hạ). Có lẽ đây là những hiện tượng hay phong tục phổ biến ở vùng bắc Ấn Độ, chứ không riêng những sa-môn (*samaṇa*). Có lẽ là do mùa mưa thì quá khó khăn để đi lại."] (2216)

407 [**Mp** nhận định chữ '*người được giải-thoát phi thời gian* (*vĩnh viễn*)' (*asamaya-vimutto*) là A-la-hán. Liên quan với cách diễn tả ở kinh **6:55**, đoạn (1), câu "*không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm hay [cần phải] làm thêm những gì đã làm xong*" (*karaṇīyaṃ attano na samanupassati*

katassa vā paticayaṃ), **Mp** đã giải nghĩa chữ *paṭicayaṃ* là "*sự tiến-thêm bằng cách làm thêm* (*điều đã làm xong*) (*punappunaṃ karaṇena vaḍḍhiṃ*). (Coi lại chú thích chú thích này ở kinh **6:55**, đoạn (1).] (2217)

[408] [Cả 02 phiên bản **Ce** và **Be** đều không dùng chữ *ti* để đánh dấu đến chỗ này là hết phần trích dẫn trực tiếp, và do vậy theo cách ghi của chúng thì khó nhìn thấy đoạn nội dung của chủ-đề thiền (tưởng niệm) này kết thúc chính xác ngay chỗ nào. **Ee** thì có đưa vào chữ *ti* chỗ này, để đánh dấu phần nội dung tưởng-niệm kết thúc ngay đây, bao gồm cả câu ví dụ và câu lặp lại.

- *Những thiên thần sống còn nhờ thức-ăn* là thuộc về cõi dục-giới. *Những thiên thần đã được tái sinh trong một thân làm-bằng-tâm* thì thuộc về cõi sắc-giới. Không rõ tại sao lời kinh lại nói: "(*những thiên thần đó*) *không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm hay [cần phải] làm thêm những gì đã làm xong*" (*tā karaṇīyaṃ attano na samanupassanti katassa vā paticayaṃ*). Vì đặc ngữ này thường chỉ dành để mô tả bậc A-la-hán. Tôi chỉ có thể đoán rằng lời kinh đang hàm chỉ đó là những thiên thần đã chứng thành A-la-hán.] (2218)

[409] [Tôi đọc chỗ này theo **Be** và **Ee** là *aggi mutto*, khác với **Ce** ghi là *aggimukko*.] (2219)

[410] [Kinh này giống hệt kinh **MN 52**. (Người dịch ghi hệt theo bản dịch kinh **MN 52** cho đồng nhất nhau).] (2224)

[411] [Gia chủ này được mô tả là *gahapati Aṭṭhakanāgara*, trong đó đuôi chữ – *nāgara* có nghĩa là "*một công dân của thành phố* [*nào đó*]". Bản thân chữ *nagara* có nghĩa là thành phố. Điều này giống hệt cách người ta gọi người từ thành phố Sài Gòn là 'người Sài Gòn', hay người ở thành phố Paris là 'người Paris' vậy.] (2225)

[412] [Nguyên văn câu này: *Ten'eva dhammarāgena dhammanandiyā*. Câu này cũng có trong kinh **9:36**, đoạn (1), (iii) và có chú thích ngay chỗ đó. (Mời coi lại chỗ đó và chú thích đó). Còn trong kinh này **Mp** có giải thích như vầy: "Chỗ này muốn chỉ 02 sự tham-muốn và tham-dục đối với sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ), (tức thiền định và thiền quán). Vì, nếu người tu có khả năng quét sạch mọi tham-muốn và tham-dục đối với thiền định và thiền tuệ, thì người đó trở thành A-la-hán. Nếu người đó không thể làm được vậy, người đó trở thành bậc Bất-lai. Bởi vì người tu chưa dẹp sạch tham-

muốn và tham-dục đối với thiền định và thiền tuệ, thì thông qua sự cố-ý (hành, ý hành?) của tầng thiền định thứ tư người đó được tái sinh trong những cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên). Đây là sự giảng giải tổng quát của những vị thầy.”] (2226)

413 [Lưu ý: *Phi tưởng phi phi tưởng xứ* [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức] đã không được nói đến ở đây bởi vì nó được cho là *quá vi-tế*, bởi vì những yếu-tố cấu thành của nó nên được dùng làm những đối-tượng để thiền quán (minh sát).] (2227)

414 [Như trong bài kinh: *mười một cửa vào dẫn tới sự bất-tử* chính là 04 tầng thiền định sắc-giới, 04 trạng thái tâm vô-lượng, và 03 tầng chứng đắc vô-sắc giới. Chúng là những cơ-sở để tu tập minh-sát và chứng ngộ thánh quả A-la-hán.] (2228)

415 [Đây được cho là 500 đồng tiền *kahāpaṇa* vào thời Đức Phật.] (2229)

++++